L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. – SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

KHẢO VỀ CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP(1)

III

CÁCH TỔ-CHỨC QUYỀN TƯ-PHÁP

1

Nói chung về các bậc tài-phán

Ta đã xét cách tổ-chức Quốc-gia Pháp thế nào, đã biết rằng quyền lập-pháp thời làm ra luật-pháp, quyền hành-chánh thời thi-hành những luật-pháp ấy; ta lại từng xét những cơ-quan hành-chánh xếp-đặt ra làm sao, và đã biết rằng những « tòa-án cai-trị » (*tribunaux administratifs*) là nơi để cho người ta tố-cáo những việc của quan hành-chánh, cùng để quyết-xử những sự phân-tranh của Nhà-nước với người riêng.

Nay ta phải xét đến cách xếp-đặt các « tòa-án tư-pháp » (*tribunaux judiciaires*) là nơi để xét-xử những việc phân-tranh của người riêng với nhau, cùng những sự can-phạm đến luật-pháp của Nhà-nước và cần phải khép vào hình-phạt.

Thế gọi là quyền tư-pháp hay là quyền tài-phán. Đại-khái quyền tài-phán chia ra mấy bậc như sau này :

1o — Dân-sự tài-phán (*juridiction civile*), có các hạng tòa-án như sau :

a) Tòa-án trị-an (*justices de paix*) ;

b) Tòa-án đệ-nhất-thẩm về dân-sự (*tribunaux civils de 1re instance*) ;

c) Tòa-án phúc-thẩm (*cours d'appel*);

2o — Thương-sự tài-phán (*juridiction commerciale*), để xét những sự phân-tranh của các nhà buôn với nhau thuộc về việc buôn-bán.

Bậc này thời có những tòa-án thương-mại (*tribunaux de commerce*). Hạt nào không có tòa-án thương-mại thời tòa-án đệ-nhất-thẩm đặt phiên riêng xét về việc thương-mại cũng được. Kháng-cáo những án của tòa-án thương-mại thời cũng do tòa phúc-thẩm xét như các án về dân-sự khác.

3o — Công-sự tài-phán (*juridiction des prud'hommes*), để xét những sự phân-tranh của chủ với thợ, hay là các hạng làm công cho các nhà buôn-bán hay là các nhà công-nghệ.

Bậc này thời có những hội riêng gọi là « công-sự thẩm-phán-hội » (*conseils de prud'hommes*) làm tòa-án. Muốn kháng-cáo những lời quyết-nghị của

(1) Xem *Nam-Phong*, số 31 và 32.

các hội ấy thời phải đệ ra tòa-án đệ-nhất-thẩm.

4° — Hình-sự tài-phán (*juridiction pénale*), có các hạng tòa-án như sau :

a) Tòa-án vi-cảnh (*tribunaux de simple police*), tức là các tòa án trị-an những khi xử phạt về các việc vi-cảnh (*contraventions*).

b) Tòa-án trừng-trị (*tribunaux correctionnels*), tức là các tòa-án đệ-nhất-thẩm những khi đặt phiên riêng để xử phạt các khinh-tội (*délits*) [1] ; tòa trừng-trị lại được xử những đơn kháng-cáo về án cửa các tòa vi-cảnh.

c) Tòa-án phúc-thẩm, chia riêng ra hai ban, một ban phúc-thẩm các án trừng-trị (*chambre des appels correctionnels*), một ban tố-cáo các trọng-tội để chuyển-đệ lên tòa đại-hình (*chambre des mises en accusation*).

d) Tòa-án đại-hình (*cours d'assises*), cùng với bộ bồi-thẩm (*jury*) xét-xử về các trọng-tội, cùng những việc riêng trong luật đã cho quyền xử (như những việc về các nhà báo và về quyền xuất-bản).

5° — Cao-đẳng tài-phán (*juridiction supérieure*), là bậc cao hơn cả các bậc trên, tức là Tòa Thượng-thẩm (*Cour de Cassation*) chung cho cả nước, để trông-nom giữ-gìn cho các tòa dưới phải theo luật-pháp cho đúng và có quyền được phá những án xử trái luật-pháp. — Phải nhận rằng Tòa Thượng-thẩm không có xét về cốt việc, chỉ xét xem trong khi các tòa dưới xử việc ấy có theo đúng luật-pháp hay không, nếu xử trái luật thời phá án cũ đi mà lại chuyển việc ấy sang một tòa án đồng-đẳng khác để thẩm-phán lại.

Đó là nói đại-cương về sự tổ-chức quyền tư-pháp ở nước Pháp ; nay ta xét riêng về từng bậc cho biết mỗi tòa-án xếp-đặt làm sao và hành-động thế nào.

II

Dân-sự tài-phán

1 — Các tòa-án trị-an

(*Luật ngày 12 tháng 7 năm 1905*)

1 — Cách tổ-chức. — Tòa-án trị-an (*justice de paix*) là một sở tài-phán về dân-sự để xét những việc nhỏ mọn, hoặc vì số tiền vô-kỷ, hoặc vì tính-cách tầm-thường.

Tòa này là một tòa-án đặc-biệt, nghĩa rằng chỉ được xét những việc trong luật đã định sẵn mà thôi ; chớ tòa-án phổ-thông việc gì xét cũng được là tòa-án đệ-nhất-thẩm về dân-sự.

Mỗi tổng có một tòa-án trị-an ; song trong những tỉnh có nhiều tổng, thời do sắc-lệnh quan Giám-quốc có thể gồm mấy tòa-án trị-an mà chỉ đặt một ông quan-án cũng được (điều thứ 41, luật ngày 25 tháng 2 năm 1901). Như ở Paris chia ra làm 20 khu, thời mỗi khu (*arrondissement*) mới có một tòa-án trị-an.

2 — Quan-án sơ-cấp. — Tòa-án trị-an chỉ có một quan án, tức là quan án sơ-cấp (hay là quan án trị-an = *juge de paix*). Chức tuy nhỏ mà phải cần có tư-cách hoàn-toàn lắm mới là xứng-đáng, không phải là phải thông pháp-luật cho nhiều (vì những việc thuộc về quan án sơ-cấp xét không phải là những việc khó về pháp-luật), nhưng phải có tài khôn-khéo và có bụng công-bằng lắm mới được, vì chỉ có một mình xét-xử, nhất-nhất phải tự mình phán-đoán cả, không tham-bác ý-kiến của ai được. Cho nên luật năm 1905, chỉnh-đốn lại các tòa-án trị-an, bắt quan án phải có những tư-cách như

(1) Dưới này sẽ phân-biệt thế nào là vi-cảnh (*contraventions*), khinh-tội (*délits*) và trọng (*crimes*).

sau này : phải ít ra là 27 tuổi, và phải đã làm việc quan trong ít lâu, hoặc đã tập-sự về việc án ít hay lâu tùy theo bằng-cấp cao hay thấp.

Quan án sơ-cấp do sắc-lệnh quan Giám-quốc bổ-nhiệm. Khi cách-chức hay giáng-trật phải có một hội-đồng xét, do Bộ Tư-pháp (*ministère de la Justice*) cử, chọn những quan tòa Thượng-thẩm và những sảnh-trưởng ở Bộ (*directeurs du ministère*) sung vào.

3 — *Trợ-thẩm* (suppléants). — Gần mỗi quan án sơ-cấp lại đặt hai chức trợ-thẩm để thay quan án trong khi có việc ngăn-trở. Ở Paris có khi đặt ba chức trợ-thẩm. Chức trợ-thẩm phải trọn hai mươi-lăm tuổi, cách bổ-nhiệm cách-chức cũng như các quan án sơ-cấp.

4 — *Chức-quyền của quan án sơ-cấp hay là trị-an.* — Chức-quyền của quan án sơ-cấp hay là trị-án chia ra ba hạng như sau này :

Quyền thẩm-giám (*attributions gracieuses*) ;

Quyền hòa-giải (*attributions conciliatoires*) ;

Quyền quyệt-tụng (*attributions contentieuses*).

a) Quyền thẩm-giám là thuộc về những việc không có sự phân-tranh gì, như chứng-nhận những lời biên-bản của bọn lính-tuần, bọn coi thuế đò thuế chợ, v. v.

Quan án sơ-cấp phải kiểm-phê các sổ-sách (như sổ đồng-ấu, sổ can-phạm về việc thương-chánh, v. v.) ; — phải coi việc biên-ký các sổ sinh-tử-giá-thú, sổ đồng-ấu, v. v. ; — phải khám xét những nhà chứa người điên ; — phải nhận lời tuyên-thệ (*serment*) của mấy hạng chức-dịch như lính-tuần, như chức-dịch coi việc thuế chợ, v. v. ; — phải hội-họp và làm tọa-chủ các gia-tộc hội-nghị (*conseils de famille*), lập những giấy căn-cước, nhận những giấy lập con nuôi, giấy độc-lập (*actes d'émancipation*), giấy khai quốc-tịch (*déclaration de nationalité*) ; — phải niêm-phong (*apposition des scellés*) những nhà cửa đồ vật của người chết để giữ quyền-lợi cho người kế-thừa vắng mặt.

b) Quyền hòa-giải thời như sau. Trước khi đem một việc gì lên kiện ở tòa án đệ-nhất-thẩm — trừ khi nào việc không thể điều-đình được, hoặc cần phải xét-xử ngay thời không kể — hai bên nguyên-bị phải lên quan án sơ-cấp trước đã, để quan án thử hòa-giải xem có được không ; thế gọi là cái « dự-án hòa-giải » (*préliminaire de conciliation*). Bên nào không chịu ra để hòa-giải như thế thời phải phạt bạc.

Lại trước khi đem lên kiện nhau ở quan án sơ-cấp, cũng phải lên để quan thử hòa-giải đã, trừ khi nào việc cần-cấp quan cho phép làm đơn cáo không cần phải hòa-giải trước, hoặc khi nào bên bị là người tổng khác hay là tỉnh khác thời không kể. Bên nguyên đến nói với viên lục-sự tòa án sơ-cấp, viên lục-sự làm một cái phiếu thông-tri (*billet d'avertissement*) cho bên bị, đòi phải đến tòa án. Đình-nhật quan tòa thử hòa-giải hai bên, nếu hai bên không thuận thời quan mới cho phép cáo đòi (*permis de citer*), không có phép ấy thời viên « mõ tòa » (*huissier*) không được quyền phát giấy đòi (*citation*).

Sau hết, luật ngày 27 tháng 12 năm 1892 ủy cho quan án sơ-cấp được quyền « trung-tài » (*arbitrage*) những việc thợ bãi-công (*grèves*).

c) Thuộc về quyền quyệt-tụng thời là những khi quan án phải kết án quyết-xử một sự phân-tranh gì. Chức-quyền ấy luật ngày 12 tháng 7 năm 1905 đã mở rộng ra. Đại-để thời trừ mấy việc riêng, còn phàm việc gì giá-ngạch không ngoài 300 quan tiền tây, quan án sơ-

cấp được toàn-quyền xét-xử. Trong giới-hạn ấy thời người đương-sự không được kháng-cáo, tòa Thượng-thẩm không được kiểm-duyệt, dù khi không xử đúng pháp-luật cũng vậy. Bởi thế nên quan án sơ-cấp có quyền tự-do phán-đoán, cứ lấy lẽ công-bằng mà xét-xử được. Ngoài 300 quan, cho đến 600 quan hay hơn nữa, hay là cho đến giới-hạn quyền-chức của tòa-án đệ-nhất-thẩm, thời án của quan sơ-cấp đã kết có thể đem lên tòa-án đệ-nhất-thẩm kháng-cáo được.

Có một hạng việc quan-trọng, quan án sơ-cấp cũng có quyền xét-xử, là những việc phân-tranh về quyền chiếm-hữu (*actions possesoires*), nghĩa là một người đã có quyền chiếm-hữu một vật gì ít ra đã được một năm mà trong hạn năm ấy có ai cản-trở cái quyền ấy, thời quan sơ-cấp được phép xét-xử. Nhưng đó là thuộc về quyền « chiếm-hữu » mà thôi, còn thuộc về quyền « sở-hữu » (*propriété*) thời phải do tòa đệ-nhất-thẩm xét.

Quan án sơ-cấp lại có quyền xét những việc như sau này nữa : việc trừ nợ (*saissies-arrêts*) vào tiền công thợ và lương những chức-dịch nhỏ (nghĩa là những người lương mỗi năm không hơn hai nghìn quan) ; việc tai-nạn bất-kỳ của bọn thợ-thuyền (*accidents de travail*) mà đến đái-tật, nhưng đái-tật tạm-thời mà thôi, vì nếu đến đái-tật chung-thân, thì quan sơ-cấp chỉ được quyền tra xét rồi tư lên tòa-án dân-sự. Hoặc đương khi xét một việc trước là đái-tật tạm-thời (*infirmité temporaire*) mà sau thành ra đái-tật chung-thân (*infirmité permanente*), thì quan sơ-cấp không có tư-cách xét nữa mà phải hồi-tị, chỉ được định số tiền phụ-cấp mỗi ngày mà thôi (luật ngày 31 tháng 3 năm 1905).

Khi xảy ra một việc phân-tranh thời tòa-án sơ-cấp nào có quyền xử ? Về việc động-sản thuộc về người (*matière personnelle mobilière*) thời do tòa-án nơi bên bị có trụ-cư, nếu không có trụ-cư thời là nơi bên bị ở. Người đi bị người thưa, việc thưa phải đệ lên quan tòa xét xem có chánh-đáng hay không, thời tưởng không nên bắt người ta phải đi xa mới đối-nại được, đó cũng là một lẽ đương-nhiên vậy. Nhưng trừ có mấy cái trường-hợp riêng trong luật đã định thời không thế, đại-khái như sau này :

Khi nào bên bị không biết rõ trụ-cư mà cũng không biết rõ ngụ ở nơi nào trong hạt nước Pháp thời bên nguyên có thể đem việc lên thưa ở tòa án nơi trụ-cư mình được.

Về việc tổn-hại về đồng ruộng, về hoa-quả mùa-màng, việc dịch mốc lấn bờ, việc chiếm-hữu, việc tu-bổ nhà thuê, việc người lĩnh-canh hay người thuê nhà thuê đất đòi tiền bồi tổn-hại vì không được hưởng-dụng, hay là người chủ nhà chủ đất đòi tiền bồi tổn-hại vì làm hư-hỏng, thời nhà đất vườn ruộng ấy ở đâu tòa-án ở đấy được quyền thẩm-phán.

Về việc tố-tụng về thơ-từ cùng những đồ vật phải ký-nhận, hay là những gói đồ gửi nhà bưu-chánh (*colis postaux*) trong địa-hạt trong nước thời tùy-ý muốn đem lên tòa-án chỗ người gửi hay là chỗ người nhận cũng được.

Về việc tố-tụng về thuế chợ (*droits de place*) thời thuế thu ở nơi nào tòa-án nơi ấy được quyền thẩm-phán.

Về giấy phép để tịch-ký thời tịch-ký ở nơi nào quan án sơ-cấp nơi ấy được quyền thẩm-phán ; còn việc trừ nợ về tiền công thợ cùng lương những chức-dịch nhỏ thời giấy phép do quan án sơ-cấp ở nơi người có nợ ở hay là nơi người chủ trả công hay là trả lương cho người có nợ ở cũng được.

Sau hết về tiền cơm thời nếu bên bị có nhiều người, có thể kiện ở tòa-án nơi trụ-cư của một người nào trong nhiều người ấy cũng được.

Tòa-án sơ-cấp đặt phiên phải đặt công-đồng, và đặt ở bản-nha quan án. Hoặc hàng tổng to thời quan có thể thân-hành đến đặt phiên tòa ở các nơi xa để tiện cho những người đương-sự khỏi phải mất thì-giờ đi lại. Khi nào đặt phiên tòa ở xa bản-nha phải có sắc-lệnh định.

Quan án sơ-cấp bao giờ cũng phải có người lục-sự giúp việc.

Khi phiên tòa thời bên nguyên bên bị phải chính-thân đến, hoặc không đến được thời phải có giấy ủy-quyền cho người đến thay. Những thày-kiện cùng trạng-sư có biên tên ở tòa thời không cần phải có giấy ủy-quyền đến thay lẫn cho nhau cũng được. Song cũng có khi quan án có quyền được đòi hai bên chính-thân đến để thuyết-minh cho quan nghe, cách đó thường thường cũng là một cách tốt để hòa-giải hai bên, vì đã kinh-nghiệm biết rằng lắm khi người thay mặt lại khó xử hơn chính người đương-sự.

Mõ-tòa (*huissiers*) không bao giờ được quyền thay mặt người đương-sự.

Thủ-tục ở các tòa sơ-cấp thời đại-khái như sau này. Trên kia đã nói rằng phàm việc gì bao giờ cũng phải thử hòa-giải trước đã, không được thời mới cho phép cáo - đòi. Tờ trát gọi (*assignation*) thời do mõ-tòa đưa, trong trát phải định rõ ngày giờ hai bên phải lên đối-nại.

Nếu bên bị ở xa không ngoài năm vạn thước (*myriamètres*) thời phải cho hạn một ngày từ ngày phát giấy gọi cho đến ngày phải lên tòa ; nếu ở xa hơn thời cứ tính mỗi năm vạn thước cho hạn thêm lên một ngày nữa ; song khi khẩn-cấp thời quan tòa có thể rút hạn lại và cho gọi từng giờ được.

Nếu bên nguyên (nghĩa là bên đi kiện) hôm phiên tòa vắng mặt, hoặc không chính-thân đến, hoặc không ủy người thay, thời quan tòa có thể xử án « hưu-khuyết » (*jugement de défaut-congé*) ; nhưng thường thường nếu bên bị không yêu-cầu xin phải xử thời tòa-án thủ-tiêu việc ấy đi cũng được. Nếu bên bị đòi mà không đến, hoặc không chính-thân đến, hoặc không ủy người thay, thời quan tòa phải xử án « khuyết-tịch » (*jugement par défaut*), án ấy do mõ-tòa thông-đạt cho bên bị biết. Bên bị bấy giờ có thể yêu-cầu đem việc ra xử lại, như thế thời phải làm đơn phản-đối (*former opposition*). Đơn phản-đối ấy phải làm trong hạn ba ngày kể từ ngày thông-đạt (nếu người đương-sự ở ngoài địa-hạt tổng thời cứ mỗi năm vạn thước được thêm hạn một ngày nữa).

Nếu người phản-đối mà đình-nhật lại vắng mặt thời không được phản-đối lần nữa ; tức trong Luật cũ nói là : « Trùng phản-án không có giá-trị » (*Opposition sur opposition ne vaut*).

Khi hai bên nguyên bị cùng có mặt, hoặc chính-thân đến, hoặc ủy người thay, thời án kết gọi là « án đối-tịch » (*jugement contradictoire*).

Trước khi kết án, quan sơ-cấp có quyền được sai điều-tra cùng giám-định.

Khi nào có phép được kháng-cáo (*appel*) thời phải do mõ-tòa làm giấy đệ lên tòa-án đệ-nhất-thẩm để rõ tên thày trạng-sư (*avoué*) thay mặt, vì muốn kháng-cáo tất phải có trạng-sư thay mặt mới được.

Luật định không được phép kháng-cáo trong hạn ba ngày sau khi tuyên-án, trừ khi nào án phải thi-hành lập-tức thời không kể ; là có ý phòng những sự kháng-cáo khinh-suất.

Hạn kháng-cáo được 30 ngày kể từ khi thông-đạt tờ án (người nào ở ngoài địa-hạt tổng thời cứ năm vạn thước được thêm hạn một ngay nữa.) Người kháng-cáo mà bị thua thời phải phạt 5 quan.

Quan án có quyền được bắt thi-hành tạm (*exécution provisoire*), nghĩa là án chưa thành hẳn bắt thi-hành ngay cũng được ; nhiều khi thời tất phải thi-hành như thế, nhiều khi nữa thời quan án được tự-tiện cho thi-hành, hoặc bắt ký-quĩ (*caution*),hoặc không.

Khi nào án không được kháng-cáo thời chỉ có lạm - quyền mới được thượng-cáo lên Thượng-thẩm (*recours en cassation*). Hạn thượng-cáo được hai tháng kể từ ngày thông-đạt tờ án.

2. — Các tòa-án đệ-nhất-thẩm

1. — *Cách tổ - chức.* — Tòa-án đệ-nhất-thẩm về dân-sự là tòa xét xử về luật phổ-thông (*droit commun*), nghĩa là phàm việc gì trong luật không định rõ là không thuộc về tòa ấy xử thời tòa ấy được quyền xử hết.

Mỗi huyện có một tòa-án đệ-nhất-thẩm, bản - nha thường đặt ở ngay huyện-lị.

Tòa-án đệ-nhất-thẩm, có chia ra nhiều hạng, nhưng sự phân - biệt ấy chỉ quan-hệ về lương - bổng các quan tòa, chức-quyền thời hạng nào cũng như nhau cả.

Tòa ít việc chỉ có một ban (*chambre*). Tòa nào nhiều việc thời chia ra hai hay là nhiều ban. Ở Paris thời có 11 ban, 7 ban xét việc dân-sự, 4 ban xét những việc trừng-trị (*affaires correctionnelles*).

Khi nào chỉ có một ban thời chia ra làm từng phiên, phiên xét việc dân-sự, phiên xét việc trừng - trị. Ở đâu không có tòa-án thương-mại thời tòa-án đệ-nhất - thẩm lại phải đặt phiên riêng để xét những việc về thương-mại.

Cho được kết án có giá-trị thời tòa đệ-nhất-thẩm phải có ba ông quan án ; lại phải có một quan chưởng-lý (*magistrat du ministère public*) và một viên lục-sự.

Quan-viên trong một tòa-án đệ-nhất-thẩm thời có các hạng như sau này :

1° Một quan chánh tòa, khi có phiên tòa thời làm tọa-chủ, và được quyền quyết-xử nhiều việc không cần phải có quan án khác giúp (như chiếu đơn quyết-nghị (*ordonnances sur requêtes*), lâm-thời quyết-nghị hay là « cấp-thẩm » (*référés*), thâu-nhận chúc - thư). Quan chánh tòa-án được quyền giám-đốc cả mọi việc hành-chánh trong tòa-án.

Tòa-án nào có nhiều ban thời lại đặt thêm một hay là nhiều quan phó tòa nữa. Ở Paris thời mỗi ban lại chia ra từng « bộ » (*sections*), vì công việc nhiều lắm ; mỗi bộ đều có bộ-trưởng.

2° Một hay là nhiều quan án, để cùng với quan chánh hay quan phó lập thành tòa-án khi có phiên tòa, và để thay quan chánh trong khi mắc bận. Quan án ấy phải điều-tra về các việc dân-sự, và mỗi năm cử riêng một quan để coi về việc phân các tiền nợ cho trái-chủ (*ordres et contributions*) ; khi nào phải giám-đốc riêng một sự hành-vi gì, như coi một việc tịch-ký, thời gọi là « quan án sung đặc-phái » (*juge-commissaire*).

Sau nữa, thường có sắc-lệnh cử một quan án tòa đệ-nhất-thẩm để sung dự-thẩm các hình-sự (coi sau này, về mục các tòa-án xét hình-sự).

3° Một hay là nhiều quan trợ-thẩm để thay cho quan án khi nào mắc bận.

Khi quan án hay quan trợ-thẩm bị bệnh hay mắc bận không thể đến họp cho đủ số ba người mới thành tòa-án được, thời có thể lấy một viên thày-kiện (*avocat*) hay viên trạng-sư (*avoué*) nào cũ nhất có mặt ở đấy lên thay cũng được.

2. — *Chức Chưởng - lý.* — Trong mỗi tòa-án phải có một hay là nhiều

ông quan gọi là quan chưởng-lý (*magistrats du ministère public*), để giữ cho phải tuân theo pháp-luật, việc gì nên thỉnh-cầu thời có quyền được thỉnh-cầu, hoặc có những người không có tư-cách ra yêu-cầu ở tòa được (như trẻ con vị-thành-niên, như đàn-bà có chồng, như người bị mất công-quyền v. v.) thì can-thiệp vào để bênh quyền-lợi cho người ta. Nhiều khi quan chưởng-lý cũng được quyền quyết-xử, như xử bãi-bỏ quyền người cha, hay là cải-chính lại những giấy sinh-tử-giá-thú. Sau này xét về hình-sự ta sẽ nói rõ cái chức-vụ quan-trọng của quan chưởng-lý thay mặt xã-hội mà đứng xin trừng-trị những khinh-tội trọng-tội. Sau hết quan chưởng-lý lại được quyền giám-đốc cả các quan án trị-án, các thầy hộ-biện, trạng-sư, mõ-tòa, viên coi công-văn (*notaires*), coi đấu-giá (*commissaires priseurs*).

Ở tòa-án đệ-nhất-thẩm thời quan chưởng-lý gọi là *procureur de la République*, có các quan phó gọi là *substituts* để thay quyền. Các quan án trợ-thẩm cũng có quyền được thay quan chưởng-lý và phó chưởng-lý. Ở tòa-án nào chỉ có một quan chưởng-lý không có phó chưởng-lý, thời có thể cử một quan trợ-thẩm ở tòa khác sang kiêm chức ấy cũng được.

Gồm cả các chức chưởng-lý trong một tòa-án thời gọi là « chưởng-lý-cục » (*parquet*), người ta thường nói nôm là « quan tòa đứng » (*magistrats debout*), đối với các quan án là « quan tòa ngồi » (*magistrats assis*), vì quan chưởng-lý bao giờ nói cũng phải đứng.

3. — *Tư-cách các quan tòa.* — Quan tòa đệ-nhất-thẩm phải có bằng cử-nhân luật và phải làm việc hai năm ở phòng-giấy một ông thầy hộ-biện (thầy-kiện). Quan án trị-án có bằng cử-nhân luật thời đã làm chức ấy trong hai năm muốn lên làm quan tòa sơ-thẩm được đặc-cách không phải làm hai năm ở sở thầy kiện nữa. Lại những thầy trạng-sư (*avoués*) đã làm nghề ấy trong mười năm có thể vào làm quan tòa được, dẫu không có bằng cử-nhân cũng cho đặc-cách được.

Đó là những thể-thức theo luật ngày 20 tháng 4 năm 1810 ; sắc-lệnh ngày 28 tháng 8 năm 1906 lại đặt ra một khóa thi cho những người muốn vào làm chức trợ-thẩm. Song có mấy hạng quan-lại, cùng những hạng hộ-biện, trạng-sư, lục-sự, ở các tòa-án đã làm việc được mười năm, và các quan tòa cũ thời có thể bổ-dụng làm quan tòa ngay được, không cần phải thi.

Quan tòa thăng trật nọ lên trật kia thời phải biên trước vào một cái biểu thăng-trật, do một hội-đồng các quan tòa Thượng-thẩm và các sảnh-trưởng Bộ Tư-pháp mỗi năm họp để kê ra.

Hạn tuổi thời quan Chánh tòa ít ra phải 27 tuổi, quan án chánh, quan án phụ, quan chưởng-lý phải 25 tuổi ; quan phó chưởng-lý thời ít ra phải ngoại 22 tuổi.

Các quan tòa đều do quan Tư-Pháp Tổng-trưởng tư-trình quan Giám-quốc ký sắc-lệnh bổ-nhiệm.

Phàm các quan tòa có quyền thẩm-phán, nghĩa là quan chánh tòa, quan phó tòa, quan án chánh, quan án phụ, quan trên không được tự-ý cách-chức hoặc thuyên-chuyển ; trong luật nói những chức ấy là những chức « bất-dịch » (*inamovibles*), nghĩa là không được tự-do bãi-dịch, là có ý muốn giữ cho các chức ấy được độc-lập và cứ công-bình mà xét-xử. Song khi nào phạm tội nặng thời phải đệ ra tòa Thượng-thẩm tức là nơi Cao-đẳng hội-nghị để xét-xử các quan án. Chiếu ý-kiến của Tòa Thượng-thẩm thời quan Tư-pháp Tổng-trưởng có quyền chuyển-dịch các quan án được. Khi quan án nào có tàn-tật thời quan Tổng-

trưởng cũng có thể chiếu ý-kiến tòa Thượng-thẩm mà bắt về hưu được. Tòa Thượng-thẩm lại có quyền định tội thuộc về quan-kỷ cho đến tội mất công-quyền (*déchéance*).

Trái lại thời các quan giữ chức chưởng-lý chuyển-dịch hay là cách-chức đều do sắc-lệnh cả.

Quan Tư-pháp Tổng-trưởng đối với các quan tòa có quyền giám-đốc cả ; khi nào lầm-lỗi có quyền khiển-trách.

Quan-phục thời những ngày phiên tòa các quan tòa phải mặc áo đen, mặt trước và chỗ gấp trái ra ngoài bằng lụa, mũ miện đen, có khoanh bạc, quan chánh tòa và quan chánh-chưởng-lý thời có hai khoanh, các quan khác thời một khoanh. Những khi đại-tiệc lại thêm một cái đai nữa (trong hạt Paris và Orléans thời đai đen, các hạt khác thời đai lam). Ở Paris, những ngày đại-tiệc quan chánh-tòa và quan chưởng-lý thường mặc áo đỏ.

4 — *Chức lục-sự*. — Tòa-án nào cũng phải có một chức lục-sự do sắc-lệnh quan Giám-quốc bổ-nhiệm. Chức lục-sự phải coi các việc giấy-má (biên-ký khi phiên tòa, khi tra-cứu, thảo các án, v. v) và bảo-tồn các công-văn (văn án, sổ sinh-tử-giá-thú bút-lục, sổ các người phạm tội, v. v.). Chức lục-sự thường có những viên tham-biện lục-sự (*commis greffiers*) giúp việc. Khi phiên tòa thời những lục-sự và tham-biện lục-sự phải mặc áo và đội mũ đen như quan tòa, nhưng không có khoanh bạc trên mũ.

5. — *Chức-quyền của các tòa-án đệ-nhất-thẩm*. — Tòa-án đệ-nhất-thẩm xét-xử về luật phổ-thông, thuộc về động-sản thời được quyền chung-thẩm tới giá-ngạch 1500 quan tiền tây, thuộc về bất-động-sản thời được chung-thẩm tới giá-ngạch 60 quan tiền lãi một năm. Còn những việc tố-tụng nào tiền lãi cao hơn thời chỉ được sơ-thẩm mà thôi, án có thể đem lên kháng-cáo ở tòa phúc-thẩm được.

Tòa đệ-nhất-thẩm lại được tái-thẩm những án của các tòa-án sơ-cấp, các tòa công-sự-tài-phán (*conseils de prud'hommes*) cùng những lời trung-tài quyết-nghị (*décisions arbitrales*) về các việc tố-tụng đáng lẽ thuộc quyền tòa sơ-cấp được xử.

Ngoài các viên-chức của tòa-án còn có một hạng người nữa tuy không phải là quan-lại, nhưng cũng có chức quyền trong luật định cho và được phép giúp việc cho người đương-sự cùng cho tòa-án : hạng ấy là các thầy trạng-sư (*avoués*), mõ-tòa (*huissiers*), các viên coi công-văn (*notaires*), các viên coi việc đấu-giá (*commissaires-priseurs*), gọi tổng-danh là hạng công-lại của tòa-án (*officiers publics ou ministériels*) ; cùng các thầy-kiện hay là bộ-biện-sư (*avocats*).

6. — *Nói về chức trạng-sư* (avoués). — Trước tòa-án dân-sự, người đương-sự không thể thân-hành đến đối-nại được ; phải cử trạng-sư thay mặt. Cho nên người nào nhận được trát đòi ngày ấy ngày nọ phải ra tòa mà đình-nhật cứ thân-hành ra tòa thời cũng coi như là không có mặt vậy. Vậy khi tiếp được trát đòi hay là khi mình muốn kiện ai ở trước tòa-án dân-sự, thời phải nhờ một người trạng-sư, thay mình mà lo-liệu các việc cho hợp thể-thức.

Chức trạng-sư do sắc-lệnh quan Giám-quốc bổ-nhiệm. Muốn nhận một phòng trạng-sư (*étude*) thời phải trả bồi-khoản cho người mình kế-nghiệp. Quan Tư-pháp tổng-trưởng, trước khi trình tên một người cho quan Giám-quốc bổ-nhiệm thời phải tra xét xem người ấy có đủ tư-cách, nghĩa là đủ học-thức, đủ danh-giá không. Khi đã được bổ-nhiệm rồi thời thuộc về hội

đồng-nghiệp mình và quan chưởng-lý giám-đốc, nếu phạm lầm-lỗi gì thời hội đồng-nghiệp có quyền trừng-trị, tòa-án được phép bắt tội, như thế tưởng cũng là đủ gìn-giữ cho những người có việc phải nhờ đến các viên ấy giúp vậy.

Nhiều người vẫn thường bác sự đặt ra trạng-sư là phiền-phí, nhưng phải biết rằng pháp-luật hay phiền-phức, thủ-tục hay lôi-thôi, người có việc ra tòa không có người đưa đường chỉ lối cho thời như vào chỗ mê-li, biết thế nào mà hành-động, có khi sơ-suất mà mắc oan cũng nhiều. Vả lại tiền công cho trạng-sư sánh với tiền lệ-phí phải nộp cho Nhà-nước bất-quá chỉ một phần nhỏ, không gọi là phiền-phí được, và tiền công ấy cũng lại do quan tòa định giá, thời không sợ đòi lạm được. Sau nữa, cứ xét ngay ở tòa sơ-cấp, thủ-tục giản-dị hơn nhiều, không có lệ đặt trạng-sư, mà người đương-sự nhiều khi cũng còn phải nhờ tay thạo việc đến đối-nại hộ mình, thời đủ biết sự đặt trạng-sư không phải là vô-ích.

Khi phiên tòa thời trạng-sư cũng mặc áo đen như thày-kiện, nhưng không có cái vạt vắt qua lên vai tay trái như thày-kiện.

7. — *Mõ-tòa.* — Mõ-tòa là những viên-chức coi về việc thông-đạt các công-văn cùng giấy-má về việc án cùng các việc tòa-án phải giao-thiệp với người ngoài. Bổ-nhiệm cũng do sắc-lệnh, và cũng phải thuộc quyền giám-đốc của hội đồng-nghiệp mình và của quan Chưởng-lý ; khi nào phạm pháp-luật thời tòa-án có phép bắt tội được.

Khi phiên tòa được mặc áo đen.

8. — *Viên coi việc đấu-giá.* — Là những viên-chức coi việc đánh giá và bán những đồ vật bất-động-sản. Ở nơi châu-thành sở-tại huyện nào thời được quyền riêng đánh giá các đồ vật và bán đấu-giá công-đồng trong châu-thành ấy, còn ở khắp huyện-hạt thời phải chia quyền ấy với các viên-chức giữ công-văn, mõ-tòa và lục-sự khác (trừ ở châu-thành nào đã có một viên đồng-chức khác thời thôi).

Cách bổ-nhiệm và giám-đốc cũng giống như các viên công-lại khác.

9. — *Viên coi công-văn.* — Là những viên-chức coi việc thâu-nhận cùng bảo-tồn các công-văn khế-ước của người đương-sự đem đến gửi hoặc cần phải gửi để cho thành chứng-thư đích-thực. Lại được quyền phát những giấy nhận-thực về tài-sản, về sinh-mệnh, về căn-cước, làm sổ tịch-biên, nhận giữ hộ các giấy-má (chúc-thư, v. v.). Cũng có khi tòa-án ủy quyền cho đi kiểm sổ-sách các nhà hàng, kết-toán và phân chia các tài-sản, cùng bán tịch-ký các nhà cửa.

Luật cấm các viên công-văn không được làm những việc buôn tiền bán bạc, không được cho vay cho đợ bằng nhà-cửa, bằng trái-khoản, không được lấy cách lý-tài mà can-thiệp vào những việc người ta nhờ mình trông-nom. Sắc-lệnh ngày 30 tháng giêng năm 1890 lại cấm không được nhận tiền-bạc để đặt lãi, không được lợi-dụng những tiền người ta gửi mình để dùng về việc gì hoặc để đặt vào kho ký-quĩ, dẫn lợi-dụng tạm-thời cũng không được ; không được cho những người phụ-biện (*clercs*) mình can-thiệp vào các công-văn, khi nào cho thời phải có giấy ủy-quyền riêng. Song luật không cấm những viên ấy được quản-lý gia-tài hộ người ta, và thay thâu-nhận các thuế lĩnh-trưng, v. v.

Các viên công-văn cũng do sắc-lệnh quan Giám-quốc bổ-nhiệm, và đến kế chân ai thời phải trả tiền bồi-khoản cho người ấy ; lại phải có tập sự ít lâu và phải qua một kỳ thi riêng thời mới được lĩnh chính-chức. Cách giám-đốc cũng như các công-lại khác.

nhưng lại còn có trách-nhiệm riêng nữa, như khi làm công-văn khế-ước mà sai-lầm hoặc trái phép, khiến cho giấy-má không có công-hiệu, tổn-hại cho người đương-sự, thời tòa có thể bắt tội được. Lại như khi cầm-đợ cửa nhà, nếu viên công-văn chỉ thay người đương-sự mà làm giấy thôi, thời việc vay nợ đó sau thế nào không có can đến mình, duy chỉ có khi tự mình sao-lãng không kiểm-điểm văn-tự văn-khế cho kỹ, sau đến lôi-thôi thời mới phải trách-nhiệm mà thôi. Nhưng nếu viên công-văn có can-thiệp vào sự thương-thuyết cho vay, hoặc có tư-cách thay mặt cho người đương-sự, thời bấy giờ nếu có lôi-thôi tòa-án có thể trách-cứu được.

Giá-ngạch tiền công cho viên công-văn thời đã do sắc-lệnh ngày 25 tháng tám năm 1898 định sẵn. Viên công-văn nào cũng phải yết giá-biểu rõ-ràng cho khách biết. Khi có phân-tranh thời do quan Chánh tòa-án định giá.

10. — Thày hộ-biện (thày-kiện). — Thày-kiện thời được quyền cãi, nghĩa là ra trước mặt tòa bày nói các lẽ để bênh-vực cho người khách mình có can vào một việc tố-tụng hay là việc án gì. Thày-kiện phải có bằng luật-khoa cử-nhân và phải có tuyên-thệ trước khi nhập-nghiệp (*serment professionnel*). Các thày-kiện ở cùng một tòa-án hay là một pháp-viện thời họp thành một hội gọi là « hộ-biện tịch » (*barreau*). Thày-kiện cũng có tên trong một « tịch » thời do hội đồng-nghiệp mình giám-đốc, nhưng ở những tòa-án nhỏ không có tới sáu viên thày-kiện thời do tòa-án giám-đốc. Hội đồng-nghiệp có quyền trừng-phạt những viên nào phạm kỷ-luật của Hội, nghị-định trừng-phạt ấy có thể đệ ra tòa án phúc-thẩm được. Trong hội công-cử một người để cai-quản công việc chung, chức ấy gọi là chức « tịch trưởng » (*bâtonnier*). Tòa-án nào không có hộ-biện-tịch thì lâm-thời trạng-sư (*avoués*) cũng có thể ra tòa cãi được.

Không nên lẫn những thày-kiện « nội-tịch » là thày-kiện có chân hộ-biện-tịch và phải theo kỷ-luật riêng của hội mình, với thày kiện « ngoại-tịch » (*avocats libres*), hay là thày « biện-sự » (*agents d'affaires*) là những tay chạy việc hộ người ta, không thuộc vào hội nào mà cũng không có kỷ-luật gì.

11. — Mấy điều sơ-lược về thủ-tục ở các tòa-án dân-sự. — Đây không thể nói tường về thủ-tục [1] ở các tòa-án dân-sự được, vì thủ-tục ấy phiền-phức lắm, dẫu nói qua cũng phải đến quyển sách mới hết được. Vả lại ta phải nhớ rằng người nào có việc kiện-cáo gì không cần phải tự mình châm-chước thủ-tục, việc ấy là thuộc về các viên trạng-sư, mình có sự gì can-thiệp với tòa cứ đến hỏi, nói rõ ý-kiến cho biết, rồi người ta tùy-nghi khuyên-bảo và vận-động cho mình.

Song cho được hiểu những cách vận-động cùng lời khuyên-bảo của trạng-sư thời cũng cần phải biết đại-khái cái trình-thức một việc kiện-cáo ở tòa thế nào cùng những danh-từ riêng thường dùng trong các giấy-má.

Trước khi thành việc kiện thời đầu-tiên phải dự hòa-giải (*préliminaire de conciliation*), trừ khi nào người đương-sự là người vị-thành-niên, người mất công-quyền, không đủ tư-cách, hoặc khi nào việc cần-cấp không thể trì-hoãn được, thời không kể. Hòa-giải là quan án sơ-cấp gọi hai bên lên để xử-hòa cho khỏi thành việc kiện. Chắc rằng trong hai bên, bên nào

(1) *Thủ-tục* 手續 = là gồm những thể-thức phải theo về việc án, từ khi tòa thụ-lý cho đến khi tòa kết án — PROCÉDURE.

lưởng mình có lý mà không thu-phục được hoàn-toàn cái quyền-lợi của mình thời cũng đáng tiếc thật, nhưng ngạn-ngữ đã có câu: « xử hòa mà có thiệt còn hơn kiện-cáo mà được hơn » (*une mauvaise transaction vaut mieux qu'un bon procès*), câu ấy tưởng cũng có một phần lẽ phải vậy. Vả lại dẫu trạng-sư thày-kiện cần-mẫn siêng-năng thế nào mặc lòng, một việc kiện cho được giải-quyết xong bao giờ cũng phải lâu ngày lắm, một là bởi trong luật tố-tụng có đặt ra kỳ-hạn không thể vượt qua mà làm mau được, hai là các tòa-án thường có khi nhiều việc quá cứ lần-lượt mà xử thời phải đến mấy tháng mới hết được; sau nữa nếu tòa dưới xử không ưng mà cứ lần-lượt kháng-cáo lên mãi, tự sơ-cấp lên đệ-nhất-thẩm, tự đệ-nhất-thẩm lên phúc-thẩm, tự phúc-thẩm lên thượng-thẩm, thời thường đến mấy năm không xong.

Trước khi khởi ra kiện-cáo hay là trước khi nhận hòa-giải cho xong việc, thời bao giờ cũng nên hỏi những tay nhà nghề thạo việc như trạng-sư cùng thày-kiện có chân hộ-biện-tịch để người ta khuyên-bảo cho nên làm thế nào là hay là lợi. Người nghèo không thể thuê trạng-sư thày-kiện được thời có thể làm đơn xin tòa cử người giúp (*assistance judiciaire*), hoặc có nhiều thày-kiện vẫn sẵn lòng giúp không cho những người không có sức lo được (ở nhiều tỉnh-thành lớn có đặt ra những sở thày-kiện không mất tiền cho người ta đến tư-vấn).

Giấy khởi đầu việc kiện, đòi người đương-sự lên tòa, gọi là giấy « trát gọi » (*ajournement ou assignation*). Giấy ấy do mõ-tòa đưa; lời giấy phải làm theo pháp-luật và phải kể rõ-ràng người nào là người đứng cáo, người nào là người bị cáo, việc kiện là việc gì và kiện tại tòa-án nào.

Kiện tại tòa-án nào thời phải phân-biệt như sau này:

Về người (*matière personnelle*), như khi tôi kiện một người nợ tiền tôi, thời phải kiện ở tòa-án chỗ trụ-cư người ấy.

Về tài-sản (*matière réelle*), như kiện về một cái nhà hay cái đất ở Hải-phòng, thời phải kiện ở tòa-án Hải-phòng, dù chỗ trụ-cư của người kiện hay là người bị kiện ở đâu mặc lòng.

Về việc tạp (*matière mixte*), nghĩa là vừa thuộc về người, vừa thuộc về tài-sản, như kiện một người để bắt người ta phải bàn một cái tài-sản gì, hay là kiện người mua mà không trả đúng giá, thời phải kiện ở tòa-án nơi bên bị có trụ-cư, hoặc nơi có cái tài-sản ấy.

Khi nào kiện về người mà kiện nhiều người, thời được tùy ý chọn tòa-án nơi trụ-cư của một người nào trong mấy người ấy cũng được.

Về việc kế-thừa di-sản (*succession*), hễ cái di-sản ấy chưa chia, thời thuộc về tòa-án nơi người chủ chết có quyền thẩm-phán.

Sau hết, hoặc khi hai bên đã có làm khế-ước mà trong khế-ước ấy đã nói rõ rằng hai bên thuận chọn lấy một nơi nào làm trụ-cư (*d micile élu*), thời hễ có xảy ra việc tranh-tụng cứ đem lên tòa-án ở nơi ấy xét-xử.

Nếu bên bị không có trụ-cư hoặc ngụ-cư ở địa-hạt nước Pháp, thời việc kiện đem lên tòa-án bên nguyên.

Trát gọi đã phát đi rồi, thế là việc kiện bắt đầu từ đấy. Bên nguyên chắc đã có một người trạng-sư rồi, vì trong trát phải biên tên trạng-sư. Bấy giờ bên bị phải làm thế nào? Có hai cách như sau này:

Một là bên bị không trả lời, không mượn trạng-sư thay mặt. Khi ấy thời bên nguyên nhờ trạng-sư mình (vì không có thể chính-thân ra nói được) yêu-cầu với tòa xử cho mình được,

vì rằng bên bị không xuất-tịch thời tra-hỏ như đã nhận rằng lỗi tại mình rồi. Bấy giờ tòa-án xử án « khuyết-tịch », nghĩa là bên bị không có mượn trạng-sư ra thay.

Hai là bên bị mượn trạng-sư. Nhưng khi ấy cũng có lẽ trạng-sư bên nguyên không đến để mà yêu-cầu, thời bấy giờ bên bị cũng có thể xin tòa xử khuyết được; khuyết ấy gọi là « hưu-khuyết » (*défaut congé*).

Nay ta giả-thiết việc cứ tuần-tự theo lệ thường, bên nguyên xin tống trát đòi, bên bị mượn trạng-sư chống. Nhưng đây lại phân-biệt ra hai hạng việc, một hạng « việc thường » (*affaires ordinaires*) và một hạng « việc giản » (*affaires sommaires*), mỗi hạng thủ-tục có khác nhau.

Việc « thường » là những việc trong luật chưa giảm bớt thủ-tục, phải cứ theo như lệ thường mà làm. Trạng-sư bên bị thông-đạt cho trạng-sư bên nguyên biết cách mình định chống-cãi thế nào, rồi trạng-sư bên nguyên trả lời lại, giấy ấy gọi là giấy trạng-sư thông-cáo lẫn nhau (*acte d'avoué à avoué*). Giấy ấy phải viết chữ thật to, gọi là giấy đại-tự (*actes grossoyés*). — Phần thủ-tục này phiền-phức và vô-ích lắm, đã có nhiều nhà làm sách xin bỏ đi cho bớt lôi-thôi. — Đến khi đệ việc lên tòa thời trạng-sư bên nguyên làm một tờ « cáo-trạng » (*placet*), nói rõ sự mình yêu-cầu thế nào, tờ cáo-trạng ấy giao cho viên lục-sự biên vào sổ thụ-lý của tòa-án. Tòa-án nào có chia ra nhiều bộ hay nhiều ban, thời việc thuộc về bộ nào ban nào lại phải biên vào sổ ban ấy bộ ấy. Xong rồi tòa-án mới lần-lượt trích các việc trong sổ ra và biên vào cái biểu những việc phải xử. Bấy giờ viên trạng-sư nọ mới mời viên trạng-sư kia ra phiên tòa để hai bên đối-kết; giấy mời ấy gọi là giấy « thỉnh-lai » (*avenir*). Đối-kết là hai bên đều làm mỗi bên một tờ kết-luận kể rõ các phương-cách dùng để chống giữ quyền-lợi của mình, tờ ấy bên nọ trao lẫn cho bên kia. Khi việc đem ra phiên tòa, nếu có thể xử ngay được, thời cho hai bên đối-nại; nếu không thời tòa-án truyền cho dự-thẩm trước đã, thi-dụ như phải riêng một quan tòa để điều-tra về việc ấy. Ngoại-giả nếu có xảy ra sự lôi-thôi gì nữa (như phản-đối về quyền-hạn, xin thêm xin bớt, v. v..) thời tòa-án cũng phải lần-lượt xét cho xuôi hết, rồi mới xử đến cốt việc. Lắm khi vì những sự lôi-thôi đó mà một việc kiện diên-man đến vô-cùng. — Sau này ta sẽ xét cách xử án thế nào.

Việc « giản » là những việc hoặc nhỏ-nhặt, hoặc giản-dị, hoặc cần-cấp mà trong luật đã cho phép giảm bớt thủ-tục thường đi, như kháng-cáo về các án tòa sơ-cấp, yêu-cầu sự gì có văn-tự phân-minh không ai tranh-dành, hay là không có văn-tự hoặc văn-tự có người dị-nghị mà giá-ngạch không quá 1500 quan tiền gốc hay là 60 quan tiền lãi. Phàm những việc như thế thời các giấy-má phiền như trên, giảm hết cả, chỉ một tờ « thỉnh-lai » là đủ cho hai bên ra đối-nại trước tòa. Nếu cần phải điều-tra sự gì thời điều-tra ngay ở phiên-tòa, và những lời người chứng thời chỉ khi nào việc có thể đem lên kháng-cáo ở tòa phúc-thẩm mới cần phải ghi chép mà thôi.

Trên kia ta đã nói rằng chức chưởng-lý là để khép cho phải tuân theo luật-pháp và giữ-gìn quyền-lợi cho những người không đủ tư-cách. Vậy quan chưởng-lý bao giờ cũng có quyền can-thiệp vào việc án, và ở giữa phiên tòa có thể đứng lên tỏ ý-kiến hoặc yêu-cầu sự gì cũng được; nhưng có nhiều việc thời bút-lục tất phải thông-tư cho quan chưởng-lý biết, như thuộc về những người vị-thành-niên, người mất công-quyền, đàn-bà có chồng, hay là thuộc về các « chợ » (*communes*), các « pháp-nhân » (*personnes morales*).

Phiên tòa bao giờ cũng phải đặt công-đồng, nhưng tòa-án có thể đặc-cách bắt đóng cửa cấm người ngoài đến xem được (*huis clos*), như khi nào xử việc gì thành tai-tiếng hoặc sinh náo-động.

Khi kháng-cáo thời hai bên đọc tờ kết-luận, rồi thày-kiện cãi ; xong rồi quan chưởng-lý đọc kết-luận, bấy giờ thày-kiện không được nói nữa, khi ấy tòa-án mới bàn-nghị : thường-thường những việc tầm-thường thời mấy ông quan-tòa bàn nhỏ với nhau, rồi quan Chánh tòa tuyên-án tức-thì ; nhưng nếu việc cần phải xét kỹ hơn, thời tòa-án định hoãn đến phiên sau : bấy giờ gọi là việc lưu để bàn - nghị (*mise en délibéré*). Khi nào việc khó, tòa cử một quan án xét riêng để làm tờ báo-cáo định đến một phiên sau xử thời khi ấy gọi là lưu để bàn-nghị theo lời báo-cáo (*délibéré sur rapport*). Quan án làm tờ báo-cáo ấy chỉ được tóm tắt đầu đuôi các việc cho rõ ràng, không được nói ý-kiến riêng của mình. Tự đấy thời thày-kiện không được quyền cãi nữa ; nếu có dị-nghị điều gì thời chỉ được phép làm giấy trình quan Chánh tòa thôi.

Trở lên là những cách thủ - tục thường. Nay còn có mấy cách thủ-tục đặc-biệt, kể qua như sau này.

a) Dự-thẩm bằng giấy. — Có nhiều việc cứ chiếu lời cãi của thày - kiện hai bên chưa đủ xử được (như những việc kết-toán các sổ-sách). Khi ấy thời tòa-án truyền phải dự - thẩm bằng giấy (*instruction par écrit*), hai bên phải trao đơn cho nhau và để các giấy-má làm chứng-cớ ở buồng lục-sự. Rồi đến đình-nhật thời quan án báo-cáo ở giữa phiên tòa, quan chưởng-lý kết-luận, tòa-án châm-chước mà kết án.

Phàm những việc về thuế trước-bạ (*droits d'enregistrement*), về thuế gián-tiếp (*contributions indirectes*), thời thế-tất phải theo cái thủ-tục như thế.

b) Hội-nghị. — Khi nào tòa-án không bàn-nghị ngay giữa phiên tòa thời các quan vào họp trong một cái phòng riêng, gọi là phòng hội-nghị. Lại có nhiều việc riêng không xử theo thủ-tục thường mà thuộc về « thủ-tục hội-nghị » (*juridiction de la chambre du Conseil*), thời tòa-án cũng phải họp vào buồng hội-nghị mà xử (*en chambre du Conseil*). Đại-khái như những việc thẩm-giám không có người phản-đối (*juridiction grâcieuse*), như chữa lại một cái giấy sinh-tử giả-thủ, chuẩn-nhận một cái giấy căn-cước để thay giấy khai-sinh, duyệt-y những lời bàn-định của gia-tộc hội-nghị, v. v. Lại có nhiều việc tuy cũng là việc tố-tụng, cũng có bên nguyên bên bị, nhưng hoặc người đương-sự muốn giữ kín, không muốn để công-nhiên cho thiên-hạ biết, như việc mất phụ-quyền, việc cải-án biệt-cư ra án li-hôn, việc bảo-hộ cho con trẻ bị cha mẹ bỏ, v. v., phàm những việc ấy thời xét-xử trong hội-nghị, không đem ra phiên tòa. Tuy vậy cũng có khi tuyên-án ở chỗ phiên tòa công-đồng.

c) Cấp-thẩm (*référés*). — Cấp-thẩm là một cái thủ-tục rất giản-dị và rất mau, khi nào cần-cấp trong khoảng một giờ có thể quyết-định được ngay. Nhưng sự quyết-định đó là tạm-thời mà thôi, và không quan-hệ đến chính việc tố-tụng. Tỉ như khi thi-hành một cái án, tịch-ký một cái nhà, mà xảy ra sự bất-kỳ, như chủ nhà không để cho vào nhà, v. v., thời quan án có thể cấp-thẩm mà quyết-nghị ngay được.

Có hai cách cấp-thẩm : một là « chiếu cáo-trạng cấp-thẩm » (*référés sur placet*), hai là « chiếu biên-bản cấp-thẩm » (*référés sur procès-verbaux*), cách trên là khi nào người đương-sự yêu-cầu một việc gì cần-cấp, cách dưới là khi nào đương thi-hành một cái án mà gặp sự gì ngăn-trở phải giải-quyết ngay.

Khi nào cấp-thẩm thời không phải cả tòa-án quyết, chỉ có một mình quan Chánh tòa thôi (hay là quan án nào thay quan Chánh tòa). Bên nào yêu-cầu thời xin trát đòi bên kia đến ngày nào tòa có phiên cấp-thẩm phải ra ; có khi cần-cấp thời được phép quan Chánh tòa trát đòi giờ nọ sang giờ kia được, hoặc cũng có khi cần-cấp lắm thời hai bên nguyên bị tự thân-hành ra tòa, không cần phải trát đòi nữa. Lại có khi đương niêm-phong (*apposition de scellés*) nhà-cửa hay đồ-vật gì mà xảy ra việc bất-kỳ, thời quan Chánh tòa có thể cho đòi hai bên mà quyết-xử ngay ở nhà mình được.

Lệnh cấp-thẩm (*ordonnances de référé*) có thể thi-hành tạm ngay được, khi cần-cấp thời thi-hành ngay ở bản-thảo (*sur minute*) được, nghĩa là không cần phải sao-lục vội. Lệnh cấp-thẩm không thể phản-đối được. Nếu người phải đòi đến cấp-thẩm mà không đến thời quan cứ xử, lệnh xử ấy không thể phản-đối được, nhưng có thể kháng-cáo, hạn kháng-cáo là mười-lăm hôm kể từ ngày thông-đạt.

Thủ-tục này thời không cần phải mượn đến trạng-sư như các cách trên kia, nhưng thường-thường người đương-sự cũng vẫn mượn, vì không mấy người thuộc lề-luật lắm cho có thể tự mình cáo-tố cho hợp-cách được.

— Nay ta nói đến cách vựng-án. Vựng-án có nhiều cách, đại-khái như sau này :

a) Án khuyết-tịch (*jugements par défaut*) là án xử về một người khi ra phiên tòa không có trạng-sư thay mặt. Nếu người bị trát đòi không mượn trạng-sư thời gọi là « khuyết-tịch vì không ra mặt » (*défaut faute de comparaître*) ; nếu có mượn trạng-sư mà trạng-sư không ra kết-luận thời gọi là « khuyết-tịch vì không kết-luận » (*défaut faute de conclure*).

Khi « khuyết-tịch vì không ra mặt » thời tòa-án phải mời viên mõ tòa để thông-đạt án ấy cho bên bị. Bên bị có thể phản-đối (*former opposition*), nghĩa là cáo rằng mình không chịu để thi-hành án ấy, và xin tòa án xét lại lần nữa. Phản-đối thời hoặc phải khai vào giấy biên-bản, hoặc phải nhờ mõ tòa làm giấy. Hạn phản-đối có thể tới ngày nào án thi-hành rồi mới thôi. Nhưng phải nhớ rằng phàm án khuyết-tịch (vì không ra mặt) phải thi-hành trong hạn sáu tháng, ngoài hạn ấy thời án không có công-hiệu nữa ; nhưng cái thủ-tục vẫn còn và có thể lại tái-khởi được. Khi nào khuyết-tịch vì không kết-luận, thời án thông-đạt cho trạng-sư, và hạn phản-đối được có tám ngày.

Khi nào bên phản-đối (bất-cứ phản-đối vì khuyết-tịch không ra mặt hay là khuyết-tịch không kết-luận) đến phiên tòa xét đơn phản-đối cũng không ra mặt, thời tòa lại xét khuyết-tịch lần nữa, và lần này thời không thể phản-đối được nữa.

Án khuyết-tịch trong hạn tám ngày sau khi thông-đạt hay là sau khi đầu đơn phản-đối, chưa thể thi-hành được, trừ khi tòa-án có lệnh cho thi-hành tạm thời không kể.

b) Án khuyết-tịch khi bên bị có nhiều người. — Khi bên bị có nhiều người mà trong những người ấy có người không ra mặt, thời tòa-án xử khuyết-tịch, nhưng truyền những người vắng mặt phải trát đòi lần nữa, thế gọi là « khuyết-tịch vì không đủ người » (*défaut profit-joint*). Nếu những người bị trát đòi lần nữa mà cũng lại không ra, thời bấy giờ xử khuyết-tịch hẳn, những người ấy không có phép phản-đối được nữa.

c) Án đối-tịch (*jugements contradictoires*). Nếu người bị trát đòi có mượn

trạng-sư và trạng-sư có ra kết-luận, thời án xử gọi là « án đối-tịch ».

Trước khi kết án để quyết hẳn việc phân-tranh, tòa-án có thể kết án trước về những việc phụ-thuộc nhân việc chính sinh ra, hoặc có thể truyền tra-cứu cho đến nơi đến chốn ; những án ấy gọi là án « vị-quyết » (*avant faire droit*).

d) Án vị-quyết. — Án vị-quyết có nhiều hạng :

Một là « án tạm-thời » (*jugements provisoires*), nghĩa là những án không quan-hệ đến chính việc tố-tụng và chỉ giải-quyết một cái vấn-đề phụ-thuộc ở ngoài và cần phải quyết ngay không thể để lâu được ; tỉ như đương khi việc kiện li-hôn chưa xử xong, phải giải-quyết cái việc cấp-lương cho người đàn-bà trước.

Hai là « án dự-bị » (*jugements préparatoires*), là những án để giúp cho việc thẩm-cứu, như án truyền phải đem nộp giấy-má tại tòa, truyền kiểm-điểm sổ-sách, truyền chất-vấn về việc gì, v. v.

Ba là « án trung-gian » (*jugements interlocutoires*), là những án để dự-quyết việc phân-tranh, tỉ như đương xét một việc kiện li-hôn, kết án truyền phải tra-cứu xem người chồng có thật đánh người vợ không, nếu rõ chứng-cớ rằng người chồng có đánh người vợ thật thời thế là dự-quyết việc li-hôn rồi. Nhưng tòa-án không có bị bó-buộc vì đó, ví như tuy có chứng-cớ rằng người chồng có đánh người vợ thật mà đánh không đau không nặng thời tòa cũng có quyền bác đơn li-hôn được.

e) Án quyết-nghị (*jugement définitif ou à fond*), là án quyết-xử ngay cái vấn-đề cốt-yếu trong việc tố-tụng.

Hạng án ấy cũng như hạng trên, phải có sao-lục (*levé*), nghĩa là viên trạng-sư có phep đòi lục-sự phát cho một bản sao đại-tự (*grosse*). Bản sao đại-tự là bản sao-lục thứ nhất của tờ án viết bằng chữ đại-tự, dưới có câu chuẩn thi-hành truyền cho các mõ-tòa phải đem ra thi-hành và cho binh-lực Nhà-nước lâm-thời phải giúp sức.

Án do mõ-tòa thông-đạt cho người bị, hay là gửi đến chỗ trụ-cư người bị, hay là trao cho trạng-sư người ấy.

— Nói về các cách kháng-án. — Cách kháng-án có nhiều thứ : phản-đối (*opposition*) và kháng-cáo (*appel*) là hai cách thường ; còn những cách đặc-biệt thời có : ngoại-nhân phản-đối (*tierce opposition*), đầu đơn xin cải (*requête civile*), thượng-cáo Thượng-thẩm (*pourvoi en cassation*), cáo-tố thẩm-quan (*prise à partie*).

Trên kia xét về các án khuyết-tịch đã nói cách phản-đối rồi, không cần phải nhắc lại nữa. Nay nói lần-lượt đến các cách khác, trước nhất là cách kháng-cáo.

a) Kháng-cáo là đem việc lên tòa-án trên (như án kết ở tòa án dân-sự thời đem lên tòa phúc-thẩm) để xét và xử lại, cứ sự-thực cứ pháp-luật, theo như tòa-án trước đã xét.

Hạn kháng-cáo là hai tháng kể từ ngày thông-đạt án cho người bị án hay là gửi đến chỗ trụ-cư người ấy. Người xin thông-đạt (tức là người được án) nếu muốn giữ quyền kháng-cáo về sau phải khai trước. Bên đầu-đơn kháng-cáo gọi là bên « đứng kháng » (*appelant*), bên bị kháng-cáo gọi là « bị kháng » (*intimé*). Người « bị kháng » cũng có thể kháng-cáo lại được, mà không phải hạn ngày tháng, bao giờ kháng-cáo cũng được.

Trình-thức sự kháng-cáo thời như thế này. Bên nào muốn kháng-cáo phải mượn mõ-tòa làm trát gọi bên kia. Người kháng-cáo phải ký-quĩ một món tiền, nếu kháng-cáo thua thời mất. Bên kia phải mượn trạng-

sự thay đề kháng-cáo lại ; kháng-cáo ấy gọi « kháng-cáo phụ » (*appel incident*), đối với « kháng-cáo chính » (*appel principal*). Trong hạn 8 ngày sau án kết thì không được kháng-cáo ngay, là có ý phòng người thua kiện hoặc tức-khí mà kháng-cáo một cách khinh-suất chăng. Song khi nào án có lệnh tạm thi-hành ngay, thời kháng-cáo không phải hạn nữa.

Trình-thức sự kháng-cáo như thế, công-hiệu thời như thế này. Có kháng-cáo thời sự thi-hành án phải đình lại, thế gọi là « kháng-cáo có sức đình án » (*l'appel et suspensif*) ; trừ khi nào có lệnh thi-hành tạm-thời thời không kể. Cái công-hiệu đình án ấy chỉ bắt đầu từ khi đầu-đơn kháng-cáo mà thôi ; song có nhiều việc không thể thi-hành án trong hạn kháng-cáo được, như việc li-hôn, việc giấy giả (*inscription de faux*), hay là khi án phải thi-hành đối với một người ngoài.

b) Ngoại-nhân phản-đối. — Cứ phép thời phàm án chỉ có giá-trị cho những người có phần vào việc kiện mà thôi, nghĩa là cho bên nguyên và bên bị. Song thỉnh-thoảng cũng có khi án ấy thiệt-hại đến một người trước không có tên trong việc kiện, tỉ như khi thi-hành án vì trùng tên mà lầm người bị án ra một người ngoài, hay là khi tòa án kết án một người mà người ấy lại có nợ một người khác, án ấy có thiệt-hại đến người chủ nợ kia ; hay là khi người chồng có nợ mà người vợ xin được tòa-án cho phân-lị tài-sản để khỏi phải trả nợ cho chồng, án phân-li ấy có thiệt-hại cho các chủ nợ người chồng. Trong những trường-hợp ấy thời người ngoài bị thiệt-hại có thể kháng-án bằng cách « ngoại-nhân phản-đối ». Cách kháng-án ấy luật không định hạn. Kể từ ngày người ngoài ấy được biết án thiệt-hại cho mình, trong ba mươi năm lúc nào muốn đầu đơn phản-đối cũng được. Song về việc phân-li tài-sản thời có hạn định một năm. — Cứ phép thời phàm ngoại-nhân phản-đối phải đầu đơn ở tòa-án đã kết cái án trước.

c) Đầu-đơn xin cải. — Trong mấy trường-hợp như điều 480 Luật Tố-tụng đã định, nhất là khi án có gian-giả hay là không hợp-thức, thời người đương-sự có quyền kháng-án bằng cách « đầu-đơn xin cải » được. Hạn kháng-án ấy là hai tháng, nếu là án đối-tịch thời kể từ ngày thông-đạt cho người bị án hay là gửi đến chỗ trụ-cư người ấy, nếu là án khuyết-tịch thời kể từ ngày hết hạn phản-đối.

d) Thượng-cáo Thượng-thẩm. — Những án đối-tịch đã chung-thẩm rồi và không thể kháng-cáo lên tòa phúc-thẩm, thời có thể thượng-cáo lên tòa Thượng-thẩm. Án khuyết-tịch chung-thẩm vì đã hết hạn phản-đối rồi cũng có thể thượng-cáo được ; nhưng người nào có quyền kháng-cáo lên tòa phúc-thẩm mà bỏ quá thời-hạn không kháng-cáo thời không được dùng cách ấy.

Phải có những nguyên-nhân như sau này mới thượng-cáo được :

1° Án trước trái pháp-luật :

2° Tòa-án trước không có quyền thẩm-phán hay là xử lạm-quyền ;

3° Án trước không hợp những thể-thức mà trong luật đã định rằng hễ trái thời án vô-hiệu ;

4° Khi nào cùng một việc hai bên đem ra kiện ở hai tòa-án mỗi tòa kết án trái nhau.

Tòa Thượng-thẩm không có xử lại hẳn việc kiện như tòa Phúc-thẩm, chỉ xét xem tòa-án trước xử việc đó có trái luật không, nếu trái luật thời phá cái án trước và giao về cho một tòa khác xử lại.

Thể-thức thượng-cáo như thế này. Bên nào muốn thượng-cáo thời phải mượn một người thay-kiện ở viện

Tham-chính hay là tòa Thượng-thẩm, người thày-kiện ấy làm một cái đơn ký tên mình rồi đệ ở buồng lục-sự tòa ấy. Bao giờ cũng phải mượn thày-kiện như thế, duy có về việc công-sự, việc bầu-cử, việc thu-mại điền-thổ, thời được đặc-cách không cần phải thày-kiện mà thôi.

Người nào muốn thượng-cáo thời phải ký-quĩ một món tiền trước, hễ được thời trả lại, hễ thua thời mất; chỉ trừ quan tổng-chưởng-lý (*procureur général*), các sở công Nhà-nước và người nghèo thời không.

Hạn thượng-cáo là hai tháng kể từ ngày thông-đạt. Nhưng về việc sổ bầu-cử thời giảm xuống 10 ngày, về án thu-mại điền-thổ giảm xuống 15 ngày.

Về dân-sự thời thượng-cáo không đình được việc thi-hành án; thượng-cáo không có công-hiệu đình án, trừ việc li-hôn, việc giấy giả, cùng những án phạt công-khố Nhà-nước thời không kể.

— Tố-cáo thẩm-quan không phải là một cách kháng-án, mà là một cách cáo-tố ông quan-án, hoặc vì hối-lộ, vì từ-chối không chịu xử, hay là vì không theo những thể-thức trong luật đã định về việc hình, làm thiệt-hại cho người đương-sự, khi ấy thời người bị thiệt có thể đòi bồi tổn-hại, và xin tiêu án đi được. (Vấn-đề này các nhà làm sách còn đương nghị-luận phân-vân, chưa có định-kiến).

Tố-cáo thẩm-quan thời phải đầu đơn hoặc ở tòa Phúc-thẩm, hoặc ở tòa Thượng-thẩm, tùy cái chức-vị của ông thẩm-quan bị tố-cáo.

Đó là lệ định như thế, nhưng thường-thường lệ này ít khi dùng đến.

(*Còn nữa*)

THƯỢNG-CHI

CÁI ÓC NGƯỜI TA

1. — Hình-thể và sinh-lý của óc

Óc là cái phần nở to của não-tủy các giống vật có xương-sống. Lúc mới phôi-thai thời nó là một cái bao nhỏ ở đầu ống xương-sống (*tube médullaire*), rồi sau lớn dần mà bành-trướng mãi ra, nhất là ở giống người ta. Óc là cái cơ-quan cao-thượng nhất và quan-trọng nhất của giống người vậy.

Các nhà giải-phẫu-học (*anatomistes*) đã nghiên-cứu về hình-thể óc tường lắm, duy có môn sinh-lý-học (*physiologie*) về óc thời mãi đến gần đây mới có người chuyên-trị. Trước người ta vẫn tưởng rằng óc là một cái khối thuần-nhất và là nơi trung-tâm của trí-tuệ; nay mới phát-minh ra rằng óc có nhiều bộ-phận, mỗi bộ chủ một phần việc khác nhau, nghĩa là không phải là một cái cơ-quan hồn-nhiên mà là gồm nhiều cơ-quan đặc-biệt vậy. Những « viên » óc (*cellules*) dùng về một việc gì thời không có tán-mạn mọi nơi mà tập-hợp lại từng bộ, gọi là « não-căn » (*centres*), có não-căn chủ sự cảm-giác, có não-căn chủ sự cử-động, có não-căn chủ sự tư-tưởng.

Óc nằm trong sọ, hình bồ-dục, mặt dưới phẳng. Trọng-lượng ở mỗi người một khác, nhưng cứ trung-bình thời óc đàn-ông cân được 1157 *grammes*, óc đàn-bà 995 *grammes*. Đã có sọ bọc ngoài, trong lại có ba lần da bọc nữa, lần ngoài áp sọ, gọi là « da dầy » (*duremère*), lần trong liền óc gọi là « da mỏng » (*pie-mère*), lần giữa có sấp nước gọi là « da mạng » (*arachnoïde*).

Óc chia ra hai phần bằng-bặn như nhau, gọi là hai « bán-cầu » (*hémis-*

phères) của óc, ở giữa có một cái thể da ráp (*corps calleux*) nối lại với nhau. Giữa hai bán-cầu, lại có một cái đuôi của lần « da dầy » luồn cong vào trong như hình cái lưỡi liềm, gọi là « lưỡi liềm óc » (*faux du cerveau*).

Ở những giống hạ-đẳng-động-vật thời mặt trên óc phẳng-lì, đến giống cao-đẳng-động-vật thời mặt óc có chỗ lồi chỗ lõm, chỗ lồi lên gọi là « vẳn » (*circonvolutions*), chỗ lõm xuống gọi là « vũng » (*sillons ou scissures*). Xét những « vẳn » óc thời biết cái chất sám của vỏ óc ở người ta phát-đạt lắm, vì « vẳn » làm cho diện-tích chất ấy rộng thêm ra. Vẳn ở óc người ta thời thật là phồn-thịnh lắm, mới coi trông như lúc-nhúc : ông GRATIOLET là người trước nhất đã phân-biệt và hình-dung ra được những cái vẳn ấy. Óc giống hầu không có vẳn lắm như óc người ta, nhưng cũng tựa-hồ như cái phác-họa của óc người, cho nên nghiên-cứu óc con hầu có thể giúp để biện-biệt những đường vẳn đường vũng phiền-phức trong óc người ta vậy. Tuy những vẳn cùng vũng ấy ở mỗi người một khác, khiến cho người này có cái tài-năng này, người kia có cái khiếu-thông khác, nhưng đại-đề thời cũng là đại-đồng tiểu-dị vậy.

Đó là mặt ngoài óc, trong còn phiền-phức hơn nữa. Nếu cứ theo mặt trên cái « thể da ráp » mà bổ ngang cái óc ra thời thấy ở trung-tâm mỗi bán-cầu có một đám trắng gọi là « thể Viết-sơn » (*centre ovale de Vieussens*), chung-quanh có chất của vỏ óc bao-bọc. Nếu đem bóc cái « thể da ráp » ra thời thấy : ở đường giữa một mảnh chất trắng gọi là « thể tam-giác » (*trigone cérébral*) ; ở mỗi bên có hai cái hõm to gọi là « bao tả-hữu » (*ventricules latéraux*), trong bọc một thứ màng mỏng gọi là « da lót » (*membrane épendymaire*). Dưới « thể tam-giác », có một cái màng có mạch-quản chạy, hình như mạng-nhện, nên gọi là « màng mạng-nhện » (*toile choroïdienne*), phần dưới cái màng ấy thời có một đường tia gọi là « tia quả tùng » (*glande pinéale*), vì hình giống như quả cây tùng. Sau hết, ở dưới nữa lại có một cái hõm thứ ba ở giữa, gọi là « bao giữa » hay là « bao thứ ba » (*ventricule moyen ou troisième ventricule*), có những lỗ thông với hai bao trên gọi là « lỗ Môn-lô » (*trous de Monro*).

Mỗi bán-cầu óc lại chia ra ba phần đặc-biệt nhau : 1° phần vỏ, có sáu lớp bằng chất trắng và chất xám gián-cách nhau, chất xám nhiều hơn ; 2° phần chất xám ở trong có « thể vạch » (*corps strié*) và những « lớp chân gân mắt » (*couches optiques*) ; 3° phần chất trắng ở khoảng giữa phần vỏ xám với phần xám trong, có một cái thể như hình cái túi, gọi là « túi trong » (*capsule interne*), những sợi thịt (*fibres*) của cái túi ấy là do cái cuống óc (*pédoncule*) mọc lên, sòe ra ở cái thể bổ-dục ở giữa như hình cái quạt, gọi là « vòng hoa sòe » (*couronne rayonnante*).

Những « viên » (*cellules*) ở trên mặt óc thời hình tháp (*pyramidales*), thân to và đầu nhọn hướng ra ngoài mặt. Mỗi viên có một cái nhân (*noyau*) và những « hạt sắc-tố » (*grains pigmentaires*). Có viên to, có viên nhỏ khác nhau, nhưng lắm viên to quá khổ, gọi là những « viên đại » (*cellules géantes*).

Những sợi làm ra óc cũng cùng một thể-chất với các sợi tủy, không khác.

Máu đem lên óc bằng bốn cái động-mạch lớn : hai cái « mạch tim trong » (*carotides internes*) và hai cái « mạch óc sau » (*cérébrales postérieures*). Bốn cái mạch ấy tiếp-hợp với nhau, làm thành ra ở dưới chân óc một cái thể hình lục-lăng gọi là « Uy-li lục-lăng thể » (*hexagone de Willis*). Những vị-ti-huyết-quản do thể lục-lăng phát ra,

đều là những chi-lưu của bốn cái mạch lớn trên, thời họp thành ra hai « hệ » (*systèmes*) khác nhau, một hệ thuộc về các vần ở ngoài, một hệ thuộc về các nhân ở giữa.

Hai hệ ấy tuy căn-nguyên cùng một nơi, mà tuyệt-nhiên không có thông-tiếp với nhau ; hệ này bị hư-tổn, hệ kia không thể bổ giúp được, không những hai hệ ấy, mà đến những bộ-phận của hai hệ ấy cũng vậy, thành ra nếu một cái huyết-quản nào bị tắc hay bị gẫy thời cả phần óc thuộc về huyết-quản ấy tầm-thấm sẽ hư-hỏng hết. Những mạch quan-trọng nhất cho bệnh-học là : « mạch óc trung », nhất-danh là « mạch Sin-vi » (*cérébrale moyenne ou sylvienne*) và mạch đi qua cái « túi trong », ông Y-sĩ Charcot đặt tên là « mạch bệnh đứt mạch máu óc » (*artère de l'hémorragie cérébrale*). — Trở lên là nói về « động-mạch » (*artères*), nghĩa là những mạch máu đỏ, còn « tĩnh-mạch » (*veins*) là những mạch máu xám thời không có quan-hệ lắm; tĩnh-mạch thường chia ra mạch ngoài mặt và mạch trong sâu (*veines superficielles et profondes*), và đại-đề là thuộc vào các đường rỗng trong óc gọi là « cống óc » (*sinus cérébraux*).

Ấy đại-khái hình-thể và các bộ-phận trong óc như thế. Nay xét qua đến sự sinh-lý của óc. Thử lấy một con vật, cắt phần óc bỏ ra, thời con vật ấy không thể nào tự mình cử-động được nữa. Nếu mó vào, châm vào, thời cũng có kích-thích mà khiến cho cử-động được, nhưng kích-thích thế nào thời tất phản-động lại như thế mà thôi. Tỉ như con ếch thời cứ nhảy nếu nhảy bậy, có cái gì trướng-ngại không biết, đâm vào một lượt, lượt sau lại thế ; con chim-câu thời vẫn bay, nhưng bay thiên bay thẹo, ngã xuống đâu không biết. Vì hãy còn cái tủy xương-sống nên phàm gặp kích-thích ở ngoài tất thân-thể có phản-động lại (*mouvement réflexe*), nhưng sự kích-thích ấy không có tri-giác nữa, nên không còn sự gì là sự hành-vi thuộc về ý-thức : cảm-giác, ký-ức, phán-đoán, v. v. đều mất cả. Người ta đã thí-nghiệm không cắt cả bộ óc, mà chỉ cắt từng phần một, hay là dùng sức điện để kích-thích, thời biết rằng cái nguồn-gốc mọi sự tri-tuệ, sự ý-chí của người ta không phải là ở trong toàn-thể óc mà chính là ở cái lần vỏ óc (*couche corticale*), nghĩa là cái phần chất xám bọc ngoài vậy.

Trên kia đã nói rằng trong óc chia ra từng « não-căn » (*centres*), mỗi não-căn chủ một phần việc mà gồm cả toàn-thể thời làm ra thần-hồn người ta. Nay kể đại-khái các não-căn chia ra làm hai hạng :

1° Não-căn chủ việc cử-động (*centres psycho-moteurs*) : *a*) não-căn để nhớ tiếng nói, ở về phần dưới cái vần thứ ba về bên tả trán, nhất-danh là « vần ông Bô-ca » (*troisième frontale gauche ou circonvolution de Broca*). Thuộc về tiếng nói lại còn có cái « não-căn để nhớ âm-thanh chữ » (*centre de la mémoire auditive des mots*), ở vào cái vần thứ ba ở thái-dương bên tả, vần ấy mà hư-hỏng thời quên đặc các âm-thanh chữ, gọi là bệnh « điếc chữ » (*surdité verbale*) ; cái « não-căn để nhớ hình-dạng chữ » (*centre de la mémoire visuelle des mots*) ở vào cái lá nhỏ ở phần dưới đỉnh đầu (*lobule pariétal inférieur*), lá ấy mà hư-hỏng thời trông chữ không sao đọc được nữa, gọi là bệnh « mù chữ » (*cécité verbale*); « cái não-căn để nhớ những sự cử-động trong khi viết » (*centre de la mémoire des mouvements de l'écriture*) ở vào phần dưới cái vần thứ hai về bên tả trán, vần ấy mà hư-hỏng thời không sao cất bút lên viết được, gọi là bệnh « tê viết » (*agraphie*); — *b*) các não-căn chủ sự cử-động ở trên mặt và ở tay chân, ở vào chia ba hai phần

trên của cái vẫn trán và cái vẫn đỉnh đầu trên.

2° Não-căn chủ việc cảm-giác (*centres psycho-sensoriels*) : *a*) Não-căn của thị-giác (*centre visuel*) ở vào trên mặt cái lá ở trầm đầu (*lobe occipital*) ; *b*) Não-căn của thính-giác (*centre auditif*), ở về phần dưới vẫn thứ nhì và thứ ba thái-dương ; *c*) Não-căn của khứu-giác (*centre olfactif*), ở về phần trên vẫn thứ hai nửa về thái-dương nửa về trầm đầu (*deuxième temporo-occipitale ou Hippocampe*) ; *d*) Não-căn của xúc-giác (*centre tactile*), để tiếp-xúc với các vật ngoài và cảm sự đau đớn, thời hiện nay chưa tìm được rõ là ở vào vẫn nào lá nào.

Những sợi gân tự các não-căn ấy ra thời ở bên nào nối vỏ óc với cái cuống óc về bên ấy ; nhưng đến sau vào đến « củ óc » (*bulbe*) và vào đến tủy, thời những sợi ấy chẳng-chịt bên nọ sang bên kia, cho nên hễ hư-tổn phần nào thời thành ra chứng tê gọi là « tê chẹo » (*paralysie croisée*), thí-dụ như hư bên bán-cầu tả thời phần bán-thân bên hữu thành ra tê. Nhưng mà các đường gân ấy chạy trong óc thế nào, nhà y-học đã biết rồi, cho nên đương khi còn sống có thể chẩn-đoán mà biết được óc hư-tổn vào đâu vậy.

2- Các «não-căn» hành-động thế nào

Trong các não-căn kể trên kia thời quan-trọng nhất là cái não-căn chủ về ngôn-ngữ. Nay ta thử xét xem nó hành-động thế nào. Như khi ta lắng tai nghe thời sự nghe ấy ra làm sao. Nếu chỉ nghe những thanh-âm không có nghĩa-lý gì thời chắc là phàm người nào thân-thể kiện-toàn, hai bán-cầu óc đều có thể nghe được cả, nghĩa là đều có thể biên-ký được những thanh-âm ấy. Nhưng có một thứ thanh-âm riêng ta gọi là tiếng nói thời nghe không chưa đủ, phải vừa nghe mà vừa hiểu mới được, hai việc thật là khác nhau, vì nhiều khi có nghe mà không hiểu, như nghe một người ngoại-quốc nói thời ta vẫn nghe nhưng ta không hiểu tiếng người ta nói thế nào.

Người ta đã từng nghiệm rằng những người hay dùng tay phải thời cái khiếu hiểu nghĩa các tiếng nói là thuộc về bán-cầu tả của óc ; có một phần trong bán-cầu ấy đã luyện-tập riêng để hiểu nghĩa những thanh-âm trong tiếng nói, phần ấy tức gọi là cái não-căn chủ về ngôn-ngữ (*le centre du langage articulé*). Nếu phần ấy bị hư-hỏng hay là vì cớ gì mà không dùng được, thời người bị bệnh ấy vẫn còn nghe được, vẫn còn thâu-nhận được các thanh-âm, nhưng khác nào như đứa con trẻ nghe mà không hiểu, hay là như một người nào nghe một thứ tiếng ngoại-quốc mình chưa học bao giờ vậy.

Thường trong khi nói chuyện, nếu mình không để ý vào câu chuyện thời có khi vẫn nghe thấy tiếng người ta nói mà không hiểu là nói chuyện gì ; bấy giờ mới nói : « Xin ông thứ cho, tôi chưa nghe rõ ông nói gì », nhưng trước khi người ta nhắc lại cho mình nghe thời thốt-nhiên mình đã hiểu rồi. Thế là tại làm sao ? Thế là tại cái thanh-âm câu chuyện tuy có cảm vào não-căn của thính-giác (*centre auditif*) mà không chuyển tới não-căn về ngôn-ngữ (*centre du langage*) ; bởi vậy nên cái óc của mình có nghe thấy tiếng mà không hiểu được nghĩa. Cách đấy một giây đồng-hồ thời óc mới chú-ý vào câu chuyện, tiếng mới chuyển-động đến não-căn, thành ra thốt-nhiên mình mới nghe vỡ. Xét đó thời không những biết cách hoạt-động của cái óc thế nào, mà lại biết sự chú-ý quan-hệ là bao nhiêu, có chú-ý thì nghe mới hiểu được.

Như nói về âm-nhạc, *nghe* với *hiểu*, hai sự cũng khác nhau lắm, và chắc rằng trong bán-cầu óc chủ về sự ấy có hai cái căn riêng, một cái để nghe, một

cái để hiểu âm-nhạc. Người ta đã nghiệm óc của mấy nhà soạn-nhạc trước-danh sau khi chết rồi, thời thấy có mấy đám « viên » (*cellules*) to hơn các đám khác, có lẽ đó chính là cái não-căn về âm-nhạc đã phát-đạt lắm vậy.

Muốn biết cái óc tác-dụng thế nào, hoạt-động làm sao, thời cần phải nghiên-cứu óc những hạng người lỗi-lạc hơn người; có khi những bậc tài-trí, những nhà bác-học trước-danh xin rằng sau khi chết rồi các nhà chuyên-môn cứ lấy óc mình ra mà xét. Những hạng người ấy thời dẫu chết cũng là có công cho nhân-loại, như trong khi còn sống vậy. Vì ta đã biết rằng mỗi người ấy bình-sinh có cái thiên-tài về sự gì, thời tử-hậu lại được xét óc người ta tất tìm thấy những đặc-sắc trong cái óc ấy và biết được cái thiên-tài của người ta căn-nguyên ở chỗ nào. Như ông GAMBETTA là một tay đại chính-trị, lại vừa là một nhà đại hùng-biện nữa; sau khi chết, có được xét óc ông ấy, thời thấy chính cái phần mà ta thường gọi là não-căn về ngôn-ngữ thật đã phát-đạt một cách khác thường vậy.

Tuy vậy mà cái chuyên-môn về não-học cũng vẫn hãy còn ở trong thời-kỳ phôi-thai. Ta biết là gọi là biết đại-khái về cách hoạt-động của óc, nhưng đến giải cái nguyên-nhân sở-dĩ làm sao mà trong hai cái óc cái nọ khác cái kia như thế thời ta còn mang-nhiên chưa hiểu gì cả. Các tay chuyên-môn, các nhà y-học, vẫn thường nghiên-cứu về óc người, nhưng chỉ được xét óc những người tầm-thường, không có tài-năng gì lỗi-lạc, nên cũng không mấy khi phát-minh được sự gì mới lạ. Bởi vậy nên trên kia đã nói rằng muốn cho môn não-học tiến-bộ được thời phải xét óc những hạng người lỗi-lạc kỳ-kiệt hơn người thường (bác-học, danh-sĩ, hiền-triết, tài-tử, v. v.) mới mong phát-minh được sự lạ.

Ngoài não-căn về ngôn-ngữ, lại còn não-căn về thị-giác (*centre de la vue*) cũng phát-đạt lắm. Trong hai bán-cầu óc thời đã biết rằng bán-cầu nào cũng trông nhìn các vật được, và cái não-căn về thị-giác là cái căn chung cả cho hai bên, nhưng lại nghiệm rằng phàm người hay dùng tay phải thời chỉ có bán-cầu tả là mới có cái căn thị-giác các chữ viết (*centre visuel des lettres*). Nếu cái căn ấy bị tổn-hại hay hư-hỏng vì bệnh-tật hay vì tai-nạn bất-kỳ, thời người bị ấy vẫn trông thấy chữ, vẫn viết được, chép được, nhưng những chữ ấy không có nghĩa gì cho người ấy nữa, vẫn đọc vẫn viết mà không hiểu là gì; thế gọi là bệnh « mù chữ » (*cécité verbale*) như trên kia đã nói.

Vả phàm những tư-tưởng cao-thượng — điều này là ức-lượng, chưa dám quyết chắc — thời có lẽ cũng là do cái não-căn về thị-giác chủ-trương cả. Đem óc ra xét thời nhận được ngay phần nào là phần thuộc về não-căn ấy, chính là phần ở ngay đằng sau sọ; vậy đã nghiệm biết rằng phần ấy từ khi nhân-loại mới phôi-thai đến giờ cái diện-tích nó đã khoáng-trương ra to lắm, và so-sánh với óc các giống vật thời rộng hơn các phần khác nhiều lắm. Không những các giống vật, ngay người với nhau mà người nọ sánh với người kia cũng thấy diện-tích phần ấy to nhỏ khác nhau nhiều. Những dân còn mọi-rợ cùng những hạng người ngu-ngốc thời cái não-căn ấy nhỏ và hẹp, còn những giống người trí-tuệ đã mở-mang thời nó rộng và to lắm.

Ta xét kỹ hai cái não-căn về thị-giác và thính-giác, là bởi vì hai cái ấy quan-trọng cho ta hơn cả, có thể nói cả sự sinh-hoạt của người ta là phụ-thuộc ở đó, vì trước khi tiêu ra tất phải thu vào đã, tức là trước khi biết nói biết viết thời người ta phải biết nghe biết trông. Đứa con trẻ sơ-sinh, trí-tuệ nó

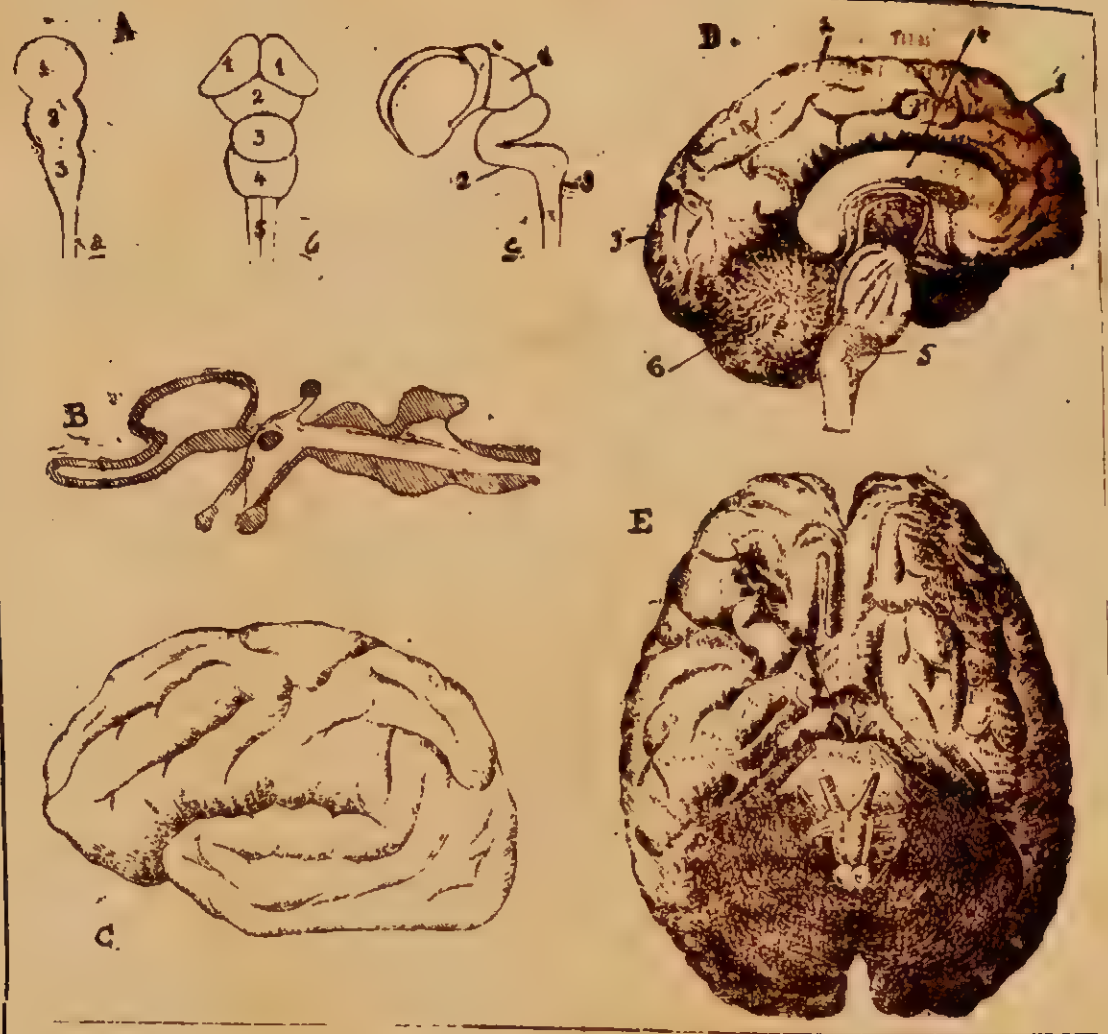

ÓC NGƯỜI TA

Vẽ phóng-đại theo trong sách Bách-khoa tự-điển (*Nouveau Larousse*)

A. — Óc người ta lúc mới phôi-thai (vẽ phác-họa)

a — Mới đầu chia ra làm ba cái bao, thắt lại như hình cái bầu rượu để ngược.

b — Rồi ba cái thành ra năm cái, và đã mường-tượng ra hình các bộ-phận trong óc : 1. Óc trên (hai bán-cầu) ; 2. Óc giữa ; 3 Óc trung ; 4. Óc dưới (tức là óc con) ; 5. Óc hậu (tức là đường tủy óc).

c — Sau cùng thời uốn lại, mà rõ ra ba đợt : 1. Phần về sọ ; 2. Phần dưới sọ ; 3. Phần về gáy.

B. — Địa-đồ óc người và óc các giống cao-đẳng-động-vật, vẽ bổ ngang cho biết đại-khái các đường lối trong óc.

C. — Mặt ngoài bán-cầu bên tả, cho biết các đường vằn đường vùng của óc.

D. — Vẽ bổ giọc cái óc cho biết các phần ở trong, từ trên đến dưới : 1. Vằn trán ; 2. Vằn đỉnh đầu ; 3. Vằn trầm đầu ; 4. Thể-rập ; 5. Cuống óc ; 6. Óc con.

E. — Mặt dưới óc, cho rõ chỗ xuất-xứ của mười-hai bộ giây thần-kinh óc, chủ các việc cảm-giác vận-động trong người ta, và nhất là ở mặt và chân tay.

dần-dần mở-mang ra cũng là theo trình-độ như thế. Trước khi biết nói nó còn phải tập nghe tập trông, và nhờ đó mới thâu-nhập được các cái cảm-giác vào trong óc. Nay ta xét qua đến hai cái não-căn về tiếng nói và về chữ viết, hai cái đó tuy rời nhau mà cũng tức như một, vì có mật-thiết quan-hệ với nhau. Trên kia đã nói rằng trẻ sơ-sinh thì chỉ mới dụng đến hai cái căn thị-giác và thính-giác mà thôi; sau lớn dần lên, dạy cho đọc sách viết chữ thời mới lại nảy ra hai cái căn khác nữa là căn đọc chữ và căn viết chữ.

Cứ suy-nghĩ thời tất hiểu rằng não-căn về tiếng nói là cái căn huyền-diệu nhất trong óc người ta; chắc rằng căn đọc chữ và căn viết chữ cũng là quan-trọng cả, nhưng đọc với viết tức cũng là một cách nói và là phụ-thuộc với căn tiếng nói cả. Ta vẫn biết rằng tiếng nói là cái của báu quí nhất của loài người ta, vì người ta sở-dĩ làm người chính là ở cái tài biết nói, như vậy thời cái não-căn chủ về tiếng nói ở trong óc ta tức là khởi-điểm nhân-cách ở đó, và người ta trở nên được một giống linh nhất trong muôn vật cũng là vì đó vậy.

Căn ấy là cái căn phát-minh ra trước nhất, hồi khoa não-học mới bắt đầu thịnh-hành, và đó cũng là một sự may, vì căn ấy chính là căn phát-đạt trước nhất trong óc người ta. Ông ngoại-khoa trước-danh ở nước Pháp Broca là người trước nhất đã tìm thấy xứ-sở của cái não-căn về tiếng nói ở trong óc người ta, đặt nó vào vẫn thứ ba bên tả trán; cho nên vẫn ấy đã đặt tên là « vẫn Bô-ca » (*circonvolution de Broca*). Cũng trong một bộ-phận ấy lại có mấy cái não-căn chủ về sự vận-động ở mặt, ở lưỡi và ở hàm, tức là những căn cử-động các gân thịt.

Những gân thịt ta dùng để nói đều có chủ-động ở trong mỗi bán-cầu óc, nhưng cử-động những gân thịt ấy không thôi với cử-động để cho nói được, hai việc thật là khác nhau lắm, nếu nhân ốm-đau hay nhân sự tai-nạn bất-kỳ mà cái não-căn về tiếng nói bị hư-hỏng tổn-hại thời những thịt gân để nói vẫn còn cử-động được, nhưng nói thời không được nữa. Người nào như thế thời ta nói gì có thể bắt chước mà lắp lại được, nhưng mà cũng như con vẹt vậy, bắt chước được thanh-âm của người ta mà không gọi là nói tiếng người được. Song có một vài tiếng giản-dị, như tiếng *có*, tiếng *không* là những tiếng thường dùng lắm, nói đã nhiều quá nên nó đã in sâu cả vào trong bán-cầu bên hữu, thời dẫu khi cái não-căn chủ-động ở bán-cầu bên tả đã hư-hỏng rồi những tiếng ấy có lúc vẫn còn nhớ mà dùng được. Tỉ như ta thường thấy những kẻ hạ-lưu thô-bỉ, nói gì cũng pha thêm những tiếng văng tục vào, những tiếng văng-tục ấy nói nhiều lắm đã thành quen, in sâu vào bán-cầu bên kia, gặp khi cái não-căn về ngôn-ngữ bị hư-hỏng, nói câu gì cũng không thành nữa mà duy câu văng-tục ấy vẫn còn nói được, cũng là một lý-do như thế. Não-căn về tiếng nói phát-minh đã lâu năm rồi; vả lại những nhà y-học thường phải chữa những bệnh cùng những sự tai-bay phạm đến não-chất, kinh-nghiệm đã nhiều mà biết rằng phàm não-chất biến tính hoặc hư-hỏng thế nào thời xảy ra những sự thế nào, song đó là phần nhiều thuộc về cái óc có bệnh, đến cái óc lành, vô bệnh-tật, thời còn phải nghiên-cứu nhiều nữa mới gọi là biết được.

Ai cũng biết rằng trong các giống người, không những các giống người, đến các người trong một giống, cái khiếu ngôn-ngữ tự giống này sang giống kia, tự người này sang người khác, có hơn kém nhau xa lắm. Có khi những người rất thông-thái, rất tài-giỏi, mà khi phải nói-năng gì lấy làm

khó lắm, nói thì chậm-chạp, ngập-ngừng, ấp-úng, dẫu nói với anh em trong nhà cũng vậy, còn ra giữa nơi công-chúng thời không thể sao cất tiếng lên được. Trái lại, thời có nhiều kẻ trí-tuệ rất tầm-thường, học-thức rất thô-thiển, mà đứng diễn-thuyết con cà con kê tới hẳng giờ được. Đó là thí-dụ ít nhiều người như thế, chớ không phải nhất-khái như thế cả ; vì có nhiều bậc đại-tài vừa là những tay hùng-biện ; song mấy cái thí-dụ như trên cũng đủ chứng ra một cái công-lệ về sự tác-dụng của óc, công-lệ ấy là thế này : các bộ-phận trong óc, các *cân*, các *não* của óc đều là đặc-biệt, chớ không có liên-hệ với nhau, mỗi cái phát-đạt riêng mà không có quan-hệ gì đến các cái khác vậy.

Như một người có thể có cái não-cân về ngôn-ngữ rất phát-đạt mà các não-cân khác thời rất tầm-thường, hay là trái lại cũng được. Cho nên cứ thấy người nói hoạt mà cho là người có tài thời lầm khi lầm to, vì không thiếu gì những người trí-tuệ rất cao, tư-cách rất tốt, mà là người trầm-mặc, ít hay nói, cũng có lẽ là người ta thường trầm-tư mặc-tưởng, thường nghĩ-ngợi suy-cứu, mà không có thì-giờ nói nhiều vậy. Ai có con mắt quan-sát một chút, thời cũng có thể nghiệm được như thế, nhưng nay lấy não-học ta mà chứng, biết rằng các não-cân là độc-lập và đặc-biệt với nhau, thời cũng là thêm giá-trị cho sự kinh-nghiệm riêng của mỗi người vậy.

Sau hết ta nên xét qua đến cái vấn-đề này : một cái óc người tầm-thường với một cái óc người đại-trí khác nhau bởi sao. Vấn-đề ấy cũng khó giải cho minh-triết được. Nhưng đã có người xướng ra một cái lý-thuyết đại-khái như sau này. Thí-dụ như hai người chuyên nghề đánh dàn cầm, một người thời bao giờ cũng chỉ đánh được một tay, một người thời đánh đều được cả hai tay, chắc là cái tài hai người khác nhau xa lắm ; cứ bắt hai người lần-lượt nhau cùng đánh một khúc thời đủ biết hơn kém nhau thế nào. Lại thí-dụ một người chỉ dùng được một con mắt, chắc là không bằng một người dùng được cả hai mắt, như những người phải bệnh hiếng mắt, một mắt trông tốt hơn mắt kia, thời xét đường, đất xa gần, hay là nhìn cảnh-vật phối-hợp thường không được tinh.

Vậy thời óc người ta cũng vậy : những bậc đại trí-thức, những nhà đại tư-tưởng sở-dĩ khác người thường, là bởi cái tư-tưởng trí-tuệ người ta hình như có hai con mắt vậy (*binoculaires*) ; lý-thuyết ấy là tự ông Herbert Spencer (tàu dịch là Tí-tâu-tắc) là một nhà triết-học đại-danh ở nước Anh khởi-xướng ra. Theo ý ông, thời các bậc đại-trí khác người bình-thường là bởi hai bán-cầu trong óc người ta đều phát-đạt ngang nhau và lợi-dụng được nhiều hơn là óc người thường. Có lẽ sau này sẽ có người phát-minh được một cách giáo-dục cùng luyện-tập thế nào cho hai cái bán-cầu trong óc con trẻ đều có thể phát-đạt được như nhau, như vậy thời nhân-loại tương-lai này có cơ thông-minh hơn đời nay nhiều. Nhưng mà muốn cho hai cái bán-cầu óc đều lợi-dụng được cả là mong hai cái đều phát-đạt được mạnh-mẽ như nhau, chớ nếu hai cái đồng-thời dùng được cả mà hoạt-lực năng-lực vì đó đến kém sút đi, thời chẳng nên ước-ao làm gì. Như vậy thời thà dùng một bán-cầu mà dùng được tận lực còn hơn. Coi đó thời biết cái vấn-đề luyện óc bổ óc không phải là một việc dễ như cái nhà bào-chế thường tưởng lầm vậy.

3. — Một bệnh lạ thuộc về óc : bệnh « nhức óc buồn ngủ » (*encéphalite léthargique*) :

Từ khi chiến-tranh đến giờ, trong y-giới chỉ thấy bàn đến một thứ bệnh

mới thuộc về óc gọi là bệnh « nhức óc buồn ngủ ». Bệnh ấy tuy có nặng mà không hại người lắm như cái dịch-tệ khác, song là bệnh quan-hệ đến cái cơ-quan tối-yếu của người ta là tấm óc, cho nên nhân khảo-cứu về óc cũng nên xét qua bệnh ấy phạm đến óc thế nào, tưởng không phải là vô-ích mà lại là một vấn-đề hợp-thời vậy.

Trước hết kể qua cái bệnh-trạng như sau này. Thí-dụ một người — bất-cứ đàn-ông hay đàn-bà — tuổi chừng ngoài 25, vẫn mạnh-khỏe, thốt-nhiên thấy trong người mệt nhọc quá chừng. Hơi làm việc gì là chân tay rã-rời ra, và cứ mệt nhọc thế tới một hai tuần lễ. Rồi thấy đầu hơi lựng-vựng, lưng mỏi như dần. Rồi đến chân tay đau dừ như người bị đánh bị đập. Đó còn chưa phải là chính bệnh, mới là khai-mào mà thôi. Bệnh thời cứ dần-dần tiêm-nhiễm vào trong thân-thể, ngấm-ngầm không ai biết, như con rắn độc bò dưới đám cỏ xanh vậy. Cứ như thế tới một tuần lễ nữa.

Hết tuần lễ ấy thời mới cuốn màn lên và bắt đầu diễn cái bi-kịch ! Bệnh-nhân hốt-nhiên thấy nổi sốt, nóng tới 39, 40 độ. Đầu nhức như bổ, mà không thể sao đừng buồn ngủ được. Muốn ngủ, ngủ mãi không chán. Nếu cố lay động cho giậy mà xét hai con mắt thời thấy không thể sao nhắc mi lên nổi ; người ta đã ví con mắt là cái cửa-sổ của tâm-hồn, vậy mà hai cửa sổ cứ đóng im-ỉm không sao hé ra được. Xét kỹ thời có khi thấy mắt hiếng (*strabisme*), hoặc lệch một con, hoặc lệch cả hai con. Lắm khi nhìn hoa lên thấy vật gì cũng thành đôi cả (*diplopie*). Sốt dữ, buồn ngủ không thể sao đừng được, các đường gân mắt bị tê không cử-động được, ấy cái triệu-chứng của bệnh nhức-óc đại-khái như thế.

Ngủ vẫn là một sự hay, người ta cần phải ngủ được thời mới bồ lại cái sức khó-nhọc trong khi thức, nhưng cái thời-hạn ngủ phải cho vừa phải thời mới là sự thường, chớ ngủ mà đến bất-tỉnh nhân-sự như người chết thời là bệnh vậy. Nay được một tuần lễ thời người lại càng hôn-mê mãi lên. Người bệnh càng ngủ càng mê-mệt say-sưa mãi đi, không biết đến sự gì ở ngoài nữa, trong khi ngủ thời thường mơ-mộng hốt-hoảng, rền-rĩ như người cuồng, chốc-chốc lại rật nẩy mình lên ; cứ như thế tới hai ba tuần lễ, trong khi ấy thời rất là gian-nan khốn-nạn ; nếu qua khỏi được thời cứ dần-dần tỉnh lên như người cải-thố giậy, bấy giờ hỏi đến những tấn li-kỳ trong cái bi-kịch mới qua thời như mơ-mộng không còn nhớ tí gì nữa.

Tuy vậy mà nhiều khi có được khỏi hẳn như thế đâu. Bệnh nhức-óc thường còn sinh lôi-thôi ra nhiều chứng khác nữa, như các gân mắt vẫn cứng đờ không được nhậy như trước, sức khỏe mãi chửa được hoàn cũ, cứ thế đến mấy tháng trời chưa chắc đã hồi-phục được nguyên-khí.

Đó là kể đại-khái như phác-họa cái bệnh-trạng như vậy, còn nhiều chứng khác phụ-thuộc vào đấy thời không thể kể sao xiết được. Vì bệnh nhức-óc này thật là một bệnh thiên-hình vạn-trạng, và nặng nhẹ cũng không thường, có khi rất nặng đến chết người mà có khi qua khỏi dễ lắm. Nhưng bao giờ cũng có buồn ngủ, nặng mắt và sốt rét, đó là ba cái đặc-sắc của bệnh vậy.

Tháng ba năm 1918, quan giáo NETTER là người bắt đầu nghiên-cứu về bệnh này trước nhất, có xét bảy người mới mắc bệnh ở Paris, bấy giờ ai thấy nói cũng lấy làm lạ lắm, tưởng là một bệnh mới xuất-hiện lần này là lần đầu. Song ngài xét kỹ thời biết rằng thật là một bệnh có đã lâu lắm, nghiệm ra đời nào cũng có, như HIPPOCRATE là nhà y-học nước Hi-lạp đã hai nghìn năm nay có nói một thứ bệnh mê-ngủ

(*lethargos*), Galien cũng vậy, Arétée de Cappadoce cũng vậy. Hai nhà sau ấy thời gọi là bệnh « sốt ngủ » (*lethargoi puretoi*), tức là bệnh nhức-óc ngày nay ; lại đến năm 1712, Camerianus là thầy-thuốc nước Đức ở thành Tubingue cũng tả bệnh-trạng như thế mà gọi tên là « bệnh-ngủ » (*maladie du sommeil*).

Năm 1889, sau hồi dịch cúm (*influenza*) bấy giờ nặng lắm, lại thấy bệnh ấy xuất-hiện ra, gọi tên là *nona*, tự đất Dalmatie tràn sang đông-bộ nước Ý-đại-lợi. Từ bấy cho đến năm 1917, không thấy nói nữa ; năm ấy mới lại thấy xuất-hiện ra ở thành Vienne. Bấy giờ nước Áo đương vào hồi nguy-kịch : chiến-tranh đã quệ, dân-gian đâu đâu cũng thấy đói-khát, khổ-sở, cùng-quẫn, thân-thể người ta suy-yếu thật dễ đón lấy cái bệnh mới vậy.

Ông Von Economo trước nhất nhận được bệnh, tả được đúng các bệnh-trạng ; lấy được con chùng bệnh tiêm sang cho con hầu. Vậy thời bệnh này quả là một bệnh truyền-nhiễm bằng vi-chùng. Năm 1918, ông Netter thấy bệnh mới truyền tới nước Pháp ; nhân ông nghiên-cứu, rồi thông-báo cho các y-viện biết, bấy giờ mới thấy khắp hoàn-cầu đâu-đâu cũng nói có bệnh ấy. Bệnh nổi lên như một chứng dịch ở Anh, Mĩ, Úc-châu (Australie), nhất là ở đất Queensland và đất Nouvelle-Galles-du-Sud. Bấy giờ khắp trong thế-giới, các nhà bác-học thi nhau mà tìm-tòi nghiên-cứu. Người Anh, người Mĩ, người Pháp, — người Pháp thời có hai ông Harvier và Lévaditi, — tìm được cách nuôi con chùng bệnh, chùng ấy thường ở trong nước mũi người ta. Thế là đã rõ được căn bệnh rồi. Bấy giờ những nhà chuyên về não-học mới đem kính hiển-vi mà tế-nhận nơi nào trong óc là nơi con chùng phạm đến. Nhờ ông bác-sĩ Gayet ở Lyon thời đã biết rằng những chứng riêng của bệnh này là do con chùng hay ở vào một phần óc ngang với cái não-căn chủ về thị-giác, phần ấy mà hư-tổn thời thường sinh ra bệnh ngủ.

Sự đó không lấy gì làm lạ, vì ta đã biết rằng phàm mỗi thất-tình giao-động đến thần-hồn người ta mà sinh ra hỉ-nộ ai-lạc, là mỗi mối có phạm đến một phần riêng trong tâm-não nên mới sinh ra mỗi chứng riêng. Về phần hồn như vậy thời về phần xác cũng như vậy : cái độc nó nhiễm vào phần nào trong thân-thể thời sinh ra một chứng riêng thuộc về phần ấy. Nay ta xét qua bệnh nhức-óc phạm vào óc thế nào.

Hình-thể óc trên kia đã nói tường, không cần phải nhắc lại cho phiền. Chỉ nên nhớ rằng ở dưới cái bao thứ ba có một đường chạy thẳng xuống chân óc (tức gọi là « củ óc » (*bulbe*) và một đường chạy ngang ra mắt. Đường chạy thẳng xuống chân óc ấy trên kia đã gọi là « cuống óc » (*pédoncule cérébral*), trong cuống óc thời có một cái tia đen bằng giây thần-kinh, sách thuốc gọi là cái « buồng đen » (*locus niger*) — chỗ ấy tức cũng vì như cái « cầu-chì » để truyền điện vậy. Ấy chỗ đó là chỗ con chùng bệnh nhức-óc thường hay ăn hại. Mới đầu nó còn ở đó, rồi nó leo dần lên tới cái đường ngang ra mắt, là chỗ có mấy cái não-căn chủ sự cử-động các gân trong mắt và ngoài mắt. Bởi thế nên mắt hình như đứt giây thông với óc, thành ra không mở và không trông được.

Nói tóm lại thời bệnh nhức-óc buồn-ngủ là một bệnh chỉ phạm đến cái phần trung-bộ trong óc người ta. Bởi sao vậy ? Có lẽ là bởi cái não-chất người đời nay, tuy có tinh-mật hơn trước nhưng không được mạnh-mẽ bằng xưa, cho nên dễ cảm-nhiễm các chứng-bệnh. Người ta thường nói

người đời nay yếu-ớt như con xên, mà yếu nhất chắc là cái đầu : thật thế.

Những nguyên-nhân làm cho óc người ta kém mạnh đi thời nhiều lắm, nhưng thứ nhất là bởi sự cảm-động nhiều và sự bồ-dưỡng ít ; cảm-động nhiều nên cái óc bị lay-chuyển lắm, ở đời nay thiếu gì là những việc đau lòng nhọc trí, mỗi việc như cái tên bắn vào óc người, trách chi mà óc chẳng bị thương bị yếu ; bồ-dưỡng ít thời khí-huyết hư, khí-huyết hư thời óc đã bị thương bị yếu không đủ bồi-bổ cho mạnh-khỏe lên được, nên ít sức mà chống-chỏi với các thời-chứng. Như bệnh dịch « ghíp » (*grippe*) vừa rồi có người đã tính có trong 11 tháng mà chết tới 24 triệu người, hại hơn chiến-tranh trong 51 tháng chết mất có 9 triệu, đó cũng là cái chứng rằng sức khỏe trong nhân-loại đời nay bị kém sút đi nhiều lắm, không đủ mà chống với bệnh-tật vậy.

Đó là mới nói cái đất để cấy bệnh, nhưng còn cái hạt giống bệnh nữa. Bởi cớ sao ma nhiều bệnh trước kia Âu-châu không biết — như bệnh sốt « lăng-xê » (*fièvre des tranchées*), bệnh *spirochétose ictéro-hémorragique*, nhất danh là *typhus hépatique*, bệnh *sodoku* Nhật-bản, v.v.) — bỗt-nhiên vì chiến-tranh mà phát-sinh ra mạnh như vậy ? Lại bởi cớ sao mà nhiều bệnh Âu-châu vẫn thường biết thường cho là nhẹ — thí-dụ như bệnh đau màng-óc và màng-tủy (*méningite cérébro-spinale*) — bỗt-nhiên vì chiến-tranh mà thành ra nặng lên gấp năm gấp mười, khiến cho những thuốc tiêm để phòng cùng trị các bệnh ấy không đủ sức dùng được nữa, thậm-chí phải chế ra những thuốc khác như chữa bệnh mới vậy ?

Cái nguyên-nhân ấy không ở đâu xa, chính là ở sự chiến-tranh mà ra. Trong khi chiến-tranh biết bao nhiêu giống người ăn chung ở lộn với nhau. Trong một giải đất chừng 800 cây-lô-mét dài, 20 cây-lô-mét rộng, nào là người Âu-châu, người Á-châu, người Mĩ-châu, người Úc-châu, người Phi-châu chồng-chất lộn-xộn, người da trắng, da đỏ, da vàng, da đen, pha-lộn với nhau, không những là ăn chung ở chạ mà lại hòa máu chộn thịt với nhau nữa.

Nhưng mà giống người đã khác nhau, mà các giống vi-chùng lại khác nhau nhiều nữa ; giống người chung-chạ nhau thời giống chùng cũng hỗn-hợp nhau mà biến tính đi. Có con chùng ở trong thân-thể một người Úc-châu thời vô-tội mà truyền vào người Âu-châu thời trở nên tối-ác. Tự ông Pasteur đến giờ, ai cũng biết rằng các giống chùng độc truyền người nọ sang người kia nhiều lần thời thành ra mãnh-liệt hơn lên, và quan Giáo Vincent ở nhà bệnh-viện Val-de-Grâce hồi xưa đã thí-nghiệm mà biết rằng giống vi-chùng lành nhất là giống *subtilis* nếu đem tiêm vào nhiều con chuột-con thời đến sau thành ra chùng độc.

Nay xét riêng về bệnh nhức-óc thời cái chùng nó có lẽ do tên chiến-tù nào người đất Dalmatie — là nơi bệnh đó phát ra lần sau cùng — đem vào nước Pháp, vì ở ngay gần Paris, tại Nanterre và Chatou trong khi chiến-tranh có đặt trại để giam những tù-binh bắt được của quân Áo.

Người đó chắc vẫn mang con chùng ở trong người không việc gì vì đã quen đi rồi, nhưng đến khi truyền-nhiễm sang người Pháp chịu không quen, chùng lành thành ra chùng độc. Tỉ như bệnh đậu mùa, xưa kia người da-đen ở các quần-đảo không biết là bệnh gì, khinh thường thành ra mắc mà chết cả, là bởi thân-thể người da-đen không quen bệnh ấy, bỗt-nhiên nó nhiễm vào trở nên rất độc.

Nay đã biết căn-nguyên bệnh nhức-óc như thế thời có cách nào chữa

được không? Hiện nay chưa có thuốc đặc-biệt để chữa bệnh ấy, nhưng mà nghề trị-bệnh mỗi ngày một tiến-bộ, đã biết rõ con chùng bệnh chắc nay mai sẽ tìm được thuốc tiêm để trừ-khử. Còn cách phòng-bị thời cũng dễ. Bệnh nhức-óc không phải là một bệnh truyền-nhiễm mạnh, và chùng nó thường ở trong mũi mà trong cổ-họng, vậy nên giữ cho cổ và mũi sạch sẽ, súc miệng rửa mũi luôn là đủ. Giữ riêng cho mũi thời chỉ nên bôi một ít *pommade soufrée*. Coi đó thời biết cách phòng-bị rất là giản-dị. Vả bệnh này thường thịnh-hành về mùa đông, sang mùa hè không có mấy.

Đó là cách phòng-bị liệu-trị về phần xác; về phần hồn thời nên giữ cho tâm-thần được bình-định, tránh những sự cảm-động kích-thích mạnh, như lo-lắng, phiền-não, sầu-muộn, thương-tiếc, v. v. Người ta đau-yếu vì sự lao-động ít, mà suy-nhược vì sự cảm-động nhiều. Người đời nay thời lao-động đã nhiều, mà cảm-động lại lắm, óc người cũng ví như cái điều-sáo hay cái phong-cầm, hễ hơi có tí gì rung-động là kêu lên những tiếng thiết-tha ai-oán, não-nuột lòng người, như tiếng phong-thanh hạc-lệ giữa khoảng trời đất mênh-mông vậy. Cho nên muốn sinh-tồn ở đời này, cần nhất là phải phấn-chấn tự-cường mà đừng nên âu-sầu phiền-muộn vậy. Tự-cường lại tự-cường, đạo sinh-tồn chỉ ở một câu đó, mà thuốc bổ-não cũng chẳng qua một câu đó mà thôi.

THƯỢNG CHI

MỪNG CÁC ÔNG TÂN-KHOA TRƯỜNG ĐẠI-HỌC

Từ khi sáng-lập trường Đại-học đến giờ, kỳ thi tốt-nghiệp vừa rồi là kỳ thứ nhất. Thế là công-nghiệp quan SARRAUT đã bắt đầu kết-quả vậy. Ai không nhớ hồi quan Toàn-quyền SARRAUT mới khởi-xướng đặt ra một nền cao-đẳng-giáo-dục ở Đông-Pháp này, những người tri-thức trong nước ta hoan-nghênh và cổ-võ biết dường nào. Đến khi trường Đại-học khai-giảng, cử-quốc đều chú-mục, lấy cái cảm-tình rất đậm-đà, rất âu-yếm mà nhìn bọn thiếu-niên tuấn-tú của nước nhà, từ nay đã được đặc-cách hơn bà-con mà ra hưởng cái ơn giáo-hóa của Bảo-hộ, sau này chắc thành những người tài-giỏi hơn đồng-bào, có thể đền ơn trả nghĩa được cho nước. Lòng kỳ-vọng của quốc-dân đối với các thày cao-đẳng-học-sinh thật là thiết-tha lắm vậy. Kịp đến hồi quan SARRAUT dời Đông-Pháp mà trở về qui-quốc, bấy giờ xét trong dư-luận người Pháp ở bên này có một phe phản-đối cái chính-sách của ngài, chỉ chực ngài đi là phá đổ những công-cuộc ngài đã gây-dựng ra, trong khi ấy bọn ta lo-sợ cho vận-mệnh trường Đại-học biết bao! Nhưng may thay, sự lo-sợ đó không đến nỗi nào, và qua một buổi ấy-náy không bao lâu ta lại được vững lòng như trước. Quan Toàn-quyền LONG mới sang tới đây đã bá-cáo cho nhân-dân biết rằng ngài không thay-đổi gì cái chính-sách của quan SARRAUT trước, và những sự-nghiệp khai-hóa của quan SARRAUT không những ngài cứ để như cũ mà ngài lại có ý khoáng-trương cho to-tát thêm ra. Tới nay thời trường Đại-học đã thành cơ-sở vững-vàng rồi; mới rồi học-khóa đã mãn, lớp học-sinh năm đầu của hai

trường Pháp-chính và Sư-phạm đã tốt-nghiệp, trường Đại-học đã cống-hiến cho nước nhà được một mớ nhân-tài mới vậy.

Ôi ! Cái gì khiến cho ta thường mừng, thường lo đến, là cái ấy có quan-thiết đến ta. Trường Đại-học mới sinh-hoạt được ba năm nay mà đã làm cho quốc-dân khi vui-mừng, khi lo-sợ, khi áy-náy, khi vững lòng như thế, thời biết rằng trường Đại-học đối với nước nhà có một sự quan-hệ rất to-tát vậy. Sự quan-hệ ấy thế nào ? Sự quan-hệ ấy là ở cái chức-vụ tối-cao của trường Đại-học làm một nơi để đào-luyện nhân-tài cho nước Nam ta. Chức-vụ ấy, trường Đại-học hiện như bây giờ đã làm được trọn chưa, và những nhân-tài luyện ở đấy đã thích-hợp cho sự cần-dùng trong nước chưa, nay hẵng tạm không xét cái vấn-đề ấy, vì xét vấn-đề ấy tức là nghị-luận về cách dạy học ở nhà trường, đó không phải là mục-đích kỳ-giả viết bài này. Chủ-ý của kỳ-giả chỉ là muốn nhân kỳ thi tốt-nghiệp năm nay là kỳ thi đầu nhất cả, khái-luận mấy câu về cái tư-cách, cái địa-vị, cái nghĩa-vụ của một người đã có cái học-thức cao-đẳng ở trong xã-hội nước ta bây giờ thế nào, tưởng cũng là một cách mừng các ông tân-khoa trường Đại-học ta vậy. Các ông trong ba năm trời rủi-mải học-tập, hăm-hở nhiệt-thành, ra công rắng sức mà thâu-thái những tư-tưởng học-thuật mới để rắp đem ra ứng-dụng với đời, nay công đã thành, danh đã toại, chắc cũng muốn biết quốc-dân bây giờ kỳ-vọng ở các ông những sự gì : kỳ-giả xin thay mặt quốc-dân mà cùng các ông giải-tỏ một đôi lời.

* * *

Sự học là cái của báu đệ-nhất ở đời. Học làm được cho thân hiển-vinh, làm được cho nước phú-cường. Học là cái đuốc sáng phá chốn mê-thành, nơi ám-thất, mà soi tỏ lối văn-minh. Học là cái thang cao vượt được khỏi chốn hôn-mông ngu-muội mà lên tới cõi trí-tuệ quang-minh. Học thật là quí lắm thay. Nhưng học phải có mục-đích thời sự học mới có ích, và mục-đích cao thấp thế nào thời sự học rộng hẹp thế ấy. Có người lấy sự học làm một cái trang-sức cho trí mình, làm một sự văn-vẻ cho người mình, chỉ cảm cái biểu-diện sán-lạn mà không thấu cái giá-trị thâm-trầm của sự học. Phần nhiều người thời coi sự học là một cái thang tiến-đạt cho mình; có lắm người lại chỉ lấy sự học làm một kế sinh-nhai, học để làm nghề này nghiệp kia, ngoại-giả không có cái chí-thú cao-thượng gì nữa. Những mục-đích ấy tuy không phải là không chánh-đáng, nhưng khí thấp và hẹp, không xứng với cái tôn-chỉ của sự học. Tôn-chỉ ấy ở các nước văn-minh cao-thâm và siêu-việt biết dường nào ! Những nhà học-giả của các nước ấy không ai là không có cái chí muốn khám-phá những sự huyền-vi của tạo-hóa, những sự bí-mật trong tâm-tính, những tình u-ẩn của xã-hội, để phát-minh ra chân-lý và cứu-tế cho loài người. Người nước mình chưa thể hoài-bão được cái tôn-chỉ siêu-việt như vậy, nhưng có thể đặt cho sự học một cái mục-đích cao hơn các mục-đích trên kia : người ta học là vị chân-lý, vị nhân-loại, ta học nên vị nước trước nhất, sự học của ta phải là *cái học cứu-quốc* vậy. Chắc ai đi học cũng phải nghĩ đến thân-gia mình trước, thân-gia có yên rồi mới nghĩ đến nước được ; nhưng ai cũng phải coi nước là cái mục-đích tối-cao, tới được mục-đích ấy thời sự học mới là hoàn-toàn, chưa tới được thời phải khuynh-hướng hết tinh-lực cho tới, không nên lấy cái mục-đích nào khác làm trọng hơn vậy.

Học đã là học cứu-quốc thời tư-cách, địa-vị nghĩa-vụ người học-giả

cũng là suy đó mà ra. Nhưng trước hết hẳng giải thế nào gọi là cái học cứu-quốc. Đời nào có sự học của đời ấy. Đời xưa, hồi nước mình còn bế-quan tỏa-cảng, chưa giao-thông với ngoài, thời sự học bấy giờ trọng về đường luân-thường đạo-lý, lấy duy-trì xã-hội làm mục-đích. Đời nay phong-hội mở-mang, Á-Âu hòa-hợp, sự học bây giờ lại trọng về đường động-tác kinh-doanh, lấy phú-quốc lợi-dân làm mục-đích. Cái học cũ của ta không thích-hợp với đời nay nữa. Nhưng trong bấy lâu ta những thương-tiếc không nỡ bỏ đi, những di-du không muốn thay đổi, mà bị cái phong-trào nó tràn ngập, đặt mình vào cái thế nguy-nguy ngập-ngập, đốn-tỏa ủy-mị trong bao nhiêu năm, cơ-hồ như không sao cất đầu lên nổi. Tuy cũng có người bất-đắc-dĩ miễn-cưỡng mà theo về đường học mới, nhưng trình-độ dân-trí còn thấp kém quá, Chánh-phủ Bảo-hộ có cái trách giáo-dục cho dân ta, chỉ mới ban-bố cho cái học sơ-đẳng tầm-thường đủ làm thành những bậc hạ-lại để phục-dịch trong các sở công mà thôi, chưa gọi là cái học đào-tạo nhân-tài vậy. Tuy thế mà cũng có người vượt được ra ngoài cái phạm-vi ấy, không ai dạy, không ai bảo, không ai đưa đường chỉ lối, mà cũng biết lĩnh-lược được cái học-thuật mới, dung-hóa được cái tư-tưởng mới ; thậm-chí có người đến cái học sơ-đẳng tầm-thường của Bảo-hộ dạy cho cũng không được hưởng mà chỉ vì công-phu khó nhọc, vì trí-tuệ thông-minh, làm nên được sự-nghiệp to lớn, chẳng kém gì ai, thời đủ biết rằng dân-trí mình không đến nỗi bạc-nhược cho lắm, và nếu khéo khai-thông ra thời chẳng bao lâu cũng tấn-tới kịp người vậy. Bấy giờ nhờ có quan Toàn-quyền rộng lượng, chiêm-nghiệm mà biết cái cơ tiến-hóa của dân mình, mới đặt ra trường Đại-học để ban-bố cho người Việt-Nam một cái học-thức cao-đẳng hơn trước. Tuy trường Đại-học ta so với trường Đại-học các nước còn kém xa nhiều, nhưng sánh với trình-độ nước mình thời hiện nay cũng là bậc học cao hơn nhất. Thế là người mình từ nay trở đi mới có thể gọi là *có học* vậy, vì cái học từ trước tới nay nhiều người đã công-nhận là « học kiếm gạo » hay là « học nô-lệ » mà thôi. Nay cái học mới này phải tiếp-tục cái học-thống cũ trong nước đã đoạn-tuyệt bấy nhiêu lâu và mở đường cho người mình tiến lên cõi văn-minh tư-tưởng mới ; phải chấn-loát tinh-thần, đề-khởi sự-nghiệp, phá những thói mê tục hủ, sửa những nết tốt tính hay, nói tóm lại là làm cái thuốc bổ-não cho dân mình khỏi được cái tật ủy-mị suy-đồi mà đổi thành cái tính cương-cường mãnh-tiến, khiến cho chuộc lại được sự chậm-trễ trong bấy lâu mà bồng-bột bước lên cho kịp người. Bởi thế nên ta gọi là cái *học cứu-quốc*, nghĩa là học để cứu cho nước khỏi suy-đồi mà nên cường-thịnh vậy.

Người học-giả vì chỉ có cái chí-thú « kiếm ăn » hay là cái tư-tưởng « nô-lệ » ở trong óc thời chẳng nói làm chi, nhưng nếu còn có chút chí-khí cao-thượng, biết quên mình mà thờ một cái lý-tưởng cao, thời đã mang tiếng là người có cao-đẳng-học-thức, bao giờ cũng phải có cái quan-niệm cứu-quốc ở trong lòng. Những học-sinh trường Đại-học ta toàn là hạng thiếu-niên tuấn-tú trong nước, chắc ai ai cũng có hoài-bão một cái chí to-tát như thế và muốn sau này đem tài-học ra giúp cho nước nhà : nếu vậy thời mới là hợp với cái mục-đích của sự học cao-đẳng như ta đã giải trên kia vậy.

Một nhà danh-sĩ nước Tàu đời bây giờ có câu nói rằng : « 下士區區保種愛國存學之志也 », nghĩa là : kẻ

học-sĩ này chỉ khư-khư có một cái chí giữ-gìn cho nòi giống, yêu-mến lấy nước nhà, và bảo-tồn cho sự học vậy. — Kẻ học-giả trong nước ta, nếu không muốn phụ lòng kỳ-vọng của quốc-dân, cũng phải có một cái chí như vậy.

Nay muốn thực-hành cái chí đó cho đạt được mục-đích trên kia thời kẻ học-giả phải gồm có những tư-cách gì, phải để mình vào địa-vị gì, và phải làm trọn những nghĩa-vụ gì ?

Tư-cách một người là gồm những tính hay nết tốt làm cho người ấy xứng-đáng nhân-cách và hữu-dụng với đời. Tư-cách một người học-hành ở nước ta bây giờ phải lao-cần, thành-thực, đôn-đốc, cẩn-nghiêm ; lại phải có bụng công-tâm, có lòng vị-nghĩa ; sau hết phải có một cái quan-niệm rất cao về phẩm-giá con người ta.

Tư-cách người ta tuy gốc tự thiên-nhiên, vốn trời bẩm-thụ, nhưng một phần nhiều cũng là bởi người ta tự gây-dựng lấy. Cho nên đầu trong tư-cách là tính lao-cần. Người ta có thân ở đời phải lao-động cần-cù, kẻ lao-động bằng thủ-túc, người lao-động bằng não-cân, ai ai cũng phải lao-động cả. Nỗ-lực, lại nỗ-lực, cho kỳ đến ngày kiệt-lực mới thôi, đó là cái luật của tạo-hóa, cái nghiệp của giống người, không ai có thể tránh khỏi được. Trong Thánh-thư đạo Gia-tô, có một câu Thiên-Chúa bảo ông tổ loài người rằng : « Mày phải đổ mồ-hôi nước mắt mới có miếng ăn ! », thật là một lời vạn-cổ châm-ngôn cho người ta ở đời vậy. — Xét ra trong tâm-lý người nước mình có cái tính ưa nhàn, cái tính cầu-an, thật là hai cái ác-căn phải tiệt đi cho hết. Nói ngay trong bọn học-hành, được mấy người sau khi thi đỗ làm nên, sự-nghiệp yên-ổn rồi, mà còn ra công học-vấn, ra công tu-luyện, cho tri-thức rộng hơn ra, nhân-cách hay thêm lên ? Thật là ít lắm. Phần nhiều người tốt-nghiệp ở nhà trường là tất-nghiệp cả một đời, vì cái công lao-động về sau chẳng qua là lao-động như cái máy, như cái đồng-hồ bằng ngày « tích-tắc » hết vòng lại lên giây, không phải là sự lao-động có ý-thức của người biết ma-luyện tâm-thần vậy. Người ta như một loài kim rất quí, phải rèn-đúc, mài-rũa luôn, thời cái chất nó mới rắn mới mạnh, nếu để không thời tất rỉ-hoen mục-nát ra vậy. Hỡi bạn thiếu-niên ! nên gắng-gỏi mà ma-luyện lấy cái tấm thân quí-báu này để mai sau thành cái khí-giới sắc-nhọn lợi-dụng cho quốc-gia : cũng cùng một mảnh sắt mà thanh gươm bách-chiến với con dao dựa cùn khác nhau là bởi sao ? là bởi cái công ma-luyện vậy. Người ta có ma-luyện mới nên người. Ông Tăng Quốc-Phiên là một bậc danh-nhân ở nước Tàu về cuối thế-kỷ thứ 19 có nói rằng : « Tôi bẩm-sinh là một người rất dần-độn ; sau có làm nên được chút sự-nghiệp thực là nhờ cái công khắc-khổ để-lệ suốt một đời. » Người tài-năng còn phải khắc-khổ mới nên, huống-chi là những kẻ tầm-thường. Anh em ta nên tập lấy tính lao-cần.

Lao-cần khắc-khổ để ma-luyện cho tâm-thần, đó là đầu trong tư-cách. Nhưng lao-cần mà không có lòng thành-thực cũng không nên công-chuyện gì. Một người xuất công rắng sức chỉ để dối mình lừa người, tự huyễn-diệu mà huyễn-diệu người, dụng-tâm toàn bằng quyền-thuật, thời dẫu có thành-công cũng là người không có giá-trị. Người ta phải thành-thực, thành-thực với mình và thành-thực với người, có thành-thực với mình rồi mới thành-thực với người được. Thành-thực với mình là giốc một lòng chuyên một dạ tu-luyện cho người mình ngày một hay hơn lên, một tốt thêm ra, không có cầu-thả, không có dối-dá với mình, không có vị những sự quyền-mưu danh-lợi ở

ngoài mà tự mình lại huyễn-diệu mình, khiến cho không biết cái chân-giá-trị của mình thế nào, lấy bề ngoài làm sự-thực, lấy ảnh-hưởng làm chân-thân, thành ra những sự khuyết-điểm không thể bổ-cứu được, mà con đường tinh-tiến bị mờ-ám trở-ngại vậy. Xét trong bọn học-hành ta thường thấy nhiều người dối-dá với mình như thế. Sức học còn kém hèn, tài văn chưa lỗi-lạc, nhờ được buổi « nhá-nhem » dư-luận trong nước còn lỗ-mỗ, chưa biết phân-biệt người hay kẻ quấy, kẻ giỏi người hèn, tự riêng mình đã tưởng là những bậc tiều-thánh-nhân, dưới mắt không còn ai hơn nữa. Cái tính tự-cao tự-đại ấy xét cho kỹ thật là bởi không thành-thực với mình. Những bậc tiều-thánh-nhân kia sở-dĩ tự mình huyễn-diệu mình như thế là bởi không có cái lòng thành-thực mà tự-lượng tự-xét cho biết cái chân-giá-trị của mình, nên không biết chỗ khuyết mà bổ và tự gây-dựng cho cái tư-cách được hoàn-toàn. Nhưng cái tính không thành-thực ấy không những là hại riêng cho mình không thể tu-luyện mà tinh-tiến lên được, nhưng lại còn hại chung cho nước nữa, vì phàm tự dối mình tất thành ra dối người, dối người tất người dối lại, hết thảy đều dối lẫn nhau, đều huyễn-diệu nhau, gây ra trong xã-hội một cái không-khí hư-ngụy khi-trá, làm trở-ngại đường tiến-hóa của quốc-dân. Nay bọn học-thức trong nước ta phải ra tay mà phá tan cái đám ác-khí ấy đi, cho học-giới được phong-quang sáng-sủa. Nhưng muốn tiệt cái căn-tính giả-dối, phải tập cái tư-cách thành-thực. Anh em phải thành-thực với mình, thành-thực với sự học thời mới thành-thực với nước được. Bọn ta đã lấy cái quan-niệm cứu-quốc làm mục-đích cho sự học thời nếu không thành-thực với sự học, còn mong ích-lợi cho nước nhà sao được. Chớ nên dối mình tức là dối nước vậy.

Đã có tính lao-cần thành-thực, bỏ ra thi-thố với đời lại phải có tính đôn-đốc thời mới nên sự-nghiệp. Tính đôn-đốc cũng là do ở tính thành-thực mà ra. Có thành-thực thời mới đôn-đốc được. Đôn-đốc nghĩa là trong bụng đã rắp theo một cái mục-đích gì thời tận-tâm tận-lực mà theo đuổi cho tới nơi, lấy làm một việc kính-trọng không dám sai-dời. Thường nhận trong bọn thanh-niên ta có cái tính khinh-bạc, nhiều người tri-thức có cái tính hoài-nghi, và mấy kẻ tự-phụ là cao-thượng có cái tính ngông-cuồng. Mấy cái tính đó hại cho người mình lắm lắm, nhưng tính khinh-bạc của bọn thanh-niên thời dễ sửa, vì tuổi cao lên tất người thuần lại, nếu là người có tư-chất tốt thời cũng dễ khiến cho có lòng đôn-đốc tận-tâm về nghĩa-vụ ; đến như tính hoài-nghi, tính ngông-cuồng thời khó chữa lắm, vì những người có tính ấy lấy thế làm tự-cao, không biết hại cho sự-nghiệp biết dường nào. Nhất là tính hoài-nghi thời thật là một cái tội với nước. Ở đời chỉ có hai đường : một là đời người đáng sống, đời người đã đáng sống thời có thân ở đời phải có sự-nghiệp với đời ; nếu sự-nghiệp ấy lại là sự-nghiệp cứu-quốc thời lại phải nên đôn-đốc tận-tụy mà làm cho nên, không nên sao-lãng ; hai là đời người không đáng sống, đời người đã không đáng sống thời chỉ nên tự diệt mình đi là xong. Ngoại hai đường ấy không còn có đường nào nữa, cho nên cái thái-độ kẻ hoài-nghi phân-vân do-dự, không dám bước lên không dám lui lại, là một cái thái-độ rất khả-ố, khả-ố mà lại hại cho xã-hội nữa, vì kẻ hoài-nghi đã không làm gì thì chớ lại hay có tính bài-bác người ta, tự mình không làm gì không ai bẻ được mà thấy người khác hành-động chỉ tìm cách làm cho người ta nản chí ngã lòng. Đến anh ngông thời không khả-ố mà nực cười. Vì ngông tất là cuồng,

nhưng cuồng cũng có năm bảy cách : có cái cuồng cao-thượng là cái cuồng của những kẻ hào-mại siêu-quần, trông thấy thế-tình bỉ-bỏi, vũ-trụ hư-không, muốn đem tinh-thần ra ngoài chốn hình-hài mà tiêu-diêu tự-đắc; đó là cái cuồng của ông Trang ông Lão. Nhưng cổ-kim có mấy ông Trang ông Lão, còn những kẻ giả Lão giả Trang thời chỉ có một tên gồm hết : gọi là những « thằng dồ » vậy. — Anh em ta chớ nên khinh-bạc, chớ nên hoài-nghi, mà cũng chớ nên mang lấy tiếng thằng dồ làm chi; đã đặt cái mục-đích bình-sinh ở chỗ nào thời phải nên tận-tụy mà theo đuổi cho tới. Anh em ta nên tập lấy cái tính đôn-đốc vậy.

Người đôn-đốc tất là người cẩn-nghiêm. Cẩn-nghiêm nghĩa là không coi thường, không khinh-suất, không sốc-nổi, không vội-vàng. Ở nước ta kẻ thanh-niên hay có tính nhẹ-nhàng, người đứng tuổi hay có tính cẩu-thả, thông-quốc đều có tính a-dua. Xét lắm việc cử-động của người mình tưởng như là một dân không có óc, không biết quan-sát, không biết suy-nghĩ, thấy ai làm gì cũng a-dua bắt chước mà làm thường cẩu-thả không thành việc bao giờ. Thậm-chí có người ngoại-quốc dã bình-phẩm dân Việt-Nam là một dân trẻ con. Ôi ! một nước dã có một cuộc lịch-sử hơn bốn nghìn năm mà là nước trẻ con rư ? Nhưng sở-dĩ có câu bình-phẩm đó là bởi cái thông-bệnh trong nước mình là cái tính nhẹ dạ, cẩu-thả và a-dua. Anh em ta nên trừ-khử ba cái tính ác-liệt ấy đi, và nhất-cử nhất-động phải biết cẩn-trọng, phải biết thủ-nghiêm, cho khỏi mang tiếng là một dân con-nít vậy.

Đã có bấy nhiêu tính hay nết tốt như trên thời tư-cách dẫu chưa gọi được là hoàn-toàn không khuyết, song cũng có thể cho được là thuần-túy không tạp. Có cái tư-cách thuần-túy không tạp thời mới xứng-đáng là kẻ *độc-thư-quân-tử* vậy. Nhưng làm người quân-tử độc-thư mà để mình ra ngoài thời-thế, ưu-du trong bể thánh rừng nho, ở giữa cái đời sinh-tồn cạnh-tranh, ưu-thắng liệt-bại nay, thời sao cho đang ? Cho nên người độc-thư-quân-tử lại phải có cái bụng vị-nghĩa công-tâm mới được. Học-vấn yêm-bác, tư-cách tuyệt vời, mà đem cái tài-học ấy ra thi-thố với đời, còn sự-nghiệp gì cao-thượng bằng. Nhưng trong khi ra trì-trục ở đời, cái bả lợi-danh nó thường làm cho dắm-đuối lòng quân-tử, khiến cho làm những sự không xứng-đáng với nhân-cách người ta. Cho nên người quân-tử ra đời bao giờ cũng phải hoài-bão một cái quan-niệm rất cao về phẩm-giá con người. Làm người ai cũng có phẩm-giá, có phẩm-giá mới hơn loài cầm-thú, mà phẩm-giá người quân-tử lại là cao hơn người thường. Người độc-thư-quân-tử phàm cử-động phải giữ cho khỏi tổn đến phẩm-giá mình. Công việc ở đời có một cái giới-hạn tới đó thời không hại đến danh-dự, ra khỏi đó thời có tổn đến phẩm-giá ; người độc-thư-quân-tử tất mỗi lúc biết tự hỏi lương-tâm mình mà phân-biệt cái đường giới-hạn ấy rất phân-minh vậy.

Độc-thư-quân-tử, có cái huy-hiệu gì tốt đẹp bằng ! Ký-giả xin lấy bốn chữ ấy tặng các ông học-sinh cùng tân-khoa trường Đại-học ta. Hễ các ông gồm được đủ bấy nhiêu tư-cách như trên thời xứng-đáng gọi là kẻ độc-thư-quân-tử, ký-giả rất lấy làm mong-mỏi lắm. Còn cái địa-vị của các ông ở trong xã-hội, cái nghĩa-vụ của các ông đối với nước nhà, thời muốn nói cho tường phải một bài đại-luận mới hết được ; bài này đã dài quá rồi, xin dừng bút lại đây và chỉ nói qua một câu rằng cái địa-vị các ông rất cao, cái nghĩa-vụ các ông rất nặng, các ông là người tiên-phong, kẻ khai-đạo, nhà giáo-dục cho cả quốc-dân-ta, hậu-vận

nước nhà mai này hay dở thế nào là ở trong tay các ông vậy....

***

Ôi! người ta mừng các ông tân-khoa thường hay tặng bài thơ đôi liễn. Nay ký-giả mừng các ông tân-khoa trường Đại-học ta bằng một bài luận dài như thế này, không phải là dám tự-phụ vì các ông đăng-đàn thuyết-pháp, muốn dạy lại những người sau này sắp ra dạy quốc-dân đâu, không phải thế. Nhưng cái lòng hi-vọng của quốc-dân đối với các ông to rộng lắm, muốn giãi bày cho hết ý, bàn bạc cho hết lẽ, thời một bài như bài này cũng chửa thấm vào đâu. Muốn mừng các ông tân-khoa ta cho xứng-đáng thời phải đến mươi bài đại-luận, mấy quyển sách dầy mới là thật xứng-đáng vậy. Nhưng giữa buổi trời hè nồng-nực này, ký-giả dẫu nhiệt-thành với các ông đến đâu cũng không có tài nào sức nào đương được một việc to-tát như vậy. Nay hãng có mấy lời mừng tạm này, mong các ông xét lượng vậy.

PHẠM QUỲNH

La littérature contemporaine n'est ni sans richesse ni sans agrément. Mais sa splendeur naturelle est altérée par deux péchés capitaux : l'avarice et l'orgueil. Avouons-le. Nous nous mourons d'orgueil. Nous sommes intelligents, adroits, curieux, inquiets, hardis. Nous savons encore écrire et, si nous raisonnons moins bien que nos anciens, nous sentons peut-être plus vivement Mais l'orgueil nous tue Nous voulons étonner, et c'est tout ce que nous voulons. Une seule louange nous touche : celle qui constate notre originalité, comme si l'originalité était quelque chose de désirable en soi et comme s'il n'y avait pas de mauvaises comme de bonnes originalités. Nous nous attribuons follement des vertus créatrices que les plus beaux génies n'eurent jamais ; car ce qu'ils ont ajouté d'eux-mêmes au trésor commun, bien qu'infiniment précieux, est peu de chose au prix de ce qu'ils ont reçu des hommes. L'individualisme developpé au point où nous le voyons est un mal dangereux. On songe, malgré soi, à ces temps où l'art n'était pas personnel, où l'artiste sans nom n'avait que le souci de bien faire, où chacun travaillait à l'immense cathédrale, sans autre désir que d'élever harmonieusement vers le ciel la pensée unanime du siècle.

ANATOLE FRANCE

Văn-chương đời nay không phải là không phong-phú, không phải là không phong-thú. Nhưng cái vẻ tốt-đẹp tự-nhiên ấy bị hai cái tật to nó làm giảm giá đi mất ; hai tật ấy là tật keo-lận và tật kiêu căng. Ta phải thú-thật : ta chết về tật kiêu-căng. Ta không phải là không khôn, không khéo, không biết tìm-tòi suy-nghĩ, bạo-dạn khởi-hành. Ta cũng còn biết làm văn, và dẫu lý-luận có không được đúng bằng cổ-nhân, nhưng cảm-giác có phần mạnh hơn. Song cái tật kiêu-căng nó làm hại ta. Ta muốn làm khác người, nhất-thiết chỉ muốn làm khác người mà thôi. Chỉ có một lời khen là cảm động ta không gì bằng : là khen ta có tài lí-kỳ đặc-biệt, không biết rằng cái tài lí-kỳ đặc-biệt tự nó không phải là một sự hay, và có cái lí-kỳ tốt, nhưng cũng có cái đặc-biệt xấu. Ta mơ cường tưởng rằng mình có cái tài sáng-kiến, không biết rằng tài ấy dẫu các bậc thiên-tài cổ-kim cũng chưa có bao giờ ; vì cái phần của những bậc ấy đã đem giúp thêm vào cái kho báu chung của nhân-loại, tuy có to có quí thật, mà đem sánh với cái phần của các bậc ấy đã được nhờ người ta thời chửa thấm vào dâu vậy. Cái duy-kỷ-chủ-nghĩa mà hành-trướng đến như bậc ngày nay thời thật là một sự tai-hại. Trông thấy thế mà tự-nhiên hồi-tưởng đến thời đại xưa kia nghề mĩ-thuật không có riêng ai, nhà mĩ-thuật thường không lưu-danh lại, bình-sinh chỉ chăm làm nghề mình cho tận thiện, mỗi người giúp một phần để dựng nên cái nhà giáo đường nguy-nga kia, cao-ngất giữa trời xanh, như biểu hiệu cái tư-tưởng chung của cả một thời đại vậy.

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ LUÂN-LÝ-HỌC NƯỚC TÀU (1)

III

B. — Trang-Tử 莊子

Học trò ông Lão-tử, từ trước đến nay vẫn xưng có ông Trang ông Liệt. Nhưng nay sách *Liệt-tử* truyền lại, là cái sách của người đời Tấn Ngụy làm giả ra, các đấng tiên-hiền đã có định-luận, chỉ để xem cho biết cái tư-tưởng người đời Tấn Ngụy mà thôi, cho nên không kể ở đây, mà chỉ chuyên luận sách *Trang-tử*.

Tiểu-truyện. — Trang-tử tên là Chu 周, người huyện Mông nước Tống, thường làm kẻ lại ở Tất-viên ; vua Uy-vương nước Sở cho đón, từ trối không đi, tức là giận đời mà ở ẩn vậy. Xét ông Trang-tử ở về trước đời ông Mạnh-tử, cho nên trong sách *Trang-tử* dẫu bác đạo Nho mà không nói đến ông Mạnh ; mà ông Mạnh gọi là họ Dương-Chu 楊朱 ấy, tức là Trang-Chu 莊周, vì cổ-âm chữ *Trang* 莊 với chữ *Dương* 楊 chữ *Châu* 周 với chữ *Chu* 朱, đọc hơi giống nhau ; cũng như là Toàn-Khanh 荀卿 mà đọc Tôn-Khanh 孫卿 vậy. Ông Mạnh-tử nói rằng: « Họ Dương chỉ biết vì mình mà thôi, nhổ một cái lông mà làm lợi cho thiên-hạ cũng không làm. » Lại rằng : « Lời nói của bọn Dương-Chu, Mặc-Địch, đầy trong thiên-hạ, họ Dương chỉ biết vì mình, đó là đạo vô-quân vậy. » Sách *Lã-thị Xuân-thu* rằng : « Dương-tử chỉ biết quí mình ». *Hoài-nam-tử* nói rằng: « Toàn-tính bảo-chân, không lấy vật lụy hình, thuyết họ Dương lập ra như thế, mà ông Mạnh-tử biện-bác đi. » Qui-kỷ bảo-chân, tức là cái chính-ý của thuyết vị-ngã, trong sách Trang-Chu nhiều chỗ nói về ý ấy, như là dẫn lời ông Hứa-Do 許由 rằng : « Ta không cần thiên-hạ làm gì »; ông Liên-Thúc 連叔 rằng : « Muốn đem cái đức một người mà bao-dung cả muôn vật làm thành ra một đời, mong cho đến trí-trị, ai lại chỉ bo bo về việc thiên-hạ như thế được, có khác nào đem bụi-rác tấm-mầy mà rèn đúc thành ra Nghiêu Thuấn, ai có cần thế làm gì. » Những ý nói như thế không kể sao cho xiết được, chính là ý ông Mạnh chê rằng nhổ một cái lông mà làm lợi thiên-hạ không thèm làm vậy. Ông Tử-Lộ 子路 chê Tràng-Thư 長沮, Kiệt-Nịch 桀溺, bảo rằng : « Bỏ mất nghĩa vua tôi »; lại chê rằng : « Muốn sạch cái thân mình mà loạn mất đại-luân. » Chính cũng như ông Mạnh bác họ Dương là vô-quân vậy. Còn như thiên *Dương-Chu* trong sách *Liệt-tử* thời vì hiểu lầm lời ông Mạnh mà nói phụ-hội ra đó, những lời nói ấy thuần là chủ-nghĩa tư-lợi mà hèn-hạ, không những là không hay cổ-động được thiên-hạ, vả lại trái khác với những lời đạo-đức của nhà Nho ; ông Mạnh-Tử sở-dĩ bài-bác không những bác là vô-quân mà thôi, ta sau sẽ xét kỹ, đây hãy nói qua đó thôi.

Học-phái. — Hàn-Dũ nói rằng: « Học-phái ông Tử-Hạ 子夏, sau có ông Điền Tử-Phương 田子方, sau ông Điền Tử-Phương phân-lưu ra là ông Trang-Tử. » Cái thuyết ấy không

(1) Dịch theo sách *Trung-quốc luân-lý-học sử* 中國倫理學史 của ông Sái-Chấn 蔡振.— Tiếp-tục kỳ trước, N.-P. số 35, trang 419-429.

biết bản ra tự đâu. Nhưng xét ra từ khi có cái học-thuyết Lão-Tử thịnh-hành ở phương Nam, Trang-Tử sinh ra ở khoảng nước Sở nước Ngụy, chịu được cái ảnh-hưởng ấy, mà lại lấy cái tư-tưởng rộng xa siêu-phát mãi ra, không những là không nhiễm cái ý-kiến quyền-mưu thuật-số của Lão-tử, mà cái kiến-thức về phần hình-nhi-thượng, cũng có điều tiến-bộ hơn, đã gần tiếp-cận đến học-thuyết của nhà Phật. Trang-tử vượt hẳn ra ngoài chính-trị-giới, mà thuần là một nhà đại-tư-tưởng nghiên-cứu về đàng triết-lý. Lúc đời Hán-sơ hay bàn đạo Hoàng Lão, từ đời Tấn Ngụy trở xuống, lại hay bàn đạo Lão Trang, xem đó thời biết Trang-tử với Phật Lão, khác nhau và giống nhau thế nào.

Sách *Trang-tử* còn được 33 thiên : 7 nội-thiên, 15 ngoại-thiên, 11 tạp-thiên. Nội-thiên nghĩa-lý sâu-xa, trước sau quán-chú, chính là chỗ trung-kiên của học-thuyết ông ấy ; ngoại-thiên và tạp-thiên thời phản-phúc suy-minh thêm ra. Thiên *Thiên-hạ* ở mục tạp-thiên thời kể cả đạo-thuật của các nhà ra mà phê-bình, và tự bày tỏ cái tôn-chỉ của mình, cùng với Lão-tử có hơi khác, tức là lời ông Trang-tử tự-thuật vậy.

Thế-giới-quan và nhân-sinh-quan. — Trang-tử cho thế-giới là bởi cái hiện-tượng tương-đối mà thành-lập, nhưng cái bản-thể nó thời là thuộc về tuyệt-đối, nghĩa là vô-vi, vô-thủy, vô-chung, mà vẫn còn mãi, ấy tức là *đạo*, cho nên nói rằng : « Kia vì không có cái sánh đôi được nên gọi là *đạo*. » Lại rằng : « Đạo chửa từng có đôi. » Bởi thế nên nhân-sinh-quan, cũng phải lấy phản-bản phục-thủy[1] làm chủ-nghĩa, đó là vượt qua ngoài tương-đối-giới[2], mà nhận biết cái bản-thể tuyệt-đối vô-chung, để định yên cái tâm-ý mình ; muốn đạt cái chủ-nghĩa ấy, thời phải hư-tĩnh điềm-đạm, tuyệt hết cả những sự tác-vi uốn-nắn, đều phó tự-nhiên cả, quên thiện ác, thoát cả khổ-ách, chỉ lấy vô-vi xử với đời. Cho nên nói rằng : « Đại-khối chở ta lấy cái hình, nhọc ta lấy sự sống, nhàn-dãi ta lấy cảnh già, yên nghỉ ta lấy cõi chết, cho nên ta thiện-xử lúc sinh, tức là ta thiện-xử lúc chết vậy. » Ôi ! sống chết còn không động lòng, lại còn kể chi đến thiện ác nữa !

Hễ ai đạt được cái chủ-nghĩa phản-bản phục-thủy, thời Trang-Tử gọi là bậc chân-nhân, cũng gọi là thần-nhân, hay là thánh-nhân, mà khen là bậc toàn-tài. Ở thiên *Đại-tôn-sư* đã từng nói rõ ra rằng : « Bậc chân-nhân đời xưa, không trái nghịch kẻ hèn, không hung-hăng lập thành, không khinh-miệt kẻ sĩ ; như thế dẫu lầm-lỗi cũng không hối-hận, thành-công được cũng không dám tự-đắc ; lên cao cũng không run, vào nước cũng chẳng ướt, vào lửa cũng chẳng nóng, lúc thức không lo, lúc nghỉ thời thiêm-thiếp. » Lại rằng : « Không biết yêu cái sống, không biết ghét cái chết, lúc ra chẳng hân-hạnh, lúc vào chẳng chống-cự, đi lại phiêu-nhiên, không quên lúc kỳ-thủy, không cầu lúc sở-chung, chịu được mà hân-hỉ, quên đi mà phục lại, thế gọi là không lấy tâm mà bỏ mất đạo, không lấy người mà giúp thêm trời, ấy là bậc chân-nhân. » Đại-đề các thiên khác cũng đều diễn một ý như thế.

Cái phương-pháp tu-vi. — Phàm người ta muốn vượt qua tương-đối-giới, mà đạt lên đến cực-đối-giới, thời

---

(1) *Phản bản phục thủy* 反本復始 = Trở lại căn-bản, phục lại từ lúc nguyên-thủy.

(2) *Tương-đối* 相對, tức chữ tây gọi là *relatif*, nghĩa là cái gì có thể sánh với cái khác được, *tuyệt đối* 絕對 là *absolu*, cái gì không sánh với cái khác được. — Như trong triết-học của ông KANT thời « tương-đối-giới » tức là *monde phénoménal*, và « tuyệt-đối-giới » là *monde nouménal*.

phải có cái phương-pháp tu-vi, ông Trang-Tử nói cái nghĩa thiển-cận rằng: « Bớt cái sự vụt-động của chí, giải cái sự lầm-lỗi của tâm, bỏ điều lụy của đức, thông cái đường lấp của đạo. *Quí, phú, hiền, nghiêm, danh, lợi*, sáu điều ấy hay làm cho vụt-động cái chí. *Dung, động, sắc, lý, khí, ý*, sáu điều ấy hay làm cho lầm-lỗi cái tâm. *Ghét, muốn, mừng, giận, thương, vui*, sáu điều ấy hay làm cho lụy cái đức. *Đi, lại, lấy, cho, hay, biết*, sáu điều ấy hay làm cho lấp mất đạo. Bốn cái sáu điều hại ở trên ấy không để cho động đến trong bụng, thời bụng chính, chính thời tĩnh, tĩnh thời sáng-láng, sáng thời hư-không, hư-không thời không làm gì, mà không phải là không làm. » Đó là cái phép tu-vi thuộc về tiêu-cực vậy. Lại rằng: « Đạo là che-chở cả muôn vật, rầy-rầy vậy lớn lắm thay, cho nên người quân-tử phải hư tâm để xét; vô-vi mà vẫn làm ấy gọi là trời, vô-vi mà vẫn nói ấy gọi là đức, yêu người lợi vật ấy gọi là nhân, hòa-đồng được cả điều bất-đồng ấy gọi là lớn, nết làm không lập-dị ấy gọi là khoan, có hàng vạn cái bất-đồng ấy gọi là giàu, giữ được đức ấy gọi là có cương-kỷ, nên được đức ấy là thành-lập, noi theo đạo mà làm là dự-bị, không phải ngoại-vật nó nên mất chí ấy là hoàn-toàn; người quân-tử biết tỏ mười điều ấy chứa ở trong tâm rất lớn lao, rồi tràn ra khắp muôn vật vậy. » Ấy là cái phép tu-vi thuộc về tích-cực vậy. Nói rút lại thời là trước bỏ điều vật-dục, rồi cứ phó mặc tự-nhiên cho tiến mãi lên.

Nội-tỉnh. — Bỏ bốn cái sáu điều hại, sáng tỏ mười việc như ở trên đó, là cái phép tu-vi đối với ngoại-giới. Trang-Tử lại tiến lên mà phát-minh cái công-phu nội-tỉnh, gọi là *tâm-trai*. Ở thiên *Nhân-gian-thế* nói rằng: «Thầy Nhan-Hồi hỏi tâm-trai. Đức Trọng-Ni đáp rằng: « Cốt ở định chí; không những nghe bằng tai mà nghe bằng tâm, không những nghe bằng tâm mà nghe bằng khí; tiếng nghe chỉ ở ngoài tai, tâm nghe chỉ ở dấu tích, khí thời hư-không mà đãi vật; đạo là ở hư-không, hư-không là tâm-trai vậy. » Đó nói tâm-trai là tuyệt cả bụng vọng-tưởng mà phát-hiện cái chân-tinh ra vậy. Ông Trang-Tử lại hình-dung cái trạng-thái nói rằng: « Nam-quách Tử Cơ tựa ghế mà ngồi, ngửa mặt lên trời mà than, ngẫm-ngùi vậy như mất lứa đôi. Nhan-thành Tử-Du hỏi rằng: « Làm sao thế vậy? hình anh có thể khiến như cây gỗ khô, mà tâm anh có thể khiến như tro nguội được không?» Đức Khổng-Tử yết-kiến ông Lão-Tử, Lão-Tử mới gội đầu xong, đương phơi tóc cho khô, nóng nẩy hình như không phải là người, đức Khổng-Tử tiến-kiến nói rằng: « Trước kia hình-thể tiên-sinh cứng như cây gỗ khô, hình như bỏ sót đời lìa người mà đứng một mình.» Lão-Tử nói rằng: « Ta đương chơi ở ngoài vòng nguyên-thủy muôn vật. » Chơi ở ngoài vòng nguyên-thủy muôn vật, tức là cái tác-dụng của tâm-trai vậy. Nói cái phương-pháp tu-vi thời bảo rằng: « Ta giữ tâm-trai được ba ngày thời ra ngoài được thiên-hạ; giữ được bảy ngày thời ra ngoài được muôn vật; lại giữ được chín ngày thời ngoài được cả sự sống; hay ngoài sự sống thời hay sáng-suốt, hay sáng-suốt thời hay trông thấy lúc một mình, hay trông thấy lúc một mình thời không còn kể gì cổ-kim, không kể gì cổ-kim thời hay vào đến cõi bất-tử bất-sinh.» Lại rằng: « Một năm mà phác-dã, hai năm mà thuận-tùng, ba năm mà thông-suốt, bốn năm mà hóa-vật, năm năm mà lai-phục, sáu năm mà như quĩ-nhập, bảy năm mà như thiên-thành, tám năm thời không biết sống không biết chết, chín năm thời đại-điệu. » Đó là ở trong thế-giới tương-đối, ngoài cái vật-chất và hai cái hình-thức không-gian thời-gian, đều không có gì cả.

Trang-Tử bảo rằng gác ngoài muôn vật và không kể cổ-kim, thời tức là vượt qua vật-chất và thời-gian không-gian, thuần là cái quan-niệm tuyệt-đối-thế-giới ; hoặc nói tự ba ngày cho đến chín ngày, một năm cho đến chín năm, cũng chẳng qua là đặt cái trình-độ tiệm - tiến phỏng - chừng ra như thế, duy có khác nhau là trên nói cái công-phu, mà dưới là nói cái hiệu-nghiệm. Trang-tử gọi là tâm-trai cũng giống như nhà Phật bảo là tọa-thiền[1], xem đó thời biết tư-tưởng phương Nam cũng khế-hợp như tư-tưởng Ấn-độ vậy.

Lời bàn bác lại cái tư-tưởng phương Bắc — Tư-tưởng của Trang-tử như thế, nên cùng với tư-tưởng phương Bắc chỉ chuyên lấy lễ-giáo của người đặt ra làm cái tác-dụng để điều-nhiếp tâm-tính, hai đàng như là băng thán không ưa nhau, cho nên những đế-vương mà nhà Nho sùng-bái, thời Trang-tử hay bài-bác bảo rằng : « Đời tam-hoàng ngũ-đế trị thiên-hạ, tiếng rằng là trị, mà rất là loạn, khiến người ta không được yên cái tính tính-mệnh, thế mà còn bảo là thánh-nhân, lại chẳng nên xấu hổ ru? » Lại rằng : « Xưa kia đời Hoàng-đế lấy nhân-nghĩa nhồi vào bụng người ta, Nghiêu Thuấn vì thế vế đùi không thịt, ống chân không lông, chịu khó để nuôi cái hình cho thiên-hạ ; lại sầu-não cả ngũ-tạng để làm nhân nghĩa, căng-trì cả khí-huyết để cho đúng khuôn-phép ; thế mà còn không trị nổi. Vua Nghiêu vì thế mới phải đuổi ngươi Hoan-Đâu, ruồng rợ Tam-miêu, đầy ngươi Cung-công, thế là không trị nổi thiên-hạ vậy. Xuống đến đời Tam-vương thiên-hạ lại sợ hãi lắm, dưới có Kiệt Trích, trên có Tăng Sử, mà phái Nho họ Mặc lại đều nổi cả lên, vì thế mừng giận cùng ngờ nhau, ngu trí cùng lừa nhau, phải với trái cùng bác lẫn nhau, đối với [illegible] cùng chê lẫn nhau, thiên-hạ [illegible] suy vậy. Đức lớn không đồng với nhau, tính-mệnh thành ra nát một cả ; thiên-hạ chuộng trí khôn mà cái lòng hi-vọng của trăm họ kiệt vậy ; rồi mới chế ra cưa rìu, thắt vào thắng mặc, quyết đến cối dùi, thiên-hạ dần dần đến đại-loạn, đó là tội tại lấy nhân-nghĩa nhồi vào bụng người vậy ». Suốt trong pho *Trang-tử* nói như thế rất nhiều, đại-ý chẳng qua là chê các bậc thánh-nhân chuộng trí-tuệ, đặt ra thứ-bậc chỉ gây ra cái mối tranh-loạn mà thôi.

Bài-bác nhân-nghĩa. — Nho-gia vết cái nêu để làm đạo-đức ấy là nhân-nghĩa, cho nên Trang-Tử hết sức bài bác nói rằng : « Quặt ngón chân, chống ngón tay, có phải tự tính đâu, mà gọi ngoa là đức ; phụ cái bướu, đeo cái vấu, có phải tự hình đâu, mà gọi ngoa là tính ; bày ra nhiều phương nhân-nghĩa để mà dùng, có phải là bày ra tự ngũ-tạng đâu ; không phải là đạo-đức chính vậy. Cái tính nó dài không phải chặt, cái tính nó ngắn không phải nối, không phải lo chi cả. Nhân nghĩa há phải là tính người đâu, người nhân kia sao khéo hay lo vậy. Vả lại đợi mực-thước khuôn-phép mà mới chỉnh được, thế là tước mất bản-tính vậy ; đợi dây-nút keo-sơn mà mới bền được, thế là lấn mất đức vậy ; khúm-núm lễ-nhạc, rủ-rỉ nhân-nghĩa, để yên-ủi lòng thiên-hạ, thế là sai mất lẽ thường-nhiên ; lẽ thường-nhiên thời thiên-hạ đều nhờ về đó mà sống mà vẫn không biết sở-dĩ thế nào mà sống, đều cùng được cả mà vẫn không biết sở-dĩ thế nào mà được ; cho nên cổ kim không hai, mà không thể khuy-khuyết được, can gì lại phải đeo lấy nhân-nghĩa liền như keo-sơn như dây-

(1) *Tọa-thiền* 坐禪 = ngồi yên lặng, tâm niệm hư không ; tức tiếng Ấn-độ là *dhyana*.

chạc mà đâm-thắm khoảng đạo-đức [illegible] nhà nho mà bảo làm nhân chính là vốn để chỉ-loạn ; nhưng tự Trang-Tử xem ra, thời vì nhân-nghĩa mà lại sinh ra loạn, vì là không thuận tính người vậy.

Đạo-đức cũng có đổi dời. — Ý Trang-Tử bảo rằng người đời gọi là đạo-đức, không có nhất-định, thường nhân từng nơi từng chỗ mà đổi dời, cho nên nói rằng : « Đi nước không gì bằng dùng thuyền, đi cạn không gì bằng dùng xe ; vì thuyền có thể đi nước được, mà đẩy lên trên cạn thời suốt đời không thể đi được một chút nào. Cổ kim không phải như nước với cạn hay sao ? Nhà Chu nước Lỗ không phải như thuyền với xe hay sao ? Nay đem đạo nhà Chu làm ở nước Lỗ, cũng như là đẩy thuyền lên cạn, khó nhọc mà vô-công, tất đến tai-vạ. Kìa như lễ-nghĩa pháp-độ, phải tùy thời mà biến-thiên mới được, nay thử bắt con vượn con khỉ mà cho mặc cái áo của ông Chu-công, thời nó tất cắn cấu cào xé ra cho kỳ hết mới thỏa lòng. Cổ với kim khác nhau, cũng như là giống vượn giống khỉ khác nhau với ông Chu-công vậy.» Trang-Tử bàn như thế, dẫu là thiên về dàng quá-kích, song về phái nho-gia mạt-lưu, vẫn cho đạo-đức là nhất-định không đổi được, không biết nghiên-cứu tùy thời tùy nơi có khác nhau, mà muốn đưa cả tính người ta đúc làm một lò, thời phải nên lấy lời nói của Trang-Tử ấy làm dược-thạch.

Cái giá-trị của đạo-đức. — Trang-Tử thấy đạo-đức phải tùy thời tùy nơi mà đổi dời, thời cho là vốn không có cái tiêu-chuẩn nhất-định, chỉ do người tiên-giác trong xã-hội, nhờ được cái thế-lực lâm-dân, mà cứ tự ý sáng-lập ra, phàm nhân-dân cứ nơi theo mà làm, duyên-tập lâu mãi rồi thành quen ; nếu xét lại cái gốc thời đủ biết rằng đạo-đức vốn không có giá-trị, cứ noi theo ấy đều là lũ dua đời cả, cho nên nói rằng : « Hiếu-tử không có dua nịnh đấng thân, trung-thần không có dua nịnh vua, nếu cứ theo lời nói việc làm của đấng quân thân mà cho làm phải làm hay, thời thế-tục chê là người thần-tử bất-tiếu ; thế-tục bảo là phải cũng ừ là phải, thế-tục bảo là hay cũng ừ là hay, như thế chẳng phải là người nói dua vậy ru?»

Nói về đạo-đức có lợi hại. — Đạo-đức đã là việc cả của phàm-dân, thời từ phàm-dân trở lên, tất không hay giữ được cái uy-nghiêm đồng-nhất, cho nên không những bậc đại-thánh, cả đến kẻ đại-đạo [1] cũng có thể lấy đạo-đức làm lợi-dụng, cho nên nói rằng : « Vì phải phòng-bị đứa kẻ trộm nó hay tách tráp, đó túi, mở hòm, thời phải buộc chặt giây giàng, đóng bền then khóa, thế-tục vẫn cho là khôn ; nhưng đến khi kẻ trộm lớn nó đến, thời nó vác hòm cắp tráp đó túi mà bước dảo đi, nó chỉ sợ dây giàng then khóa không được bền chặt mà thôi ; thế thời trước kia bảo rằng khôn, cũng chẳng qua là tích lại cho kẻ trộm vậy. Bởi thế mà xem, thế-tục gọi là khôn chẳng phải là tích cho kẻ trộm lớn hay sao ? gọi là thánh chẳng phải là giữ cho kẻ trộm lớn hay sao ? Sao lại biết như thế vậy ? Xưa kia nước Tề sở-dĩ lập được tôn-miếu xã-tắc, trị thành ra được châu-quận làng xóm, chẳng phải bắt chước phép của ông thánh-nhân là gì. Song nhất-đán người Điền-Thành-Tử giết vua nước Tề cướp lấy nước Tề, nào có những cướp lấy nước Tề mà thôi đâu ! Lại ăn trộm cả cái phương-phép thánh-trí, nước

(1) Đại-đạo 大盜 là kẻ trộm cướp lớn.

nhỏ không ai dám chê, nước lớn không ai dám trách, chiếm giữ nước Tề đã được mười hai đời, đó chẳng phải là trộm lấy nước Tề và trộm cả lấy phương-phép thánh-trí để thủ-thân cho kẻ trộm cướp hay sao? Học trò người Trích hỏi Trích rằng: « Đi ăn trộm có đạo gì không?» Trích nói: « Làm nghề gì mà không có đạo, xem như lường biết chỗ chứa của ở trong nhà thế là *thánh*, đi vào trước thế là *dũng*, đi ra sau thế là *nghĩa*, biết phải chăng thế là *trí*, chia đều thế là *nhân*, năm đức ấy không đủ mà làm thành được người trộm lớn, chửa có thế bao giờ.» Xem đó thời biết người thiện không được đạo ông thánh-nhân thời không lập được, người Trích không được đạo ông thánh-nhân thời không làm được; trong thiên-hạ người thiện ít mà người bất-thiện nhiều, thế thời thánh-nhân làm lợi cho thiên-hạ ít mà làm hại cho thiên-hạ nhiều, ông thánh-nhân có chết đi, thời kẻ trộm lớn mới không nổi lên được.» Trang-Tử bàn như thế là răn về cái tệ cuối đời Chu chỉ câu-nệ khiên-dẫn danh-nghĩa, gọi là đạo-đức nhân-nghĩa, chỉ làm cái đồ lợi-dụng cho kẻ trộm lớn, muốn trừ bỏ kẻ trộm lớn, thời tất phải vứt cả cái đồ lợi-dụng ấy đi, ấy là cái đạo chính gốc thanh-nguồn vậy.

Kết-luận. — Từ thời vua Nghiêu, vua Thuấn mới nói đến lễ-giáo, trải nhà Hạ qua nhà Thương, đến nhà Chu thời đủ cả, cái tôn-chỉ chỉ cốt là phân-biệt trên dưới, tự chốn gia-đình cho đến chốn triều-miếu, đều hay kẻ nhỏ không dám lăng kẻ lớn, kẻ hèn không dám lăng kẻ sang, thời là tương-an vô-sự. Đến về sau lưu-tệ, dẫu còn cái hình-thức mà mất cả cái tinh-thần. Kẻ nào có sức mạnh như là người Diền-Thường, Đạo Trích, thời quyết không lấy lễ-giáo mà hạn-chế, họ được lại nhờ được lễ-giáo để làm cái kiềm-chế kẻ yếu hèn. Nhà nho muốn cứu cái tệ ấy, sửa sang lễ-[illegible] kẻ sang người hèn đ[illegible] trong khuôn phép. Phải đạo-[illegible] phản-đối lại, bảo rằng lễ-phép đ[illegible] thời, ngoài cái sự thúc-phọc t[illegible] nhân-dân, thời không có hiệu-lực [illegible] phải nên quyết bỏ đi. Lão-Tử [illegible] câu nói rằng: « Thánh-nhân bất-n[illegible] coi vạn-vật như chó rơm. » Tra[illegible] lại nói rộng mãi cái nghĩa ấy ra, phàm những chính-trị từ đời Đường Ngu trở lại, đều bài-bác tuốt cả, thường khen Hứa-Do là người phương Bắc mà bạc thiên-hạ không thèm làm. Bởi cứ cái lẽ quan-sát tiêu-cực, thời muốn bỏ hết cả những điều khen chê thưởng phạt trong khoảng phong-tục chính-trị, khiến cho ai ai cũng không mất cái tự-do, người nào cũng đều chăm việc của người ấy, đều được phần của người ấy, không việc gì phải lồn người để hại mình, mà cũng không phải tổn mình để lợi người, cũng quên cả đi không có phân-biệt gì thiện ác cả; cứ theo cái quan-sát tích-cực mà xem thời cho thế-giới là vô-thường, nhân-sinh như giấc mộng, người ta hay theo hướng về cái quan-niệm thực-thể thế-giới mà tiến-hành, thời không phải những điều họa-phúc tử-sinh trên thế-giới nó chuyển-động, mà bỏ hết được cái lòng ghen ghét sợ hãi, không phải cậy gì đến lễ-giáo cả. Cứ như thuyết ông ấy thời ở về phương-diện xã-hội, cũng gần giống như cái chủ-nghĩa tối-tân xã-hội ngày nay; ở về phương-diện học-lý, muốn gần giống như cái học thần-đạo tối-tân; còn như lý-luận thời bàn vượt ra ngoài cái giới-hạn luân-lý-học mà thuộc về dàng thuần-túy triết-học, đây là trích lấy những điều có quan-hệ đến luân-lý, mà ghi chép đại-lược như trên kia vậy.

3. — Nông-giá

Hứa Hành 許行

Học-thuyết của phái nông-gia truyền đến cuối đời Chu rất ít, mà có quan-hệ đến học-thuyết luân-lý ấy, thời chỉ có đạo ông Hứa-Hành ; mà đạo ông ấy thời lũ tân-tiến là Trần-Tương 陳相 truyền-thuật lại, và thấy thuật ra ở sách Mạnh-Tử là phải phản-đối, thời cái chân-tướng đạo ấy thế nào cũng không biết hết được. Song cứ xem như mấy lời thuật ở trong sách Mạnh-Tử mà dò xét ra, cũng có thể biết được cái ngạnh-khái học-thuyết của ông ấy vậy.

Tiểu-truyện. — Hứa Hành người nước Sở, đương thời vua Văn-công nước Đằng, đem đồ-đệ và mươi người đến nước Đằng, đều mặc áo cát [1], đóng dép, dệt chiếu để làm ăn.

Nói về nghĩa-vụ với quyền-lợi bình-đẳng nhau. — Thương Ưởng 商鞅 khen đời Thần-Nông rằng : « Bố chồng cầy lấy mà ăn, nàng dâu dệt lấy mà mặc, bình-chính không phải dụng đến mà trị » Sách *Lã-thị xuân-thu* khen cái giáo đời Thần-nông rằng : « Con trai cả năm mà không cầy, thời thiên-hạ có khi phải chịu đói ; con gái cả năm mà không dệt, thời thiên-hạ có khi phải chịu rét. » Đương lúc nghiệp nông mới khởi lên, sự thực vẫn như thế thật, Hứa Hành mới bản cái sự-thực ấy suy-diễn ra làm thành một học-thuyết, bảo rằng người ta cứ dều hết cái tài của mình, chớ hoặc làm kiêm quá ; đều lấy sự cần-nhu của mình, chớ hoặc làm phong quá ; cho nên nói rằng : « Vua hiền ấy cùng dân đều cày mà ăn, cùng nấu nướng lấy ăn mà làm trị. Nay nước Đằng có lập ra kho dụn phủ khố, thế là làm hại dân để lấy của tự nuôi mình vậy. » Hứa Hành cùng với lũ đồ-đệ chỉ lấy việc đóng dép dệt chiếu làm nghề nghiệp, há lại không biết cái nghĩa thông-công dịch-sự, song những lời ông Mạnh-Tử bảo làm vua phải lao-tâm, phải lo việc thiên-hạ, tự ý Hứa Hành xem ra, thời không bằng vô-vi nhi-trị là hơn.

Vật-giá tề-nhất. — Trần-Tương nói rằng : « Theo dạo ông Hứa-Tử, thời chợ không hai giá, lụa vải dài ngắn cùng bằng nhau, gai sợi tơ bông nặng nhẹ cùng bằng nhau, loài ngũ-cốc nhiều ít cùng giống nhau, dép lớnn bỏ cùng bằng, thời giá bằng nhau cả. » Ý Hứa Hành bảo rằng những công việc lao-lực tức là cái căn-bản của vật-giá, mà phàm đồ tư-liệu thời là của công cả, chỉ chuyên sự thực-dụng, chớ không chuộng những điều phân-hoa mĩ-lệ, mà phân ra trên dưới, biệt ra thứ bậc, vật-giá thời cứ kể lượng-số bằng nhau, không kể gì tinh với thô vậy. Các nhà xã-hội chủ-nghĩa mới đây, khái về cái nghiệp công thương hưng-thịnh quá, người thôn-dã đua nhau ra ở thành-thị, tức là cái nguyên-nhân làm cho người bần kẻ phú mỗi ngày xa cách nhau ; có người phản-đối lại sự vật-chất văn-minh, mà chủ-trì cái thuyết thượng-nông phản-phác, [2] cũng là về dòng Hứa Hành vậy.

Kết-luận. — Cái quan-niệm của Hứa Hành đối với chính-trị-giới, cũng giống như Trang-Tử, xem như khen đời vua Thần-Nông, thời cũng như phái đạo-gia khen đời vua Hoàng-Đế, không thêm kể đến cái danh-giáo từ đời vua Nghiêu vua Thuấn trở xuống, thời rõ là chi-phái một nhà tư-tưởng phương

---

1) *Cát* 褐 = là áo vải dài rộng người làm ăn xưa hay mặc.

2) *Thượng-nông phản-phác* 尚農返樸 = chuộng việc canh-nông, trở lại đời thuần-phác.

Nam. Ông Mạnh-Tử công kích người Trần-Tương nói rằng : « Trần-Lương 陳良 sinh-sản ở nước Sở, mà còn biết vui lòng mộ đạo ông Chu ông Khổng, sang phương Bắc học ở Trung-quốc, người học-giả phương Bắc chưa dễ đã ai hơn được. » Lại rằng: « Nay có người Nam-man nói riu lưỡi, không phải đạo đứng tiên-vương, người liền bội thầy người mà đi theo học người ấy. » Xem đó thời rõ cái hiện-tượng tư-trào phương Nam với phương Bắc không dung nhau. Nhưng lúc ấy cái tư-trào phương Nam, đã tiêm-nhiễm dần sang phương Bắc rồi, xem như Trần Trọng-Tử 陳仲子 nước Tề, cái chủ-nghĩa cũng giống như [illegible] Trọng-Tử là con nhà thế-g[illegible] anh là Đái-Cáp ăn lộc [illegible] Trọng-Tử cho cái lộc của anh là lộc bất-nghĩa mà không thèm ăn, cái nhà của anh là cái nhà bất-nghĩa mà không thèm ở, trốn anh lìa mẹ, ra ở đất Ô-lăng, mình tự dệt dép, vợ thời rọc gai, để đổi lấy thóc ăn. Ông Mạnh-Tử nói rằng : « Trọng-Tử bất-nghĩa, cho lấy nước Tề mà không chịu lấy. » Lại rằng : « Trọng-Tử bỏ cả thân-thích vua tôi trên dưới. » Xem đó thời biết thực thuần-túy là tư-tưởng phương Nam vậy.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

LIỆT-NỮ NƯỚC TA

I

Nguyễn Thị-Kim

Bà Nguyễn Thị-Kim người ở làng Tì-bà, huyện Lương-tài, tỉnh Bắc-ninh, cung-tần vua Lê Chiêu-Thống. Khi Tôn Sĩ-Nghị thua rồi thời vua Chiêu-Thống chạy sang nhà Thanh, bà không theo đi được về ẩn ở chốn hương-thôn, không ai biết cả. Năm Gia-Long thứ ba, vua Chiêu-Thống mất ở bên Tàu đem quan tài về Thăng-long (Hà-nội), bà tới quan khóc-lóc thảm-thương và phục-tang. Xong các việc, bà bảo người nhà rằng : « Việc ta như thế là hết rồi. » Bèn uống thuốc độc chết. Quan tổng-trấn là ông Nguyễn Văn-Thành cấp đồ tang-ma rất là long-trọng, rồi ngài lại xin nhà vua biểu-dương cái tiết bà mà ban chữ vàng khen. Vua Minh-mạnh lên ngôi sai dựng bia đá ở làng bà, khắc bốn chữ « *An-trinh tuẫn-tiết* », nghĩa là khen bà giữ trinh-tiết chết theo chồng, cấp hai người mộ-phu để dọn-dẹp mả bà và hai mươi mẫu ruộng thờ, khiến người họ Lê nhận lấy để cúng dỗ.

II

Nguyễn Thị-Ngữ

Bà Nguyễn Thị-Ngữ nguyên tiên-tổ người ở Quảng-bình, sau lấy quan Thiếu-sư Đặng Đức-Siêu người ở Hương-trà thuộc về Thừa-thiên. Năm mười-lăm tuổi về nhà chồng sinh được một trai một gái. Hồi loạn Tây-sơn quan Thiếu-sư Đặng bỏ nhà vào Gia-định, lúc bấy giờ phu-nhân mới hai-mươi-mốt tuổi, phòng the giữ lễ, dạy dỗ con cái. Tướng Tây-sơn là Tư-đồ Thiếu-phó muốn lấy làm vợ, phu-nhân thề không đổi tiết. Năm Minh-mạnh thứ tám sắc ban bốn chữ « *Đồng-quản phương-phiêu* », cho nhà ở và vàng bạc vóc nhiễu, năm Thiệu-trị thứ hai ban cho sâm, quế, áo, lụa ; thọ được tám mươi hai tuổi mất. Lại được ban cấp vào hạng vợ công-thần. Ôi ! giữ trọn được phụ-đạo, khiến cho triều-

đình, ong-vong, há chẳng đáng kính lắm.

III

Hoàng Thị-Hân

Bà Hoàng Thị-Hân người ở Hiệp-hòa tỉnh Bắc-ninh, vợ ông Vũ Nguyên-Lượng làm Chiêu-thảo-sứ. Bà đau vì ông chồng chết về tay giặc. Năm Tân-dậu đi lẩn đến quân-thứ ở Thi-nại. Nhân ông Đặng Trần-Thường đưa vào yết-kiến vua đem tình-bình giặc tâu vua biết. Rồi lại vâng mệnh đi lẻn ra, bị tên Quang-Thùy bắt được, bà không chịu nhục đâm cổ mà chết. Bà không có con, đến năm Gia-long thứ nhất, vua tập-ấm cho người cháu để trông nom việc thờ-phụng bà, cấp cho mười mẫu ruộng tự-điền Sau người cháu can về việc làm giặc, ruộng ấy một-nhập vào của công. Trước đền thờ ông Lượng ở Nghệ-an, đền thờ bà ở Bắc-ninh, các bằng-sắc vua ban đều mất-mát về việc trộm cướp cả. Sau cải lại đem ông Lượng cùng với ông Điền hợp lại cùng thờ một đền ở Nghệ-an.

IV

Thị-Tính

Thị-Tính không biết quê-quán họ-hàng là gì, là vợ tên Hoảng làm Chưởng-cơ. Lúc mới trung-hưng, giặc vào nhiễu-loạn Gia-định, quân của nhà vua ta không được lợi. Thị-Tính bị giặc bắt mà tên Hoảng thời thoát được. Thị bị giặc giải về Qui-nhân. Trận ở núi Điệp-thạch, năm Qui-mão tên Hoảng lại bị giặc bắt nốt, giặc dụ tên Hoảng lấy sự lợi để lưu dùng về sau, mà tên Hoảng không chịu hàng nên bị giặc giết. Thị ở Qui-nhân nghe thấy tin ấy đâm đầu xuống sông chết.

V

Nguyễn Thị-Hảo

Quê-quán không biết ở đâu. Bà Nguyễn Thị-Hảo là vợ quan tri-bạ Phan Văn-Hán, hồi mới trung-hưng vào năm Canh-thân, ông Vũ-Tính trấn ở Bình-định bị giặc đánh vây thành, bà theo ông Hán ở trong thành bị vây, ông Tính sai đem mật-biểu ra Thi-nại., đi đường bị giặc bắt, khảo-tấn hết cách bà không nói một điều gì, thừa cơ bà nhẩy xuống sông tự-vẫn.

VI

Phan Thị-Trang

Bà Phan Thị-Trang người ở La-sơn tỉnh Nghệ-an, năm mười bẩy tuổi cha mẹ hứa gả chồng, chưa kịp cưới về làm dâu thời người chồng đã bị chết đuối. Bà nghe thấy truyện, xin với cha mẹ đến chịu tang, cha mẹ cũng cho đi đến làm ma chồng để trở ba năm, chân không ra đến đường chợ. Hết tang người ta tranh hỏi dạm, mẹ chồng khuyên cải-giá không theo, xin lập người cháu chồng làm thừa-tự. Mẹ chồng chết ma chay đủ lễ, khổ-tiết giữ mình, đến năm ba mươi bẩy tuổi thời mất. Năm Minh-mạnh thứ tám vua ban chữ vàng cheo ở cửa nhà.

VII

Nguyễn Thị-Ỷ

Bà Nguyễn Thị-Ỷ người ở Sơn-vi tỉnh Sơn-tây, năm mười lăm tuổi lấy chồng học-trò là ông Nguyễn-Hiển, sinh được một người con gái và một người con trai. Năm bà hai mươi bốn tuổi thời ông Hiển chết, mẹ chồng thương con dâu góa sớm muốn cho con dâu cải-giá. Nhà bà đã hứa gả cho một người định ngày đến cưới, bà biết truyện bèn ra sông tự-tận, khi đeo mình xuống sông làng-xóm họ-mạc ra cứu được khỏi chết. Hai bên cha mẹ sợ mới đình sự gả chồng cho bà lại, bà đành ở góa nuôi dạy con trai con gái đến già. Triều-đình thấy tiết-tháo như thế, năm Minh-mạnh thứ tám ban chữ vàng khen.

VIII

Trần Thị-Tuần

Bà Trần Thị-Tuần người ở An-lạc tỉnh Sơn-tây. Năm mươi một tuổi lấy ông Trần Hữu-Lệ. Năm mươi tám tuổi chồng chết chửa có con cái chi cả. Nhan-sắc bà lại đẹp cho nên nhiều kẻ ong ve đưa lời dạm hỏi chòng ghẹo. cha mẹ thương con góa sớm, lấy tình nói với cha mẹ chồng để cho bà tái-giá. Cha mẹ ông Trần Hữu-Lệ cũng ưng thuận như thế. Bà nói rằng: « Đạo nghĩa người đàn-bà thời chỉ theo một người chồng mà trọn đời, còn có mặt mũi nào lại còn dấm vào cửa người khác một lần nữa được ! » Không nghe. Bà mẹ cứ đi lại dỗ-dành mãi, bà lấy lời ngọt-ngào mà từ-khước, mẹ cứ nằng-nặc ép-uổng, bà không làm thế nào được, mới thừa-cơ đến trước chỗ linh-sàng thờ chồng, đốt hương lên vừa lạy chồng vừa khóc, trong tay cầm một chén, ngồi sụp xuống mà nói rằng : « Xin chết theo chàng cho trọn đạo nghĩa vợ chồng ta... » Nói chưa dứt lời, thời mẹ chồng ở đâu chạy đến, đật lấy cái chén xem thời ra trong có thuốc độc. Từ đấy không ai dám dỗ-dành bà lấy chồng nữa vậy. Bà thờ cha mẹ chồng ở góa cho đến già. Năm Minh-mạnh thứ tám vua ban chữ vàng khen.

IX

Thái Thị-Oanh

Bà Thái Thị-Oanh người ở Đông-thành tỉnh Nghệ-an. Năm hai mươi tuổi lấy chồng ở trong làng, đương có thai mà ông chồng chết, bố chồng cũng chết theo. Mẹ chồng thời già yếu, nhà lại nghèo khổ lắm. Bà Thái Thị-Oanh giữ tang phụng-dưỡng mẹ chồng, chăm-chỉ làm-ăn, đầy tháng sinh con trai. Trên nuôi mẹ chồng già, dưới nuôi con trai nhỏ, bị thường gian-khổ không có oán-thán một tí nào cả. Bấy giờ có một kẻ hào-mục trong [illegible] thấy nhan-sắc bà đẹp liền [illegible] nhà bắt phải lấy, bà sợ [illegible] không làm thế nào được, mới bế con giắt mẹ chồng lánh sang [illegible] khác ở vài năm mới trở lại nhà. Đến khi mẹ chồng chết mà chay hết sức thành-kính. Nuôi con đến khi tuổi già con lớn. Năm Minh-mạnh thứ tám vua ban chữ vàng khen.

X

Trương Thị-Vân

Bà Trương Thị-Vân người ở Trực-định tỉnh Nam-định. Năm hai mươi tuổi thời lấy ông Vũ-Chiêu, sinh được một người con trai, lấy chồng được ba năm thời chồng chết. Nhà chồng nghèo cam phận thờ chồng nuôi con cho qua ngày qua tháng để mong đến khi con lớn nên thân. Những kẻ hào-cường trong dân thấy bà nhan-sắc đẹp muốn bức bà phải lấy, song bà khăng-khăng một mực không ai làm thế nào mà đoạt được cái chí-tiết của bà. Sau những phường hào-mục cứ săn-sóc hoài, bà biết rằng chúng chỉ mê về cái sắc đẹp của bà mà thôi, bà mới đem lấy dao rạch mặt ra để cho xấu-xí đi, giữ-gìn cẩn-thận trọn được đời già, những phường hào-mục thấy thế kính-trọng cái tiết-tháo bà mà không dám hỗn-hào. Năm Minh-mạnh thứ tám vua ban chữ vàng khen.

XI

Nguyễn Thị-Thanh

Bà Nguyễn Thị-Thanh người ở Hoằng-hóa tỉnh Thanh-hóa. Năm mươi tám tuổi thời lấy ông Phạm-Du tức là ông tiến-sĩ Phạm Nguyễn-Du, người rất có đức tốt, đỗ cao làm quan vinh-hiển, có đại-danh ở đương-thời. Khi bà bước chân về nhà chồng rồi, cần-kiệm làm ăn, giữ gìn đạo làm vợ. Loạn Tây-sơn nổi lên bà theo chồng tránh

loạn ở [illegible] Chí-linh, giặc thường thường đến đó, ông Phạm-Du ra hàng, ông giữ trung-nghĩa không chịu khuất giặc mới uống thuốc độc chết. Bấy giờ bà tuổi ba mươi ba rồi mà chưa có con. Mà chay cho chồng xong thời làm nhà lều ở bên mả chồng mà ở giữ tiết. Tướng giặc sai mối đến dỗ để lấy làm vợ, bà bèn cắt tóc mặc đồ y-phục nhà chùa, giả cách dồ cho khỏi thất-tiết. Đến khi bình-định mới đem hài-cốt chồng về chôn ở làng. Chồng không tủi tiếng khoa-danh, vợ không thẹn trang lạnh-phụ, một nhà trung-tiết, triều-đình đáng khen. Năm Minh-mạnh thứ tám vua ban chữ vàng khen.

XII

Nguyễn Thị-Thủy

Bà Nguyễn Thị-Thủy người Nga-sơn, tỉnh Thanh-hóa, tuổi hai mươi mà chồng đã mất, nhan-sắc đẹp nên lắm kẻ dòm-nom, nhiều kẻ cậy người dạm hỏi. Bà lúc nào cũng lấy nhọ nồi bôi vào mặt, ăn mặc tồi-tàn để cho xấu người đi, hết sức giữ mình cho tròn tiết-hạnh. Năm Minh-mạnh thứ tám, vua ban chữ vàng khen cùng với bà Nguyễn Thị-Thanh.

XIII

Phan Thị-Đốc

Bà Phan Thị-Đốc người ở Tân-định tỉnh Khánh-hòa là vợ ông Lê Minh-Thức. Mười lăm tuổi thời lấy chồng, sinh được một trai một gái. Năm mười chín tuổi thời chồng chết. Giữ tang-phục trong ba năm trời xong, có người dạm hỏi làm vợ, mẹ chồng cùng cha mẹ đẻ khuyến bà cải-giá, bà nói rằng : « Chồng tôi thời mất đi rồi, con tôi thời còn bé cả, mẹ chồng già còn sống ở đây, tôi nỡ lòng nào mà cải cái tiết của tôi được ». Nói xong liền cầm con giao cắt tóc, thề rằng : « Tôi mà có lòng nào thất-tiết thời có như cái tóc này. » Mẹ chồng cùng cha mẹ đẻ biết rằng không sao đoạt được cái tiết của bà, bèn thôi. Bà nuôi con cho đến già, ai nghe thấy cũng khen ngợi. Năm Minh-mạnh thứ mười một vua bao-phong chữ vàng treo cửa.

XIV

Đào tiết-phụ

Hồi thuộc về nhà Đường, bà tiết-phụ ở Giao-châu họ Kim ấy là mẹ người tướng giặc tên là Đào Tề-Lượng vậy. Bà lấy trung-nghĩa dạy con, con hung-ngoan không nghe lời mẹ, bà từ con ra không nhìn nhận đến nữa. Cầy cấy mà ăn, ươm dệt mà mặc, trong làng mạc tổng huyện đều khen ngợi. Vua ban chiếu khen.

XV

Mị-Ê

Bà Mị-Ê là chánh-phi vua Chiêm-thành. Vua Thái-tôn nhà Lý đi đánh Chiêm-thành được trận to, chém vua Chiêm-thành là Xạ-đầu, bắt hết cả các phi-tần đem về, bà Mị-Ê ở trong đám ấy vậy. Quân đi về đến hành-cung Lý-nhân, vua gọi bà Mị-Ê vào hầu trong thuyền, bà thẹn mà giận bèn quấn cái chăn chiên đâm đầu xuống sông tự-vẫn. Vua khen cái tiết-liệt của bà, phong là « Hiệp-chính hựu-thiện phu-nhân », dựng miếu thờ, ngày nay còn ở đất Phủ-lý.

XVI

Trần thái-hậu

Bà Trần thái-hậu tính rất nhân-từ yêu mến chầm-bập con các bà thứ-phi như con mình đẻ ra, đãi với các bậc phi-tần rất là có ân-nghĩa. Vua Anh-tôn mất, bà ăn mặc nâu-sồng giữ tiết thờ vua. Bà ở chùa chay tịnh, song không có theo phép nhà chùa, có nói rằng : « Kẻ vị-vong này không thể nhìn mặt các ông sư được, vả có cần gì y-bát theo phép nhà chùa mới là tu. » Bà ở chùa mười năm mà mất.

XVII

Trần liệt-phụ

Khi quốc-triều ta mới dựng khôi-phục được phương Nam. Trong Nam có tên Mỹ-Lương tụ-chúng làm loạn. Triều-đình sai ông Trương-Trà đi tập-kích, đốt cái trại quân của giặc đi, tướng giặc là Mỹ-Lương bỏ trốn. Ông Trà tiến quân lên thời bị tì-tướng của giặc tên là Nghĩa-Sơn nó bắn chết, bà vợ là người họ Trần, thấy chồng chết liền ăn mặc đàn ông đứng cầm quân tiến lên đánh, lại giết ngay được tên Nghĩa-Sơn, đảng giặc phải tan, trở về nhà vua phong cho làm Quận phu-nhân.

XVIII

Vợ Bùi-Khuê

Hồi Lê trung-hưng trấn Hải-dương có tướng Phan-Ngạn, Ngô Đình-Nga. Bùi Văn-Khuê đều cử-binh [illegible] triều-đình cả. Vợ Bùi V[illegible] người có nhan-sắc đẹp, [illegible] mới giết bỏ chồng đi mà thông [illegible] Nguyễn-Thị (là vợ Bùi Văn-Khuê), NguyễnThị tảng nhận lời, để [illegible] giết Phan-Ngạn ; khiến bày rượu hoa trong thuyền phục quân lực-sĩ, sau, sai những con ở có nhan-sắc hát các khúc, giữa giòng nước đón chàng Phan-Ngạn, chàng lấy làm sướng lắm, bước chân lên thuyền, Nguyễn-Thị cắt chén làm hiệu, quân phục giấy giết chết, chém đầu tế chồng, dặn hai con về với nhà vua, còn Nguyễn-Thị thời đâm đầu xuống sông chết.

Hội-Nhân *dịch*

Sách *Liệt-nữ* của ông Hoàng Cúc-Lê

VĂN NAM-KỲ

VĂN-MINH NHỜ GIÁO-GIỤC

Ta xem truyện sử cùng nhựt-báo, thấy các nước trong hoàn-võ xưa nay mà được vào bực văn-minh là bởi cớ nào ? còn những nước mê-mụi, dốt-nát, ta gọi là man-di là tại sao ? Tôi nghĩ lại nước văn-minh chẳng qua là nhờ học-thức, nhờ chữ-nghĩa, nhờ giáo-giục, sự giáo-hóa dậy-dỗ trong nhân-dân càng nhiều chừng nào, thì nước văn-minh thêm chừng nấy.

Bên Âu Mỹ ngày nay văn-minh cực-điểm, là nhờ cả nước đâu-đâu cũng có học-đường, nam phụ lão ấu thảy đều thông biết chữ nghĩa, trong trăm người có ít nữa chín mươi đều có học. Nước Nhựt-bổn vừa mới trên ba mươi năm nay, mà trở nên một nước đại văn-minh, chen lấn vào đám liệt-cường, lại đứng hàng trên, ấy có phải là nhờ có học hay chăng ? Cả nước ngày nay mười phần quá tám đều thông chữ-nghĩa, cho nên dân khôn-ngoan biết yêu vua mến nước, biết thương-tưởng đồng-bào, biết giữ-gìn bổn-phận, quan theo bổn-phận quan, dân theo bổn-phận dân, binh-lính theo binh-lính, làng xã theo làng xã, cho đến kẻ nông thương công nghệ thảy đều vào bực nhơn-tài. Văn-minh ấy tùy theo thời-thế, xưa theo lối xưa, nay theo lối nay, mà thời nào văn-minh cũng tùy theo sự học-hành. Đời nay nước văn-minh chuộng hết dủ nghề, cho nên hễ việc học rộng chừng nào, nghề-nghiệp thông chừng nấy, không phải thông lối văn-chương mà thôi.

Còn như mấy nước không có chữ-nghĩa, không có giáo-giục, không lập

[illegible] như nước Mọi, nước Mỹ-Ấ[illegible] đến buổi văn-minh nay mà [illegible] chưa biết dụng đồ kim-khí, [illegible] được lâu-đài, ngày ngày náu chốn sơn-lâm, theo nghề săn bắn, biết đâu đến cuộc nông thương công nghệ.

Nước Nam ta bước tới chốn văn-minh, chân chưa đứng vững, vì sự học còn ở rất xa. Học-đường vừa mới mở, tuy học-sanh đến cũng nhiều mà sánh với cả nước thật là ít lắm, vả lại tuổi hỡi ấu-niên, việc đời nào biết đến bao nhiêu, âu là chờ ngày sau việc học nầy có thấy kết-quả cùng chăng, bực thiếu-niên ấy có hiểu phận-sự mình chăng? Chớ ngày nay nghe bốn phía bàn luận văn-minh, mà sánh lại trong nước mình chưa đáng một của Mỹ Âu. Chớ phải chi trong cả nước Việt-Nam ta, 16 triệu dân già trẻ gái trai, mà có được một triệu người học hành rành-rẻ, hoặc có được một thứ cấp-bằng sơ-học, thì cũng cho vào đám văn-minh. Có đâu những bực trên trước, cai-trị xã-thôn [1] mà hỡi còn dốt-nát, việc làng chẳng thông, việc quan chẳng hiểu, pháp-luật cũng không, cho đến việc cần ích nên học, nên biết mà cũng chẳng biết lo. Bởi thế cho nên xem ngày giờ như của bỏ, Nhà-nước thấy tệ, cho nhựt-báo để xem, mà không hiểu cái ích-lợi, cái giá-trị của nhựt-báo của quan, mắt chẳng hề trông đến, chỉ biết lấy mà làm vật gói đồ, hoặc chùi lau mà thôi. Rồi mỗi khi bàn nghị việc làng trống mõ nổi lên, tựu lại rồi thì trước hết lo mua rượu thịt, xúm nhau đánh chén say sưa, chuyện trò lớn tiếng, chừng hơi men đã bắt mới gây-gổ rầy la, mà việc lang bàn tính không xong.

Miễn có hơi đồng thì chúng bầu cử làm ông xã, ông cả trong làng, nhưng mà quốc-ngữ chẳng thông, viết mười trật bảy tám, chữ nho không thạo, phúc bẩm cũng chẳng biết làm. Than thay! nếu tình-tệ như thế, làng-mạc như vầy hoài, biết thủa nào cho quốc thái dân-an, cho được vào hàng liệt-quốc?

Ước cho lớp thiếu-niên mau tấn-phát, nhà học-đường mở rộng thêm nhiều, dân trong nước lội chen vào biển thánh rừng nho, đua tài học-thức trí-tri cho phần đông cả chiếm bảng vàng, ngày sau về mà giúp nước an nhà. Ước cho trong mười năm đây, mỗi người hương-chức hội-tề phải có cấp-bằng sơ-học hết thảy, tốt nữa thời hương cả, xã-trưởng, hội-đồng phải có bằng tốt-nghiệp. Như vậy thì lo chi nước chẳng trở nên văn-minh; trong dân đều thông-thái hay chữ, ắt ham xem nhựt-báo, hiểu cách-vật trí-tri, thông kim-thời cơ-xảo, ai cũng biết lo sự làm ăn, lo mở-mang trí-thức, có lẽ đâu ở không mà sanh điều trộm cướp hung-hoang, cho phải mang gông mang khổ, nay ở lao tù, mai về ngục tối, bị người mắng nhiếc xấu hổ với loài ong kiến, không biết tiếc ngày giờ mà làm cho nên người danh-giá sao? không biết trên đời giờ ai cũng tranh phần ích lợi nhơn-quần sao?

Võ Thanh-Tân

(Châu-đốc)

---

(1) Đây tôi nói việc làng của tôi đã thấy đã nghe, chớ không phải tôi nói chung hết, nhưng vậy mà đó là phần nhiều.

VĂN TRUNG-KỲ

DIỄN-THUYẾT Ở QUỐC-TỬ-GIÁM

Tôi tên Nguyễn Tri-Kiểm Tham-tri bộ Công, có làm bài diễn-thuyết này ra để nói cho sanh-viên trường Quốc-tử-giám cùng trường Hậu-bổ các thầy đều nghe. Việc Nhà-nước mà dựng trường đặt thầy, cho sanh-viên học-tập, để ngày sau ra giúp việc cho Nhà-nước, thời không có chức gì mà khó hơn làm chức thú-lịnh nữa; bởi vậy cho nên các công việc mà chưa tai nghe mắt thấy, đến sau ra làm, không khỏi lỗi lầm, nên chi Nhà-nước mới sai các quan ra mà diễn-thuyết. Tôi đây làm phủ huyện và quan tỉnh, cũng đã nhiều năm, tuy không dám nói sự hay dở gì nhưng trong các việc dân-chánh, tôi cũng có biết được nhiều ít, tôi xin nói lược mấy đều thiết-yếu, cho các thầy nghe.

Khoản thứ nhứt: nói việc kiện điền-thổ, chủ lấy sổ bộ văn-khế mà làm bằng-cứ, nhưng mà cũng có đứa làm tờ gian khế giả, bán cho người, hoặc bán chủ nầy lại bán chủ khác, hoặc những ruộng công-điền tư-điền đem bán cho ta, thời đã có luật đạo-mại-khi-trá mông lung trừng phúc, để mà xử đoán các cái luật ấy. Nhà-nước đã ban cấp cho các trường, các thầy cũng đã tầng học hiểu rồi, không đợi phải nói lại nữa, nhưng mà mình ra làm việc, phải giữ một lẽ công-bình, một lòng ngay thiệt, chớ có tư-tuận dụng-tình chút nào, thời ra xử đoán việc gì, dân đân lại chẳng bình tĩnh, quan trên cũng không bẻ bắt mình được.

Khoản thứ hai: nói về việc [illegible] án là một việc quan yếu rất lắm, [illegible] mình thân-hành khám-sát, thương-[illegible] rõ-ràng, lại xét những người [illegible] chứng cung-khai, hoặc nghiệm ra [illegible] người chết ấy là bị người ta thừa hiềm cố giết, hay là rủi ro lỡ tay đánh chết người, đã có luật cố-sát, ngộ-sát, quá-thất-sát thương-nhơn phải theo luật lệ mà định tội-danh, mới là xác-tạc, phàm mấy việc ấy mình phải thân-thủ mà làm lấy, chớ khinh ủy cho nha thuộc, hoặc giả nó lấy nặng làm nhẹ, xuất nhập tội nhơn, theo ý riêng nó, thời chẳng những là thất lẽ công-bình, mà mình lại được tội với quan trên nữa.

Khoản thứ ba: nói về việc cần đàng là một việc ích lợi cho cả mọi người, mà mình làm phủ huyện để thay mặt quan trên, lo giữ cho một hạt dân, trách không phải nhỏ; nếu mà cầu không chắc chắn, đàng không bồi bổ, đến khi mưa gió lụt lội, người ta đi đàng, có khi bổ té, có khi nguy hiểm, ấy là một việc hiềm nghèo cho trong dân-gian, bởi thế cho nên các cầu phải làm cho chắc chắn bền chặt, các đàng phải đắp cho được bình thản cao dáo, phàm những người thương mại, gánh xách qua lại, đã không nguy hiểm vả lại ngựa xe ruổi dong cũng không trở ngại. Mấy đều nói đó tuy là nhỏ nhen nếu có nghe lời, đến sau ra làm, chút được bổ ích.

NGUYỄN TRI-KIỂM

Tham-tri Bộ Công (Huế)

diễn ngày 26 Avril 1917.

QUAN PHỦ Ở NHÀ QUÊ

[illegible] này lóng tai nghe sự chấn-[illegible] trường, trong lòng mừng [illegible] vận của quốc-dân ta. [illegible] từ xưa đến nay vẫn lấy sự tôn-quân thân-thượng làm trọng, mọi sự cải-lương đều phú tự người trên; phàm người trên có xướng-suất việc gì, hay là khởi đầu cải-cách việc gì thì dưới dân đều bắt chước mà làm theo ngay. Bởi thế nên những người có quyền trị dân, nếu biết lợi-dụng cái tánh-cách ấy của dân ta thì lo gì thua sút trên con đường tấn-bộ.

Hiện nay Triều-đình đã liệu tùy-thời cải-cách phong-tục, Nhà-nước Bảo-hộ cũng rộng lòng truyền-bố cái văn-minh Âu-châu cho ta; tiếc thay các quan Phủ Huyện ở nơi thôn-giã nhiều người làm sai cái ý lành của hai nhà Nước. Lại-tệ nhiều lắm, kể sao cho xiết! Sự ăn lễ vật trước đã vâng Thượng-dụ nghiêm-cấm, song trong đám quan-trường ở xa thành-hóa còn nhiều tệ-đoan lắm nữa. Mới rồi năm ngoái đây có xảy ra một việc sau này, cũng đủ làm chứng-cớ vậy.

Hôm mồng sáu tháng bảy nhuận Annam, tôi nhân có việc hôn-nhân, cùng các họ hàng đi qua làng khác; khi đi đến một con đường chạy ngang qua trước mặt chợ, tôi ngồi trên lưng ngựa cho đi từng bước một; vừa tới đầu chợ, bỗng chúc nghe tiếng người ồn-ào, lại nghe tiếng roi đét-đét; tôi dừng ngựa lại nhìn tới đàng trước, thấy năm sáu người lính phủ cầm roi dài đánh vào những người qua đàng không cất nón xuống, tiếng nạc-lạp với tiếng roi vào nón, vào mình! Sự gì lạ? Tôi vội-vàng hỏi người qua đàng thì người ta bảo rằng: « Quan đó! » — Tôi hỏi: « Quan nào? » — Một người lại gần tôi nói nhỏ rằng: « Quan Phủ đó! thầy không biết hay sao? » — Tôi hỏi ở đâu? Người ấy thậm-thò thậm-thụt (tỏ ra lòng sợ hãi) chỉ và nói rằng: « Ở kia! trong đám đông đó. » Tôi nhìn một lúc về đàng trước mới thấy nơi đám đông trong chợ cách mặt tôi độ 7, 8 thước tây, một người mang kính đen đứng giữa, hai bên có vài cậu lính bưng tráp chữ-nhựt, điếu bình thong cao khỏi người. Tôi hỏi: « Có phải ông mang kính đen kia không? » — Người ấy trả lời: « Phải! »

Tôi ngồi sững một lúc... Bút nào tả đặng cái tâm-thần tôi lúc bấy giờ! Cử-động rất là oai-khiếp! khiến cho ít người nhìn quan phủ mà không kinh-hãi! Tình-trạng rất là thảm thiết! Nếu người còn có một ít lương-tâm trông thấy thế ai mà không cảm-động! Than ôi! những người áo rách nón cời, quần trăm tấm vá, đầu đội vai mang, gánh than gánh củi, đường đã chật, vai đã nặng, mà lại bị đánh ngược đánh xuôi, sanh-dân vất-vả, như thế đã cùng.

Đương lúc trăm điều làm cho trí tôi phải suy nghĩ, vừa có một người lính-lệ tới, bảo tôi rằng có lệnh quan đòi; tôi liền xuống ngựa, cất nón, lại trước mặt chào quan phủ. Bộ-dạng tôi khi ấy rất là kính-cẩn: song chiên con đâu đặng thoát vòng hổ-lang! — Ông phủ hỏi: « Mày ở đâu đến? không biết quan ở đây, sao không xuống ngựa? » — Tôi trả lời: « Bẩm quan lớn, tôi ở huyện có trọng-sự đi qua đây; tôi vẫn không biết quan ở đây, vả lại nếu tôi biết, thì tôi cũng còn ở xa quan, nên tôi chưa xuống ngựa. » Tôi nói chưa dứt lời, quan phủ đã bảo: « Mày nói huyện không thuộc về phủ nên không xuống ngựa phải không? lần này quan dung cho, lần sau quan sẽ trị tội không tha. »

Tôi có hơi thẹn, muốn hỏi quan phủ một đôi lời, nhưng mà tôi cũng nhiều phen nghe tiếng quan phủ rồi cho nên không muốn nói, chỉ nhịn cho qua thời mà thôi.

Nay tôi nhắc lại đây, không phải là có ý tranh hơn thua với quan phủ,

một là tôi muốn phân-biện cho rõ ràng sự phải lễ quấy, dẫn một điều thí-dụ riêng của tôi đi làm chứng rằng trong các quan phủ huyện ở hương-thôn ta ít nữa là còn một vài người chưa hiểu cái tôn-chỉ cai-trị của hai Nhà-nước.

Sau nữa tôi muốn vì quan phủ mà giải nghĩa hai chữ « lễ pháp » như sau này :

1° — Lễ-pháp là tự trong lòng mà ra, là cái hình-dung của lòng kính-ai phát ra ngoài. Vậy muốn cho dân giữ lễ-pháp thời phải làm sao cho dân có lòng ái-mộ muốn giữ theo lễ-pháp ; nghĩa là nếu quan phủ muốn cho dân tỏ lòng kính trọng mình thì trước hết thì đức hành nhơn, thì tự-nhiên lòng dân ái-mộ mà cung-phục, chớ không phải là gầm hét mà đánh đập một hồi mà được đâu. Làm thế thì chẳng qua là khách-khí một lúc cho toại chí ưa cái thú-vị làm quan như vậy mà thôi, nào có ích-gì ?

2° — Lễ-pháp phải tùy-thời mà thay đổi. Lễ-pháp thuộc về dân đối quan ở nước ta tự trước thật là phiền nhặt không nói ai cũng biết : dân có việc gì tới quan, có vật mới được bẩm, trước kia lại phải lạy ; các quan phủ huyện về làng, dân dẫu bận công việc gì cũng phải đi đón rước vống khiêng. Lâu quen thành tục, những lời « cáo lễ dễ thưa, vào lòn ra cúi » là đã vào trong ngạn-ngữ trong hương-thôn ta. Lễ-pháp như thế, sao cho khỏi sinh tệ, lâu ra quan cậy mình, coi dân như rều rác ; dân ngu dại, coi quan như hổ-lang ; những lời « thân dân chi trách », là hư ngôn, « dân-chi phụ-mẫu » là lời xằng. Chớ kỳ thiệt thời chưa tới quan đã mất mấu mặt, nghe quan đòi đã thất đởm kinh hồn. Bởi đó mà ra, quan thì bạo ngược thái-quá, dân thì chỉ biết lấy tiền đút-lót cho quan đủ trăm mối tệ.

Nhưng mà lễ-pháp ấy không những chỉ hại nhứt-thời mà thôi, [illegible] như Tổ-quốc mấy nghìn [illegible] vẫn nằm yên một mực ở [illegible] tranh tiến-hóa cũng vì nhữ[illegible] không chánh-đáng mà thành ra nỗi quả như thế vậy.

Gần nay Nhà-nước Bảo-hộ quyết đem nghĩa " bình-đẳng, bác-ái, tự-do" truyền dạy cho dân ta, trên Triều-đình cũng rộng lòng cho lễ-pháp giản-dị, không câu-thúc như trước, một là có ý mở mắt cho dân ta biết rằng mình cũng có phẩm-giá, quyền-lợi, nghĩa-vụ, chức-trách đối với nước-nhà như kẻ làm quan, chớ không phải là cái máy-móc, con súc-vật để cho quan trên dùng, ai muốn bạc-đãi thế nào cũng được đâu, bởi vậy ai ai cũng phải biết lo chen vai gánh vác một phần việc trong xã-hội ; hai là có ý để cho dân được sanh-lý tự-do, không phải rối phiền : thí-dụ nếu ở tại Kinh mà mỗi khi có quan nào đi qua, thì dân phải xuống ngựa, xuống xe, cất nón, như quan phủ ép buộc, thì tưởng cũng khó nỗi thông-thương vậy. Xem như thế, thì thời-đợi nay không phải là cái thời-đợi « cả vú lấp miệng em » như cái thời-đợi hủ-bại trước nữa, các quan phủ huyện có cái trách-nhậm « tân-dân », cớ sao lại không suy theo ý lành hai Chánh-phủ mà cải-cách cho dân nhờ ?

Nói tóm lại là lễ-pháp có quan-hệ đến phong-tục, đến tư-tưởng, đến công-sự, đến tấn-bộ nhiều lắm, nên cần phải cực-lực chỉnh-đốn lại mới được, mà chỉnh-đốn lễ-pháp thì nhờ các quan trên mới chóng thành-hiệu hơn.

Mong rằng các quan phủ huyện ta là kẻ trực-tiếp với dân, sẽ tự xét lệ mình, tệ-tục mà tự chỉnh-đốn lấy, thì quốc-dân mới khỏi khốn-khổ, mà văn-minh tấn-bộ mới có ngày !

Trung-kỳ TÙNG-LÂM

TIỂU-THUYẾT

THẦN THIÊN-LƯƠNG

(Bi-tình tiểu-thuyết)

Trên con đường cái thiên-lý từ huyện Yên-mỹ đi xuống đại-lý Bằn-yên-nhân, giữa trưa trời mát mây quang về ngày xuân năm mới, rằm tháng giêng người đi lễ Phật rất đông, thấy có một người trạc ngoại ba mươi, râu mày nhẵn-nhụi, quần áo bảnh-bao, bị mấy nhát dao ở cổ và dốn, máu chảy đầm-đìa, ngực thoi-thóp thở, tay cầm một con dao « ca-nip » nhỏ, mắt dương trừng-trừng ở quãng làng X.... Dân làng đương xúm-xít lại để sắp-sửa cáng lên huyện trình. Người đó tên gì, quê họ nơi nao, tại sao mà thế? Khách bàng-quan không ai là kẻ biết. Người gần đấy chẳng ai là người hay. Than ôi! thua cờ dại bạc, bực thân giận nhà, nỗi chi mà tự-sát, hay bị kẻ hung-đồ đang tay hại đó? Xin các độc-giả thử đoán xem sao.

* * *

Ôi! Nếu mà ta biết rõ đầu-đuôi duyên-cớ thời ta cũng nên ghê-gớm cho con ma « Tình-dục », sợ hãi đến vị thần « Lương-tâm ». Vì con ma Tình-dục ác-nghiệp kia nó xui giục người ta xằng bậy đủ điều, nếu không biết tìm phương mà yểm-trị nó thời dễ phạm tội nọ lỗi kia, trái đạo này nghĩa khác. Mà ông thần Lương-tâm cứ khi nào xét đến mình thời sẽ sửa phạt cho đến điều tàn-tệ. Than ôi! sóc không sóng gió, chìm đắm người thật để như chơi; tình là chi? ái là chi? sao không nghĩ đến điều đạo-nghĩa. Này xem truyện ông Phán Lưu-Phan thời nửa thương mà nửa ghét. Thương là thương mắc bả hồng-nhan, ghét là ghét đem tâm tàn-ác, nghĩ lại lo cho đời không biết khi trước mắt thấy phấn son mà trong lòng có giữ được vững-chãi hay chăng?

Ông Phán Lưu-Phan là người thế nào? — Là Thông-ngôn phủ Thống-sứ trước, quê ở làng P..., thuộc huyện Kim-động, đã xin nghỉ việc về vui thú điền-viên, chính là người râu-mày nhẵn-nhụi, áo-quần bảnh-bao, nằm ở dọc đường mà thuật-giả đã kể trên kia vậy.

Ông vốn trước con nhà nho-nhã, lỡ bước sểnh vời, lưu-lạc từ thủa mười ba, ra kéo quạt ở Sở Máy-đèn Hà-nội, trọ ở một nhà bà hàng nước ở phố Sinh-từ. Bà tuy làm nghề hèn kém mà vốn liếng cũng có ít nhiều, nhận thấy thằng bé kéo quạt đi làm, có chí-thú mà chăm-chỉ siêng-năng, ngày làm việc tối về lại đi học những người đã biết, bà có lòng yêu. Thằng bé đã ngoan mà lại đẹp trai, hỏi giòng giối ra con nhà nho-nhã, vì cha mẹ chết sớm lưu-lạc nên phải theo đòi chức-phận ti-tiểu; ăn nói lễ phép, ra vào ý-tứ, bà yêu mà bà lại thương. Bà ở góa sớm, được một gái tên là Nguyễn Thị-Dần, rau cháo nuôi con cho đi học ở trường Hàng-Trống, nhân hiếm người trông sóc việc nhà mới bảo Lưu-Phan rằng:

— Nếu con có muốn làm con nuôi ta thời ta nuôi cho, sau này sẽ gây dựng cho nên thân nên phận.

Lưu-Phan xin làm nghĩa-tử, gọi bà là mẹ, gọi Dần là chị; tuổi Phan khi đó 14, tuổi Dần 13. Dần bấy giờ đã học lớp năm trường nữ-học bèn dạy Phan, Phan thông-minh chẳng mấy mà thân Dần dạy học lợi vượt sức Dần, Dần

dem lòng âu-yếm xin với mẹ cho cả Phan đi học trường Yê-phụ.

Ngày tối mai qua, sân làn cúc nở, quả địa-cầu quanh đường quĩ-đạo năm vòng thời bà mẹ nuôi Phan đã chơi nơi Bồng-lĩnh. Dần thừa-tự cơ-nghiệp, thôi học về nối cửa hàng mẹ, song lợi-dụng cái vốn nhỏ ấy mà mở-mang sự buôn bán cho rộng ra. Bấy giờ Phan học đã giỏi, thi Thông-ngôn thủa ấy còn dễ, nên Dần cố cho Phan dấn bước đường mây, hai năm nữa Phan đã sơ-bổ làm Thông-ngôn tại tòa Đốc-lý.

Lửa sẵn gầu rơm, tài em chị đã rõ, mạo em chị cũng tường, em đã thành danh, chị chưa xuất-giá. Tiếng dù em dù chị, song khác mẹ khác cha, gái tơ đứng đó một mình phải sớm tính tìm người nương tựa ; trai mởn đương thì đắc-ý cũng mong rằng sánh phượng đẹp đôi. Cái ái-tình này, chớ nói cùng ai, chỉ có hai người biết nhau mà thôi. » Trước còn ân-nghĩa, sau ra đá vàng, sự đó là thường vậy. Ôi ! một giây một buộc, ai giãng cho ra ?

* * *

Con người ta trong khi ưu-hoạn thường là người tốt, đến lúc đắc-chí dễ ra người hư, thế cho nên cổ-nhân có câu « sống ở chỗ lo-lắng thời được chết ở chỗ yên vui, sống ở chỗ yên vui mà không nghĩ đến sự lo-lắng thời chết với sự lo-lắng ». Than ôi ! thế mới biết câu thơ Tây rằng : « *L'homme est un apprenti, la douleur est son maître* » — người là học-trò, sự khổ là thầy dạy, — cái khổ không có phụ ai, chỉ có cái vui hay giết người mà thôi vậy.

Khi dân sở-tại đó càng lên quan huyện thời mới biết là ông Phán Lưu-Phan, song chưa biết sự-thể thế nào mà đến thế, ông bèn nói với quan huyện rằng : — Không có ai hại tôi cả, xin ngài sai dân đưa tôi về [illegible] thương Hưng-yên rồi tôi [illegible] câu truyện, kẻo bây giờ [illegible] tài nào nói được.

Xuống đến nhà thương [illegible] ông thầy-thuốc khám biết vết [illegible] ông tuy vậy mà nhẹ. Bèn sai để vào giường bệnh. Nguyên ông cùng với ông thầy-thuốc này là chỗ bạn thân, nên khi nằm yên trong giường bệnh, ông thầy-thuốc vào chữa, ông liền nắm lấy tay bạn gạt nước mắt khóc mà nói rằng :

— Anh Nguyễn Ngô-Hữu ơi ! xin anh đừng nên chữa chạy chi cho thằng khốn mạt này, khắp thế-gian không ai tồi-tàn chó-đểu đến như tôi, anh ạ, ngày nay là ngày thần Thiên-lương đã định lôi tôi xuống Diêm-cung để cho quỉ lôi lưỡi, chó cắn chân, chịu những cái cực-hình ở trong địa-ngục đây.

Nguyễn Ngô-Hữu tức là tên ông thầy-thuốc vậy. Ông đương sắp thi-hành cái bản-phận cứu-tế, thấy bạn nói như thế thời ngạc-nhiên mà rằng :

— Anh này hoảng ! điên mất rồi ! có thương-tích mà không cho chữa là cớ làm sao ?

Nói dứt lời, thì ông phán Lưu-Phan liền nói ngay rằng :

— Chao ôi ! thương-tích ! nào ai dám chém tôi vì sự gì đâu, thương-tích này là tự ông thần Thiên-lương sai tay tôi đâm chém cho chết cái thân ác bẩn-thỉu tội-lỗi của tôi vậy. Tội tôi là tội đáng chết, không nên cứu tôi mà làm gì. Này tôi xin kể để ông anh nghe : Tôi được đỗ thông-ngôn cũng là nhờ vợ tôi là Nguyễn Thị-Dần thương yêu mà được thành danh, nếu không có cái ân bà mẹ vợ-cái nghĩa người vợ hiền, dâu tội được no cơm ấm cật, ăn học kịp người, Thế mà đến cơn sung-sướng tôi nỡ đem lòng bất-nhân, Trời ơi ! thiên-

na [illegible] lại bạc-hãnh như thằng tôi không [illegible] Anh ơi! từ khi mà vợ chồng tôi [illegible] cùng nhau, một hai yêu [illegible] muôn nghìn chân-trọng, không [illegible] lấy nửa điều trái nhau. Trải khi đổi Yên-bái, Lào-kay, Thái-bình. Nam-định, giòng-giã sáu năm trời, đôi vợ chồng tôi chẳng khác đôi uyên, thật tam tứ núi đã trèo, thất bát giang đã lội vậy. Cái gia-đình tôi đương êm như mùa xuân, sáng như trăng rằm, hớn-hở như hoa nở gió đông, trong ngần ấy năm sinh ba cháu, còn có hai đứa là nuôi được, đứa trai lên 7, đứa gái lên 5, mà đã nên con mất mẹ! Trời ơi, mẹ nó là ai? Có phải là Nguyễn Thị-Dần vợ tôi đó không? Hỡi mình ơi, hồn mình có thiêng xin chứng-giám cái giờ biết tội của tôi này! Trời đất ơi, cái con Đát-kỷ kia! vì mày mà tao thành ra xa vợ xa con, kẻ dương-gian người âm-phủ! Anh ơi, ấy cũng bởi vợ chồng tôi làm ăn nhờ trời nhờ quan trên một ngày một khá, lưng vốn cũng đã hơn người làm việc khác, vào một tư-bản-gia rồi vậy. Bởi thế mà vợ chồng bàn nhau « phú-quí qui cố-hương » chẳng hơn là « vinh-hoa cư khách-địa » hay sao? Bèn đem vốn về quê, cáo việc nghỉ ở nhà, cái đoạn này thật là thần-tiên lạc-thú. Tiêu-diêu phóng-khoáng sinh-kế mà ăn, không còn phải ở trong vòng thúc-phọc nữa, thật là sướng là vui. Vợ chồng con cái đoàn-tụ một nhà, bức tranh ngoạn-mục ấy thật là vẽ ra cảnh thú. Thế mà no cơm dẳng mỡ, nằm lâu nhớ đến chốn phồn-hoa lại lần về Hà-nội. Ôi! Hà-nội! Hà-nội!! Vì ngươi mà ta được vẻ-vang, cũng vì ngươi mà ta ra cầm-thú! Song rút lại cũng là tại tôi đó mà thôi. Năm kia tôi nhân mấy tháng hè sang chơi Hà-nội ở nhà một người bà con gần một trường nữ-học! Bóng hồng thấp-thoáng, một cô giáo-học trạc ngoài đôi mươi, ăn mặc thật là hoe-hoét, làm cho tôi choáng mắt, phấn son tô-điểm, khiến tôi mê-tơi! Tôi bèn dò ra đến chỗ ở, biết rằng: cô cũng lỡ-làng duyên-phận, sinh-nhai tùy trong vòng giáo-dục mà tình-tứ cũng quen thói gió trăng! Vì thế mà dục-tâm tôi như lửa, muốn được nàng làm cam-tâm. Bèn nhờ người giới-thiệu, trước còn tài-bàn đánh-chắn, sau thời ra tri-kỷ đồng-sàng. Tôi càng gần nhân-ngãi bao nhiêu càng đem lòng chán vợ bấy nhiêu! Nào ngắm vuốt khéo, ăn nói bẻo-lẻo, khéo chiều khéo nọm, khéo ngả khéo nghiêng chẳng, khác chi những bà phu-nhân phong-nhã trong các tiểu-thuyết ngôn-tình cả. Nào con nhà thế-phiệt, cha mẹ song-toàn, cụ-lớn về hưu, cửa nhà thanh-bạch, ở tại miền Nam. Nào tơ duyên ép uổng, ngựa hay vào người ngây cưỡi, thế không sao kham được mà phải nghiến răng bẻ một chữ « đồng » làm đôi. Nào suốt Bắc-kỳ trong áng nam-nhi đến tôi là hơn hết, tài mạo kiêm toàn, nàng vui lòng gửi thân làm lẽ mọn cũng cam. Những cái đó vợ tôi đều kém, chỉ có cái của là hơn, không biết ma xui quỉ ám thế nào mà khiến cho óc tôi trái hẳn đi, trí khôn không còn một chút nào nữa, người tôi như là một con « búp-bê » của nàng Hồng Thị-Xuân mà thôi. Ôi! Hồng Thị-Xuân! Hồng Thị-Xuân!! Thưa với ông anh ấy chính là con yêu-tinh, con Đát-kỷ đeo cái lốt cô giáo mà deo cho tôi mấy nhát dao này vậy! Số là từ khi tôi ran-ríu cùng nàng thời rẻ-rúng vợ nhà, nặng tình nhân-ngãi, tôi chiều nàng hết cách, nàng bắt tôi đủ điều. Trước còn lấy dấu vợ thuê nhà ở hàng Gà cho tình-nương ở, chuyên bòn của-cải sắm-sửa cho nàng, và cung-đốn nàng tiêu-pha bài-bạc, ăn-mặc chơi-bời, bấy giờ giá nàng đòi ông trăng trên trời mà tôi có thể lấy xuống được tôi cũng chiều nàng. Sau rồi vợ tôi biết truyện,

tôi bèn dùng hết cách giả-man mà áp-chế, khi đánh đập, lúc chửi rủa, thượng cẳng chân hạ cẳng tay[1], bố mày mẹ tao, cái đó là thường! Than ôi! như vợ tôi mà gặp phải chồng như tôi, lại đến nước cạn tầu ráo máng như thế thời đá cũng nát gan lọ người! Chẳng bao lâu vợ tôi đeo bệnh thất-tình, tôi thời bỏ vợ cho-lơ, vui cùng nhân-ngãi, thuốc-thang đã chẳng được bồi-bổ phải đường, lại thêm khi phải tát tai lúc phải chửi rủa, hoa ngày héo, ngọc ngày tan, chẳng mấy chốc mà vợ tôi uất-muộn thành ra bệnh nặng, thế mà tôi cũng chẳng đoái-hoài đến, chỉ cứ nay cùng nhân-ngãi rạp hát này, mai cùng nhân-ngãi hàng cơm khác, khi xe song-mã, lúc diện ô-tô. Ôi! vợ tôi cùng tôi từ thủa hàn-vi mà không được sung-sướng bằng người nhân-ngãi tôi, ngồi mát ăn bát đầy vậy. Đến khi vợ tôi mất mà tôi vẫn còn ôm-ấp với người yêu giọc đường của tôi! Thảm-đáp thay! cho em, hỡi Nguyễn Thị-Dần mình hỡi, cùng với ta từ thủa còn hèn, mà đến lúc làm-chung có chồng thanh ra không được nhìn nhau trong trận thở cuối cùng! Đau lòng mình mà ta bây giờ cũng sót gia lắm lắm! Anh ơi, tôi cùng Thị-Xuân về quê tống-táng cho vợ tôi xong, thôi cờ đã đến tay, phất cho thỏa sức, cái gia-tài của tôi theo chân nối gót nàng mà khánh-kiệt. Nàng chuyên bòn cũng lắm, mà phung-phá cũng nhiều, tôi bây giờ không còn một tí gì cũng do từ yêu nàng mà đến nỗi vậy. Hai con tôi từ khi mang về Hà-nội, quản-dưỡng không có người, một đứa trai chẹt xe điện chết, một đứa gái bị mẹ-mìn bắt mất. Rồi ra trơ có một mình tôi với nàng, sau nàng lấy cớ lương ít không đủ nuôi nhau, lại xui giục tôi đi xin việc. Cùng bất-đắc-dĩ tôi cũng phải theo. Được vài hôm thời nàng theo một người « téc-nich » xuống tàu vào Sài-gòn mà bỏ tôi lại ở chốn Hà-thành trơ-v[illegible] một thân tiều-tụy! Ấy [illegible] tôi cùng nàng cùng ăn [illegible] Gà mà thế nào đến m[illegible] nàng đã theo người khác mà [illegible] dứt nghĩa tôi cho đành được. Than ôi! sau khi nàng đi ba ngày, tôi được biết đích thực tin-tức, bấy giờ giấc say đắm mê-man của tôi mới tỉnh! Hãi tưởng lại thời tội-lỗi chứa-chan! Tôi muốn trở về cố-hương thăm mả vợ xưa khóc vài tiếng giải chút lòng đạp. Bèn dọn dẹp bán chác đi được ít tiền, sáng ngày lên xe hỏa về. Bước lên xe hỏa bấy giờ cái mối nghĩ-ngợi đã bời-bời, xuống đến ga Đình-dù chèo lên cái xe tay mỗi bước là một bồi-hồi. Bên tai tôi nghe hình như có tiếng Thị-Xuân gọi ở đằng sau mà nhiếc tôi rằng: « Thằng ngốc-bán kia, mày phụ vợ mày, mày phỉ con mày, cái tâm-địa mày độc-dữ ấy ai là người còn dám lại cùng mày ở yên đến già được! » Tiếng gọi quả như ở đằng sau, ngoảnh cổ lại lại không thấy gì nữa. Tay tôi sờ vào túi thấy một cái thư của Thị-Xuân viết lại, nhìn vào thấy nói rằng: « Hỡi thằng vong-ân bội-nghĩa kia, ta đây là một nàng tiên ác-nghiệt ở núi Bồng-lai hiện-hình ra một người giáo-học đàn-bà mà thử mày xem bụng gia có bền không, nay mới biết là mày lòng lang gia thú, mê sắc quên nghĩ, thôi thời hối cũng không sao lại được, ở lại đó mà chịu tội trời. » Nhìn rõ như thế mà tẻ ra là một mảnh giấy trắng nhặt được khi còn ở ga Hàng-Cỏ. Mỗi một tiếng sọc-sạch của bánh xe là tôi một nghe ra tiếng kêu khóc của hai đứa con tôi, tiếng than-vãn của vợ tôi, tiếng chê-nhiếc của người nhân-ngãi tôi. Than ôi! bấy giờ tôi lại tỉnh ra rằng lỗi là lỗi tôi, Thị-Xuân không làm nên lỗi, tôi lại còn đeo cái tội quyến anh nhủ yến, phá hại cái tu-đức của một cô giáo. Vì vì phỏng Thị-

[illegible] như đâu mà không phải vì tôi [illegible] thời cái đó mặc [illegible] dù nàng có phung-phí [illegible] nghiệp tôi chăng nữa cũng là [illegible] không biết nhân cái tư-cách tốt của người mà dạy-dỗ, lại đem tiền đem bạc là một vật dễ làm cho người hư đến cho nàng, lại vẽ trò ra để chiều nàng thời cái hư của nàng càng ngày càng ở tôi ra. Than ôi! tôi, thằng Lưu-Phan này là đầu mọi tội trong cái bi-kịch ấy. Tôi hối, tôi nghĩ, tôi hoa mắt lên, tôi choáng-váng người lại, tôi sinh điên không thể ngồi yên trên xe được nữa, đến phố Bần tôi vội nhảy xuống xe đi đất về. Vừa đi vừa tư-niệm mọi lẽ, tôi thấy như một cái màng u-ám đè ập trên mắt tôi, tối-tăm cả mặt mũi lại không sao đi được nữa, trong lòng bấy giờ nghĩ nếu về mà nhìn vào cái mả kia càng thêm tủi thẹn với nấm cỏ đám mồ mà thôi. Tai tôi ù-ù như tiếng ong kêu, nghe văng-vẳng có lời nói trên đầu trên cổ rằng: « Hỡi hỡi thằng tội-nhân kia, tòa án Lương-tâm đã xét tội mày rồi, báo cho mày biết rằng không thể nào dung-tha được nữa. » Bấy giờ tôi nghĩ mới biết phàm những tiếng gọi từ lúc bước lên xe đến giờ thuần-nhiên là những tiếng gọi của thần Thiên-lương cả vậy. Tôi biết rằng tội tôi không dung được nữa, mới nhìn lên mặt trời, thò tay vào túi rút con dao « ca-nip », tôi tự-xử lấy tôi, cho nó đáng cái tội mình và nó khỏi phải những sức vô-hình nó vật-vã đau-đớn khổ-sở lắm. Anh ơi, nói càng thêm nhục trăm chiều, thời xin anh làm phúc mà đừng phiền chữa chạy làm chi....

* * *

Bữa chín giờ hôm 17 An-nam tháng giêng năm.... có một cái đám ma rặt người bạn-bầu quen biết đi đưa và người hàng xứ đi xem, tuyệt-nhiên không có một tiếng khóc nào, đưa từ nhà Thương ra nghĩa-địa, vừa lúc mặt trời mới mọc được ít lâu, sương sa vừa ấm, có chăng mấy giọt nước trên không rơi đó là giọt lệ thương ai. Than ôi! chẳng phải nhắc lại các độc-giả cũng biết đó là đám ma ông phán Lưu-Phan mà ông thầy thuốc đã vì ông mời các bằng-hữu quan-thân đưa ông ra nghĩa-địa vậy. — Kìa mồ mới ở kia, người xưa nằm đó, khách đi qua lại, ai cũng biết câu truyện của ông, cùng nhau truyền-ngôn mãi, bia miệng biết đến bao giờ mòn! Thương thay!

MÀN-CHÂU

TẾ-LIỄU

(Dịch *Liễu-trai*)

Tế-Liễu là một nàng nữ-sĩ ở Trung-đô, bóng-dáng ẻo-lả như cây liễu, vậy người ta mới gọi đùa là Tế-liễu.

Liễu khi nhỏ đã thông-tuệ, biết chữ-nghĩa, hay xem sách tướng. Nhưng tính giản-mặc, không hay bép-xép nói kẻ hay người dở. Hễ có người nào đến hỏi, nàng tất xem mặt trước đã, nhưng nàng xem tướng đã nhiều người, đều chê không được cả, mà đã mười chín tuổi rồi, cha mẹ giận mắng rằng :

— Cả thiên-hạ không có người nào vừa đôi phải lứa, dễ thường mày dành chịu chết già hay sao?

Liễu thưa rằng :

— Con muốn đem tài người mà tranh với ông trời, nhưng lâu mãi mà không xong, cũng là số con vậy. Từ giờ trở đi, con xin theo lệnh cha mẹ, đặt đâu con xin ngồi đấy.

Khi ấy có Cao-sinh là người học-trò hay chữ mà lại con nhà thế-gia; nghe tiếng Tế-Liễu mới đến hỏi làm vợ.

khi cưới về rồi, hai vợ chồng rất là yêu nhau.

Người vợ trước Cao-sinh có đứa con riêng tên là Trường-Phúc, mới lên năm tuổi, nàng nâng-niu nuôi-nấng chăm-chút, khi nàng có về thăm nhà, Phúc thường khóc-lóc đòi theo cho được, dẫu mắng bảo ở lại cũng không nghe. Hơn một năm, nàng sinh được một đứa con trai, đặt tên là Trường-Hổ. Cao-sinh hỏi : « Cớ sao lại đặt tên ấy ? » — Nàng đáp rằng : « Không có ý gì khác, chỉ mong con nương-nhờ dưới gối cha được lâu dài mà thôi. »

Nàng không chuyên-ý về việc nữ-công, chỉ gọi là biết qua-loa mà thôi. Còn đến như mẫu ruộng bên đông cùng bên nam, tiền thuế nộp nhiều hay nộp ít, nàng đều xét sổ tra hỏi, chỉ sợ không tường, được ít lâu bảo Cao-sinh rằng :

— Những công-việc trong nhà, xin chàng không phải bận đến, thiếp xin coi-sóc, chẳng biết có thể đương-nổi được chăng ?

Sinh nghe lời, nàng trông-nom được nửa năm trời, trong nhà không bỏ trễ một việc gì cả. Sinh lại càng khen.

Một ngày kia, sinh sang chơi thôn bên láng-giềng uống rượu, chợt có lính về bắt thuế thiếu, đến đập cửa om-thòm cả lên. Nàng sai đầy-tớ ra ủy-dụ, tên lính cũng không đi. Nàng bèn cho gia-đồng đi mời sinh về, tên lính mới lui đi. Sinh cười nói rằng :

— Nàng ơi ! nay nàng mới biết khôn đàn-bà không bằng dại đàn ông!

Nàng nghe nói vậy, cúi đầu xuống khóc rưng-rức. Sinh lấy làm kinh-hãi, đỡ lên khuyên giải mãi, nhưng nàng vẫn không vui lòng. Sinh không nỡ phiền lụy nàng coi-sóc việc nhà, muốn để coi lấy, nhưng nàng không nghe, thức khuya dậy sớm, kinh-kỷ lại càng siêng-năng lắm. Từ đấy cứ trước một năm, đã tính trừ-bị tiền thuế năm sau, bởi thế suốt cả năm không thấy có lính về giục thuế nữa. Lúc [illegible] ấy ra để tính đường [illegible] dụng trong nhà, cho nên được [illegible] dụng càng thư. Cao-sinh cả [illegible] thường nói rằng :

Tế-Liễu hà tế tai, my tế yêu tế, lưng ba tế, thả hỉ tâm tư cánh tế, 細哉, 眉細腰細, 凌波細, 且喜心思更細.

Nghĩa là : nàng Tế-Liễu sao [illegible] thay ! Mày xinh, lưng xinh, gót chân xinh, lại mừng bụng nghĩ càng xinh !

Nàng đối lại rằng :

— *Cao sinh thành cao hỹ, phẩm cao, chí cao, văn tự cao, dẫn nguyện thọ số vưu cao,* 高生誠高矣, 品高志高, 文字高, 但願壽數尤高.

Nghĩa là : Chàng Cao-sinh thực cao vậy, phẩm cao, chí cao, văn-tự cao, chỉ mong thọ số càng cao.

Thấm-thoắt qua năm, sinh 25 tuổi, nàng giữ không cho đi chơi xa, hễ đi chơi đâu chưa về, nàng đã cho đầy-tớ đi mời đi gọi, luôn năm sáu tin, vì thế ai cũng nói diễu.

Một hôm, Cao-sinh đến chơi nhà người bạn uống rượu, thấy trong mình hơi khác, trở về đến nửa đường ngã ngựa chết. Khi ấy đương mùa nồng nực, may đồ khâm-liệm đã sắm-sẵn từ trước, bấy giờ trong làng nước mới phục nàng Tế-Liễu là có tri-khôn hơn người.

Khi ấy Phúc lên 10 tuổi, mới cho đi học, nhưng là con nhà mồ-côi cha, mà hãy còn trẻ dại, lười-biếng không chịu học, chỉ trốn đi theo lũ mục-đồng đùa chơi, quở mắng thế nào cũng không chừa, roi vọt đánh mãi chỉ trơ ra mà thôi. Nàng không biết làm sao được, mới gọi đến dỗ bảo rằng :

— Mày đã không muốn học, ta không thể cưỡng được. Nhưng nhà ta nghèo, không có để người ăn không, mày phải cởi áo ra theo cùng lũ đầy-tớ làm ăn ; nếu không thế thì đánh đòn, không ăn-năn hối-hận được nữa.

[illegible] mặc cho cái áo bông rách, [illegible] lợn, khi về dọn-dẹp nồi, [illegible] bát, cùng lũ dầy tớ ăn [illegible], được mấy ngày Phúc lấy [illegible], khóc quì ở trước sân, xin lại đi học. Nàng ngảnh mặt vào vách không thèm nghe. Phúc bất-đắc-dĩ lại phải cầm roi nín-thít mà đi chăn lợn. Khi bấy giờ đã hết thu sang đông rét mướt, mà mình thì không áo, chân thì không giầy, mưa rét ướt lướt-mướt, trông bộ rụt đầu rụt cổ, đi như thằng ăn mày, người làng ai trông thấy cũng thương; hễ ai muốn kén lấy kế-thất, đều đem truyện nàng Tế-Liễu ra làm gương, nhiều điều chê-bai eo-óc, nàng thường nghe tiếng, nhưng chỉ làm thinh.

Phúc khổ quá không kham được, bỏ lợn trốn đi, nàng cũng mặc, không truy bỏi gì cả; được vài tháng, không còn nơi nào ăn xin được nữa, tiều-tụy quá phải trở về, nhưng không dám vào nhà vội, nhờ bà lão bên láng giềng vào nói với nàng, nàng rằng:

— Nếu chịu được trăm roi, thì mới cho vào tương-kiến, không thì cứ việc mà đi.

Phúc nghe tiếng vội-vàng vào van khóc, xin chịu đòn. Nàng bỏi rằng:

— Nay mày đã biết dại chưa?

— Thưa con đã biết dại rồi.

— Nếu đã biết dại mà chừa, thì tha đòn cho, nhưng phải an-phận mà đi chăn lợn, hễ tái-phạm thì không thể tha được.

Phúc khóc òa lên, xin chịu trăm roi đòn, và xin đi học. Nàng không nghe, bà lão láng-giềng, cố xin hộ cho mãi, nàng mới nghe, sai tắm rửa thay áo, rồi cho cùng với em Hỗ cùng thày mà học. Phúc từ đấy siêng-năng lo-lắng, khác hẳn khi trước; được ba năm, ra học trường lớn, Trung-thừa là Dương-công xem bài văn của Phúc, lấy làm khí-trọng lắm, cấp cho lương tháng, để giúp thêm tiền dầu đèn.

Hỗ tính-chất cực độn, học mấy năm trời, mà vẫn không viết được chữ kỷ. Nàng bắt cất sách đi làm ruộng. Nhưng Hỗ quen tính chơi-nhởn, làm-lụng khổ-sở không kham được, nàng giận mắng rằng:

— Trong tứ-dân đều phải chăm nghề-nghiệp của mình, đã không học được, mà lại không muốn đi cầy, thả rằng chết rấp ở chốn ngòi-lạch cho xong.

Lập-tức đánh đòn, sai theo lũ đầy-tớ đi cầy-cuốc. Một hôm ngủ trưa, bị mắng cực xỉ-nhục, các thức ăn uống, quần áo, nàng chỉ để dành phần tất cho anh; Hỗ dẫu không nói ra, nhưng trong bụng vẫn không bằng lòng. Xong việc làm ruộng rồi, nàng lại xuất tiền cho đi học buôn. Hỗ tính ham cờ-bạc, hễ tiền vào tay thì bao-nhiêu cũng hết, nối dối mẹ là bị cướp-trộm, lấy mất, nàng biết là dối, đánh cho gần chết. Phúc quì xuống kêu van, xin chịu đòn thay cho Hỗ. Nàng mới nguôi giận, từ bấy giờ hễ khi nào Hỗ ra khỏi cửa, thì nàng xét-nét, Hỗ cũng hơi bớt nết hư, nhưng thực bụng cũng muốn chừa hẳn.

Một hôm, Hỗ xin với mẹ theo các lái vào buôn ở đất Lạc, nhưng kỳ-thực là muốn tạ-sự đi chơi xa, để cho thỏa ý-muốn của mình, trong bụng chỉ nơm-nớm sợ rằng mẹ không cho đi. Nàng thấy nói xin đi buôn, cũng không nghĩ-lự gì cả, liền xuất ra 30 lạng bạc, và sắm-sửa đồ hành-trang cho đi, sau lại lấy một lạng vàng giao cho bảo rằng:

— Vàng này là của ông mày lúc làm quan còn để lại, không nên hoang-phí tiêu đi, nay tạm để lót gói cho mày, phòng khi khẩn-cấp. Vả mày mới học lặn-lội đi buôn, cũng không nên mong lãi nhiều, chỉ mong ba mươi lạng bạc ấy không đến nỗi lỗ vốn mà thôi.

Khi Hổ sắp đi, lại dặn đi dặn lại mãi, Hổ xin vâng lời, bước ra đi, hớn-hở tự-đắc.

Khi đến Lạc, Hổ từ-trối cả bạn buôn, đến ngủ ngay nhà danh-kỹ là Lý-cơ hơn mười tối luôn, phung-phá hết cả tiền, vẫn chắc rằng còn có nén vàng to ở trong túi, không lo gì thiếu-thốn cả, đến khi trở ra thử xem, thì ra nén vàng giả ! Hổ thất kinh, mụ mẹ giầu biết ý, hay châm-chọc nói mát. Hổ không yên lòng, nhưng trong túi cạn tiền, không biết đi đâu, chỉ mong rằng ả Lý-cơ còn nghĩ đến nhân-tình cũ không nỡ tuyệt mình chăng. Bỗng đâu thấy có hai người cầm thừng chạc vào, bắt trói cổ Hổ lại, Hổ sợ hãi không biết tại duyên-cớ làm sao, thì ra ả Lý-cơ đã lấy trộm nén vàng giả, đem đến trình quan rồi. Khi điệu Hổ đến quan, không thấy hỏi han gì cả, liền đem gông trói tống-giam trong ngục. Hổ lại không có gì để dút lót liền hành-sai, phải kẻ ngục-lại ngược-đãi thậm-tệ, đến nỗi phải ăn-xin của những tên tù, để sống thoi-thóp cho qua ngày vậy.

Trước khi Hổ mới ra đi, nàng gọi Phúc bảo rằng :

— Mày nhớ đến ngày hai mươi này, ta phải sai mày đến Lạc, vì ta lắm việc, sợ quên đi mất chăng !

Phúc hỏi đến Lạc có việc gì, thì thấy nàng có ý buồn rầu, không dám hỏi nữa lui ra. Đến ngày hai mươi, Phúc lại hỏi, thì nàng than-thở nói rằng :

— Nay em mày hay chơi-bời lêu-lổng, cũng như ngày trước mày bỏ học vậy : ta không mạo tiếng ác, thì sao mày lại được như ngày nay, người ta đều bảo ta tàn-nhẫn, nhưng giọt lệ đầm-đìa đệm gối, nào ai có biết cho ta đâu !

Nói rồi rỏ nước mắt khóc, Phúc cung-kính đứng hầu, không dám hỏi gặng nữa. Nàng gạt nước mắt mà nói rằng :

— Em mày du-dãng [illegible] vậy trước ta có đưa cho [illegible] giả, để cho gặp phải tỏa-[illegible] thói hư đi, ta lượng nay nó đã phải giam trói rồi. Quan Trung-thừa hậu đãi mày, mày nên đến [illegible] để gỡ thoát tai-nạn cho nó, mày [illegible] sinh lòng quí-hối mà chửa đi chăng.

Phúc lập-tức vâng lệnh ra đi, đến Lạc, thì thấy em đã bị giam [illegible] ngày rồi. Phúc vào ngục thăm em, thấy Hổ mặt mũi nhọ-nhem. Hổ trông thấy anh, cúi gục xuống khóc, không dám trông lên ; Phúc cũng thương khóc.

Khi ấy Phúc được quan Trung-thừa yêu chuộng, cho nên xa gần đều biết tiếng ; quan Huyện biết Phúc là anh tên Hổ, bèn tha Hổ.

Khi Hổ về đến nhà còn sợ mẹ giận, quì gối đi vào. Nàng đoái lại hỏi rằng :

— Mày đã thỏa chưa ?

Hổ rỏ nước mắt không dám lên tiếng, Phúc quì xuống xin cho em, nàng thét rằng :

— Đứng dậy !

Hổ từ đấy càng hối-hận, các việc trong nhà, kinh-lý rất cẩn, dầu có hơi biếng nhác, mẹ cũng không trách-mắng gì nữa ; được vài tháng, không dám nói gì đến sự đi buôn nữa, ý tuy muốn xin đi, nhưng không dám nói ra, mới sẽ tỏ ý cho anh biết. Nàng biết ý lấy làm mừng, mới hết sức đi vay mượn giao cho Hổ đi buôn, được nửa năm, đã lãi đến gấp hai. Năm ấy Phúc đỗ hương-khoa, ba năm nữa Phúc lại đỗ hội. Em đi buôn bán giầu lên đến cự-vạn.

Khi ấy người làng trông thấy nàng đã lên bậc Thái-phu-nhân, trạc tuổi tứ-tuần, mà hãy còn trẻ như người trạc ba mươi tuổi, ăn-mặc mộc-mạc, vẫn như nền-nếp nhà thường-gia vậy.

[illegible] *tình*. — Phương-ngôn có nói [illegible] *bánh đúc có xương, mấy đời* [illegible] *thương con chồng*. Xưa nay [illegible] vẫn mang tiếng là bạc-đãi con [illegible].

Hoặc có người muốn tránh tiếng chê-bai, lại kiểu-uổng quá, cứ mặc cho con trẻ phóng-túng, không hỏi đến chi, là vì tại làm sao ?

Vì nghĩ rằng mình đánh con mình thế nào, không ai chê là tàn-bạo ; nếu đánh con chồng như thế, thì đã xúm lại mà chỉ-trích ngay.

Nàng Tế-Liên vốn không phải chỉ tàn-nhẫn với con chồng đâu, nhưng giả-sử con mình mà hiền, không phải đe-nẹt như con chồng, thì sao hay tỏ được bụng khổ-tâm ấy với thiên-hạ. Thế mà nàng không tị hiềm-nghi, không từ hủy-báng, dậy nên được hai con, một người sang, một người giầu, để tiêu-biểu ra với đời, nàng không những là bậc khuê-tú giỏi, cũng đáng gọi là một bậc đại-trượng-phu.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

CỦA ĐỜI NGƯỜI THẾ

(*Dịch truyện Tàu*)

Chu-gia-thôn có một người Tú-tài tên là Chu Vinh-Tổ, vợ là Chương-thị, mới sinh được người con trai tên là Trường-Thọ. Nguyên khi xưa Tổ-phụ là Chu-Phụng, nhà giầu đại-phú, tiền bạc súc-tích, nén bạc nào cũng khắc tên mình làm chí-hiệu, tính hay tôn-sùng đạo Phật, dốc lòng tin mến, làm mấy gian chùa ở cạnh nhà, ngày đêm phụng thờ, sớm khuya tụng niệm ; đến đời phụ-thân, không tin đạo Phật, phá-hủy mấy gian chùa để làm rộng thêm nhà ra, khi làm nhà xong thì phải bệnh mất. người ngoài ai cũng cho là quả-báo.

Đến đời Chu Vinh-Tổ theo nghề bút nghiên, tính-hạnh thông-minh, học-hành rộng-rãi, muốn thi-cử, lập công danh, nhưng ngặt vì vợ dại con thơ, không có thể bỏ mà đi được, bàn nhau đem cả nhà ra ở kinh-thành, cho tiện chỗ học-tập, những vàng bạc của tổ-phụ để lại, chỉ đem ít nhiều đi tiêu dùng, còn bao nhiêu thì đem chôn dưới chân tường. mượn một người quản-gia trông nom việc nhà.

Bấy giờ ở Tào-chu có một người cùng-dân, tên là Giả-nhân, nghèo đói khốn khổ, ngày nào cũng đi làm mướn kiếm ăn, hoặc cuốc đất, hoặc đào tường, ai thuê việc gì làm việc ấy, tối lại về ngủ cái lều nát, thấy người ta phú-quí mà mình nghèo khổ, thường nghĩ bụng rằng : cớ sao trời ở chẳng cân, người ăn chẳng hết người lần chẳng ra? Khi đi làm trở về qua miếu Đông-nhạc, lại vào lễ bái kêu cầu, nay khấn mai bài, lòng thành cũng động đến quỉ-thần.

Một hôm vừa khấn bái xong, nằm lăn xuống thềm, thiu-thiu ngủ, thấy tên lính đem thần-hồn đi đưa vào hầu hai vị linh-thần : 1º Thần phái-hậu, 2º Thần tăng-phúc. Thần phái-hậu bảo Thần tăng-phúc tra xét xem số-phận Giả-nhân thế nào. Phúc-thần giở sổ ra tra xét một hồi, rồi đáp lại rằng : « Tên này kiếp trước bất-lương, kiếp này phải chịu cùng khổ. »

Giả-nhân nghe nói, cố ý kêu cầu. Thần phái-hậu nói : « Tên này tuy không có điều thiện gì to tát, nhưng khi cùng khổ, tống táng cha mẹ hết lòng, cũng là một người có hiếu, vậy thì hãy đem

phúc phận của người khác cho nó mượn tạm, và cho nó một người nghĩa-tử, nuôi đến khi chết rồi thôi. »

Phúc-thần nói xong, Chu-gia-thôn có một người Tú-tài, vì cớ đời cha phá-hủy tòa Phật, nay đến đời con phải chịu phạt một hồi, vậy đem phúc-phận của nhà Chu-sinh cho Giả-nhân mượn tạm trong 20 năm, mãn hạn thì trả lại chủ cũ.

Thần phái-hậu gật đầu khen phải, liền gọi Giả-nhân đến trước mặt, phán bảo phân-minh, Giả-nhân lạy tạ bước ra, tên linh đẩy một cái, giật mình tỉnh dậy, thì té ra giấc chiêm bao, bụng nghĩ rằng : cứ như trong giấc mộng, thì có lẽ thần-linh phù-hộ, mình được giầu có đến nơi.

Hôm sau lại đi tìm việc làm mướn, bước ra khỏi cửa, vừa gặp quản-gia nhà Chu-sinh gọi đến bán cho bức tường đổ, Giả-nhân nhận giá phân-minh, rồi đến đào tường, để lấy gạch đem bán, khi đào đến dưới chân tường, thấy có phiến đá, nậy lên thì đều là vàng bạc, mừng rỡ vô-cùng, nghĩ bụng rằng giấc mộng hôm trước quả nghiệm thực, bèn bỏ vàng bạc vào trong sọt, phủ đất lên trên, đem về giấu một nơi, hai ba ngày mới đem về hết.

Giả-nhân lấy được của ấy, đem bán ít nhiều, làm một cái nhà nhỏ và làm vốn sinh lợi, trước còn buôn bán tầm-thường, sau thành ra đại cửa hàng, chưa được bao lâu ra cửa cao nhà rộng, ruộng cả ao sâu, càng ngày càng giầu, thành ra một nhà đại-phú, ai cũng gọi là Giả-viên-ngoại ; nhưng tính cực biển-lận, không dám dời ra cho ai một đồng, mà tự mình cũng buộc mồm buộc miệng, không sa-phí chút nào, người ta lại gọi là Thần giữ-của, vì rằng của ấy nguyên là của Chu Tú-tài, cho Giả-nhân mượn tạm trong 20 năm, Giả-nhân chỉ có quyền giữ hộ mà thôi. Giả-viên-ngoại lấy một người vợ, nhưng không sinh-dục gì cả, nuôi một lão-nho tên là Trần Đức-phủ, trông nom giúp đỡ việc nhà, thường bảo Đức-Phủ rằng : « Tôi nhờ Trời giầu có ức vạn, nhưng chỉ hiềm vì một nỗi hiếm-hoi, tôi muốn mua một người làm quả-phòng-tử, trước là vui nhà, sau là trông cậy về thâu hậu. »

Đức-phủ nghe nói, ra kể chuyện với người hàng rượu, hễ thấy ai bán con, thì mua giúp Viên-ngoại một người.

Chu Tú-tài tự khi đem vợ con ra ở kinh-thành không may gặp phải cơn đen vận túng, công-danh cũng chẳng ra gì, lại đem nhau về nhà làm ăn, càng ngày càng sa-sút, đào chân tường để tìm vàng bạc chôn khi trước, chỉ thấy những gạch cùng đá mà thôi, dần dần cửa nhà ruộng vườn, bán hết sạch sành-sanh, cơm chẳng có ăn, áo chẳng có mặc, cửa nhà không có mà ở, đem vợ con đi lang-thang, nay đây mai đó, hết chỗ này đến chỗ khác.

Một hôm gặp mưa tuyết lạnh-lùng, đem nhau vào nhà hàng rượu tạm tránh, hàng rượu ấy ở trước nhà Giả-viên-ngoại, quán-chủ thương tình, đãi cho mấy chén rượu cho khỏi rét ; quán-chủ thấy Trường-Thọ mặt mũi khôi-ngô, bảo Chu-sinh gặp bước gian-nan, nên đem tiểu-nhi bán cho người ta làm nghĩa-tử được ít nhiều tiền tiêu dùng.

Chu-sinh bàn với Chương-thị, thuận tình đem con đi bán, có ai mua thì nhờ quán-chủ đánh tiếng giúp cho, quán-chủ liền vào nhà Viên-ngoại kể chuyện với Trần Đức-Phủ, Đức-Phủ chạy ra xem, thấy tiểu-nhi có phúc-tướng, vội-vàng vào nói với Viên-ngoại để mua làm quả-phòng-tử, Viên-ngoại hỏi nó là con nhà ai ? Đức-Phủ nói là con anh cùng-tú-tài, tên là Chu Vinh-Tổ. Viên-ngoại nói : « Tú-tài thì hay lắm ! Chỉ hiềm vì một nỗi

ùng,» Đức-Phủ nói : « Bởi cùng mới phải bán con, chẳng có ai phú-quí lại chịu bán con bao giờ.»

Đức-Phủ chạy ra đưa Chu-sinh và tiểu-nhi vào. Viên-ngoại thấy Trường-thọ khôi-ngô, tuấn-tú, trong bụng mừng thầm, liền bảo Chu-sinh viết văn-tự bán con. Đức-Phủ hỏi viết văn-tự thế nào? Viên-ngoại nói : «Viết văn-tự người lập thư tên là mỗ, vì cớ không có ăn, tình nguyện đem con thân-sinh của mình tên là mỗ, bán cho Giả-viên-ngoại làm quá-phòng-tử, đã lập khế rồi, hai bên đều không được phản-hối, hễ ai phản-hối thì chịu phạt nghìn quan tiền, » Đức-Phủ cười rằng tiền phạt một nghìn thì giá mua không biết mấy nghìn. Viên-ngoại nói : « Mua bao nhiêu mặc tôi, cứ bảo Chu-sinh viết như vậy.»

Đức-Phủ ra nói với Chu-sinh, Chu-sinh nghĩ rằng Viên-ngoại nhà giầu, thế nào cũng trả được mấy nghìn, nên cứ theo thế mà viết, nhưng không biết rằng giả bán không nói minh-bạch chàng biền-lận đã lập kế đánh lừa.

Văn-tự viết xong rồi, Viên-ngoại đem tiểu-nhi vào nhà trong, yết-kiến chủ-mẫu, Giả-bà thấy Trường-Thọ mi thanh mục tú, trong bụng mừng thầm. Viên-ngoại bảo Trường-Thọ rằng : « Hễ ai hỏi mày họ gì, thì mày phải nói là họ Giả. » Trường-Thọ bấy giờ mới 6 tuổi, đã hơi có trí-thức, liền đáp rằng: « Tôi vốn là họ Chu ». Giả-bà cười mà bảo rằng : « Ai hỏi mày cứ nói là họ Giả, đừng nói là họ Chu, ta sẽ may cho cái áo hoa.» Trường-Thọ nói : « Dẫu may áo hồng-bào cho tôi mặc, nhưng bao giờ tôi vẫn là họ Chu.» Viên-ngoại nghe nói có ý không bằng lòng.

Chu-sinh ở nhà ngoài nhờ Đức-Phủ nói với Viên-ngoại đem trả tiền. Viên-ngoại nói : « Vì hắn không nuôi được con, phải đem bán cho ta, để ta nuôi giúp cho, ta không đòi tiền nuôi thì chớ, hắn lại còn đòi tiền ta hay sao? » Đức-Phủ nói : « Người ta mang nặng đẻ đau, công-phu khó nhọc, dắt tình đem bán cho ngài có lẽ nào lại không trả tiền người ta? » Viên-ngoại nói : « Muốn lấy tiền sao không nói trước, để viết vào văn-tự phân-minh, bây giờ việc đã xong rồi, còn nói gì nữa, thôi, ta nể mặt nhà ngươi, trả cho một quan. » Đức-phủ cố nói giúp hộ Chu-sinh, Viên-ngoại cho thêm nữa mà bảo rằng: « Nếu không nghe thì là người phản-hối, trong văn-tự đã nói rõ rằng : ai phải-hối thì chịu phạt một nghìn quan tiền, nộp phạt ta sẽ trả con cho đem về. » Đức-phủ thấy Viên-ngoại khổ-khắc, lấy tiền riêng của mình giúp cho Chu-sinh hai quan nữa, và bảo rằng : « Gặp phải người biền-lận, tiên-sinh cũng bằng lòng vậy, con mình ở đây được ăn sung mặc sướng là hơn.»

Chu-sinh gọi Trường-Thọ ra mà bảo rằng : « Cha mẹ không nuôi được con, phải bán cho người ta, con ở đây được no cơm ấm áo, thôi cũng đừng phiền lòng làm chi nữa.» Nói đoạn nước mắt chảy xuống dòng-dòng, Trường-Thọ cũng ôm lấy cha mẹ mà khóc. Đức-phủ đem Trường-Thọ vào nhà trong, mua quả bánh giỗ-dành, vợ chồng Chu-sinh gạt nước mắt trở ra.

Tự bấy giờ vợ chồng Viên-ngoại, đổi tên tiểu-nhi là Giả Trường-Thọ, dần dần lớn lên, vẫn tưởng mình là con thân-sinh của Viên-ngoại, quên cả cha mẹ thân-sinh ra mình, nhưng tính-khí rộng rãi, coi đồng tiền như cái rác, không giống tính Viên-ngoại chút nào.

Viên-ngoại quản-lĩnh gia-tài, thấm-thoắt được 20 năm, năm ấy Giả-bà tạ-thế, tống-táng đâu đấy, Viên-ngoại buồn-dầu, thành ra ốm nặng. Trường-Thọ sửa lễ ra miếu Đông-nhạc. kêu cầu, mong cho phụ-thân được chóng

khỏi; hôm ấy chính là ngày thánh-đản, thiên-hạ đến lễ-bái, người đông như kiến. Trường-Thọ sai gia-đồng tìm nơi thanh vắng, ngủ tạm một đêm, khi chạy xuống hành-lang, thấy hai vợ chồng một người mặt bủng da chì, áo quần rách-rưới, chính là vợ chồng Chu Tú-tài. chỉ vì cách-biệt đã lâu, cho nên Trường-Thọ không nhận được mặt.

Nguyên vợ chồng Chu Tú-tài lưu-lạc 20 năm, muốn đến nhà Viên-ngoại thăm tìm Trường-Thọ, nhân đi qua miếu Đông-nhạc, vào viết sớ thuê. kiếm năm ba đồng chi-dụng, thủ-từ cho ở dưới hành-lang; bấy giờ Trường-Thọ sai gia-đồng đuổi đi, Chu-sinh không phục, cãi nhau với gia-đồng. đến tai thủ-từ, thủ-từ nói: « Nhà có chủ nhà, miếu có chủ miếu, ta đã cho vợ chồng người ta ở đó, cớ sao nhà ngươi dám đuổi. » Gia-đồng nói chủ xin đưa một quan tiền ngủ trọ một đêm. Thủ-từ thấy có tiền, liền đổi giọng mà bảo rằng: « Vậy thì ta bảo hắn nhường cho thầy trò nhà ngươi. » Vợ chồng Chu-sinh không thể sao được phải tránh ra chỗ khác. Hôm sau lễ-bái xong rồi, người đâu về đấy, Trường-Thọ về đến nhà, thì Viên-ngoại đã mất rồi, làm lễ tống-táng cũng như cha sinh, tự bấy giờ gia-tài của Viên-ngoại, lại về tay Trường-Thọ cai-quản.

Chu-sinh tự khi ở miếu bước ra, định đến nhà Viên-ngoại, dò-la tin-tức, vào nhà hàng rượu khi trước, chính gặp Trần Đức-Phủ, liền hỏi rằng: « Tiên-sinh có nhớ tôi không? » Đức-Phủ nhìn nhận một hồi lâu, rồi hỏi rằng: « Ngài có phải là Chu Tú-tài bán con khi trước không? » Chu-sinh thưa phải. Đức-Phủ nói: « Vợ chồng Giả-viên-ngoại tạ-thế cả rồi, gia-tài về tay lịnh-lang cai-quản hết, vả lại tính-khí hào-phóng, trọng nghĩa khinh tài, chớ không biển-lận như lão trước, tiên-sinh hãy ngồi tạm đây, để tôi vào báo tin cho lịnh-lang. »

Trần Đức-Phủ vội-vàng chạy về, nói chuyện với Trường-Thọ, [illegible] việc ngày trước kể lại đầu đuôi mi[illegible]-bạch, hai năm rõ mười, Trường-Thọ, tuy cách-biệt đã lâu, nhưng nghĩ lại lúc thủa bé, hãy còn phảng-phất, trong lòng, vội-vàng theo Đức-Phủ ra nhận cha mẹ, cha con gặp nhau, mừng-mừng tủi tủi, tình-trạng ấy không kể xiết được.

Trường-Thọ trông thấy hình-dáng cha mẹ, biết là hai vợ chồng người ở miếu hôm trước, thụp xuống lạy mà khóc rằng «Hài-nhi không nhớ mặt song-thân, hôm trước ở miếu có điều mạo-phạm, thực là tội bất-hiếu. » Liền sai gia-đồng về lấy chấp bạc, đem ra làm lễ tạ tội. Chu-sinh không chịu lấy, Trường-thọ nói: « Song-thân không nhận, thì hài-nhi không được yên lòng, » Chu-sinh bất-đắc-dĩ phải nhận, mở chấp bạc ra xem thì nén nào cũng khắc ba chữ *Chu-phụng ký*, dật mình kinh sợ, bảo Đức-phủ rằng: « Bạc này nguyên là tổ-phụ tôi để lại, hãy còn tự-tích phân-minh. » Đức-phủ nói: « Của nhà tiên-sinh, cớ sao lại về tay Giả-viên-ngoại? » Chu-sinh nói: « Khi trước tôi ra ở kinh-thành đem bạc này chôn dưới chân tường, lúc về đào lên thì thấy mất cả, bây giờ lại thấy ở đây, thực là khả quái! » Đức-phủ nói: « Giả-nhân nguyên là người đi làm thuê, vụt chốc làm giàu có, chắc hẳn lấy được của tiên-sinh, hẳn không có con cái gì cả, mua lịnh-lang làm quá-phòng-tử, quản-lĩnh gia-tài, bây giờ hẳn qua đời rồi, người và của lại về chủ cũ, thực là lòng Trời; thảo nào mà hẳn không dám sa-phí một đồng nào, là vì không phải của hẳn, hẳn chỉ giữ hộ tiên-sinh đó thôi. » Chu-sinh nghe nói, cũng lấy làm kỳ-ngộ, bèn đưa cho Đức-phủ hai đĩnh bạc, để đền ơn hai quan tiền năm trước, lại đưa cho hàng rượu một đĩnh, để trả nghĩa cho uống rượu khi xưa. Trường-Thọ bèn đem song-thân về nhà phụng-dưỡng. Chu-sinh

lại là ra mấy gian chùa, vợ chồng tu-hành, đêm ngày phụng-sự, từ bấy giờ lại càng tin mến đạo Phật lắm.

Kết-luận. — Tiền của là chúa muôn đời, khi ở người này, lúc sang kẻ khác, đến ta mới biết của ta, nghìn trăm năm trước biết là của ai ? Như Chu-sinh nhờ của tổ-nghiệp, nguyên là một nhà phú-hộ, chỉ vì đời cha phá-hủy phật-tượng, đến nỗi cùng khổ 20 năm ; Giả-nhân làm mướn kiếm ăn, nguyên là một đứa cùng-dân, chỉ vì tấm thân có chút lòng hiếu, lại được sung-sướng 20 năm. Tuy rằng đạo Trời báo-ứng, mà cũng là Tạo-hóa thừa-trừ, hễ nên thì số giầu đem đến dửng-dưng, nọ là con mắt cháo-chưng với trời, đến lúc vận chẳng ra gì, thì của Trời, Trời lại lấy đi, dương hai con mắt làm chi được Trời. Cho nên có người tay trắng làm nổi cơ-đồ, có người giầu làm vạn nghìn tư cũng hết, chẳng ai giầu ba họ, khó ba đời bao giờ, vậy cho biết của chung thiên-hạ đồng lần, canh thôi rồi lại chao dần cho nhau !

NGẠC-ĐÌNH *dịch*

DƯ-LUẬN CHUNG

Mục « Dư-luận chung » để đăng những bài nghị-luận phổ-thông của các bạn đọc báo lai-cảo. Những ý-kiến trong các bài ấy bản-chí không giữ trách-nhiệm : bài nào đã có tác-giả đứng tên.

N.-P.

BÀN GÓP VỀ HỘI « KHUYẾN-HỌC »

Các nước bên Âu-châu thường hay lập rất nhiều hội khác nhau, hoặc chủ-nghĩa về luân-lý, hoặc về lý-tài, toàn là để giúp cho cả dân trong nước được hưởng cái kết-quả của văn-minh ngày nay. Cái văn-minh đó là công việc của tinh-thần mấy mươi muôn vàn bậc thượng-trí đã cố hết sức kế-tiếp nhau mà tư-tưởng từ khi loài người còn phải ăn lông ở lỗ đến ngày nay. Ở trên mặt đất này, vật gì cũng phải thay đổi luôn ; loài người mỗi ngày một khôn khéo hơn lên, cách xa cổ-nhân nhiều lắm, vì rằng được cả các công-nghiệp đời trước để lại mà thêm vào công-nghiệp mình làm, ví cũng như một người con giỏi, cứ những của tay mình kiếm ra cũng đủ ăn, song lại được hưởng gia-tài ông cha để lại, thì cơ-nghiệp tất là to hơn cơ-nghiệp ông cha. Người nào không biết hưởng cái văn-minh chung của thế-giới đời nay, thì khờ biết chừng nào ! Thật chẳng khác gì một chàng kia có phần to về gia-tài cha mẹ để lại, mà cứ nhơ-nhơ nhác-nhác để hết lợi cho anh em, còn mình thì mồ-hôi nước mắt chăm-chỉ làm ăn cả một đời, mà vẫn kém người ta xa ! Văn-minh là một cái gia-tài rất nên quí-hóa, song muốn hưởng phải có khôn khéo mới được, vậy phải làm thế nào cho đủ trí khôn mà hưởng cái gia-tài chung của loài người ấy ? Chắc là phải học sách vở của các nước văn-minh có dịch ra tiếng Pháp nhiều, mà chính nước Pháp cũng có thừa sách cho ta mở-mang trí khôn, vậy ai cấm ta, mà ta xưa nay chẳng nhìn gì đến cả ? Than ôi ! người nước ta nào có phải giốt-nát như dân mường-mọi đâu mà ta cam chịu hèn mạt ? Dân ta thật có đủ tư-cách làm người ở trên mặt địa-cầu này, cứ xem qua Nam-sử thì rõ. Về đường văn-chương thì chẳng cần phải nói đến

ai cũng biết ta đời xưa vẫn là một dân trọng chữ-nghĩa và luân-lý. Tưởng những người biết tư-tưởng kể nghĩ đến lúc nước ta nhỏ bằng một cái nhà làm cho nước Tầu rộng hơn kể có mấy mươi phần phải kính nể, thì cũng dỏ vài giọt nước mắt khóc cái vẻ vang của ta đã qua rồi. Tôi nói thế là có ý nhắc lại rằng nước ta vẫn có trí-tuệ tự-nhiên, mà chỉ vì ta không chịu khó học-hành, cho nên một ngày một mất dần đi. Đời trước ta tuy học hư-văn, song học đến nơi đến chốn, chớ không như các bậc thiếu-niên đời nay. Biết bao nhiêu là người rùi-mài kinh-sử, học đến hết đời! Tuy về đường cách-trí không biết, song học nhiều thì lợi cho đường đạo-đức bao nhiêu! Vả lại ta khi trước đã mấy trăm năm học chữ Hán, cho nên biết được đến nơi đến chốn, cho nên nước ta khi trước phong-tục rất là êm-ái. Bây giờ là buổi giao-thời, chữ Hán gần hết, mà chữ Pháp mới biết bập-bẹ, thì thế nào cho khỏi hại đến luân-lý được. Song có giở mới có hay. Đời bây giờ phải cần có cái học-thức ngày nay thì mới sống được. Vậy đáng lẽ thì buồn thật, song ta cũng nên mừng rằng đã tìm được chính-đạo, lúc mới đi thì còn run-rẩy, sợ ngã thì hỏng cả, song cứ nhất-định bước lên thì quen dần dần, rồi cứ tuần-tự mà đến được mục-đích. Tuy vậy khi đi trên đường khó-khăn ấy phải có người dẫn mới được. Có nhiều ông phàn-nàn về cách ăn ở của nhiều người ta đi học chữ Pháp, là vì rằng phần nhiều học-trò ta là không có người dẫn đường. Thày-giáo người Pháp không hiểu tính-tình và phong-hóa ta, cho nên chỉ dậy ta được phần chữ-nghĩa; về phần luân-lý thì phải chính người nước mình mới dậy được. Vậy nay nên xét xem vì cớ gì mà bây giờ các cậu học chữ Pháp lại hay phải đảng cựu-học công-kích.

Như ở các nước văn-minh thì những người giàu có thường hay nuôi một ông thày riêng để trông nom con mình từng tí, vừa bảo học, vừa dậy-dỗ khi còn nhỏ, như người vú vậy; bởi lẽ ấy trong nước được nhiều bậc đại-tài. Những người nào không có của nuôi thày riêng thì cho vào các trường, trong ấy có người trông nom cẩn-thận lắm, mà khi nào trẻ ngã đau hoặc làm điều gì xằng thì Nhà-nước có phép bắt người coi sóc nộp tiền phạt, còn người nào có nhà ở gần trường thời tuy cho con đi học, song ở nhà bố mẹ cũng cẩn-thận coi-sóc về đàng giáo-dục con cái. Coi đó thì đủ biết cách cho con đi học của người ta khác mình bao nhiêu. Ở nước ta chữ Pháp chưa thấm-thía vào lắm, cho nên về phần nhiều các ông cho con đi học không biết mà trông nom sách vở các cậu. Vậy nên muốn nói thế nào, cha mẹ cũng ỷ rằng phải, mà tưởng rằng con mình đã có các thày dậy-dỗ ở trường học cho, mà có ông thấy con cái nhâng-nháo thì lại tưởng rằng bây giờ lối học mới phải để cho tự-do mới được. Các ông nghĩ thế là lầm to, vì nước nào cũng vậy, cái giáo-dục ở chốn gia-đình là can-hệ nhất, mà phàm trẻ đứa nào cũng vậy, phải uốn nắn lắm thời mới thành tài được. Nay ta thử xét phần giáo-dục một đứa bé đi học chữ Pháp cho đến khi ra làm việc được xem ra làm sao. Ai có ý suy xét một ít thì cũng đã hiểu rằng: phần nhiều thày giáo các trường chỉ chuyên thế nào cho học-trò đỗ nhiều là đủ, còn một chủ-nhật được vài bài luân-lý thì coi rất là khinh thường, ở nhà cha mẹ đã không trông nom, đến trường các thày lại chẳng giáy cách ăn ở, thì trách gì mà đứa trẻ chẳng hóa ra chơi bời! Khi lên được trường trung-học thì cũng chỉ tìm cách thế nào cho được bằng là đủ, còn về đường đức-dục thì thày tây dậy qua-loa thôi; đến kỳ ra làm thì còn ai dám nói động đến các thày nữa, phần thì ở xa cha mẹ, phần thì ở chốn tỉnh thành, chúng bạn dủ-dỗ chơi-bời, xem đó thì biết vì cớ gì mà phần nhiều người tân-học đức-dục kém; khi trước ta còn học chữ Hán, bố con thường ở với nhau lọn đời, thật là một cảnh-tượng rất êm-ái chốn gia-đình.

Vậy nay làm thế nào cho các ông có con đi học chữ Pháp khỏi phải lo nghĩ về phần đạo-đức con cái? Muốn cho học

hành [illegible] giang mà phong-hóa vẫn tốt lành như đời ông cha ta thì làm thế nào? Bởi vậy, mới đây quan Đông-các ở Trung-lao và các quan ở nơi khác lo nghĩ muốn cho dân ta được tiến hóa về đàng trí-dục và đức-dục thì mới nghĩ ra được một kế rất hay, khiến cho học-trò lên tỉnh học được mà vẫn có người trông coi thay cho cha mẹ; song các ngài xét rằng xưa nay nhiều người bên Giáo không dám cho con đi học sợ hại cho phần luân-lý, mà các ngài lại sợ rằng nếu cứ như vậy, thì sau này những người đi giáo thiên về đạo-đức quá mà bỏ đường trí-dục, cho nên đã trình các Đức Cha xin lập một hội gọi là *Pháp-Việt Khuyến-học hội*. Quan Thống-sứ biết mục-đích của hội là rất thiết-dụng ở đời nay, thì đã duyệt-y ngay. Song khi mới này thì học-trò chưa ở với nhau một nhà để trông coi cho tiện được, tuy vậy nhưng khi ở trường-học về nhà cũng đã lo liệu cho, và xem xét sự học-hành cùng tính-hạnh nữa. Khi nào hội có đủ tiền thì sẽ thuê hoặc mua một cái nhà để người trông nom cho tiện. Quan Lãnh-binh tỉnh Hưng-yên là ông Nguyễn-văn-Thành và ông Bùi-Huy-Tín là nghị-viên thành-phố Hà-nội mới nghe nói sự lập hội này mà đã hiểu biết là một hội có ích-lợi cho sự tiến-hóa nước ta, nên vui mừng quyên mỗi ông một trăm đồng. Hai ông đều là người bên lương, mà trong việc này không phân-biệt tôn-giáo, không có ích-lợi riêng gì cho nhà mình, mà vui lòng giúp đỡ trước hết, mà lại trước cả khi hội đã thành-lập. Coi đó thì biết mục-đích của hội là thế nào. Ai muốn biết rõ thì viết giấy hỏi quan Tuần-phủ tỉnh Hưng-yên là ông Lê-Trung-Ngọc, và muốn xin cái tờ thông-đạt để hiểu cách thức vào hội cũng được. Các người đi giáo nên mừng lắm vì sau này cho con cái đi học đỡ tốn kém mà vẫn giữ được đạo-đức. Ông nào không có con đi học cũng nên biết rằng không bao giờ được dịp mà dùng tiền có ích-lợi như dịp này.

Tôi thấy đạt tờ thông-đạt của hội có một đoạn rằng: « Thường nghe thấy nhiều nhà bên giáo phàn-nàn không dám cho con lên tỉnh học, vì sợ không có người trông nom mà nó lười biếng, bắt chước những tính xấu mà hư thân phần đạo phần đời. » Những ông phàn-nàn như vậy thì nay nên yên giạ vì Hội chẳng những trông nom cho các học-sinh giữ đạo cho nên, lại còn cấp lương cho học-trò nào giỏi đi học ở các trường lớn Hà-nội cùng bên Đại-Pháp.

Ở trong đời này điều gì cũng vậy, lúc mới có thì không bao giờ hoàn-toàn ích-lợi được, vì ta chưa được hiểu rõ, vậy nên trong nước ta có nhiều người vì đạo Thiên-chúa mà chỉ cả đời đọc kinh cầu nguyện, ăn chay kiêng thịt, để phạt mình về tội lỗi, mà quên rằng chính Chúa cứu-thế dậy ta phải siêng năng làm việc giúp kẻ khốn khó nữa. Dân-gian thì cứ ăn ngay ở lành, siêng năng giữ đạo cho nên là nhất, song những người có trí có của thì thế cũng chưa đủ, phải làm ích lợi cho người khác nữa mới hết bổn-phận. Nhiều nhà siêng đạo lắm, nhất là các ông phú-hộ nhà quê, xem ý ra không cần cho con cái học-hành. Về mặt cả ngày chỉ buồn rầu vì Chúa cứu-thế khi trước đã bị đóng đanh trên câu-rút mà muốn theo ngài. Như thế là một ý-tưởng rất cao-thượng, rất êm - ái, lòng càng đạo-đức bao nhiêu càng hiểu rõ. Người trong bổn-đạo ai cũng đã hiểu rằng Chúa cứu-thế là gương tốt lành vô-cùng; càng bắt-chước ngài được bao nhiêu thì càng được hoàn-toàn bấy nhiêu. Lẽ ấy chúng ta đã hiểu rõ, song ta nên biết rằng trước khi chịu đau-đớn về ta, thì ngài đã cứu bao nhiêu là kẻ đau yếu và đã dậy-dỗ được bao nhiêu là kẻ tội lỗi. Vậy chắc ta phải theo gương ngài mới được. Nếu ta không có đủ trí khôn mà giúp nhà giúp nước, không có thừa của-cải mà giúp đỡ kẻ nghèo hèn, thì ta cứ giữ mình cho khỏi tội lỗi là đủ. Nếu ta có trí có của mà ta cứ biết một mình thì chưa là hết bổn-phận, lại còn mắc tội

lười biếng nữa. Nếu các ông có con học được mà lại có của thì tất bổn-phận phải chăm cho con cái học-hỏi để mở-mang trí khôn một ngày một hơn, sau này cũng có thể giúp vào việc làm sáng danh Chúa mình được. Bổn-phận ấy rất là can-hệ cả về phần đạo phần đời. Cứ suy nghĩ kỹ về đoạn kinh *Evan*, dịch đại-khái như sau này, thì đủ hiểu người đi giáo trước hết phải có lòng đạo-đức, sau phải có nghị-lực nữa mới được. Ông thánh Matthieu trong đoạn thứ 25 kinh *Evan*, có chép lời đức chúa *Jésus* đại-ý thế này : Đức Chúa trời cũng ví như một người kia, trước khi đi vắng lâu thì gọi lũ đầy tớ lại mà giao bạc cho. Giao cho người thì năm nén, người thì hai nén người thì một nén, cứ tùy sức từng người mà cho. Anh được năm nén đi làm nẩy-nở ra được thêm năm nén nữa ; anh đã nhận được của chủ hai nén cũng làm ra gấp đôi ; còn anh chỉ được có một nén thì đào đất mà chôn tiền của chủ mình. Mấy năm sau chủ nhà về thì khen mà thưởng mấy đứa đầy tớ đã chịu khó làm lãi của chủ phó cho, mà phạt đứa lười-lĩnh đem chôn tiền xuống đất, không được ích-lợi gì — Đoạn ấy có ý nói rằng chúng ta ai nhận được ít trí khôn Chúa ban cho thì cũng phải hết sức làm cho nẩy-nở ra để làm được việc lành cho nhiều ; còn ai có nhiều trí khôn cũng phải cố sức làm cho hơn lên, ví cũng như người nhận được năm nén bạc, phải kiếm thêm năm nén nữa, mà người được có hai nén cũng phải làm cho gấp đôi : nếu bảo rằng cứ giữ lấy mình thật sạch tội là đủ, không có ý giúp người chưa biết đường chính, không hết sức mình khuyên việc lành, trừ bỏ việc dữ, thì sao bên Âu-châu có nhiều người còn trẻ tuổi mà bỏ cả sự vui-thú ở đời, để trông nom giúp đỡ kẻ yếu đau, lại có người nhà giầu có sang-trọng mà đi tu-hành, gieo mình vào chốn rất độc-địa là nơi rừng-rú, giảng đạo cùng làm phúc, thuốc thang cho kẻ bần cùng, ăn ở khổ-sở cùng dân mọi rợ. Vậy nếu ta không cố sức học-hành để mở-mang trí khôn trời cho, thì thật phạm tội lười biếng ví như đứa đầy tớ đem chôn tiền vậy. Các nước Âu-châu trọng đạo hơn ta nhiều, mà nghị-lực rất mạnh ; ai ai cũng lấy sự chịu khó lao-động làm quí-hóa, cho nên mỗi ngày một mạnh hơn. Nước ta phần nhiều người chẳng tín-ngưỡng gì cả ; mà những nhà đạo-đức thì xem ra có ý nhu-nhược, không muốn đua tranh với ai cả. Ông nào có con mà không chịu mở-mang trí-tuệ cho nó, thì sau này chẳng làm được việc gì ích-lợi, mà giữ của ăn cũng không nên. Cho được hoàn-toàn phải có trí, có đức. Người ta ở đời này phải chịu khó, mới được có lúc nghỉ-ngơi ; bổn-phận làm dân trong một nước là phải lấy cái dư-sức của mình mà giúp đỡ đồng-bào cho chóng tấn-hóa ; mà muốn giúp người thì mình phải tìm cách gì học-hành cho khá mới được, lẽ ấy chắc ai cũng rõ lắm, song bây giờ tôi hãy để bổn-phận người dân một nước đã có nhiều ông bàn đến rồi, mà xét bổn-phận một người sùng đạo Thiên-chúa xem phải thế nào. Trước hết phải hiểu loài người cứ theo như ý Thiên-chúa thì khi ở đời này được nghỉ-ngơi là phải lao-động. Trong sách thánh đã chép những lời Thiên-chúa bảo ông Adam, trong những lời ấy có mấy câu rằng : « Mày sẽ phải đổ mồ-hôi trán mới có cơm mà ăn (*Tu mangeras ton pain à la sueur de ton front*) ». Đó là số-phận loài người. Ta đã biết chính đạo Thiên-chúa dậy rằng thế-gian này là nơi khổ-hải như là một chỗ để thử lòng người vậy, còn nơi cực-lạc thế-giới mới là chỗ ta nên mong-mỏi. Ta muốn hiểu rõ rằng đời này là không phải lúc được nghỉ-ngơi vui-vẻ, thì rở lịch-sử các nước ra xem mà suy nghĩ : biết bao nhiêu là năm giặc-giã, mất mùa, dân đói khát ! Ta hãy nhìn ngay các nước đời nay mà xem có nước nào được phong-túc, không phải lao-động chăng ? Nước nào gọi là giầu, bất-quá được mấy ông, mà bao nhiêu là người phải đổ mồ-hôi nước mắt mới tìm được đủ mà nuôi vợ con. Bởi lẽ ấy phải tràn dần ra các nước khác ở ngụ-cư hoặc buôn

bán không ăn. Khổ thay ! Phải lao-động cả đời mà cũng còn nhiều khi túng đói phải làm liều không giữ luật phép ! Thế đã hết cả khổ đâu, còn tranh lợi-quyền thành ra đánh nhau mới sống được. Cái khổ không tiền, cái khổ đau đớn thân-thể, ví với cái khổ thương tiếc thì đã vào đâu ! Một người lính chết nơi chiến-trường, ta không thương bằng những người còn sống. Nào cha mẹ, nào anh em, nào vợ con, nào người tình-nhân yêu mến, biết bao nhiêu là người phải thương khóc lọn đời ! Thảm thay cái số-phận loài người ! Một việc nhỏ mọn làm ra mấy nước sâu xa nhau, làm cho bao nhiêu chiến-sĩ phải vùi giập nơi chiến-trường, làm cho bao nhiêu người ngậm đắng nuốt cay vì thương tiếc ! Xem thế ta đủ biết loài người ở đời này lắm nỗi đắng cay. Lao-động suốt đời như thế có mục-đích gì cao-thượng ta nên khen chăng ? Tưởng cũng ít khi có, vì rằng chẳng qua là phải vậy mới kiếm đủ ăn mà sống được. Chắc rằng nhiều người bổn-đạo cũng nghĩ rằng ở đời này làm ăn khổ-sở mà cũng không được lúc nghỉ-ngơi vui-vẻ, cho nên không thiết gì nữa, ai làm gì mặc ai, ta cứ an-phận một mình mà đợi khi đến hạn thì hưởng hạnh phúc ở Cực-lạc-thế giới. Cũng có người không thiết việc gì mà bảo đời này chẳng qua là một giấc chiêm-bao. Giấc chiêm-bao ! Lời ấy tuy có ích-lợi cho vài người đã chán-nản quá, đã hết cả hi-vọng, song làm hại biết bao nhiêu người đáng lẽ cũng chịu khó học-hành làm ăn, mà vì nghĩ đến đời như giấc chiêm-bao, thì mất hết nghị-lực, thành ra gặp đâu hay đấy ! Bảo đời là giấc chiêm-bao, chính là xui người ta gặp chăng hay chớ, thế nào xong thôi. Ta đừng tin lời đó, nên nhớ lại sách đạo dậy rằng thế-gian cũng như chỗ phạt chúng ta để thử lòng ta, mà về sau này sẽ thưởng phạt tùy như việc phúc đức cùng tội-lỗi đã phạm ở đời này. Xin các ông nào xưa nay không cần-mẫn về sự mở-mang trí-thức cho con cái, hãy suy nghĩ rằng nếu đời này đã là một chỗ thử cái giá-trị từng người, thì bổn-phận ta phải thế nào ? Chắc là phải dùng hết trí-lực của-cải Chúa đã ban cho mà giúp kẻ hèn yếu. Vậy chúng ta tuy rằng không thiết sự vui thú giả dối đời này thật, nhưng cũng phải hết sức làm cho sau này được công to vậy.

Dân nước ta nếu hèn cũng là tại chưa biết giá-trị sự lao-động. cứ nghĩ rằng « *vạn sự bất như nhàn* ». Kỳ-thực thì càng chịu khó bao nhiêu càng quen dần đi, sau thành ra vui lòng, người nghe thấy khoan-thai, mà làm được nhiều việc ; chí như cái nhàn thì vô-tích lắm : người chơi không tất sinh ra chán-nản, ăn không ngon miệng, ngủ không yên giấc, mà chẳng làm được việc gì có ích-lợi, hóa ra mỗi ngày một chán-nản hơn, mà dẫu có của thì dần dần cũng hết, rồi sau trong lòng bối-rối, mình lại trách mình, mà hay thay, khi trước Thiên-chúa bảo ông *Adam* nghĩa là bảo cả loài người : « Mày sẽ phải đổ mồ hôi trán mới có miếng mà ăn », thì đã có ý bảo-thủ nhân-loại làm cho người lao-lực được mạnh khỏe, kẻ nhàn-cư phải yếu đuối chán nản, người chịu khó được thỏa chí, kẻ lười biếng phải bối-rối ruột gan. Lạ thật, anh làm ruộng kia từ sáng đến tối không lúc nào được nghỉ, chẳng kiêng gió mây, chẳng cần vệ-sinh, ăn uống kham khổ, thế mà có nhiều lúc vui cười, cơm hầm muối vừng lấy làm thú, đêm ngủ êm như không. Xem thế đủ hiểu Thiên-chúa muốn cho loài người ở thế-gian này phải lao-lực, thì đã làm cho ta có lao-lực mới mạnh khỏe mà không bao giờ hại. Bác công-tử kia người hầu kẻ hạ, ăn ngon mặc ấm, giường cao chiếu sạch, nào thuốc bổ cho mạnh khỏe, nào chơi bời cho giải trí, thế mà người vẫn yếu ớt, đêm ngủ phàn-nàn chẳng yên, lỡ có ra gió mưa thì yếu hàng mấy tháng. Sao vậy ? Vì rằng không giữ bổn-phận mình, trái luật Trời mà ở yên, không thày thuốc nào làm cho

ra con người tráng-kiện được. Càng lao-động bao nhiêu càng dễ chịu, càng được vui lòng bấy nhiêu, bởi vậy các nước Âu-châu rất trọng sự lao-động, mà ngày ngày thêm thịnh. làm việc kể phải chăm bằng mấy mươi nước ta, thế mà người Âu-châu vẫn có sắc hớn-hở, không ngại gì nhọc sức nhọc trí, mà càng làm bao nhiêu lại càng vui bấy nhiêu. Người nước ta không những kẻ phải làm ăn thì phần nhiều là chuộng sự nhàn-hạ, dút - dát thấy việc gì khó nhọc chẳng muốn mó tay. Tôi nói về sự lao động là có ý đánh thức những người nào xưa nay không cần-mẫn công việc kiếm ăn, và giáo-dục con cái cho thành người cán-đáng được việc đời ; giả-thử các người ấy có biết rõ - ràng sự vận - động không khó nhọc gì lắm mà lại vừa được việc, vừa hả dạ, thì chắc dần dần cũng phải cố sức làm ăn, dậy con dậy cháu mà ganh đua với đời. Tôi thấy lắm nhà bên Giáo không hay cho con đi học, và coi sự học là thường, thì thiết-tưởng rằng nếu sau này mà nhiều ông như vậy, thì trong nước sẽ ít người cán-đáng, và không bao giờ bước tới lên được. Vậy xin các giáo-hữu hãy chuyên về sự lao động làm ăn để cho con cháu bắt chước, thì sau này mới khá được. Dù có đi học đến đâu, mà khi ở nhà không bắt trẻ siêng-năng, thì khi học có thành-tài cũng chỉ làm việc Nhà nước được thôi, chớ không ra khai-khẩn buôn-bán được. Giáo dục trẻ bây giờ nên theo lối mới, nghĩa là làm thế nào cho trẻ được mạnh-khỏe bạo-gian và có lòng ganh-đua mới hay. Nếu không được như vậy thì nước ta chẳng bao giờ tấn-tới. Số người đi học chữ tây nay cũng đã khá song chưa thấy mấy người lấy sự học của mình ra mà làm ruộng, khai-khẩn đồn-điền, nuôi trâu bò, hoặc là làm nghề buôn-bán gì khác. Ai cũng ra làm việc Nhà nước cả thì học có ích gì mấy, bất-quá nuôi được mình mà thôi. Lạ thật, trong nước ta lắm người buôn-bán khá thì thường là những người chưa đi học mấy. Bởi sao vậy? [illegible] những người có con đi học không t[illegible]ch lao-động, cho nên có giáo-dục con [illegible]áu thì chỉ lễ phép mà thôi, không the[illegible] như lối mới ngày nay là một thứ giáo-dụ[illegible] cần phải có thì nước mới tấn-hóa được. Ta nên tập cho trẻ sau này có thể không cần đi làm việc cũng ra kiếm ăn nghề khác được. Ở nhà có rèn tập lắm thì sau đến trường mới có lời. Một đứa trẻ ở nhà dậy bảo cẩn-thận, rồi đến khi cho ra trường học lại có người cán-đáng của *Khuyến-học-hội* trông nom thì sau này học biết khá ra làm nghề gì cũng dễ, vì bây giờ có nhiều cách rất ích-lợi cho người làm ăn, song bằng tiếng Pháp cả, cho nên biết quốc-ngữ cũng không xem được. Có sách dậy nuôi súc-vật dậy làm ruộng thế nào cho lợi, dậy buôn-bán, v.v., toàn là những người Tây giỏi ở bên ta lâu năm đã từng thí-nghiệm rất công-phu mà làm ra cả. Nước mình xưa nay ít người làm nghề-nghiệp, vì khi học-trò ở nhà trường thì chỉ học để thi-cử thôi, trường học nghề ở bên ta chưa có mấy ti, vậy muốn cho trẻ sau này ra cán-đáng việc khó nhọc kiếm ăn, thì phải rèn-tập và bảo-ban nó luôn mới được. Bây giờ người học chữ Pháp một ngày một nhiều, mà chỗ làm việc thì có bằng ấy thôi, vậy không nên cho trẻ đi học chỉ cốt để ra làm việc mà thôi. Học là để biết đường làm ăn sau này, và không ai lừa-đảo ức-hiếp được, chớ cứ cốt đi làm việc kiếm tiền thì thật không có ích lợi cho sự tiến-hóa lắm. Ông nào có con thông-minh đủ tư cách về đàng chính-trị cũng các đàng khác nữa thì rất nên cho học đến thành-tài mới thôi. vì học đã thành - tài mà ra làm việc giúp nước, thì cũng là hay lắm ; còn những học-sinh không có tư-cách ấy thì không nên cho đi làm việc Nhà nước : tập cho làm nghề gì khác thì hơn, mà khi làm nghề gì, thì phải xem nhiều sách dậy về thực-nghiệp mới tấn-bộ được. Bây giờ không còn ai học chữ Hán, mà sách vở bằng chữ quốc-ngữ chưa có mấy

thì tất bắt phải học chữ Pháp mới được. Bởi vậy hội « *Khuyến-học* » là chủ-ý khuyên các người bổn-đạo cho con đi học để ra ganh đua với người trong buổi khó-khăn này.

May thay, bây giờ dương buổi có con cho đi học thật là khó chỗ ở mà lại tốn-kém, thì có ngay « *Khuyến-học hội* » chủ-ý sau này sẽ thuê hoặc cất một cái nhà để cho trẻ ở, có người trông nôm cẩn-thận và đỡ tốn. Người trong bổn-đạo có của, ai cũng nên vào hội thì mới thịnh-vượng được. Ngờ có hội Khuyến-học mà ta đỡ phải lo lắng cho cái tương-lai con cháu ta : vậy nên ta không cố mà giúp chơ hội được lâu dài, ấy là làm hại con cháu đó

TRẦN TỐN-TÍCH

Phủ Yên-bình, Yên-bái

THIẾU-NIÊN NAM-VIỆT

Thiếu-niên ! Thiếu niên ! Hai chữ có ý-vị thay ! Ai đọc đến mà chẳng nghĩ ngay đến cái tuổi con người ta đương cường-tráng, dương ham sự vận động, đương mến sự cảm-tình, dương muốn sự sống ở đời, khi ăn khi chơi, khi học-hành, khi đỗ-đạt, khi thi thố, là một cuộc sung-sướng tuyệt điểm của đời người. Nhà thi-văn thường ví tuổi ấy với mùa xuân vậy : mùa xuân thì dương-khí chan hòa, loài thảo-mộc côn-trùng đều sinh - hoạt một cách cường-thịnh. Người ta đương đầu xanh tuổi trẻ cũng vậy : khí-lực mạnh-mẽ, trí khôn nhanh-nhẹn, lắm cảm-tình xét đoán, hay tưởng-tượng ra nhiều truyện kỳ-khôi ; nhưng ở trong vòng sinh-hoạt ấy, mà chỉ biết cái thú của sự sinh-hoạt chớ không biết cái luật phép của sự sinh hoạt, thì sống ấy gọi là sống thừa, tuổi ấy gọi là tuổi còn măng-sữa, không phải gọi là « thiếu-niên ».

Nói đến hai chữ « thiếu-niên », sực nhớ đến chúng ta, chúng ta là « thiếu-niên » Nam-Việt ». Tổ-tiên ta là ai ? Là cha rồng mẹ tiên, một nòi giống rất tinh-linh cường-nhuệ. Ta ở giải đất nào ? Ở ôn-đái cực-đông, một giải đất rất phì-nhiêu ấm-áp. Thầy dỡ đầu cho ta lại là ai ? Là nước Pháp, chính là một nước văn-minh bên Âu-Tây, mà chính là chuông vang, ngọn đuốc sáng cho ta. Ấy xứ-sở ta như thế, ông cha ta như thế, thầy dậy học ta như thế, lẽ ra ta xứng-đáng gọi là thiếu-niên thì phải chớ. Ôi ! ta nghĩ đến bao nhiêu, ta lại sợ cho ta bấy nhiêu, ta lại lo cho ta bấy nhiêu. Nói cho công-nhiên ra thì ta chỉ là « giả-thiếu niên » thôi. Vì đã gọi là « chân-thiếu niên » thì phải có tư cách thiếu niên, tinh - thần thiếu-niên với công nghiệp thiếu niên.

Thế nào gọi là tư-cách thiếu-niên ? — Cách ăn nói, bộ đứng đi, đều hợp thời phải cách, không phóng-túng cũng không câu nệ. Đến sự ăn-mặc lại cũng không thái-quá cũng không bất cập. Tuy cái tư-cách chỉ là cái hình - thức mà thôi nhưng có hình-thức mới có tinh-thần.

Thế nào gọi là tinh thần thiếu-niên ? — Không sợ sự gian-hiểm, không hãi sự cường-bạo, dẫu gặp loài mãnh-thú cũng không thối chí, dẫu đứng gần núi lở cũng không biến sắc ; lại có chí-khí giúp người đồng-bào, gánh việc thiên-hạ.

Thế nào gọi là công - nghiệp thiếu-niên ? - Lúc tư - cách đã hoàn-toàn, tinh-thần đã cao thượng, thì công-nghiệp tức là công-hiệu, làm cho nước được giàu, dân được mạnh, đường kinh luân, đường phong tục, đều là cơ-quan để vẻ-vang cho nước

Ấy tư-cách, tinh-thần, công - nghiệp của chân-thiếu-niên đều đại-khái như thế, cho nên cái công-nghiệp chưa dám chắc, nhưng cái tư-cách, cái tinh-thần không bao giờ đổi-bại cả.

Than ôi ! Bây giờ ta tự kiêu là thiếu-niên thì nhiều, được gọi là chân-thiếu-niên thì ít Cái quái trạng của ta càng ngày càng xuất-hiện ra nhiều trò đáng khinh, đáng bỉ, đáng kinh, đáng sợ ; cái nông-nỗi ấy kể sao cho xiết.....

Kìa có kẻ ham mê chè rượu, chơi bời phóng-túng. ngoài sự vui thú ấy không còn đôi chút tư-tưởng nào cả ; lại còn chơi chim chơi cảnh tự cho mình là « tiểu thần-tiên ». Thế gọi là *ngộ thiếu niên*.

Kìa có kẻ suy-đồi nhu-nhược, không liệu làm ăn, nhờ có của-cải ông cha để lại, no-ấm không lo, đóng cửa tự làm ra anh khinh thế ngạo vật, khi đờn-ca, khi hát-xướng, vui thú anh em. Thế gọi là *phế thiếu-niên*.

Kìa có kẻ không biết đức-dục học-thuật, chỉ ham cái mạnh về huyết khí, hoặc giả cách giận đời, nhân một khi cuồng-nhiệt mà nói càn làm bậy, đến nỗi deo vạ cho nước nhà. Thế gọi là *mãng thiếu-niên*

Chừng ấy hạng người đều không được gọi là thiếu-niên. vì không có đức nghiệp thiếu-niên ; còn có kẻ mà ta rất nên kinh sợ, giả việc công-ích mà mong lấy tư-lợi, mồm nói yêu nước mà bụng thì hại nước, xét cái ngôn-ngữ của người hình như có tính nhiệt-thành quả-quyết thực thì bụng lạnh như đồng. một giống người không can dảm. Than ôi ! thế gọi là *ngụy thiếu-niên*.

Vậy thà là ngộ-thiếu-niên, phế-thiếu-niên với mãng-thiếu-niên còn có thể mong làm chân - thiếu-niên được : còn hơn là ngụy-thiếu-niên chắc không thể tiến lên làm chân-thiếu-niên được. Đức Khổng-tử có nói rằng : « Ghét cái giống mà không giống, tức là ghét mầu tía vì sợ lẫn với mầu đỏ ». Sở-dĩ ta sợ ngụy-thiếu-niên cũng vì ta phòng xa sợ lẫn với chân-thiếu-niên.

Vả chăng thiếu-niên không có hạn nhất-định. Nhà triết-học phương Tây có nói rằng : « Có ông già hơn mười tuổi. có tràng trẻ hơn trăm ». Thực thế, thiếu-niên không phải là tuổi chưa đứt bóng, hay là đầu chưa bạc, răng chưa long mà được gọi là thiếu-niên đâu. Kìa ông Mã-Viện, chín-mươi tuổi mà còn hăng-hái đánh dẹp man-di, để mở-mang bờ cõi, ấy là thiếu-niên chín-mươi tuổi. Kìa ông Quốc-Toản hơn mười tuổi, mà đã quyết lòng đi đánh giặc Minh, để định yên xã tắc, ấy là ông già mười tuổi. Vậy được gọi là thiếu-niên há có dễ ru? Xem thế cho nên ta càng lo càng sợ cho ta ; nhưng trong cái lo cái sợ ấy, ta còn đôi chút hi-vọng, nên ta cũng nửa lo mà nửa mừng vậy.

Cái hi-vọng ấy ở đâu ? Ở các tràng Cao đẳng. Người mà ta rất nên hi-vọng ấy lại là ai ? Chính là bọn thiếu-niên học tràng Cao-đẳng.

Nhưng sao ta không kể đến bọn hơn tuổi ta với bọn kém tuổi ta ? Vì ta tức là cái cơ-quan trung-độ của hai bọn ấy mà ta tức là bọn học để làm chân-thiếu-niên. Cho nên bọn hơn tuổi ta hay thì ta bắt chước, dở thì ta sửa đổi. Cái chức-trách rất quan-trọng của ta là ta nay mai sắp phải gánh vác việc đời thay cho bọn ấy. Ta lại còn phải phấn-khích tập-luyện cho bọn kém tuổi ta sau này rồi cũng thành ra chân-thiếu-niên. Ấy đấy, cái vận-mạnh mai hậu của nước nhà, chẳng phải là cái vận-mạnh hiện-tại của chúng ta ru ?

Nói đến tràng Cao-đẳng. ta không thể quên mà không nói đến cái ơn cao dầy của quan Toàn-quyền SARRAUT đại-nhân được. Quí-hóa thay cái lòng quảng-đại của ngài đã sáng-lập ra tràng Cao đẳng nung-đúc những những nhân-tài hoàn-toàn cho Nam-Việt ta, nghĩa là ngài đã vị một chủ-nghĩa tối-cao tối-đại mà lo toan đến vận-mạnh tương-lai của nước ta, mà lịch-sử tôn-giáo cùng phong-tục đã từng gây nên cho ngài những mối cảm-tình có bề ân ái, có bề thương tiếc... Ôi ! bọn thiếu-niên Nam Việt ta đối với nước, với nhà, còn thiết-tha hơn cái lòng bác-ái của ngài, mà ta không biết theo tôn-chỉ của ngài, há chẳng thẹn lắm ru

Vậy bất-cứ ta theo khoa-học nào, nghề-nghiệp nào, ai ai cũng phải biết cái bổn-phận mình thế nào, mới đáng gọi là Cao-đẳng học-sinh, mới đáng gọi là thiếu-niên Nam-Việt mới khỏi phụ lòng khai-hóa của Nhà-nước với lòng ao ước của quốc-dân.

Cho nên, nếu ta học tràng Sư phạm, thì tư-cách tức là tư-cách làm thày, thày tức là cha mẹ trò vậy ; tinh-thần tức là tinh-thần làm thày, mà tinh-thần ấy do ở khoa tâm-lý cả ; còn công-nghiệp tức là công-nghiệp làm thầy : đem hết tư-tưởng mới, học-thuật mới nung-đúc cho học-trò sau này cũng nên bậc chân-thiếu-niên ; mà sự đó tất-nhiên phải thế, vì mình đã nên bậc ấy thì bao nhiêu tư-cách tinh-thần sẽ truyền sang trò cả. Nếu thế thì đường khai-hóa có lo gì không tấn-tới.

Nếu chúng ta học tràng Pháp-chánh, thì tư-cách tức là tư-cách làm quan, quan tức là cha mẹ dân vậy, tinh-thần tức là tinh-thần làm quan, mà tinh-thần ấy do ở khoa kinh-tế cả ; còn công-nghiệp tức là công-nghiệp làm quan : đem lòng thương dân như con đỏ làm gốc mà thi-thố ra chính-sự để dân được an cư lạc nghiệp. Nếu thế thì đường chính-trị có lo gì không phát-đạt.

Còn như nếu ta học tràng thuốc, tràng nông, tràng lục-lộ, vân vân.... thì cái tư-cách, tinh-thần, công-nghiệp đều theo khoa-học cùng nghề-nghiệp của ta mà đổi khác. Nhưng nói tóm lại thì ta theo tài-năng ta, trí khôn ta mà tìm khoa-học riêng học khoa-học ấy để thi-thố ra nghề-nghiệp ; nghề-nghiệp đã chu-viên tức là ta làm hết bổn-phận. Vậy bổn-phận là gì ?

Bổn-phận đối với thân ta : ta ở đời tức là ta nợ đời, ta nợ đời thì ta phải trả. Ta từ lúc mới mở mắt cho đến khi ta ra đời, ta đã nợ của bố mẹ ta, thầy dạy ta biết bao công-của. Vả chăng tự ta, ai là chẳng biết cái sung-sướng, cái danh giá là giá-trị rất quí của một loài có đủ cảm-giác thần-kinh, ai là chẳng có cùng một hi-vọng ấy. Thế khi ta đã thỏa lòng ao-ước ấy, tức là ta đã trả được đôi ít nợ đời ấy đấy. Nhưng lòng tự hỏi lòng, ta trả nợ đó nên cho là bất-đắc-dĩ hay cho là xuất ư lương-tâm. Lương-tâm ! lương-tâm ! ấy là cái chủ-đích của người con « hiếu-tử ».

Bổn-phận đối với quốc-dân : đã là hiếu-tử tức là trung-thần. Không những ta là một phần dân trong nước, ta phải làm hết chức trách của ta, ta lại còn phải làm gương khuyến-khích cho bọn thiếu-niên hiện tại và bọn thiếu-niên tương-lai nữa. Này từ khi lập tràng cao-đẳng đến giờ, ông bà nào có con cũng mong cho con vào học tràng ấy : mà cái hi-vọng của người con cũng ở tràng ấy ; cho đến thầy cũng khuyên trò vào học tràng ấy. Vậy ta học tràng ấy, mục-đích là để học làm chân thiếu-niên, chớ không phải là học để mong lấy phú quí thôi đâu. Lại nhân lúc này anh em ta trong ba xứ (Bắc kỳ, Trung-kỳ, Nam kỳ), đều phải biết chủ-nghĩa hợp quần, hễ ta đã biết đồng-tâm đồng trí với nhau, khuyên nhau làm điều hay xa điều dở thì tình-ái càng ngày càng bền chặt mà trí-não linh-hồn của ta sẽ hợp lại làm một trí-não quảng-đại, linh-hồn cao thượng. Vậy ai bảo ta không phải là chân-thiếu-niên.

Bổn-phận đối với Nhà-nước Bảo-hộ : Cái mục-đích Nhà-nước mở ra tràng Cao-đẳng, ta đã hiểu rồi, cho nên ta sẽ hết chức-trách ta, làm việc chăm-chỉ, cư-xử không lầm ; nhưng ta chưa được gọi là « chân-thiếu-niên », thì lại phụ tấm lòng rộng-rãi của Nhà-nước, nghĩa là ta không xứng đáng được gọi là Cao-đẳng học-sinh. Ôi, sau khi công thành danh toại, sao ta lại chỉ yên hưởng phú-quí, thậm chí có khi cái phú quí ấy bắt ta phải đè ép người, khinh rẻ người, mà ta quên ngay mất ta là thiếu-niên, chân-thiếu-niên của nước nhà Nam-Việt !

Còn một bổn-phận nữa ta càng phải lưu-tâm suy-nghĩ là bổn-phận đối với quốc-văn.

Cái vấn-đề quốc-văn này các nhà hữu-tâm về quốc-vận từng đã nhiều phen bàn đãi rồi, nhưng ta bàn đây là bàn bổn-phận của thiếu-niên đối với quốc-văn, không lẽ không bàn cho xác lý.

Có nước phải có tiếng. Đã có tiếng thì có chữ. Ấy là lẽ chung, thiên-hạ ai cũng công-nhận là phải ; cho nên văn-chương là linh-hồn của một nước, nguyên-khí của một nước ; văn-chương thịnh thì nước thịnh, văn-chương suy thì nước suy, trình-độ văn-minh tùy theo vận-mệnh văn-chương, mà vận-mệnh văn-chương lại chỉ tùy theo vận-mệnh thiếu-niên thôi.

Nước ta từ đời Hồng-Bàng chỉ có tiếng mà chưa có chữ, đến ông Hàn-Thuyên nhà Trần mượn văn tự Tàu lập ra một thứ chữ riêng. Đến đời nhà Lê vào khoảng 300 năm, một ông cố-đạo Pháp tên là Alexandre de Rhodes cùng đồ đạo lập ra thứ chữ ta vẫn dùng bây giờ. Thứ chữ ấy thực là giản-dị, dụng công trong một tháng đã am-hiểu rồi. Thế sao ta phần nhiều chỉ có cảm-tình với chữ Hán với chữ Pháp mà cảm-tình với quốc-văn lại rất là nguội lạnh ? Hay là quốc-văn không phải là văn-chương hay chăng ? Nói thế thì lầm to. Văn-chương nào là văn-chương chẳng hay, hay hay dở chỉ tùy theo người biết dùng hay không. Ta thử hỏi xem Pháp-văn xuất ở đâu ? Chẳng qua cũng bởi văn La-mã với Hi-Lạp mà ra. Nếu thực thế lại may cho quốc-văn ta lắm. Trước ta học chữ Tàu, nay ta học chữ Tây, biết dùng ra thì hai thứ chữ ấy đủ sửa-sang cho quốc văn ta thành một thứ văn cũng thâm-thúy, cũng cao-xa, cũng rỡ-ràng, cũng phân-biệt. Vậy sở dĩ ta không có lắm cảm-tình với quốc-văn, cũng vì công-phu học quốc-văn không mất nhiều thì giờ, nên ta không đem trí xét mà khinh ngay là thứ văn giản-dị ; sao ta không biết rằng ta học chữ Hán hay chữ Pháp mà không nói ra được bằng tiếng ta hay không viết ra được bằng chữ ta, không gọi được là ta đã hiểu rồi đấy. Cái thí-nghiệm này tưởng ta đã từng thấy.

Tràng thuốc, tràng lục-lộ, mở ra đã lâu, bọn ta thành-tài cũng nhiều. Nào thấy ai làm ra được quyển quốc-văn nói về nghề-nghiệp mình đã học để giúp đỡ những người không đồng-nghiệp. Vậy không phải hiềm-hóc như người Tàu, chỉ vì ta không chịu lưu-tâm đến mà thôi. Này Nhà nước bảo hộ dạy ta chữ nước người, nghề-nghiệp của người, là muốn cho ta phải giảng dịch ra tiếng ta chữ ta, một là để sửa sang cái văn-phong của ta hai là để dễ đường khai-hóa của người. Nào ta có thế ! Ta học nghề nào ta biết nghề ấy, ta không vạch đường chỉ nẻo cho người không học cùng nghề với ta. Cho nên nay Nhà-nước hiểu-dụ việc này, mai Nhà-nước ban phát sách mới, tuy hơn ba bốn mươi năm trời, Nhà nước chưa được ngồi trông cả công-hiệu hoàn-toàn, vẫn phải khổ-tâm trù-tính nhất về công-việc nơi thôn-giã. Thế là ta không lưu-tâm giúp Nhà-nước, cho nên chưa hết bổn-phận ta.

Có người bảo rằng : quốc-văn không phải là thứ văn dùng để sinh-nhai. Người nói rất phải nhưng tiếc cho người chưa xét đến nguồn cơn. Văn chương nào cũng hữu dụng, tuy ngoại-quốc không dùng mà mình vẫn phải dùng, thì tình giao-thiệp, sự khai hóa, mới mong tấn-tới. Khốn lắm ! Ta học quốc-văn chỉ mong ký được ba chữ tên là mãn-nguyện ; rồi ta nói chuyện với nhau, viết thư cho nhau, đều dùng chữ Pháp. Đến khi ta nói tiếng ta lại thường không đúng, đến nỗi người vô học-thức bảo ngay là ta không quen nói tiếng ta ; người ngoại-quốc lại bảo ta quên tiếng nước nhà. Ngán thay ! Nước nhà có tiếng có chữ hẳn-hoi mà ta không dùng là ta không có nước. Kia anh Tịch Đàm vong-tổ, xấu hổ gì bằng !

Vậy cho nên lời bàn « người Nam-Việt phải biết chữ Nam-Việt » thực là đích-đáng

Hỡi thiếu-niên Nam-Việt chúng ta ơi ! nên mau mau nghĩ lại, làm sao cho đối với thân ta, ta không xấu-hổ, đối với quốc-dân ta không hối-hận, đối với Nhà-

nước ta không phụ-bạc, đối với quốc-văn ta lại nhiệt-thành ; ta biết thân ta là thân của gia tộc, của xã-hội, mà tư-cách, tinh-thần, công-nghiệp đều mười phần trọn vẹn ; họa may Nhà-nước trông cái quang cảnh ấy càng vui lòng ra ơn cho dân nhà Nam Việt.

Thiếu-niên ! Thiếu-niên !

HOÀNG-TÍCH-CHU
Phù-lưu (Bac-ninh)

VĂN - UYỂN

HỒNG-ĐỨC QUỐC-ÂM THI-TẬP

(1470-1497)

Lăng-Mẫu tống sứ-giả

Đình phô đẳng-đẳng ngựa dừng chân,
Nỗi mẹ con rầy gửi sứ-quân.
Nhớ Hán lòng còn son một tấm,
Thương Lăng đầu đã bạc mười phần.
Niềm trung-hiếu khôn hai vẹn,
Hội công-danh dễ mấy lần (1).
Mình thiếp già này bao nỡ tiếc,
Về thời khuyên nỏ nghĩa quân thần.

Điếu Lê-Du

Dẹp yên tám cõi mới buông tay,
Lỗ-lộ Thái-tinh một đóa mây.
Tể-tướng bếp tàn mai lạnh vạc,
Tướng-quân dinh vắng liễu châu mày.
Phong-lưu phú-quí ba đời thấy,
Sự-nghiệp công-danh bốn bể hay.
Thương ít tiếc nhiều khôn xiết kể,
Miếu-đường hầu lấy cột nào thay ?

Điếu Cao-hương Lương-trạng-nguyên

Chiếu-thư Thượng-đế xuống xem qua,
Giống khách tiên-đài kíp tới nhà.
Cầm-tú mấy hàng về động-ngọc,
Thánh-hiền ba chén thấp hồn hoa.
Khí thiêng đã lại thu sơn-nhạc,
Danh lạ còn truyền để quốc-gia.
Khuất ngón tay than tài cái-thế,
Lấy ai làm trạng nước Nam ta ?

Vịnh Nghĩa-bang Trạng-nguyên

Đời dõi nho-tông phát ấp Bang,
Xem trong đạo-đức có từ-chương.
Nối dòng thi-lễ nhà truyền báu,
Tranh giải khôi-nguyên bảng trích vàng.
Nam bắc hai triều danh rạng,
Phong-lưu một cửa họ sang (1).
Từ-đường ở đấy niềm tây lạnh,
Dấu cũ càng thơm sạ có hương.

Mị-Ê

Thờ chúa thờ chồng hết tấc thương,
Một mình trọn vẹn đạo cương-thường.
Non thiêng dễ hóa hồn Tinh-vệ,
Nước biếc khôn nhìn mặt Sở-vương.
Dòng bạc thề cùng thu có nguyệt,
Sử xanh chép để bút còn gương.
Tiếng đàn ai-oán bên sông đó,
Gió tập mưa dầm trải mấy sương ?

Hoàng giang diếu Vũ-nương

I

Ngàn lau san-sát cỏ thanh-thanh,
Sầy nhớ ngày xưa kẻ tiết-trinh.
Cách-trở bấy lâu hằng giữ phận,
Hiềm-nghi một phút bỗng vô-tình.
Hay lòng phó mặc vầng cao-thẩm,
Nề bụng tìm nơi chốn vắng thanh.
Dù nhẫn ai ai qua đến đấy,
Thương nàng hòa lại trách Trương-sinh.

1) Thơ cổ thường có câu sáu chữ.

II

Nghì-ngút đầu ghềnh tỏa khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
Bóng đèn dù nhẫn đành nghe lấy,
Cung nước chi cho lụy đến nàng.
Chứng-quả đã đôi vầng nhật nguyệt,
Giải-oan chẳng nọ mấy đàn tràng.
Qua đây bàn-bạc mà chơi vậy,
Khá trách chàng Trương khéo phũ-phàng.

BẠCH-VÂN THI-TẬP

(1530-1540)

(Cụ trạng Trình Nguyễn Bỉnh-Khiêm)

LII

Hễ của tự-nhiên có ít nhiều,
Một kho tạo-hóa cũng chi điều.
Hương dầy tiệc khách hoa khi rụng,
Hứng rẫy vườn xuân chim thủa kêu.
Án cũ xem chơi ba quyển sách,
Song thưa ngơi nghỉ một con lều.
Non xanh nước biếc xưa là bạn,
Ngẫm nghĩ đòi khi nhớ bấy nhiêu.

LIII

Thức giậy tay còn sách chửa buông,
Khách nào thăm hỏi sự phao tuông.
Bếp chè hâm đã sôi măng trúc,
Nương cỏ cày thôi vãi hạt bông.
Cửa vắng ngựa xe không riu-rít,
Cơm no tôm cá lọ thèm thuồng.
Sơn-tăng trêu khách làm chi mấy,
Văng-vẳng chầy kềnh đã dấm chuông.

LIV

Một bầu một bát một sơn-tang,
Thế-sự ngoài tai biếng nói-năng.
Hoa nở luống hay tin gió,
Dầm trong còn thấy bóng trăng.
Già ai chuộng, thông làm củi,
Trẻ người yêu, trúc mọc măng.
Nếu có công-danh thời có lụy,
Cho hay giàu-có chẳng bằng chàng.

LV

Già khờ dại tính lôi-thôi,
Sao lại còn nên nói sự đời.
Nghèo-hiểm là khi vì nước,
Khó khăn dù mệnh ở trời.
Tới lui đường lợi khôn chen chóc,
Rộng hẹp lòng nhân mặc nghỉ ngơi.
Dĩ-hạ Lưu-hầu từ Hán lộc [1],
Cốc-thành lánh ẩn Xích-Tùng chơi [2].

LVI

Xóm tự-nhiên một cái lều,
Qua ngày tháng lọ là nhiều.
Gió cuốn mành hay chồi quét,
Trăng kề cửa kẻo đèn treo.
Cơm ăn chẳng quản rau cùng muối,
Đìu-hiu ta hãy mặc đìu-hiu.

LVII

Tiền-tài là số của lưu-thông,
Cắp-nắp làm chi cho nhọc lòng.
Của Thạch-sùng nào của ấy,
Danh Sào-phủ há danh không?
Từ vàng khá nhớ lòng Dương-thị,
Ham bạc đừng như dạ Bái-công.
Miễn để danh truyền là sự-tích,
Còn thời muôn sự ấy là không.

(1-2) Lưu-hầu tức là Trương-Lương, khi qua dưới cầu Dĩ-hạ gặp ông Hoàng-Thạch, rồi đi theo học. Sau ra giúp ông Hán Cao-Tổ, khi thành công rồi từ tước ộc không lấy, rồi theo ông Xích-Tùng-tử đi chơi.

HÁT NÓI (hát ả-đào)

Chiêu-Quân

Nàng Chiêu-Quân nghiêng thành sắc nước, giã sân cung ngần-ngại bước chân ra ; giọt dòng châu lai-láng dưới thềm hoa, liều mặt phấn để cầu hòa cho Hán-đế. *Vạn lý Hán thiên hoa hữu lệ* 萬里漢天花有淚(1), *Bách niên Hồ địa mã vô thanh* 百年胡地馬無聲(2). Khúc tì-bà ai chắp chẻnh tơ mành ? Mầu son phấn vẽ ra hình phai lạt. Chốn ải tía mưa sầu tuôn bát-ngát, nơi cố-cung còn một bóng trăng thanh ; kiếp hồng-nhan có mong-manh, hờn con tạo ghen tình chi mấy nhỉ ? Phận đành vậy đã sao thời mặc thế, nặng chữ trung nên nhẹ chữ tình riêng ; thành sầu chất-chứa một bên !

Lời trâm đề Kim-khánh

Mười

Trong vòng vượt khỏi si-tham,
Mới hầu giữ được đạo làm tôi ngay.
Lời trâm ghi chiếc khánh này,
Dù phai nét thắm, khôn lay dạ vàng.

Hát nói

Lời di-huấn ngửa vâng chín bệ, phép trâm-biêm nghiêm-lệ (3) trăm quan. Ân-chỉ trên Kim-khánh gia ban, chữ *cần, cần, liêm, bình* 勤幹廉平 vàng trói đỏ. *Liêm bất ngôn tham cần bất ngôn khổ* 廉不言貪勤不言苦(4). *Quốc nhĩ vong gia công nhĩ vong tư* 國爾忘家公爾忘私(5). Ai sớm khuya lấy đấy làm ghi, lòng gang tấc uy trời đâu dám nhác. Dấu chưa phai lòng này đành chửa nhạt, để trăm năm cùng khoán sắt thư son, chữ rằng : *mục kích đạo tồn* 目擊道存(6) !

Thủy-xa cứu hạn

Mười

Tư nhuần đỡ sức thiên-công,
Khô đều thấm ướt héo cùng hóa tươi.
Mầu nam lũng bắc đòi nơi,
Lớp xô sóng biếc, sắc phơi mây vàng.

Hát nói

Thương thảo-dã phải nồng oai thần Bạt (7), đặt thủy-xa cho đỡ sức nhà nông. Máy huyền-vi vòng lai-vãng dễ xoay cùng, giọt thanh-lãnh chốn hỏa-thang đều tưới hết. *Thủ chi bất cấm, dụng chi bất kiệt* 取之不禁用之不竭(8), *Địa khởi năng cùng, thiên khởi năng tai* 地豈能窮天豈能災(9). Cơn nồng hạ-phố gác gầu chơi, lúc cạn thu-điền xem lúa giậy. Khuyên những kẻ phục-cầu ai nấy, dẫu gặp cơn lửa nắng chớ lo ; nhờ ơn nhuận hạc phồn khô 潤涸繁枯(10) !

---

(1) Muôn dặm trời nhà Hán, hoa cũng đỏ giọt lệ ; là nói cảnh biệt-ly buồn rầu.

(2) Trăm năm đất rợ Hồ, ngựa không nghe tiếng kêu ; là nói cảnh xa xôi vắng vẻ, quân rợ không có những nhiễu.

(3) Nghĩa là đặt lời trâm-biêm răn dạy kích-khuyến cho nghiêm.

(4) Giữ lòng liêm-khiết thì không có tính tham-lam ; hết sức cần-lao thì không sợ khó nhọc.

(5) Chăm việc nước thì quên việc nhà, bận việc công thì quên cả việc riêng.

(6) Mắt thường trông thấy, thì thường nghĩ đến đạo-lý.

(7) Bạt là tên thần nắng.

(8) Lấy không cấm, dùng không hết.

(9) Trời không làm khốn cùng được, đất không làm tai hại được

(10) Làm cho nhuần đất cạn, tốt cây khô.

Ca-nương tiễn khách đi thi

(Tập cổ-khúc)

Giao chén tiễn chỉ non xa thăm-thẳm, lúc phân-kỳ khôn xiết nỗi nhớ nhung. Ba câu tiễn-biệt nhắn tin hồng, mối tơ-tưởng để bên lòng thắc-mắc.

Khứ-khứ hành-hành sắc 去去行行色 [1], *cầm-thư du-tử Nhị-hà biên* 琴書遊子珥河邊 [2]. Người tài-tử khách thần-tiên, *thân hệ bang gia chung hữu dụng* 身係邦家終有用 [3]. Cá vượt Vũ-môn ba lớp sóng, hội quyết-khoa âu cũng có ngày ; chén đưa nhớ bữa hôm nay !

VIỆT-SỬ NGUYÊN-ÂM (4)

Tựa

Sự-tích là một cái gương sáng để soi về sau, cho nên người trong nước mà muốn truyền sự-tích trong nước, thì nên dùng chữ quốc-âm trong nước. Có lẽ ai ai xem cũng biết, mà quốc-túy bấy nhiêu lâu mới in vào óc khôn người ta được. Sách Sử nước ta xưa chép bằng chữ nho, cũng đã nhiều bản, song nhà trường không còn giảng-học, khoa thi không còn hỏi đến, dẫu người học-trò thông-thái cũng không hiểu mấy, phương chi là học-thức tầm-thường, đàn-bà con trẻ còn ai biết sự-tích nước mình là gì, nếu muốn giải buồn thì lại đem truyện Thúy-Kiều, *truyện* Phan-Trần *ngâm-nga mấy câu, không những là không ích cho thần-trí người ta mà lại dễ di-đãng cho tinh-tình người ta lắm.*

Nay nhờ Nhà-nước Bảo-hộ cải-lương phép học, lấy chữ quốc-ngữ làm chữ phổ-thông, ai học cũng biết được ngay, ai xem cũng đọc được ngay, thế cũng là một cái dịp tốt để mở bảo người trong nước đọc quốc-sử.

Tôi nhân buổi nghỉ hè, đọc sách Việt-sử tổng-vịnh, *trên xét từ đời Hồng-bàng, dưới đến đời Tây-sơn, trong khoảng hơn bốn nghìn năm, nào là vua thánh tôi hiền, trai tài gái giỏi, kẻ trung người nịnh, kẻ hay người dở, tìm kiếm đề-mục, phần nhiều thiếu thời bổ thêm vào, cả thảy được hơn 200 truyện, trên lược dẫn sự-tích, rồi thúc thành truyện, đặt thành thơ, thuần chép bằng chữ quốc-âm, nhan sách rằng* Vịnh-sử nguyên-âm. *Mong sau này học quốc-ngữ một ngày một tiến, chữ quốc-ngữ một ngày một tinh, khiến người ngâm-đọc, truyện hay lấy làm phép, truyện dở lấy làm răn, ai ai cũng biết bụt nhà là thiêng, đèn nhà là rạng, thế chẳng hơn truyện* Thúy-Kiều, *truyện* Phan-Trần, *ngâm-nga mà không ích gì ru ?*

---

(1) Cảnh sắc lúc tiễn-biệt đi xa.

(2) Đàn sách của người du-tử khi đi bên sông Nhị.

(3) Thân mình có quan-hệ về nhà nước, tất thế nào cũng hữu dụng.

(4) Tập này của cụ NGUYỄN TRUNG-HANH 阮重亨, tự là TỐN-NGUYÊN 遜元, hiệu là PHONG-XUYÊN, người làng Thổ-khối, tổng Cự-linh, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh. Đỗ Cử-nhân khoa Giáp-tý, sơ bổ Huấn-đạo, thăng Giáo-thụ phủ Đa-phúc, cải bổ Tri-huyện Phượng-nhỡn, lại thăng về giáo-chức, trải Đốc-học Thái-nguyên, Sơn-tây. — Tập « Việt-sử nguyên-âm » này được người con dể cụ là ông ĐẶNG TIỆM-ĐẠT ấm-sinh, con trai cụ ĐẶNG ÍCH-TRỰ ở làng Gia-tốn đưa cho. Vậy xin in ra đây trước nữa là lưu lấy một áng văn-chương, sau này biếu các trường học Pháp-Việt đương không có sách làm bài đọc thuộc lòng (*Récitation Annamite*) cho học-trò, tưởng các thày giáo đem lấy những bài trong sách này ra dạy vừa cho trẻ nhớ sử nước mình mà thêm thuộc cách làm văn nữa.

Bạn đồng-chí tôi là ông NỄ-XUYÊN *thấy mà mừng rằng học sử nôm nước ta có lẽ một ngày một rộng ra, nghị-luận đại-đoạn thời đã có* Gương sử Nam *của quan Quận-công Hoàng ; dịch-lục từng hồi thời lại có Sử dịch-bản của ông* ĐỖ-THẬN. *Muốn biết người hay giở trong một đời, việc hay giở của một người, thời sách này có thơ có truyện, miệng ngâm bụng nghĩ, thường thường như gặp người đời xưa, nhân mực thước của cụ kỵ, học khôn ngoan của chị em, rồi một mai biết càng tinh, trí càng rộng, rồi chen vai với các nước văn-minh trong hoàn-cầu, thế mới biết con cháu muốn khôn hãy học khôn từ ông vải trước.*

Ngày mồng một tháng mười năm Duy-Tân thứ 6.

Sơn-tây Đốc-học

NGUYỄN TRỌNG-HANH cẩn-tự

* * *

CÁC BẬC ĐẾ-VƯƠNG

I

Hùng-Vương 雄王

(2.879-258 *trước Gia-tô*)

Lược dẫn. — 18 đời đều gọi là HÙNG-VƯƠNG, *đóng đô ở Châu Phong, nước gọi là Văn-lang, các đời cả thảy hơn 1.000 năm, đến đời vua* HÙNG-VƯƠNG *thứ cuối có con gái là* MỴ-NƯƠNG *không gả cho vua Thục, vua Thục oán, dặn con cháu lấy nước Văn lang. Sau vua chỉ hay rượu, không biết cách giữ nước, cho nên cháu vua Thục là* PHÁN *đánh lấy mất nước.*

Truyện

Hùng-vương tổ nước ta xưa,
Một nhà mười tám đời vua nối truyền.
Mỵ-nương không nỡ ép duyên,
Khiến sao vua Thục gây nên oán thù.
Quá say quên bẵng cơ-đồ,
Sức thần dẫu có khỏi thua được nào.

Thơ

Lạ lùng truyện tổ nước Nam ta,
Mười tám đời vua vẫn một nhà.
Dâu bể hơn nghìn năm định-cục,
Xin đừng dở ám Mỵ-nương ra.

II

Thục An-dương-vương 蜀安陽王

(257 *trước Gia-tô*)

Lược dẫn. — Vua là người Ba-thục cướp ngôi vua Văn-lang. Đắp thành Cổ-loa, thần Kim-qui cho mấy nỏ, đánh nhau với TRIỆU-ĐÀ. *Đà thua, sau hai đằng giảng hòa, chia sông Thái-bình mỗi người cai-trị một nửa, con trai Đà là* TRỌNG-THỦY *lấy con gái vua là* MỴ-CHÂU, *lừa vợ cạy mất mấy nỏ, về bảo Đà đem quân sang đánh, vua cùng con gái chạy xuống bể chết, nước Thục mất.*

Truyện

Thục-vương ngang khoảng đời Chu,
Đánh Văn-lang để báo-thù cho ông.
Thành Loa đắp mãi mới xong,
Thần cho mấy nỏ uy-hùng ai đương.
Để về Triệu kéo binh sang,
Cha con theo ngọn suối vàng một khi.

Thơ

Xây đắp thành Loa biết mấy phen,
Nỏ thần khôn chắp nước ngôi bền.
Sông Bình rạch nửa sơn-hà Triệu,
Nợ phải nga-mao dắc lối quen.

III

Triệu Vũ-đế 趙武帝

(207 *trước Gia-tô*)

Lược dẫn. — Là người Tàu làm quan Lịnh quận Long xuyên, nhân lúc nhà Tần loạn, nghe mưu Nhâm ngao *đánh vua* Yên-vương *lấy nước Việt làm vua, gặp vua* Cao-tổ *vua* Văn Đế *nhà Hán đãi-đọa tử-tế thời thần-phục nhà Hán, xưng làm vương, đến bà* Lã-hậu *làm sự ngăn cấm thời ông ấy tự xưng Hoàng đế, lấy văn-hóa mở mang nước ta, sau truyền ba đời vua, nhà Triệu mất nước, ta từ đấy phải nội thuộc về nhà Hán*

Truyện

Triệu-đà quan Lịnh đời Tần,
Thừa-cơ dật máy nổ thần Thục vong
Xe vàng tản tía nghênh ngang,
Một thân nào dễ nào vương đủ vành
Xem lời thư tạ Hán-đình,
Thì thư hóa nước Nam mình đã lâu.

Thơ

Nghe chước thầy Ngao khéo kheo bày,
Thừa-cơ quân lại kéo sang ngay.
Mấy phen quyền biến dân yên ổn,
Văn-hóa trời Nam dễ tự đây.

IV

Trưng-vương 徵王

(40-43 *sau Gia-tô*)

Lược dẫn.— Người ở châu Châu-diên huyện My-linh (Yên-lãng), vợ Lạc-tướng là Thi-Sách, *giận về quan Tàu là* Tô-Định *giết mất chồng, dủ em là* Trưng-nhị *khởi binh đánh Tô-Định, để báo thù cho chồng. 60 thành đều thần-phục, bà ấy tự xưng là vương. Sau Tàu sai* Mã-viện *sang đánh, quân ít không địch nổi, phải bại-trận ở Cấm-khê, hai chị em cùng mất. Nước ta độc-lập tự bà ấy.*

Truyện

My-linh Trưng-thị quê nhà,
Giận Tô-Định giết chồng là Thi-lang.
Dủ em phất ngọn cờ vàng,
Sáu mươi thành cũng một dường [phục theo.
Cơ quan gặp bước biển nghèo,
Cấm-khê nỗi giận ba-đào muôn làm.

Thơ

Thua được cần chi hỏi truyện bà.
Thù chồng sau nữa nghĩa dân ta.
Ngọn cờ độc-lập từ đây xướng,
Vô-số trai tài mới nẩy ra.

(còn nữa)

NHÂN-ĐỈNH QUỐC-ÂM THI-VĂN TẬP

(Tiếp theo)

Tự-trào

Không bàn không buồn cũng hớ-hênh,
Hớ-hênh vì nỗi chỉ ngông-nghênh.
Câu thơ vô vế ư rằng được,
Chén rượu mềm môi dáng muốn huênh.
Tùng đến non sông không thấm-thía,
Truyện vào trời bể vẫn mông-mênh.
Nghĩ ta ta khiếp cho ta nhỉ,
Thế cũng ơn vua chiếc lãi kềnh.

Thị gia-nhi

Ông ta sinh hạ mấy làm người,
Quanh quẩn một thầy một chú thôi.
Đừng bắt chước thầy mang tiếng hủ,
Muốn làm hơn chú mới nên tài.
Đề tiền đề bạc không bằng chữ,
Đua mặc đua ăn chớ mải chơi.
Hiếu-hữu ấy là nền sự-nghiệp,
Phải là con hiếu phải nghe lời.

Tặng tụng-đệ nguyễn Lễ-phòng Thư-lại (1)

Tám mốt trời cho mạnh lại nhàn,
Trải bao lượt suốt cõi nhân-hoàn.
Trước đường danh-lợi chân hơi quyện,
Trong đám kỳ-anh tóc mới ban.
Địa-lý sá lên câu chủ khách,
Phong-tình hay nói chuyện cô Loan (2).
Lở phờ nọ biết tiên chăng phật,
Đôi dẫy kiền khôn chiếc nón sơn.

Giáp-dần tuế-trừ

Ngày tháng loanh-quanh lại hết năm.
Bây giờ chung-nữ đã năm nhăm.
Lớn đầu mới biết nhiều câu dại,
Luống tuổi may chăng ít cái lầm.
Danh-lợi buổi nay nghe chán-chán,
Giang-hồ vị ấy khi ngăm-ngăm.
Ê-a chốn cũ ba con sách,
Dán kính mà xem sự cổ câm.

Hành-niên ngũ-thập-ngũ chi-hỉ

Mình nam-nhăm tuổi ngỡ mình già,
Ai cũng khen mình trẻ tựa hoa.
Hội chiếm văn-minh đầu đã hói,
Chữ nhìn quốc-ngữ mắt hơi lòa.
Ngứa nghề thỉnh-thoảng và câu thống,
Quen nết chiều hôm một chén khà.
Ngẫm cái mình ta ghê đã lạ,
Buổi đời tranh-cạnh thế mà ta....

Chuyết-phụ họa

Chưa già ông cứ tảng ông già,
Còn trẻ hơn tôi một tuổi hoa.
Nói truyện mua hầu nghe vẫn tỉnh,
Khuyên ngồi bảo trẻ chỉ kêu lòa.
Văn-minh giá đắt ba đồng kẽm,
Danh-lợi xem không một tiếng khà.
Chuốc chén mừng câu xuân bất lão,
Có chăng gì nó khéo hơn ta !

Tiện-thiếp họa

Vui thú non quê chẳng biết già,
Mùi đời ông cứ thoảng như hoa.
Bàn cầu kiểu-sử dương đầu hói,
Hỏi chữ *a b* vẳng mắt lòa.
Rượu bữa nay còn ừ chén đã,
Gạo ngày mai hết chỉ cười khà
Cách ông như thế ông còn thọ
Khôn khéo phần ai chửa đến ta.

Phượng-trì Lưu-đài họa

Trời đất non sông vẫn chửa già,
Xuân còn ông cứ nở như hoa
Hói đầu may được râu không trụi.
Tốt mầu cho nên mắt chửa lòa.
Thơ lúc nhàn ngâm tay viết thoắng,
Rượu khi vui uống miệng cười khà.
Năm nay ông mới năm-nhăm lẻ,
Này hội văn-minh hẳn có ta.

Phượng-trì cựu Phó-tổng Bùi-đài họa

I

Già được như ông mới kể già,
Chị nâng chén cúc chị bình hoa.
Đầu ưa tay ngọc càng nên hói,
Mắt ngoại trôn kim chẳng chịu lòa.
Toả lợi vòng danh không vướng-viu.
Làng thơ tiệc rượu vẫn khề-khà,
Phong-lưu đó trải mùi nhàn-thế,
Cõi thọ mừng nay lại có ta.

II

Chen xong rủ-rỉ với trăng già,
Tiếc cái xuân xanh những thẹn hoa.
Văn-tự êm tai còn chị mắc,
Phấn son ngon mắt đố ai lòa.
Cơ trần dâu bể từng khi trải,
Mùi thế cay chua đã giọng khà.
Già lại đa mang cơ muốn thọ,
Mảnh tình gian-dối chỉ phường ta.

Tú-tài LÊ ĐÌNH-HUYẾN.

---

(1) Người nay tra phong-thủy, tiếp với người hay thích chuyện địa-lý.
(2) Cô Loan bán hàng cần Cốc.

DỊCH BÀI « QUI KHỨ LAI » (Cổ-văn)

歸去來兮
Về đi, sao chẳng đi về,
田園將蕪胡不歸
Ruộng vườn cũng đủ đề-huề hôm mai.
既以心爲形役
Tấm lòng trót để mình sai,
奚惆悵而獨悲
Sao còn ngần ngại cứ hoài bi-thương?
悟已往之不諫
Trước kia trót đã lỡ-làng,
知來者之可追
Sau này ngảnh lại lòng càng tỉnh ra.
寔迷途其未遠
Đường mê may cũng chửa xa,
覺今是而昨非
Biết rằng nay phải thật là trước sai.
舟搖搖而輕颺
Cánh buồm thảy-thẩy đưa người,
風飄飄而吹衣
Gió hiu-hiu thổi áo hơi động tà.
問征夫以前路
Lên đường ướm hỏi gần xa,
恨晨光之熹微
Bóng vừa tang-tảng xui ta ngậm-ngùi.
乃瞻衡宇
Nhác trông gần đến nhà rồi,
載欣載奔
Trong lòng hớn-hở muốn dời chân mau.
僮僕歡迎
Kìa con trẻ nọ thằng hầu,
稚子候門
Vào ra đón rước trước sau vui vầy.
三徑就荒松菊猶存
Vườn hoang thông cúc chưa gầy,
攜幼入室有酒盈樽引壺觴
以自酌眄庭柯以怡顏
Bồng con dánh chén ngắm cây vui lòng.
倚南窗以寄傲
Thanh-nhàn khi tựa nam-soa,
審容膝之易安
Nhà tuy nhỏ hẹp đủ dung mình nai
園日涉以成趣
Trên vườn ngày tháng thảnh-thơ
門雖設而常關
Cửa trong vườn đóng việc ngoài mặc ai.
策扶老以流憩
Có khi chống gậy đông-đài,
時矯首以遊觀
Có khi nghểng cổ ra ngoài vườn luôn.
雲無心以出岫
Trên ngàn có đám mây tuôn,
鳥倦飛而知還
Chim kia bay mỏi biết còn về nơi
景翳翳以將入
Bóng chiều xế-xế ngang vai,
撫孤松而盤桓
Vỗ thông mà vẫn ngậm-ngùi với thông.
歸去來兮
Thú vui càng ngắm càng nồng.
請息交以絕游
Bạn-bè xin nghỉ chẳng cùng dong-chơi.
世與我而相遺
Ta không hợp với thói đời,
復駕言兮焉求
Gượng đi gượng nói gượng cười làm chi.
悅親戚之情話
Họ hàng tích truyện riêng vui,
樂琴書以消憂
Mảng vui sách-vở cầm-thi tiêu sầu.
農人告余以春及
Mùa xuân làm ruộng bắt đầu,
將有事於西疇
Nông-phu đã đến chực hầu ta đi.

或 命 出 車
Khi đi đã có xe tùy,
或 掉 孤 舟
Trèo thuyền dưới nước cảnh gì cũng hay.
既 窈 窕 以 尋 壑 亦 崎 嶇 而 經 邱
Lên ghềnh xuống thác tự đây,
木 欣 欣 而 向 榮 泉 涓 涓 而 始 流
Người vui xui cả suối cây cũng mừng.
羨 萬 物 之 得 辰
Khen thay cảnh vật tưng-bừng,
感 吾 生 之 行 休
Mà ta sự-nghiệp xem chừng đã nguôi.
已 矣 乎
Thôi thời thôi vậy thời thôi.
寓 形 宇 內 復 幾 辰
Gửi hình trời đất mấy hồi thung-dung.
曷 不 委 心 任 去 留
Khứ-lưu sao chẳng mặc lòng,
胡 爲 乎 皇 皇 欲 何 之
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi ?
富 貴 非 吾 願
Giầu sang đã chẳng muốn gì,
帝 鄉 不 可 期
Cung tiên thăm-thẳm biết khi nào về.
懷 良 辰 以 孤 往
Một mình vui thú ai bì,
或 植 杖 而 耘 耔
Trông nom đồng áng không về nghỉ ngơi.
登 東 皐 以 舒 嘯
Kiền khôn riêng chiếm bầu trời,
臨 清 流 而 賦 詩
Nước non có ý giục người ngâm thơ.
聊 乘 化 以 歸 盡
Tiêu-dao ngày tháng cho vừa.
樂 乎 天 命 復 奚 疑
Không doanh-cầu nữa còn ngờ việc chi?

NGÔ HUY-LINH (Hải-phòng)

Núi Dược-Sơn

(Thuộc huyện Chí-linh)

Núi Dược quanh-co mọc dưới trời,
Lượn tròn ba mặt tựa vành ngoài.
Nam-tào ngọn bút tay long uốn,
Bắc-đẩu trỏ nghiên cánh hổ đuôi.
Hương lửa nhân-duyên truyền vạn-kiếp,
Cỏ hoa nhan-sắc thú trăm đời.
Non thần ghi nhớ bia hào-kiệt,
Trời đất không già cảnh tốt tươi.

Núi Đồn-sơn

(Thuộc Đông-triều)

Quỉ tạc thần xây khéo-khéo mà,
Núi vờn năm sắc tỏ như hoa.
Mầu khoe đỏ tía châu truyền bóng,
Gân gợn vàng xanh gấm dệt da.
Đá nhuộm mầu tươi tay tạo-hóa,
Non pha thức thắm mẫu trời già.
Khôn ngoan rất mực đua nghề thợ,
Rập kiểu Đồn-sơn mới vẽ ra.

Núi Đỏ-sơn

(Thuộc huyện Nghi-dương)

Khen ai xe cát lấp kênh đông,
Mặt bể bồi lên một cánh đồng.
Chín núi theo giòng ngồi nhấp-nhổm,
Tám làng men biển ở chông-vông.
Sóng reo trắng toát thuyền lưng cá,
Nước gợn trong veo giếng mắt rồng.
Cảnh mát trời nam treo bậc nhất,
Bốn mùa xuân cả nắng không nồng.

NGUYỄN HỮU-MINH.

Mồng chín tháng chín lên chơi Núi Dục-Thúy

I

Sông Vân ba chiều ngọn nước giao,
Bên sông xanh-xanh hòn núi cao.
Núi ấy gần ngay núi Hồi-bạc,
Đỉnh xưa tên gọi đỉnh Hàm-giao.
Trời sinh non nước một thú lạ,
Bụi hồng rừng tía trông nhảo-nhào.
Ninh-bình tám cảnh đâu là nhất,

Đường này mở sẵn cho ta vào.
Năm năm người người vẫn qua lại,
Nào kẻ ngày nào hay tháng nào.
Năm nay năm nhuận nhuận tháng bảy,
Trăm hai mươi thu thu dồi-dào.
Vừa rằm tháng tám chơi trăng đó,
Tháng này mồng chín xa là bao.
Gặp chơi ta hãy lên chơi đã,
Ngày nay xá kể ngày mai sao ?

Anh chẳng thấy :

Chùa đây dựng tháp từ đời Lý,
Thày Nhu kể-lể công lớn-lao.
Vua Lê chúa Trịnh cũng chơi đó,
Lối xưa xe ngựa nay hàng rào.
Đến triều Nguyễn ta năm Thiệu-trị,
Núi ấy làm thành sông ấy hào.
Thành là thành-nội dây thành-ngoại.
Bắc Nam đôi ngả trông bao-lao.
Từ khi thành bỏ tỉnh lắm việc.
Quan thì bận-rộn dân lao-xao.
Mấy năm tỉnh dân khổ lụt lội,
Mấy năm việc nước lo binh-đao.
Bức tranh sơn-thủy vẽ người đời,
Thuyền ngư biết đâu nơi nguồn dào.
Hang sâu lâu ngày tiếng trâu vắng,
Trăng khuyết trăng tròn kể mấy tao.
Mừng nay cảnh cũ đã sửa lại,
Trúc kia như đón thông như chào.
Cho hay cảnh cũ chờ người nhỉ ?
Năm trước năm nay xem khác nào...
Thơ ông Thăng-phủ còn ghi đó,
Chữ « nhàn » ai chẳng lòng khát khao.
Lũ ta vốn xưa giống Hồng Lạc,
Bốn nghìn năm nay nghĩa đồng-bào.
Quen thú non xanh cùng nước biếc.
Những là rầy ước lại mai ao.
Bây giờ lên núi đứng trông xuống.
Mấy thuyền bến cát cắm con sào.
Người được con rô kẻ con diếc,
Có đâu cá kình hay cá ngao.
Bóng tàu dưới sông hòm thấp-thoáng,
Tiếng xe cầu sắt trưa ào-ào.
Truyện đời biết đâu cũ chăng mới,
Chén rượu say nhừ mai với tao
Có mưa có gió có lúc tạnh,
Còn non còn nước còn trăng sao.

II

Thấm thoắt chiều thu muộn,
Lờ-mờ đỉnh núi cao.
Tiết lành nhân xẩy gặp,
Thú lạ lại tìm vào.
Một dẫy non bày trước,
Ba bề nước đổ giao.
Lá vàng gieo bóng ngả,
Rêu đá gội cơn giáo.
Chùa Lý hang rầy vắng.
Cung Lê lối đã rào.
Hơi may dường nhạt-nhạt,
Lòng khách vẫn nao-nao,
Tám cảnh trời ngan-ngát,
Trăm năm sự nhão-nhào.
Đã từng cơn bụi cát,
Nay rạng vẻ trăng sao.
Xe nọ đua cầu sắt,
Tầu kia lượn sóng dào.
Củi tiều chưa nhẹ gánh,
Chài cá tối buông phao.
Khóm trúc mầu sương đẫm,
Trời thông ngọn gió chào.
Cỏ cây nền cổ-tích,
Ngày tháng giấc chiêm-bao.
Đình cũ vừa trang-điểm,
Người xưa những khát-khao.
Câu thơ danh họ Đỗ,
Nét vẽ gạch ông Tào.
Trăm thước cần câu đó.
Năm hồ chiếc dã sao ?
Ở đây kề chén cúc,
Chẳng nống đợi khi nào !

BÀI TỰA CHƠI CHÙA TRẦM

Thợ tạo-hóa bày ra muôn vật, vì nhân-duyên nên dan-díu với non sông;

Khách phù-sinh trong cõi trăm năm, có du-lãm mới sái-lạc mùi trần-thế.

Vậy xem như: Từ Đạo-Hạnh lên hang Phật-Tích, chẳng tiên cũng gọi là tiên;

Trịnh Tĩnh-Vương chơi núi Tiêu-tương, hỗn tục mà ra thoát tục.

Thơ thần rượu thánh, nghề chơi cũng lắm công-phu;

Nước trí non nhân, cuộc thú thiếu gì phong-nguyệt.

Năm Kỷ-vị đương mùa qui-hạ;

Mỗ Vân-Liên nhân dịp thanh-nhàn.

Ngảnh lại động Trầm,

Trông lên ninh Trúc.

Lòng ao ước bấy lâu nay khao khát;

Cuộc chơi bời đâu dám nói phong-[tao.

Chèo non lọ quản chi cao,

Lên núi phải tìm đến đỉnh.

Lưng bầu rượu ngọt,

Một túi thơ đầy.

Bạn đồng-tâm dắt-díu họa thơ chơi;

Miền sơn-lộ tả-tơi chiều gió bấc.

Khi đền Thánh-Mẫu,

Lúc chùa Vô-Vi.

Cũng chèo chợ trời,

Cũng chui hang tối.

Vào chào tượng đá, đá vẫn trơ-trơ;

Ra đọc bia thơ, thơ đề san-sát.

Gặp sư giảng kệ, lòng lợi-danh nghe rửa sạch như không;

Lên gác gõ chuông, hồn ảo-mộng thoắt rật mình muốn tỉnh.

Ngắm phong-cảnh lại nhớ người hào-[nhã;

Hỏi cỏ-hoa mà thăm khách thần-tiên.

Đời người được mấy, ai ơi!

Truyện cũ hãy còn, chăng tá?

Ước gì: trăng không khuyết, mây không tan, núi không lở, tấm lòng này xin thề-nguyện với giang-san;

Chắc rằng: trời còn cao, bể còn rộng, đất còn dầy, cuộc vui ấy cứ đi về cùng bạn-hữu.

Đã dễ chốc mà tiên, mà phật;

Cho nên phải nửa tục, nửa thiền.

Ngâm mấy câu thơ, đề quỉ-thần biết;

Để một bài tựa, cho nước-non xem.

Nghìn thu mấy cuộc bể dâu, sơn-thủy vẫn giữ nền gấm-vóc;

Muôn kiếp trải bao sống thác, anh-hùng còn in dấu đăng-lâm.

Xin dặn núi này đừng quên ai, nhé!

ĐOÀN QUỲ

VĂN NHÀ SƯ LÀM CHAY TẾ MẸ

(bốn mươi chín ngày)

Khuôn tạo-hóa sinh-sinh hóa-hóa, cuộc trần-hoàn khôn tránh kiếp luân-hồi;

Cửa từ-bi không-sắc sắc-không, giọt dương-thủy tưới cho người đàn-việt.

Trông chừng khi thoát hóa siêu trần;

Lại nghĩ lúc sinh-ly tử-biệt.

Nhớ mẹ xưa:

Tính nết hiền-lành;

Nói-năng chân-thật.

Ở trong nhà cùng người thân thuộc, không hề điều nọ tiếng kia;

Ra ngoài đường với kẻ hương-lân, chẳng chút suy hơn tính thiệt.

Kể từ lúc nhà xuân khuất bóng, một dạ sắt son;

Trải mấy phen chiếc bá giữa dòng, tấm lòng trinh-tiết.

Thắt lưng buộc bụng, mọi việc siêng-năng;

Thờ chồng nuôi con, trăm chiều mỏi-mệt.

Công sinh-thành như non như nước,

nghĩ đền ơn chưa chút tóc tơ ;
Việc tu-hành là phúc là duyên, vậy nên phải theo giòng y-bát.
Miệng niệm câu kinh ;
Tay lần tràng hạt.
Mấy mươi năm qui-pháp qui-tăng ;
Chỉ một niềm cầu Trời cầu Phật.
Cầu cho mình được thoát nợ trần-duyên ;
Cầu cho mẹ được xuôi thuyền bảo-phiệt.
Nay mẹ đà sáu mươi bầy tuổi trời ;
Vừa tuần đến bốn chín ngày định nghiệp.
Trông lên liên-tọa, đặt lễ hương hoa ;
Kính trượng tăng già, tụng kinh bối-diệp.
Đức Quan-Âm truyện xưa đâu tá, cõi Nam-thiên còn chép vào kinh ;
Bà Mục-Liên sự cũ còn truyền, việc chay tiếu vẫn bầy đàn huyết.
Tủi phận mình bạc đức bạc duyên ;
Cúi đầu niệm *ni-đa ni-đát*.
Nhờ tay tế-độ, vãng-sinh đà thoát chốn tam-đồ ;
Đội đức cao dầy, niệm tục đất mọi đường bách-triết.
Thôi từ đây suối thuyền bát-nhã, tìm thú vui vô-lượng vô-biên ;
Thôi từ đây mặc áo lục-phù, theo về chốn bất-sinh bất-tuyệt.
Tôi may nhờ Phật, ơn nghĩa chưa đền ;
Còn chút đàn em, ngây thơ chưa biết.
Cá rồng mất mẹ, tranh tang-thương ai khéo vẽ nên hình ;
Chim yến lạc đàn, tình cúc-dục kể làm sao cho xiết.
Sinh ngã ai-ai ;
Bi-tâm chuyết-chuyết !

(Vô-danh)

AN-VIẾT-KÍNH *sao-lục*.

CÂU ĐỐI PHÚNG

Khóc cha

Con mất cha như chim mất tổ,
Cây muốn lặng nhưng gió chẳng dừng.

Khóc mẹ

Đức mẹ cao giầy, thảm-thiết thơ nga chín chữ,
Lòng con báo đáp, ngậm-ngùi tấc cỏ ba xuân.

Con gái khóc mẹ không con trai, cháu ăn tự

Ngao ngán thay, một chị với hai em, chén rượu cương-thường nhờ cháu rót ;
Đau đớn nhẽ, năm mươi mà trăm tuổi, câu thơ ly-biệt mượn người đưa.

Khóc ông nội

Ông đi đâu đi đâu, bánh ngọt quà ngon, san-sẻ lấy ai vui-vẻ nữa ;
Cha khóc lăn khóc lóc, đầu tang tóc rối, bồi-hồi thấy cảnh ngậm-ngùi thay.

Cháu gái mồ-côi khóc bà nội

Bà vui lên cõi Phật cõi Tiên, cô với cháu nhớ thương khôn xiết kể.
Nhà tiếng thế không giầu không có, mẹ cùng anh lo liệu những làm sao.

Cháu gái tơ khóc ông ngoại, mà mẹ đã xuất-giá

Trên cõi trần ông ngoại xa chơi, cảnh ấy tình này, càng nghĩ càng thương thân liễu yếu ;
Dời chín xuối nhà nghiêm có biết, dường kia nỗi nọ, thêm sầu thêm tủi phận đào tơ.

Khóc bác

Sót tình trông cậy như cha, đứng dưới thềm lan sầu mọi nỗi ;

Tủi phận ngây thơ là cháu, khóc đưa xe bạc ngàn trăm chiều.

Khóc chú

Mừng thầm chú cũng như cha, mọi việc nương nhờ khôn xiết kể.
Ngàn nỗi chú về cảnh Phật, sót tình thương nhớ biết bao nguôi.

Khóc cậu

1

Đất Vị xa đưa ngao ngán nhỉ,
Vườn cà còn đó cảm thương thay !

2

Mới ngày nào, xe một cỗ, ngựa một con, vui vẻ tiễn đưa trên đất Vị.
Chợt nghe thấy kèn ba hồi, cồng ba tiếng, ngậm-ngùi chua-sót dưới vườn cà.

3

Mới ngày nào, đất Vị tiễn đưa, ngựa ngựa xe xe, vui lắm vẻ.
Sao nỡ vội suối vàng xa cách, thương thương nhớ nhớ, xiết bao tình.

Cháu mồ-côi mẹ khóc cậu

Tặng cậu biết lấy gì, xe ngựa tiễn đưa trên đất Vị ;
Lòng cháu thương khôn xiết, thần hồn nhẫn hỏi dưới đài-tuyền.

Con rể khóc bố vợ

Tạo-vật khéo trêu ngươi, kéo đám mây mù che núi Nhạc ;
Rể con không nhẽ nín, nỗi cơn gió lạnh thảm nhà băng.

Vũ Tích-Cống

VĂN XUÔI

Hào-kiệt hàm-dưỡng khác người thường

Ta xem truyện Tàu, về đời Hán-mạt có chép khi ông Gia-cát Khổng-Minh cùng với bọn các ông Thạch Quảng-Nguyên, Từ Nguyên-Trực, Mạnh Công-Oai cùng đi học. Ba ông thời rùi-mài kê-cứu, mải-miết học-hành, tỉ-mỉ từng ly, lần-mần từng tí ; mà một mình ông Khổng-Minh thời chỉ xem qua cho biết đại-lược mà thôi, hình như lơ-đễnh sự học-hành, thỉnh-thoảng lại ngồi xếp bằng tròn thở dài, coi bộ lo-lắng. Đôi khi thong-thả, có dịp truyện trò, ông thường hỏi các ông kia rằng : « Mai sau này các anh định đỗ-đạt làm quan đó ư ? » Ba ông hỏi chí-hướng ông tương-lai như thế nào thời ông chỉ cười nhạt mà không nói. Hằng ngày đi đánh con trâu, vác cái cày đi làm ruộng, giữa quãng đồng, bên bờ cỏ, thường khi nghêu-ngao một đôi câu thơ cổ. Hỡi ơi ! Cái bụng dạ kia lạ-lùng, cái khí-tượng kia mông-mênh biết đến dường nào ? Ô ! sao không biết trong lúc bốn phương loạn-lạc, binh lửa tứ-tung, lòng người sôi nổi, cuộc đời rối bong, mà lại tự để mình vào cái cảnh im-lìm, cái nơi phẳng-lặng ở trong cái thế-giới biến-động ấy, bỏ tay đưa mắt ra ngắm cuộc đời, há lại không tự mình đặt mình vào bậc người nào hay sao ? Há lại không biết hình-trạng thế-giới ra thế nào hay sao ? Há lại không biết cái thân mình đối với thế-giới có quan-hệ thế nào hay sao ? Há lại không mong chiếm lấy một cái vị-trí gì để đứng ở trong thế-giới hay sao ? Có lẽ đâu lại nhẫn-tâm lẩn cái trách-nhiệm làm người mà cam chịu phóng-khí thiên-chức đi để làm một bác nông ngu, một thầy nho hủ ở chốn nhà quê trong miền rừng núi được ? Không ! không có lẽ ấy ! Sao mà biết ? Bởi vì ông nhận đã rành, xem đã rõ, xét đã tinh, định đâu ra đấy, lòng mới thản-nhiên. Nào có phải đành mang cái thân quí báu, cái trí tinh-kỳ, cái lòng cao-thượng, cái chí sâu-xa, gửi mình vào áng cỏ cây để cầu sống sót chết thừa, tạm bợ cho qua

ngày qua tháng ở buổi loạn-ly kia đâu. Số là ta biết ba người bạn ta, chẳng qua chỉ là một bọn theo đóm ăn tàn, bộ phong tróc ảnh, tùy thời tùy thế mà đi; chớ ta đây mình đã định cho mình, nào tài, nào chí, nào sức, nào lòng, hàm-dưỡng đề nên người dựng ra thời ra thế, hòng sai thời sai thế phải theo ta, quyết xoay phải xoay trái thế-giới như người cầm lái tầu đi bể khiến chiếc tầu vậy. Bởi thế cho nên lúc còn tĩnh-tâm suy tính thời rồng vàng uốn khúc núi Nam-dương; lúc mà ra đời thời gió chuyển, mưa sa, sấm ran, chớp dật, muôn kẻ kinh-hoàng, vạn nhà hoảng-hốt, trời đất khác hẳn, sông núi thay liền. Nào có phiền chi mà bối-rối. Than ôi! như thế mới thực là đáng giá nhân-tài! như thế mới thực là đáng giá hào-kiệt! Các người đại-nhân-tài, đại-hào-kiệt hàm-dưỡng có như thế vậy.

Ta nhân câu truyện đó mà ta mới nghĩ ra một lẽ người ta cần phải có một cái « thế-giới ngoài đời xa tục » như cái thế-giới của ông Gia-Cát Khổng-Minh ở Ngọa-long-cương để hàm-dưỡng tinh-tình cho nên người cao-thượng. Tại sao mà phải cần có cái thế-giới như thế để mà hàm-dưỡng? Thưa, ông Á-lý-sĩ-đa-đức (Aristote) là một nhà đại-triết-học Hi-Lạp xưa kia có nói rằng: « Người ta là một giống động-vật yêu đàn mến lũ nhất ». Ấy có lẽ bởi người ta thực có cái tính trời phó cho sẵn về sự yêu đàn mến lũ ấy cho nên gần từ người ruột già thân-thích, xa đến người thanh-khí biết quen, cùng nhau quây-quần, cùng nhau giao-thiệp, cùng nhau đi lại, cùng nhau tựa-nương, mà kết thành ra xã-hội, gây-dựng nên thế-gian. Như vậy thời được ở những nơi đông-đúc, quanh-quất người này kẻ khác, thế chẳng vui-vẻ lắm sao? Vui-vẻ thời vui-vẻ thật, bởi vì hợp với nhân-tính vậy. Song le thành-phố to, làng xóm lớn, người ta chen-chúc cùng nhau cư-tụ, tập-nhiễm những thế-tục, thời hay bị thế-tục sai khiến. Ôi! rừng danh bể lợi, chợ sắc trường tình, khóc ăn lối mặc, nết ở đường đi, thường có khi làm cho mình rối-rít tâm-thần, hao-mòn thân-thể, mình không còn có mình nữa. Bởi vậy cho nên phải có khi ra ngoài thế-giới, để mình đứng ở địa-vị khách-quan, không cho những cái thế-tục nó quấy đục được mình, để thời-giờ nhàn-rảnh mà ngắm mà coi; vì có khác được tục thời mới biết được cái chân-tình chân-trạng của mình vậy.

Nhưng cái nghĩa ra ngoài thế-giới, khác với thế-tục ấy, không phải như mấy bọn người kể dưới này đâu.

Này một bọn người về phái bàng-quan không chịu làm một việc gì đứng ra cục-ngoại, làm bộ ra những nết lạ-lùng, trang-tác ra những điều quái-quắc, đứng đàng sau lưng người ta mà bình-phẩm khen-chê; tự mình không có thi-hành được điều gì mà cứ nay nói người này, mai cười người khác. Cái thân chúng nó chẳng dùng vào việc mà chúng nó chỉ hay bàn ngang tán nhảm. Tự chúng nó cũng hay khoe mình rằng ta đứng ra ngoài thế-giới, như thế thời là bọn ăn cướp xưng bá xưng vương đó mà thôi.

Đến một hạng người cũng thực có vẻ cao-kỳ, vì tấm lòng quá nhiệt-thành, mà sinh ra một thứ động-lực phản-trái với đời, quyết đem cái tài phi-thường của mình không thèm ngoi nước theo nheo mà cam-tâm tuyệt-thế; chẳng chịu để cho sự đời nhem-nhuốc nó làm nhọ mất cái điều mình sáng trưng được, chẳng nỡ đem cái sức kỳ ký (ngựa hay) mà theo nô thai (ngựa xấu) được. Những người như thế vào hạng ông Tam-Lữ-đại-phu (Khuất-nguyên nước Sở) ngày xưa; thời những người quân-tử thấy mà thương sót, đem gia kính-vì vậy.

Còn một hạng người nữa, thiên-tính điềm-đạm, riêng về thanh-cao, không thích giao-thiệp với đời mà vui lòng phóng-túng giang-hồ như những nhà thi-sĩ thủa xưa phần nhiều thế cả. Vậy như ông Lý-Bạch nhà Đường có phải là thiên-tài thức-tưởng cao-quá phàm-tục hay không? Song thiết-tưởng những người như thế thật không có quan-hệ gì đến thế-giới cho lắm. Ta xem truyện thời ta yêu, ta kính, song dẫu yêu dẫu kính nhưng ta không muốn bắt chước làm gì.

Ôi! kẻ tầm-thường thời chỉ biết chen-chúc vào với đời mà không thể nào ra ngoài đời được lát nào; bậc cao-lưu thời chỉ biết thanh-cao ra ngoài đời mà không thể nào vào chen-chúc với đời được một lát nào. Duy có người tối-đại cao-lưu thời thời-hồ ra ngoài đời để di-dưỡng lấy cái tinh-tính cao-thượng mà thời-hồ vào trong đời để cùng chen-chúc với người đời, khi ra khi vào luôn luôn không kể, không khi nào để cho thế-tục sai khiến được mình mà không khi nào là bỏ hẳn thế-tục, vì đời mà không để cho đời dùng được mình, tựa-hồ như bỏ đời không nghĩ chi đến mà bụng vẫn thương đời, ra rồi lại vào, vào rồi lại ra, cao tít mù quá, coi thật là dễ mà rất khó thay! Song tuy khó thời khó, dù làm gượng cũng may được, nên ta cũng nên cố mà học noi, hết lòng mong-mỏi cho tới đến bậc ấy mới là.

MÂN-CHÂU

THỜI-ĐÀM

Mở trường Thương-nghiệp ở Hà-nội. — Cái chính-sách thực-hành của quan Toàn-quyền LONG nay mai lại sắp thêm một kết-quả nữa, là lập một trường Thương-nghiệp ở Hà-nội. Thế là cái chương-trình khai-hóa của quan SARRAUT đã mấy lần tuyên-bố cho quốc-dân ta biết, nay sẽ dần-dần thi-hành cho đến hoàn-toàn vậy.

Nghe đâu trường Thương-nghiệp mới này đến ngày 15 tháng chín tây sẽ khai-giảng, và mở tại nhà bán đồ cũ ở Phố Hàng-Trống (Nhà ấy trước đã định để mở trường Điện-học). Trường Thương-nghiệp tức là một ban của trường Đại-học Đông-Pháp, thể-thức nhập-học cũng giống như các ban khác: học trò muốn xin vào học phải có bằng tốt-nghiệp trường trung-học An-nam (*diplôme de fin d'études complémentaires*). Học trò không mất tiền học và ăn ở ngoài, nhưng Chính-phủ có thể tùy người mà cho lương học và cho ăn ở trong trường, các khoản phí ấy sẽ trích hoặc ở sổ chi-tiêu Đông-Pháp, hoặc ở sổ chi-tiêu riêng mỗi xứ. Học hạn là hai năm, người nào thi tốt-nghiệp đỗ cao thời có thể tùy tài bổ-dụng vào chức tham-biện ở các công-sở Nhà nước. Người nào không muốn làm việc Nhà nước mà muốn vào làm ở các thương-cục lớn hay là các nhà ngân-hàng cũng được.

Chương-trình học thời có tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tầu, toán-học, đại-số-học, kinh-tế địa-dư học, hóa-học, thương-nghiệp pháp-luật học, kỷ-hà-học, thương-phẩm-học, học về sản-vật các thuộc-địa, về võ-trang các tàu bể, học viết tắt, học đánh máy chữ, học vệ-sinh. — Xét qua các môn học như thế thời đủ biết vừa học phổ-thông, vừa học chuyên-môn, đều hoàn-toàn cả.

Những bậc thiếu-niên tuấn-tú trong nước ta, ai là người có chí muốn chuyên-chủ về đường thực-nghiệp để sau này mở mang sự buôn-bán công-nghệ cho nước nhà, nên vào học trường này cho đông, để mà kíp-kíp thâu thái lấy cái học-thức mới, người nước mình vẫn thường thiếu-thốn xưa nay, nên những việc tranh-thương từ xưa đến nay không thành kết-quả vậy. Bây giờ ta đã tỉnh-ngộ, chớ nên chậm-trễ. Vả lại Chính-phủ đã có bụng giúm-giúp dân ta mà làm một sự kiến-thiết rất hợp-thời như thế, ta nên thừa cơ-hội này trước là ích-lợi cho sự-nghiệp riêng của ta, cho hậu-vận chung của nước nhà, và sau là khỏi phụ lòng quyến-cố của chánh-phủ.

Trời đã mưa thời mưa cho khắp. — Bản-chí tiếp được bài lai-cảo nói về lương các viên Thừa-phái, cứ nguyên-văn đăng sau này. Trong bài xã-thuyết kỳ 34, bản-chí bàn

về sự tăng-lương cho các viên-chức tòng-sự chánh-phủ Bảo-hộ đã có nói đến hạng thừa-phái, phàn-nàn rằng hạng ấy chưa được theo lương mới như các hạng khác và xin chánh-phủ nghĩ lại mà thi-ân cho khắp. Chắc là chánh-phủ đã trù-tính việc đó rồi, vì không có lẽ các quan-lại đều được tăng cả mà duy hạng thừa-phái thì không. Nhưng ý-giả chánh-phủ còn muốn cải-cách ngạch thừa-phái thế nào, bàn-định chưa xong nên chưa thi-hành vậy.

* * *

« *Trời mưa thời mưa cho khắp*, câu phương-ngôn này là các xứ dân bị hạn-bán mong mỏi trời mưa, ta thường thấy có khi cùng một xứ mà chỗ kia thời nắng như đốt, chỗ này thời mưa ruộng trên tràn ruộng dưới, thời phàn-nàn rằng trời có ý thiên-tư, sao không mưa khắp, nhưng cơ trời chuyển vận, hễ đã mưa xuống chỗ kia tất cũng mưa đến chỗ này, chả có lẽ nào trời lại thiên-tư, chẳng qua là ngộ-tưởng đó thôi.

« Song cái ngộ-tưởng ấy người ta thường nhiều. Như hạng Thừa-phái ta bây giờ, hiện lương mỗi tháng 10 $ 76, đến năm 1921 mới được tăng đúng 12 $ 00 ; thời buổi giờ bạc hạ, một đồng bạc hơn một quan tiền kẽm, mà thóc cao gạo kém, đồ ăn đắt gấp mười ngày trước và đương thời-đại văn-minh, ăn ở theo cách vệ-sinh, mỗi đường mỗi tốn, ít lương tiêu-pha thực là quẫn-bách quá. Mấy tháng trước thấy nhật báo đăng các nghị-định tăng-lương cho các quan-lại ở xứ Đông-Pháp, thời hạng Thừa-phái ta, phần nhiều người cũng ước ao được dự nghị-định ấy, đều nói rằng phụng Chỉ-dụ định ngạch quan-lại ở Bắc-kỳ ngày 24 tháng 11 năm Khải-Định thứ 3 và biểu nha-lại cùng các viên tòng-sự Tòa-sứ Bắc-kỳ đang ở Công-báo số 2 thời Thừa-phái hạng năm cũng được như Thông-ngôn thì sai ở các tòa-sứ cũng có đối-hàm cả ; vả cũng là người Annam theo làm việc Nhà nước, thế thời có lẽ Nhà-nước thi-ân cho khắp cả đấy ; sau xem ra là Nhà-nước chỉ tăng cho các viên tòng-sự ở các Tòa thôi, thế mới rõ cái ngộ-tưởng này cũng như ngộ-tưởng trời mưa. Rồi trong hạng Thừa-phái ta có một vài người đăng báo, kể những tình-cảnh lương ít, không đủ dùng, thời thực là đáng lắm, nhưng tưởng cũng chưa dễ thấu đến Chính-phủ biết cho; vì các viên tòng-sự các tòa đều có đại-biểu cả, cho nên nói trực-đạt đến ngay, như hàng Thừa-phái là nha-thuộc quan Annam, thời quan Annam có chuyển-đạt cho mới được, nếu ta kêu mà không có quan đề-đạt cho, sao thấu đến Chính-phủ biết cái tình-cảnh này được; nay tôi thiết nghĩ rằng phải [illegible] với các quan Đại-thần Annam ta có cho Hội-đồng giao-thiệp thương-nghị luôn luôn và các quan thủ-hiến tỉnh mình nữa. Vậy thời hạng đồng-nghiệp ta, nên làm đơn trình bầy cái tình thiết-thực quẫn-bách của mình mà kêu ca, xin các quan soi xét cho để nhân dịp các quan chuyển đạt cho, may có thể thấu đến Chính-phủ dủ lòng thương mà thi-ân khắp đến cho, thời hạnh-phúc biết là chừng nào, cũng chẳng khác gì như đương hạn-hán mà được trời mưa rào vậy. »

NGUYỄN VĂN-LẬP
Thừa-phái huyện Yên-sơn
(Tuyên-quang)

Hưng-quốc Khánh-niệm-tiết. — Ngày mồng hai tháng năm, là ngày Đức Cao-Hoàng tức-vị, nhất-thống sơn-hà, bình-định thiên-hạ, cái ngày ấy là ngày rất vẻ-vang cho Nguyễn-triều lịch-sử, rất danh-dự cho Việt-Nam tổ-quốc.

Cái ngày ấy là ngày quốc-dân nên kỷ-niệm, kẻ thần-tử đáng vui mừng, long-trọng thay rực-rỡ thay cho cái ngày Hưng-quốc Khánh niệm-tiết này !

Nhân ngày kỷ-niệm này tưởng nên bày tỏ cái công-trạng lớn-lao của ngài cho quốc-dân đều biết.

Trong cái hành-trạng của ngài thì có hai cái sự-nghiệp quan-trọng nhất, tưởng đến nghìn thu quốc-dân cũng nên ghi-tạc.

1° Sự-nghiệp thống-nhất nước Nam-Việt.

2° Việc giao-hiếu cùng qui-quốc.

Ai là người đọc quốc-sử mà không nhớ rằng nước ta, từ thửa vua Triệu-đà dựng nước tuy là tự-chủ, nhưng đất nước ta chỉ còn đất Giao-châu, đất Cửu-chân tức là Bắc-kỳ bây giờ, và đất Thanh-hóa, đất Nghệ-an, đất Hà-tĩnh mà thôi.

Bờ-cõi nước ta lúc ấy còn hẹp nhỏ, mà lại tiếp-giáp cùng nước Tàu là một nước lớn mà ta đã phải nội-thuộc hai lần, biết bao nhiêu phen khổ-sở lầm-than, nghìn năm nô lệ.

Đến đời Nguyễn-triều từ năm 1558 cho đến năm 1802 các vua mới ra công mở rộng bờ cõi, lập nên độc-lập cho nước ta, mà cái công-nghiệp mở-mang bờ-cõi ấy, thì Đức Cao-Hoàng thật đã gánh vác một phần lớn nhất.

Ôi ! cái sự-nghiệp ấy, làm cho hoàn-toàn thì ngài đã trải-qua biết bao phen lên thác

xuống ghềnh, qua sông vượt bể, đem thân vàng ngọc mà chịu lao khổ nguy-nan, để mở rộng giang-sơn, dựng nền tự-chủ cho quốc-dân ; từ năm 1777 cho đến năm 1802, trong 25 năm trời biết bao nhiêu lần thất-bại mà lại dựng được nghĩa-kỳ thống-nhất.

Cái hồi nguy-nan nhất là hồi đầu khi chú và anh ngài đã bị bắt, chỉ còn một mình ngài là thoát nạn được, mà cũng nhờ ông Bá-đa-lộc (Pigneau de Béhaine, Evêque d'Adran) khuông-phò, mới giải-thoát được.

Trong cái hồi tị-nạn này, biết bao nhiêu phen lưu-lạc nổi-chìm, khi ở Phú-quốc, khi qua Xiêm-la, mà không may nhất là ngài cùng ông Bá-đa-lộc lại thất-lạc mỗi người một phương, cho đến năm 1784 thì ngài mới tái-ngộ ân-nhân, rồi khi ấy mới định phương cầu-cứu ở Pháp-đình ; ấy là cái ngày khởi-đoan việc giao-hiếu cùng qui-quốc vậy.

Lúc đã bàn-định xong, ông Bá-đa-lộc chịu lời ủy-thác của ngài, đem ông Hoàng-tử Cảnh về Pháp để làm tin mà xin quân cứu-viện.

Than ôi ! tình phụ-tử từ đây mà xa cách ! Nhưng mà những đứng anh-hùng vẫn lấy nghĩa nước làm trọng hơn tình nhà, cái gương ái-quốc nhiệt-thành ấy ngày nay người Việt-Nam mình nào biết còn nhớ đến hay đã quên đi rồi ? Cái gương qui ấy dẫu nghìn năm tưởng cũng nên giữ lấy mà soi chung !

Vẻ-vang thay ! cho cái sự-nghiệp của ngài trong 25 năm trời, cầm gươm lên ngựa, vượt bể trèo non, để dẹp đổ cái vũ-lược của nghịch-thần, phá tan cái cường-quyền của nguy-tặc, để cứu trăm họ tránh khỏi lầm-than, muôn dân thoát vòng nô-lệ.

Biết bao nhiêu phen ngài đã xông-pha nơi chiến-trận, chìm nổi chốn bể khơi, vì tràm họ mà mở-mang cái sự-nghiệp dĩ-vãng, cứu vớt cái cơ-hội tương-lai. Nhờ đức Cao-Hoàng nên người nước mình ngày nay mới tránh khỏi cái cường-quyền áp-chế của giặc Tây-sơn, mà hưởng được cái công-lý tự-do của Quí-quốc !

Đây là mới kể qua cái vũ-công của ngài, còn đến tài chính-trị tưởng cũng nên bày tỏ qua cho quốc-dân biết một thể. Sau khi vũ-công đã thành, thì ngài chỉnh-đốn ngay những công việc đã bị bỉ-hãm trong 30 năm gió bụi.

Trước hết ngài chấn-chỉnh quan-trường, cải-lương học-vụ, để chọn những người hiền-tài mà trí dụng. Việc luật-lệ, tài-chính, điền-thổ, thi-cử, việc binh-vụ, việc công-tác vân vân.. đều là tay ngài sửa sang lại cả.

Ngày nay người làm quan xem đến bộ *Hoàng-việt-luật-lệ*, kẻ cùng-đinh trông thấy sổ *Gia-long địa-bạ*, người học-trò nhìn thấy trường *Quốc-tử-giam* ở Kinh-đô, kẻ hành-khách đi lại trong Nam ngoài Bắc, thì ai là người chẳng nhớ đến sự-nghiệp của ngài ?

Than ôi ! cái công-trạng lớn-lao ấy, kẻ thần-tử trong nước biết bao giờ báo đáp cho xong ! Cái công-đức ấy chỉ trừ những người không nghĩ đến nước nữa, mới đành lòng bội nghĩa quên ân, còn những người còn chút lương-tâm, có lòng yêu nước, bao giờ mà còn bước chân trên đất Việt-Nam, thì chẳng ai là người đang tâm mà quên cái công-đức ấy cho đành !

Ngày mồng hai tháng năm là ngày thần-dân trong nước đều nên bái-tạ trước hình-ảnh Thánh-quân, đã ra công khó-nhọc nguy-nan, mà để lại cho người mình một cái tổ-quốc càng ngày càng lớn-lao, càng ngày càng rực-rỡ. Nghĩ đến cái công-nghiệp ấy, mà kẻ thần-tử muốn báo đền, thì nên tổ-chức cái mối đồng-tâm của quốc-dân cùng ân-quốc càng ngày càng thêm bền chặt mãi ra, để mà bảo-thủ lấy cái hương-hỏa long-trọng ấy, mà đức Cao-Hoàng đã để lại cho nước ta di-truyền vạn-đại.

Cái ngày Kỷ-niệm này, quốc-dân mình nên đồng-thanh mà hoan-nghênh cho trọng sự-thể, để tỏ lòng người Việt-Nam cũng biết nhớ ơn đến người đã khai-sáng ra một cái tổ-quốc vẻ-vang. Ký-giả rất là mong-mỏi. Còn như cái lối ăn tết « đình đám người mẹ con ta » trong mấy nghìn năm nay ta mê-tín hão, cũng đủ dại rồi, tưởng nên thôi đi kẻo chậm.

HOÀNG HỮU-ĐÔN

Tri-huyện Bình-lục (Hà-nam)

Cải-lương hương-tục

I

Trong mấy năm nay việc cải-lương hương-tục đã biết bao nhiêu người nghị-luận đến rồi, nhưng mà việc thực-hành thì chưa có được mấy xã thành-hiệu. Chỉ có tỉnh Hà-đông nhờ quan tổng-đốc Hoàng có lòng nhiệt-thành cổ-động và trông nom đến luôn, thì đã nhiều xã cải-lương có kết-quả ; tỉnh Thái-bình trước có quan thượng Phạm cổ-động thì cũng có xã đã cải-lương, nhưng vẫn là còn phần ít lắm ; ở Phú-thọ cũng có xã

cải-lương như xã Hiền-lương thật là đáng khen; nói tóm lại thì trăm phần chưa được một phần cải-lương.

Than ôi! Việc cải-lương phong-tục là một nghĩa-vụ rất cần-kíp, một sự-nghiệp rất lớn-lao, mà những người có trách-nhiệm cùng quốc-dân, nào có mấy người lo nghĩ đến đâu! Cái câu ngạn ngữ « *Quốc dĩ dân vi bản* » 國以民爲本, ngày nay trong nước có lẽ nhiều người đã quên đi rồi, nên mới ngồi yên mà vui thú lấy một mình, chẳng còn nghĩ gì đến ai nữa, nước nghèo dân đói, vận đốn tục suy, cũng mặc ai. Ôi! nghĩ đến lòng người nước mình như thế, khá giận thay, mà lại thương thay!

Làng là một xã-hội nhỏ trong nhân-loại, nhiều làng hợp thành một nước, làng giầu thì nước thịnh, làng nghèo thì nước suy, ấy là một lẽ đương-nhiên vậy.

Làng là nơi sinh-trưởng của quốc-dân, chỗ nguồn-gốc của phong-hóa.

Công việc trong một làng tuy là nhỏ, nhưng mà cũng phải có tổ-chức kỹ-cương, vân-trù cải-cách, thì làng mới có thể tiến-hóa được.

Ta muốn xét tình-hình trong một nước giầu hay nghèo, thịnh hay suy, thì còn có cách nào diệu hơn cách xét xem sự sinh-hoạt, phong-tục, tình-tình trong một làng thì biết rõ. Làng là một nơi thí-nghiệm đích-đáng rõ-ràng cái trình-độ thấp cao trong một nước. Cái cuộc thịnh suy của các làng thật là quan-hệ đến cái tiền-đồ Việt-Nam tổ-quốc vậy.

Nay ta xét cái hiện-tình cùng phong-tục các chốn hương-thôn, thì thật là thương-tâm! Những tục phiền-phí hủ-bại kể sao cho xiết, nào tế lễ ma chay, ăn uống rượu chè, tranh ăn, tranh ngồi, tranh xôi, tranh thịt, đánh nhau, cãi nhau, say sưa ầm ỹ, không còn trật-tự gì nữa; còn đến tâm-tình người làng thì rất là suy kém: không ai cứu giúp nhau, chẳng ai thương yêu nhau, ai chết mặc ai, người ngu mặc thế, những người hiếu-đễ trung-tín, nhân-nghĩa đạo-đức, thực là hiếm có; học-hành chẳng có, công-nghệ cũng không, nhà nát cột xiêu, bát khoai lẫn gạo, mười nhà mới có một nhà có mảu mặt! Ôi! những người còn chút lương-tâm, ai trông thấy cái cảnh-tượng đổi-bại ấy, mà chẳng đau lòng! Nay ta muốn cho nước cường-thịnh, thì ta cần phải cải-lương hương-tục, để trừ bỏ những tục-lệ phiền-phí, phong-hóa suy-đồi, chấn-chỉnh công-thương, mở mang học-thuật, thì dân lòng mới được duy-tân, để chen chân cùng thế giới.

Cái sự-nghiệp ấy, cái nghĩa-vụ ấy, những người có trách-nhiệm cùng quốc-dân nhớ ơn nước, ăn lộc nước, há chẳng hồi tâm mà nghĩ lại, để ra tay gánh vác mà làm cho làng cho nước được nhờ hay sao?

Ngày nay nhờ ơn Bảo-hộ đem hạt văn-minh mà gieo khắp trên đất Việt-Nam, rung chuông cảnh-tỉnh mà đánh thức hồn người Hồng-Lạc, để cho người nước mình được mở mặt cùng càn-khôn vũ-trụ, mà khỏi thẹn tiếng con liên cháu rồng; qui-quốc còn có lòng đoái thương đến ta như thế, thì ta há lại cứ ngồi khoanh tay mà thủ-cựu, nằm yên giấc mà chờ thời, đành giữ cái phong-tục hủ-lậu mãi, mà không chịu thay đổi theo người, thì há chẳng thẹn lắm ru? Hóa-công ôi! biết bao giờ cho người Việt-Nam thoát vòng hủ-bại, biết tỉnh-ngộ lại, mà theo chân nối gót cùng người!

Mười năm nay, ký-giả đã nhiều phen đến nơi thôn-giã, thân-cận cùng kẻ cùng-đinh, nhờ những dịp ấy mà kinh-lịch khảo-sát được đôi chút nhân-tình thế-thái trong chốn hương-thôn, mà ta càng trông thấy lại càng thương-tâm! Than ôi! cũng là một dân-tộc trong thế-giới, cũng hình-thể, cũng tâm hồn như ai, mà sao hóa-công nỡ để người Việt-Nam nhiều người khổ-sở lầm-than, khá thương thay! Những cái bi-trạng ấy xét ra lỗi ở ta, mà chẳng phải ở trời vậy.

Những người có thế-lực, có chức-phận trong nước, thật đáng chịu một phần trách-nhiệm lớn cùng quốc-dân.

Vì các lẽ ấy, nên ký-giả xin đem chút nhiệt-tâm mà hiến cho quốc-dân — sau này sẽ xin in riêng ra để phát-hành) — một bản sổ cải-lương hương-tục mà ký-giả đã châm-chước phong-tục các xã dân mà nghĩ thảo ra, và đã xin làm cho những xã trong hạt ký-giả; cái sổ này tưởng cũng có lẽ giúp được đôi chút cho những người có nhiệt-tâm về việc này, cho chóng thành công-hiệu, ký-giả rất là mong mỏi; may ra mà còn có người yêu làng, yêu nước, mà làm thì cũng hay, bằng không may mà không ai lưu-tâm đến nữa, thì ký-giả cũng thỏa lòng, vì đã làm được một việc nghĩa-vụ cần kíp cho quốc-dân; cái thì giờ khảo-cứu khó nhọc ấy, tưởng cũng không lấy gì làm đáng tiếc (1).

HOÀNG HỮU-ĐỒN
Tri-huyện Bình-lục (Hà-nam)

(1) Kỳ sau bản-chí sẽ đăng cái sổ cải-lương hương-tục của quan huyện Hoàng.

II

Đang buổi cái ánh sáng của ngọn đuốc văn-minh bên Âu-Mỹ chiếu sang cõi Á-đông, lại thêm báo-trương cổ-động, quốc-dân ta phần nhiều đang như mơ-màng trong giấc ngủ hôn-trầm, đã biết bừng hai con mắt giậy, rồi trông trước nhìn sau, ngắm lên coi xuống, xem người rồi lại nghĩ đến mình, thấy một giầy một mỏng khác nhau xa vậy. Từ đấy những người gọi là có tâm-trí ai nấy cũng muốn nhiệt-thành cải-lương trong mọi việc. Việc học, việc hương-chính, việc công-nghệ, việc nông-tang, việc bán buôn, thậm-chí cả cách ăn-mặc chơi-bời. Trong các việc cải-lương quan-trọng thì việc học đứng đầu, nhưng cải-lương việc ấy đã có chánh-phủ và duy Chánh-phủ mới có quyền ; kế đến cải-lương hương-chính thì phải ở ý-chí quốc-dân ta, Chánh-phủ không muốn cưỡng bắt, bởi thế việc không đáng khó mà thành ra khó nhất. Mà khó thực, vì nhiều người cứ lấy nê câu «*phép vua thua lệ làng*».

Các tay chính-trị, các nhà làm báo cũng cho việc ấy không phải là việc dễ, nên thường nghị-luận ở báo-trương, cái vấn-đề cải-lương hương-tục đã làm tổn mất bao nhiêu giấy mực rồi, nếu tôi lại dự bàn, thật là vô-ích vậy.

Nay muốn cho việc cải-lương hương-chính một ngày một bành-trướng, tưởng nên kể những làng nhờ cái ánh sáng văn-minh và tiếng chuông cảnh-tỉnh đã biết sửa đổi tục dân.

Ở Bắc-kỳ đã có nhiều làng cải-lương hương-lệ, như làng Đông-ngạc tỉnh Hà-đông, làng Bộ-la tỉnh Thái-bình, làng Hiền-lương tỉnh Phú-thọ, và làng Phù-xá-đoài tỉnh Phúc-yên, những làng ấy mà cải-lương được, cũng nhờ bọn thượng-lưu trong thôn-xã, là đám quan-trường, hay bọn cựu-học, và đã mượn báo-trương mà đem công-bố cho đồng-bào biết để làm gương.

Duy có một làng đã biết sửa-sang tục-lệ đã lâu, mà không mấy người biết đến, làng ấy là làng gì ? là làng Lưỡng-quán, huyện Yên-lạc, tỉnh Vĩnh-yên. Nói đến làng ấy không những làm vẻ-vang cho người thủ-xướng lên việc sửa sang hương-lệ là ông Nguyễn Văn-Hịch mà làm vẻ-vang cả cho bọn tân-học nữa, vì Nguyễn-quân là người trong đám tân-học, hiện sung chức thông-phán thượng-hạng sở Bưu-chính và Điện-báo tại Hà-nội

Những người xưa nay bảo đi học chữ Pháp chỉ cốt để kiếm tiền, từ nay phải tắc lưỡi, mà những người nào trong tân-học quả có cái chí xuất như thế, há chẳng nên thẹn với Nguyễn-quân ru ?

Trên kia tôi đã nói việc cải-lương hương-chính không phải là việc dễ, thế mà Nguyễn-quân làm được, đủ biết Nguyễn-quân không phải là người tầm-thường vậy. Lúc khởi-xướng lên việc công-ích xiết bao sự khó-khăn, khuyến-khích một bọn người như bọn kỳ-mục trong dân tưởng chẳng dễ, không những phải dùng đến mưu-trí, lại phải dùng đến cả tiền-tài, thế mà bởi lòng nhiệt-thành, tinh kiên-nhẫn và lòng vị-nghĩa của ông, các việc khó-khăn đều phải tiêu-tán ; nào thế đã xong, sau lại phải bọn hạ-lưu ở làng vì lòng ích-kỷ khởi lên, làm ngăn-trở việc cải-lương, chúng dùng đến cả những cách phản-đối vũ-phu hèn-hạ phạm đến danh-giá và sinh-mệnh ông, nhưng ông khéo biết dùng mưu-mô tuyệt-diệu khiến cho hết thảy phục-tòng.

Đến nay công ông đã thành, năm-mươi-hai điều-lệ của ông soạn đã thi-hành, thực là vẻ-vang cho ông vậy. Nghe đâu mới rồi quan Công-sứ Vĩnh-yên có cho mời ông về để hỏi-han sự-thể và bảo lục-sao các điều-lệ cùng sổ-sách để làm phương-châm cho các làng khác.

Nhân mới rồi tôi được gặp Nguyễn-quân trên xe lửa, lại nhân có một người hỏi chuyện, nên Nguyễn-quân mới nói đầu đuôi cho nghe, nay thuật lại mục-đích để giúp một phần vào sự khuyến-khích cải-lương hương-tục, chớ không phải ý riêng để ca-tụng công ông vậy.

NGUYỆT-THÀNH

Giới-thiệu sách mới. — *Nam-học-hán-văn-khóa-bản* 南學漢文課本. NGUYỄN CAN MỘNG, Phó-Bảng Giáo-thụ trường Bảo-hộ soạn. Giá 0$ 30.— Chữ nho ngày nay người nông-nỗi coi ra thời tự-hồ như vô-túc khinh-trọng, song nghĩ cho chín thời bao nhiêu quốc-hồn quốc-túy đều ở cả trong. Xem như văn-tự văn-khế, bia khoán đối phá, những cái để cho ta xét lại được dấu tích của tiên-nhân ta đều là ở chữ nho tất cả. Ta còn cần phải học chữ nho lắm, vì có biết chữ nho mới làm văn quốc-ngữ hay được, mới xem sách quốc-ngữ hiểu được, mới tra-cứu mọi điều hay sự tốt của tổ-tiên để lại được. Nhà nước Bảo-hộ

khai-hóa cho ta cũng không muốn cho ta ra người vong-bản, nên trong chương-trình các trường có dậy học chữ nho. Ông Nguyễn Can-Mộng mới soạn quyển sách dậy chữ nho này theo lối Pháp chia ra từng khóa (*leçon*) một, trên thời tiếng một (*mot*), dưới lại đặt thành câu (*phrase*), cho người mới học lợi-dụng ngay được những chữ đã học ; quyển này cộng 83 bài, 59 trang, mỗi chữ nho lại chua âm và nghĩa bằng quốc-ngữ, rồi lại đối sang chữ tây. Kể ra quyển sách làm cũng khéo. Hội-đồng Học-chính đã duyệt-y cho các trường học rồi. Ta cũng vui lòng mà giới-thiệu cho mọi cậu học-trò mới nhập-môn hán-tự lần đầu vậy.

MAN-CHÂU

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Quan danh-dự Hội-trưởng Marty về nghỉ bên Đại-Pháp. — Quan cai-trị L. MARTY danh-dự Hội-trưởng Hội ta, ngày 8 Juin đã xuống tàu *Le Général* về nghỉ bên Đại-Pháp. Ngài là một người rất có công với Hội ta, Hội thành-lập được thật là nhờ một tay ngài. Hồi bấy giờ quan SARRAUT đương làm Toàn-quyền Đông-Pháp, muốn thi-hành cho rộng cái chính-sách khai-hóa trong quốc-dân Annam, Quan MARTY thường giao-tiếp với những người danh-giá trong bọn thượng-lưu ta, bèn bàn xin lập một Hội để thừa cái chính-sách khai-hóa ấy mà giúp cho sự khai-trí tiến-đức trong quốc-dân. Ngài vừa xướng lên cái ý đó thời nhiều người tán-thành ngay. Nhân ngài lại là một tay giúp việc thân-tín của quan SARRAUT, nên xin phép cũng được ngay. Bấy giờ đồng-nhân đều suy-cử ngài lên làm Hội-trưởng, ngài cố từ-chối, nói rằng Hội Annam phải để người Annam đứng đầu, ngài giúp Hội là vì bụng công-ích, không phải vị danh-dự riêng ; song các ông sáng-lập nói mãi ngài phải nhận vậy. Trong năm đầu làm Hội-trưởng, một tay ngài cáng-đáng mọi việc, tuy việc quan bận mà thường xem-xét đến việc Hội luôn, cố vận-động cho Hội thành cơ-sở vững-vàng : tới năm nay ngài mới nhường chức Hội-trưởng cho quan Tổng-đốc Hoàng. Nay nhân ngài về nghỉ bên Quí-quốc, tòa trị-sự có nhờ ngài tới Paris diện-ngộ quan Thượng-thư SARRAUT để báo-cáo cho ngài biết tình-hình cùng công việc Hội. Chừng cuối năm nay thời quan MARTY lại trở lại Đông-Pháp. Bản-hội có lời mừng ngài nghỉ bên qui-quốc được bình-yên mạnh-khỏe vậy.

Việc Hội trong tháng mới qua. — Chiếu theo lời quyết-nghị của Hội-đồng, tòa trị-sự đã trích trong số tiền thu được về hai cuộc diễn-kịch tháng trước lấy hai khoản, một khoản 1500$ để nộp quan Thống-sứ Bắc-kỳ nhờ ngài gửi quyên vào Hội « Kỷ-niệm Đông-Pháp » (*Œuvre du Souvenir Indochinois*), một khoản 500$ để quyên vào nhà Phúc-đường của Bà Phước Antoine ở Thái-hà-ấp.

— Cạnh đất nhà Thư-viện cũ ở phố Hàng Trống của phủ Thống-sứ đã nhường cho Hội ta, còn có một cái đất rộng nữa, ráp đền vua Lê, nguyên là đất tịch-ký của người Đức, bây giờ là công-thổ của Chánh-phủ Đông-Pháp. Hội ta có ý muốn xin cái đất ấy để làm vườn cho nhà Hội-quán và sau này có thể xây rộng thêm ra được. Quan Chánh-Hội-trưởng có viết thư trình quan Toàn-quyền về việc đó, thời quan Toàn-quyền đã trả lời (thư ngày 30 Mai, số 798F), nói rằng ngài đã chấp đơn của Hội và làm-thời sẽ lưu-ý.

— Theo điều thứ 5 trong tờ giao-kèo ngày 29 Mai 1920, thời Hội muốn xây nhà ở cái đất nhà Thư-viện cũ phải trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ xét bản đồ trước. Hội đã gửi cái bản-đồ được giải nhất là bản của ông Đỗ văn-Y, lên trình phủ Thống-sứ thời quan Thống-sứ đã duyệt-y rồi. Trong tháng Juillet Hội sẽ họp hội-đồng để bàn về việc khởi công dựng nhà. Tháng trước đã có cáo-bạch đấu giá bán những vật-liệu nhà Thư-viện cũ, nhưng không có ai mua cả, nay định để sáp-nhập luôn vào việc đấu-giá xây nhà nhân thể.

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng Juillet, có những ông kê tên sau này gửi đơn xin vào chân chủ-trì, hạn hai tháng trong các hội-viên ông nào có điều gì dị-nghị hoặc phản-đối về ai xin viết thư về cho Hội.

1 — Chu-Tam Duy, buôn-bán ở Phủ Từ-sơn Bắc-ninh.

2 — Dương-Tự-Nhu, Tri-huyện Âu-thi, Hưng-yên.

3 — Lê Nguyên-Ức, làm việc ở nhà báo Trung-bắc-tân-văn, Hà-nội (1)

4 — Mai-Huy-Hội, làm việc ở nhà báo Trung-bắc-tân-văn, Hà-nội. (1)

5 — Nguyễn Ngọc, fournisseur, Dalat (Annam)

6 — Vũ-Bội-Hoàng, hậu-tuyển tri-huyện, trợ-tá huyện Gia-lâm (Bắc-ninh).

7 — Vũ-Cầu, buôn-bán, 100 Rue Maréchal Pétain, Hà-nội. (1)

— Ông Đinh Tiến-Quí, secrétaire à là Compagnie du Yunnan, Hanoi, xin vào châu thường-hội-viên.

* * *

— Khẩn-cáo. — Các ngài hội-viên có ký tên quyên tiền giúp về việc dựng nhà hội-quán xin kíp gửi về nộp cho ông Thủ-quĩ Hội là ông Lê Văn-Phúc, 14-16 Rue du Coton.

Ngài nào kỳ hội-đồng trước vắng mặt chưa kịp quyên mà nay muốn quyên giúp cho Hội, xin cũng cứ gửi tiền thẳng về cho ông Lê-Văn-Phúc thâu-nhận.

XỬ-THẾ CÁCH-NGÔN

Lập-chí

1 — Học trước phải lập-chí ; chí đã lập thời sự học-vấn mới lần-lượt ra công được. Lập-chí không định, sau không thành việc gì. Theo tự ngày nay làm đầu, tùy xứ đề-khởi, tùy xứ thu-thập, tùy xứ thẻ-cứu, tùy xứ thảo-luận, thời mỗi ngày thêm một chút, mỗi tháng thêm một từng, tự-nhiên thuần-thục, tự-nhiên quang-minh. (Chu-tử).

2 — Đại-phàm lập-thân hành-kỷ, cốt tự lúc đầu lập-cước, phải cho vững-vàng, không thể lay-chuyển được, về sau càng lâu càng bền, dẫu tử-sinh họa-phúc cũng không thể đoạt được. (Chu-tử).

3 — Người có chí về sự học, bất-luận khí-chất tốt hay xấu, chỉ xem cái chí thế nào, dẫu người sất-phu mà có cái chí vững-vàng, thời lo gì học không kiên-dũng. (Trương Hoành-Cừ).

4 — Người đi học như trèo cái núi cao ; khi hãy còn ở ria núi thời chân bước vẫn còn mau lắm, khi tới chỗ cao thường phải dừng lại ; đến đấy mới cần phải cương-quyết quả-cảm mà tiến lên. (Trình Y-Xuyên).

5 — Học chỉ ở lập-chí mà thôi. Chí đã phóng-đảo, trăm điều không gì thành. Như đêm ngồi đọc sách, nếu chí lập vững-vàng, thời không buồn ngủ, nếu chí đã phóng-đảo, thời buồn ngủ ngay, cũng một mình, có phải hai người khác đâu. Chí ví như cái gốc cây, gốc cây có vững, thời mới có thể tài-bồi tầm-tưới. Phàm học-vấn chẳng qua là một cách tầm-tưới tài-bồi ; nếu gốc đã không vững thời còn tài-bồi tầm-tưới vào đâu ? (Từ Tồn-trai).

6 — Lập-chí chỉ là lập cái chí làm thiện không làm ác, theo chính không theo tà. (Lưu Dung-trai).

7 — Người ta nên tự-tín tự-thủ. Phàm điều nghĩa nên làm, sức thể làm, bụng muốn làm, mà thân-hữu vẫn-hồi, thê-nô khuyến-chỉ được, thế là người vô-chí. (La Cận-Khê).

8 — Chí không lập, thiên-hạ không có việc gì thành được. Dẫu đến bách-công kỹ-nghệ, cũng không có gì là không gốc ở chí. Chí không lập như cái thuyền không lái, con ngựa không cương, lông-bông chạy cuồng, biết đi vào đâu.

---

(1) Ông này trước đã xin vào thường-hội-viên, nay xin đổi vào chân chủ-trì.

Người đời xưa có nói rằng : « Nếu làm thiện mà cha mẹ giận, anh em oán, tôn-tộc hương-đảng ghét, như thế mà không làm thiện còn được ; nhưng làm thiện thời cha mẹ yêu, anh em vui, tôn-tộc hương-đảng tin-mến, thời khổ gì mà không làm thiện. Nếu làm ác mà cha mẹ yêu, anh em vui, tôn-tộc hương-đảng tin mến-như thế mà làm ác còn được ; nhưng làm ác thời cha mẹ giận, anh em oán, tôn, tộc hương-đảng khinh ghét, thời khổ gì mà cứ làm ác. » Anh em học-trò phải nhớ câu đó, cho biết phải nên lập-chí thế nào vậy. (Vương Dương-Minh).

9 — Người ta gọi lập-chí là thế nào ? Là trước phải biện-biệt cho biết việc gì là việc hay, ta xét ra nên làm, hay tất là phải làm ; việc gì là việc không hay, ta xét ra không nên làm, hay không nỡ làm. (Ngụy Thức-Tử).

10 — Người có chí-khí không chịu người ta khinh mình ; người có cốt khí không chịu người ta thương mình ; người có huyết-tính không chịu kém người; người có chí-tính không chịu khí người. (Lục Thanh-Hiến).

11 — Làm người không nên có *ngạo-thái*, nhưng không nên không có *ngạo-cốt*. Có ngạo-thái thời khiến người ta ghét, bỉ, chê, cười ; có ngạo-cốt thời phàm việc gì không có ti-ô cẩu-tiện, nhân-phẩm được chính. (Lục Thanh-Hiến).

12 — Hai chữ *khí tiết*, đó là cái đầu mối lớn của người sĩ-quân-tử lập-thân. Khí-tiết là ở tiệt hết bụng dục ; người ta có bụng dục thời không cương, ngộ-sự đồi-nhiên vậy. (Tử Mi-Vân).

13 — Kẻ học-giả phải phân-biện cho rõ điều *nghĩa* điều *lợi*, như cầm con dao chặt đôi ra vậy. Trong thiên-hạ còn có sự gì to hơn sự sống chết ru ? Đã coi sống chết như sớm chiều, thời còn có gì khiên-luyến mình được nữa. (Thang Văn-Chính).

14 — Nhân-sinh làm lợi, nói cho cùng chẳng qua là sợ đói chết. Đứa ăn mày ví còn chí-khí, người ta cho cái của bất-nghĩa, tơ-hào cũng không lấy, trông thấy đói chết, đói mà không chết. (Thang Văn-Chính).

Mua báo đồng-niên hết hạn

Ngài nào mua báo đồng-niên từ số 25 thời đến số 36 này là hết hạn ; nếu bản-quán không nhận được giấy thôi mua, thời theo lệ thường cứ gởi luôn năm nữa ; trong một vài tháng xin các ngài gởi tiền về trả cho. Xin đề tên ông Lê Văn-Phúc thâu-nhận.